

Số: 682 /QĐ-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính các lĩnh vực mới  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

**BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

*Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 08 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính các lĩnh vực mới thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, gồm:

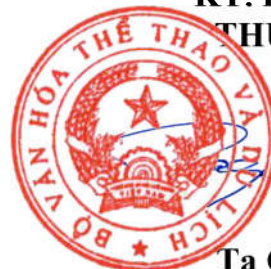
- Lĩnh vực Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Phụ lục 1);
- Lĩnh vực Báo chí (Phụ lục 2);
- Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành (Phụ lục 3);
- Lĩnh vực Thông tin đối ngoại (Phụ lục 4);
- Lĩnh vực Xuất khẩu hàng hóa (Phụ lục 5).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các Cục, Vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thủ trưởng;
- UBND các tỉnh/TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, VP, Tài.100.



**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Tạ Quang Đông**

**Phụ lục 1**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC**  
**PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVHTTDL ngày tháng 3 năm 2025  
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
<b>I</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG</b>		
1.	1.002790	Cấp giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình	Cục PTTH&TTĐT
2.	2.001743	Cấp đổi giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình	Cục PTTH&TTĐT
3.	1.004098	Thay đổi tôn chỉ, mục đích hoạt động báo chí, tôn chỉ, mục đích kênh phát thanh, kênh truyền hình quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình	Cục PTTH&TTĐT
4.	1.004093	Thay đổi thời lượng phát sóng, thời lượng chương trình tự sản xuất của kênh phát thanh, kênh truyền hình quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình	Cục PTTH&TTĐT
5.	1.004085	Thay đổi tên gọi cơ quan chủ quản báo chí; tên gọi cơ quan báo chí; tên gọi kênh phát thanh, kênh truyền hình; địa điểm phát sóng; địa điểm trụ sở gắn với trung tâm tổng khống chế; phương thức truyền dẫn, phát sóng quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình	Cục PTTH&TTĐT
6.	1.004078	Thay đổi biểu tượng kênh phát thanh, kênh truyền hình và những nội dung khác quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình	Cục PTTH&TTĐT
7.	2.001082	Cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Cục PTTH&TTĐT
8.	1.002769	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Cục PTTH&TTĐT
9.	2.001789	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Cục PTTH&TTĐT
10.	2.001106	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Cục PTTH&TTĐT

<b>STT</b>	<b>Mã số TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
11.	2.002181	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Cục PTTH&TTĐT
12.	2.001168	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Cục PTTH&TTĐT
13.	2.001169	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Cục PTTH&TTĐT
14.	2.001167	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Cục PTTH&TTĐT
15.	2.001677	Cấp quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng.	Cục PTTH&TTĐT
16.	1.002019	Sửa đổi, bổ sung quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng	Cục PTTH&TTĐT
17.	1.002011	Cấp lại quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng	Cục PTTH&TTĐT
18.	1.004330	Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Cục PTTH&TTĐT
19.	1.004321	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Cục PTTH&TTĐT
20.	1.004233	Gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Cục PTTH&TTĐT
21.	1.004230	Cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Cục PTTH&TTĐT
22.	1.004266	Cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước	Cục PTTH&TTĐT
23.	1.002135	Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước	Cục PTTH&TTĐT
24.	1.004213	Cấp lại Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước	Cục PTTH&TTĐT
25.	1.000848	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Cục PTTH&TTĐT
26.	1.000836	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Cục PTTH&TTĐT
27.	1.002008	Cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Cục PTTH&TTĐT

<b>STT</b>	<b>Mã số TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
28.	1.000030	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Cục PTTH&TTĐT
29.	1.004231	Cấp lại Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.	Cục PTTH&TTĐT
30.	1.000819	Cấp giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Cục PTTH&TTĐT
31.	1.000805	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Cục PTTH&TTĐT
32.	1.002044	Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	Cục PTTH&TTĐT
33.	1.002029	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	Cục PTTH&TTĐT
34.	1.004255	Cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	Cục PTTH&TTĐT
35.	1.004250	Gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	Cục PTTH&TTĐT
36.	1.004104	Công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình	Cục PTTH&TTĐT
37.	1.010839	Thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới tại Việt Nam	Cục PTTH&TTĐT
38.	2.002733	Thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam	Cục PTTH&TTĐT
39.	2.002734	Thông báo thông tin liên hệ của tài khoản mạng xã hội/trang cộng đồng/kênh nội dung/nhóm cộng đồng của cơ quan báo chí	Cục PTTH&TTĐT
40.	2.002735	Cấp giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Cục PTTH&TTĐT
41.	2.002736	Sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Cục PTTH&TTĐT
42.	2.002737	Cấp lại giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Cục PTTH&TTĐT

<b>STT</b>	<b>Mã số TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
<b>II</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>		
1.	2.001765	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Sở VH TTDL/ Sở VH TT
2.	1.003384	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Sở VH TTDL/ Sở VH TT
3.	2.001098	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Sở VH TTDL/ Sở VH TT
4.	1.005452	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Sở VH TTDL/ Sở VH TT
5.	2.001091	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Sở VH TTDL/ Sở VH TT
6.	2.001087	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Sở VH TTDL/ Sở VH TT
7.	1.002001	Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	Sở VH TTDL/ Sở VH TT
8.	1.001976	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	Sở VH TTDL/ Sở VH TT
9.	2.002738	Gia hạn giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	Sở VH TTDL/ Sở VH TT
10.	1.001988	Cấp lại Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	Sở VH TTDL/ Sở VH TT
11.	1.004508	Cấp giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Sở VH TTDL/ Sở VH TT
12.	2.002739	Sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	Sở VH TTDL/ Sở VH TT
13.	2.002740	Cấp lại giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	Sở VH TTDL/ Sở VH TT

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
<b>III</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN</b>		
1.	2.001885	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	UBND cấp huyện
2.	2.001884	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	UBND cấp huyện
3.	2.001880	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	UBND cấp huyện
4.	2.001786	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	UBND cấp huyện

## PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

### I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

#### 1. Thủ tục cấp giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình

##### *a) Trình tự thực hiện*

- Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình nộp 01 (một) bộ hồ sơ về Bộ VH TTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

- Trong thời hạn tối đa 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ VH TTDL xem xét cấp phép cho cơ quan, tổ chức. Trường hợp từ chối, Bộ VH TTDL có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

- Đối với hồ sơ chưa đáp ứng đủ điều kiện, Bộ VH TTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản thông báo cho cơ quan, tổ chức về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ.

- Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm nộp hồ sơ bổ sung, giải trình cho Bộ VH TTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) theo nội dung yêu cầu trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ghi trên văn bản thông báo.

- Trong thời hạn quy định, nếu cơ quan, tổ chức không nộp hồ sơ bổ sung, Bộ VH TTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) chấm dứt việc xử lý hồ sơ. Việc tiếp nhận hồ sơ sau khi hết hạn nộp bổ sung được xem xét như tiếp nhận hồ sơ mới.

- Trường hợp đề nghị cấp phép hoạt động cả 02 loại hình báo nói, báo hình, cơ quan chủ quản phải làm hồ sơ riêng đối với từng loại hình báo chí cụ thể. Cơ quan báo in, báo điện tử khi có nhu cầu thực hiện loại hình báo nói, báo hình, căn cứ quy định của Luật Báo chí, cơ quan chủ quản gửi hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định của Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016, Thông tư số 24/2024/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

*b) Cách thức thực hiện:* Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

##### *c) Thành phần, số lượng hồ sơ:*

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản;

(2) Tờ khai của cơ quan chủ quản đề nghị cấp giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016);

(3) Đề án thành lập tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình được cơ quan chủ quản phê duyệt (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016);

(4) Danh sách nhân sự dự kiến (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016);

(5) Các giấy tờ hợp pháp của người dự kiến là người đứng đầu cơ quan, tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình, gồm có:

+ Sơ yếu lý lịch (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2024);

+ Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp đại học trở lên;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** Tối đa 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Cơ quan, tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Các mẫu văn bản ban hành kèm theo Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 24/2024/TT-BTTTT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tờ khai của cơ quan chủ quản đề nghị cấp giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình (Mẫu số 01 Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016);

- Đề án thành lập tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình được cơ quan chủ quản phê duyệt (Mẫu số 2 Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016);

- Danh sách nhân sự dự kiến (Mẫu số 3 Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016);

- Sơ yếu lý lịch (Mẫu số 01 Thông tư số 24/2024/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép hoạt động phát thanh/Giấy phép hoạt động truyền hình.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:**

- Xác định loại hình báo chí; tôn chỉ, mục đích phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ quản; đối tượng phục vụ; chương trình, thời gian, thời lượng, phương thức truyền dẫn, phát sóng.

- Có phương án về tổ chức và nhân sự bảo đảm hoạt động của cơ quan báo chí; có người đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 của Luật Báo chí để đảm nhiệm chức vụ người đứng đầu cơ quan báo chí.

- Có tên và biểu tượng kênh phát thanh, kênh truyền hình; tên và hình thức trình bày tên chuyên trang của báo điện tử.



- Có trụ sở và các Điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật; phương án tài chính; có các giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; phải có phương án, kế hoạch thuê hoặc sử dụng hạ tầng truyền dẫn, phát sóng.

- Phù hợp với quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Sau khi được cấp giấy phép hoạt động báo chí, cơ quan chủ quản báo chí ra quyết định thành lập cơ quan báo chí và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- 09 tháng đối với báo nói, báo hình, kể từ ngày giấy phép hoạt động báo chí có hiệu lực, nếu cơ quan báo chí không được thành lập hoặc không có sản phẩm báo chí thì giấy phép hết hiệu lực. Bộ VH TTDL ra quyết định thu hồi giấy phép.

- Chậm nhất là 30 ngày trước ngày dự kiến chấm dứt hoạt động, cơ quan báo chí phải thông báo bằng văn bản cho Bộ VH TTDL để thu hồi giấy phép hoạt động báo chí và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

#### ***l) Căn cứ pháp lý:***

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về việc cấp phép hoạt động và chế độ báo cáo đối với loại hình báo nói, báo hình;

- Thông tư số 24/2024/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về việc cấp phép hoạt động và chế độ báo cáo đối với loại hình báo nói, báo hình và Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.

**Mẫu số 1**

*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016  
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông*

**TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....., ngày... tháng.....năm...*

**TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP  
HOẠT ĐỘNG PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

**1. Tên cơ quan chủ quản :**.....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại: .....

- Fax: .....

**2. Mục đích hoạt động báo chí:** .....

**3. Tên gọi tổ chức hoạt động phát thanh/truyền hình:**

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Điện thoại: .....

- Fax: .....

**4. Biểu tượng của tổ chức hoạt động phát thanh/truyền hình:**

**5. Nội dung đề nghị cấp phép:**

5.1. Lĩnh vực hoạt động (*nêu rõ phát thanh hoặc truyền hình*): .....

5.2. Tên kênh phát thanh/truyền hình(*kênh chương trình đầu tiên gắn với sự ra đời của tổ chức hoạt động phát thanh/truyền hình*):.....

5.3. Biểu tượng của kênh phát thanh/truyền hình: .....

5.4. Tôn chỉ, mục đích của kênh phát thanh/truyền hình: .....

5.5. Ngôn ngữ thể hiện: .....

5.6. Đối tượng phục vụ: .....

- 5.7. Thời gian phát sóng (từ ..... giờ đến ..... giờ):.....
- 5.8. Thời lượng phát sóng (Số giờ/ngày): .....
- 5.9. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày:
- Phát lần 1 (phát mới):.....
  - Phát lại: .....
- 5.10. Thời lượng chương trình phát lần 1 (phát mới) trong một ngày:.....
- 5.11. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ ngày	Trong 01 tháng
1						
2						
3						
4						
5						

5.12. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Độ phân giải hình ảnh kênh chương trình truyền hình: (Đánh dấu  vào ô phù hợp)

SDTV

HDTV

Khác

(Ghi rõ độ phân giải hình ảnh nếu chọn "khác") .....

- Âm thanh kênh chương trình phát thanh: (Đánh dấu  vào ô phù hợp)

Mono

Stereo

Khác

(Ghi rõ định dạng âm thanh nếu chọn "khác").....

5.13. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

Nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình hoàn toàn giống nhau khi phát sóng trên các định dạng kỹ thuật tại khoản 5.12.

**6. Địa điểm sản xuất kênh chương trình:.....**

**7. Quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh chương trình:**

.....

**8. Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình:.....**

**9. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh/ truyền hình:** (Đánh dấu  vào ô trống phù hợp)

Quảng bá

Trả tiền

**10. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình:** (Đánh dấu  vào ô trống phù hợp)

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV

Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh

Dịch vụ truyền hình di động

Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet

Khác

.....(Ghi rõ trong trường hợp điền "khác").....

**11. Kinh phí hoạt động:**

- Kinh phí đầu tư ban đầu: .....

- Kinh phí hoạt động thường xuyên: .....

+ Năm 1: .....

+ Năm 2: .....

**12. Lãnh đạo tổ chức hoạt động phát thanh/truyền hình (dự kiến):**

12.1. Tổng giám đốc/Giám đốc/Tổng biên tập: .....

12.2. Phó Tổng giám đốc/Phó Giám đốc/Phó tổng biên tập: .....

**13. Các nội dung khác (nếu có)**

**14. Cam kết:**

(Tên tổ chức) cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung trong Tờ khai đề nghị cấp giấy phép hoạt động phát thanh/truyền hình và các tài liệu kèm theo; thực hiện đúng quy định của pháp luật về báo chí, quy định của pháp luật có liên quan và các nội dung ghi trong giấy phép nếu được cấp phép./.

**Người đứng đầu cơ quan chủ quản**  
**đề nghị cấp phép**  
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được khai tùy thuộc vào tình trường hợp cụ thể.

**Mẫu số 2**

*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016  
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông*

**TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ ÁN****THÀNH LẬP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH****I. Sự cần thiết, cơ sở pháp lý****II. Nội dung đề án****1. Thông tin về tổ chức hoạt động phát thanh/truyền hình:**

- Tên gọi, Biểu tượng, Mục đích hoạt động báo chí của tổ chức hoạt động phát thanh/truyền hình.

2. Thông tin về kênh phát thanh/truyền hình đầu tiên gắn liền với giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình:

- Tên gọi, biểu tượng, tôn chỉ, mục đích, ngôn ngữ thể hiện, đối tượng khán giả của kênh phát thanh/truyền hình;

- Nội dung chương trình; thời gian phát sóng; thời lượng phát sóng; thời lượng chương trình tự sản xuất phát mới trung bình/ngày; đặc điểm kỹ thuật của kênh phát thanh/truyền hình (độ phân giải hình ảnh của kênh truyền hình; âm thanh của kênh phát thanh); cấu tạo khung chương trình cơ bản; khung phát sóng dự kiến trong 01 (một) tháng của kênh chương trình đó.

**3. Thông tin về năng lực sản xuất kênh phát thanh/truyền hình:**

- Phương án về tổ chức và nhân sự bảo đảm hoạt động của cơ quan báo chí; có người đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 của Luật Báo chí để đảm nhiệm chức vụ người đứng đầu cơ quan báo chí;

- Phương án về trụ sở và các điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật (Địa điểm sản xuất kênh chương trình; Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình, trang thiết bị kỹ thuật,...);

- Phương án tài chính (thể hiện bằng dự toán kinh phí hoạt động trong hai (02) năm của tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình và nguồn lực tài chính đáp ứng được dự toán kinh phí này).

- Quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh *phát thanh/truyền hình*.
- Giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn, an ninh thông tin;
- Phương án, kế hoạch thuê hoặc sử dụng hạ tầng truyền dẫn, phát sóng.
- Phương án, kế hoạch kỹ thuật phân phối kênh *phát thanh/truyền hình* đến các đơn vị cung cấp dịch vụ *phát thanh/truyền hình*.

4. Các nội dung khác (*nếu có*)

**III. Hiệu quả xã hội, hiệu quả kinh tế**

**IV. Kết luận**

*Người đứng đầu cơ quan chủ quản  
đề nghị cấp phép  
(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu số 3**

Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016  
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông

**TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN**  
**TÊN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG**  
**PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH TỔNG HỢP NHÂN SỰ DỰ KIẾN CỦA TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH**

**I. LÃNH ĐẠO VÀ PHỤ TRÁCH CÁC PHÒNG, BAN NGHIỆP VỤ**

TT	Họ và tên	Chức vụ <sup>1</sup>	Chức danh <sup>2</sup>	Giới tính (Nam/nữ)	Năm sinh	Dân tộc	Trình độ chuyên môn báo chí/ khác <sup>3</sup>	Trình độ lý luận chính trị <sup>4</sup>	Trình độ ngoại ngữ	Đảng viên	Năm vào ngành báo chí	Điện thoại liên lạc	
												Cơ quan	Di động
1													
2													
...													

**II. PHÒNG VIÊN, BIÊN TẬP VIÊN,...**

TT	Họ và tên	Chức danh <sup>2</sup>	Giới tính (Nam/nữ)	Năm sinh	Dân tộc	Trình độ chuyên môn báo chí/ khác <sup>3</sup>	Trình độ lý luận chính trị <sup>4</sup>	Trình độ ngoại ngữ	Đảng viên	Năm vào ngành báo chí	Điện thoại liên lạc	
											Cơ quan	Di động
1												
2												
...												

**Người đứng đầu cơ quan chủ quản**  
(ký tên, đóng dấu)

**Chú thích:**

<sup>1</sup> Chức vụ: Tổng biên tập, Phó Tổng Biên tập, Trưởng phòng ...

<sup>2</sup> Chức danh: Phòng viên (PV); Biên tập viên (BTV);...

<sup>3</sup> Trình độ chuyên môn báo chí/khác: Sau đại học ( SĐH); Đại học (ĐH); Dưới đại học (DĐH) (lưu ý: ghi rõ chuyên ngành đào tạo); khác (K)

<sup>4</sup> Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp (CC); cử nhân (CN); trung cấp (T/C); sơ cấp (SC)

*Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được khai tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể.*

**Mẫu số 01**

*Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BTTTT ngày 31 háng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh 3x4  
đóng dấu  
giáp lai

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**  
**NGƯỜI DỰ KIẾN LÀ NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU TỔ CHỨC**  
**HOẠT ĐỘNG PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH**

1. Họ và tên khai sinh (*chữ in*): ..... Nam, nữ: .....
2. Họ và tên thường dùng: .....
3. Ngày, tháng, năm sinh: .....
4. Quê quán: .....
5. Địa chỉ thường trú: .....
6. Nơi ở hiện nay: .....
7. CCCD/Thẻ CC số: .....Cấp ngày:../.../.....Tại:.....
8. Dân tộc: ..... Tôn giáo: .....
9. Quốc tịch: .....
10. Đảng viên/Đoàn viên: .....
11. Trình độ Chuyên môn (*Đại học, Sau đại học*)
  - Trường học: .....
  - Ngành học: .....
  - Năm tốt nghiệp: (*ngày/tháng/năm*)
12. Trình độ lý luận chính trị (*cao cấp, cử nhân, trung cấp, sơ cấp*):
13. Trình độ Ngoại ngữ (Ngoại ngữ nào, trình độ A, B, C, D): .....
14. Ngày và nơi vào ngành báo chí: .....
15. Số Thẻ nhà báo còn hiệu lực:.....Ngày cấp:.....Có giá trị đến:.....
16. Bút danh (nếu có): .....
17. Chức danh báo chí hiện nay (*ghi rõ lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ*): .....

**I- QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(ghi rõ thời kỳ học, tên trường, lớp văn hóa,*



*chính trị, ngoại ngữ, chuyên môn, kỹ thuật ...)*

.....  
.....  
.....

**II- TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

*(Ghi rõ từng thời kỳ làm việc ở đâu)*

.....  
.....  
.....

**III- TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ**

*(Ghi rõ từng thời kỳ làm việc, chức danh, ở cơ quan báo chí nào)*

.....  
.....  
.....

**IV- KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

*(Hình thức cao nhất)*

.....  
.....

**V- LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan về những điều khai trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm về lời khai của mình trước cơ quan quản lý và trước pháp luật.

**Xác nhận của cơ quan chủ quản**

*Ngày tháng năm*

Thủ trưởng cơ quan chủ quản

*(Ký tên, đóng dấu)*

*Ngày tháng năm*

**Người khai ký tên**

## **2. Thủ tục cấp đổi Giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp đổi giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình nộp hồ sơ về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL).

- Bộ VHTTDL xem xét cấp đổi Giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp đổi giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình;

(2) Tờ khai của cơ quan, tổ chức (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư 36/2016/TT-BTTTT);

(3) Văn bản chấp thuận của cơ quan chủ quản đối với tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Bộ, ngành;

(5) Giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình đã được cấp.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** Tối đa 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Cơ quan, tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

### **g) Mẫu đơn, tờ khai:**

Tờ khai của cơ quan chủ quản đề nghị cấp giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư 36/2016/TT-BTTTT).

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép hoạt động phát thanh/Giấy phép hoạt động truyền hình.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

### **k) Yêu cầu, điều kiện:**

Trong thời hạn còn hiệu lực của giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình mà tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình đã được cấp theo quy định tại Thông tư số 07/2011/TT-BTTTT ngày 01 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, kể từ ngày Thông tư 36/2016/TT-BTTTT có hiệu lực, tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình thực hiện thủ tục

đề nghị cấp đổi giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình.

***l) Căn cứ pháp lý:***

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;
- Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về việc cấp phép hoạt động và chế độ báo cáo đối với loại hình báo nói, báo hình.

**Mẫu số 1**

*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông*

**TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....., ngày... tháng.....năm...*

**TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP  
HOẠT ĐỘNG PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- 1. Tên cơ quan chủ quản :**.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại: .....
- Fax: .....
- 2. Mục đích hoạt động báo chí:** .....
- .....
- 3. Tên gọi tổ chức hoạt động phát thanh/truyền hình:**
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Điện thoại: .....
- Fax: .....
- 4. Biểu tượng của tổ chức hoạt động phát thanh/truyền hình:**
- .....
- 5. Nội dung đề nghị cấp phép:**
- 5.1. Lĩnh vực hoạt động (*nêu rõ phát thanh hoặc truyền hình*): .....
- .....
- 5.2. Tên kênh phát thanh/truyền hình(*kênh chương trình đầu tiên gắn với sự ra đời của tổ chức hoạt động phát thanh/truyền hình*):.....
- .....
- 5.3. Biểu tượng của kênh *phát thanh/truyền hình*: .....
- .....
- 5.4. Tôn chỉ, mục đích của kênh *phát thanh/truyền hình*: .....
- .....
- 5.5. Ngôn ngữ thể hiện: .....
- .....
- 5.6. Đối tượng phục vụ: .....
- 5.7. Thời gian phát sóng (*từ ..... giờ đến ..... giờ*):.....
- 5.8. Thời lượng phát sóng (*Số giờ/ngày*): .....
- 5.9. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày:
- Phát lần 1 (phát mới):.....

- Phát lại: .....

5.10. Thời lượng chương trình phát lần 1 (phát mới) trong một ngày:.....

5.11. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ ngày	Trong 01 tháng
1						
2						
3						
4						
5						

5.12. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Độ phân giải hình ảnh kênh chương trình truyền hình: (Đánh dấu  vào ô phù hợp)

SDTV

HDTV

Khác

(Ghi rõ độ phân giải hình ảnh nếu chọn "khác") .....

- Âm thanh kênh chương trình phát thanh: (Đánh dấu  vào ô phù hợp)

Mono

Stereo

Khác

(Ghi rõ định dạng âm thanh nếu chọn "khác").....

5.13. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

Nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình hoàn toàn giống nhau khi phát sóng trên các định dạng kỹ thuật tại khoản 5.12.

**6. Địa điểm sản xuất kênh chương trình:**.....

**7. Quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh chương trình:**

.....

**8. Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình:**.....

**9. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh/ truyền hình:** (Đánh dấu  vào ô trống phù hợp)

Quảng bá

Trả tiền

**10. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình:** (Đánh dấu  vào ô trống phù hợp)

- Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số
- Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự
- Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số
- Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV
- Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh
- Dịch vụ truyền hình di động
- Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet
- Khác
- .....(Ghi rõ trong trường hợp điền "khác").....

**11. Kinh phí hoạt động:**

- Kinh phí đầu tư ban đầu: .....
- Kinh phí hoạt động thường xuyên: .....
- + Năm 1: .....
- + Năm 2: .....

**12. Lãnh đạo tổ chức hoạt động phát thanh/truyền hình (dự kiến):**

- 12.1. Tổng giám đốc/Giám đốc/Tổng biên tập: .....
- 12.2. Phó Tổng giám đốc/Phó Giám đốc/Phó tổng biên tập: .....

**13. Các nội dung khác (nếu có)**

**14. Cam kết:**

(Tên tổ chức) cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung trong Tờ khai đề nghị cấp giấy phép hoạt động *phát thanh/truyền hình* và các tài liệu kèm theo; thực hiện đúng quy định của pháp luật về báo chí, quy định của pháp luật có liên quan và các nội dung ghi trong giấy phép nếu được cấp phép./.

**Người đứng đầu cơ quan chủ quản  
đề nghị cấp phép**

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được khai tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

### **3. Thủ tục thay đổi tôn chỉ, mục đích hoạt động báo chí, tôn chỉ, mục đích kênh phát thanh, kênh truyền hình quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình**

#### ***a) Trình tự thực hiện***

- Cơ quan, tổ chức đề nghị thay đổi tôn chỉ, mục đích hoạt động báo chí nộp hồ sơ về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL).

- Trong thời hạn tối đa 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL xem xét cấp phép cho cơ quan, tổ chức. Trường hợp từ chối, Bộ VHTTDL có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

- Trong thời hạn xử lý cấp phép theo quy định, đối với hồ sơ chưa đáp ứng đủ điều kiện, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản thông báo cho cơ quan, tổ chức về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ.

- Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm nộp hồ sơ bổ sung, giải trình cho Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) theo nội dung yêu cầu trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ghi trên văn bản thông báo.

- Kết thúc thời hạn nộp hồ sơ bổ sung theo quy định, cơ quan, tổ chức không nộp hồ sơ bổ sung, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) chấm dứt việc xử lý hồ sơ. Việc tiếp nhận hồ sơ sau khi hết hạn nộp bổ sung được xem xét như tiếp nhận hồ sơ mới.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

#### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Bộ, ngành. Đối với Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, văn bản đề nghị phải do người đứng đầu cơ quan ký;

(2) Tờ khai của tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình (Mẫu số 6 ban hành kèm theo Thông tư 36/2016/TT-BTTTT);

(3) Báo cáo tình hình triển khai giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình kể từ ngày được cấp phép (Mẫu số 7 ban hành kèm theo Thông tư 36/2016/TT-BTTTT);

(4) Đề án của tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình thực hiện những nội dung thay đổi được cơ quan chủ quản phê duyệt (Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 36/2016/TT-BTTTT).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d) Thời hạn giải quyết:*** Tối đa 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***đ) Đối tượng thực hiện:*** Cơ quan, tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Các mẫu ban hành kèm theo Thông tư 36/2016/TT-BTTTT số 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Tờ khai của tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình (Mẫu số 6);

- Báo cáo tình hình triển khai giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình kể từ ngày được cấp phép (Mẫu số 7);

- Đề án của tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình thực hiện những nội dung thay đổi được cơ quan chủ quản phê duyệt (Mẫu số 2);

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép hoạt động phát thanh/Giấy phép hoạt động truyền hình.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về việc cấp phép hoạt động và chế độ báo cáo đối với loại hình báo nói, báo hình.



**Mẫu số 6**

*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông*

**TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng.....năm...

**TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG  
GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

**1. Thông tin về cơ quan chủ quản:**

- Tên cơ quan chủ quản:.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại: .....
- Fax: .....

**2. Thông tin về tổ chức hoạt động phát thanh/truyền hình:**

- Tên tổ chức hoạt động phát thanh/truyền hình: .....
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Điện thoại: .....
- Fax: .....

**3. Thông tin về giấy phép hoạt động phát thanh/truyền hình đã được cấp:**

- Số giấy phép:.....
- Ngày cấp giấy phép: (ngày/tháng/năm)

**4. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát thanh/truyền hình:**

.....  
.....

**5. Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép hoạt động phát thanh/truyền hình:**

.....  
.....

**6. Các nội dung khác***(nếu có)***7. Cam kết:**

*(Tên tổ chức)* cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung trong Tờ khai đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy hoạt động phát thanh/truyền hình và các tài liệu kèm theo; thực hiện đúng các quy định của pháp luật về báo chí, quy định của pháp luật có liên quan và các nội dung ghi trong giấy phép nếu được cấp phép./.

**Người đứng đầu tổ chức  
hoạt động phát thanh, truyền hình**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

---

*Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được khai tùy thuộc vào tình huống hợp cụ thể.*

**Mẫu số 7**

*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016  
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông*

**TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN**  
**TÊN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG**  
**PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.....năm.....

**BÁO CÁO****Đánh giá tình hình triển khai Giấy phép hoạt động *phát thanh/truyền hình***

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

(Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

**I. Thông tin về cơ quan chủ quản:**

1. Tên cơ quan chủ quản: .....
2. Địa chỉ:.....
3. Điện thoại: .....
4. Fax: .....

**II. Thông tin về tổ chức hoạt động *phát thanh, truyền hình*:**

1. Tên tổ chức hoạt động *phát thanh/truyền hình*: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Điện thoại: .....
4. Fax: .....
5. Biểu tượng của tổ chức hoạt động *phát thanh/truyền hình*: .....
6. Thông tin về giấy phép hoạt động *phát thanh/truyền hình* đã được cấp (số, ngày tháng cấp giấy phép).

...

**III. Nội dung báo cáo:**

1. Việc thực hiện tôn chỉ, mục đích hoạt động báo chí:
2. Việc thực hiện tôn chỉ, mục đích kênh *phát thanh/truyền hình* quy định trong giấy phép hoạt động *phát thanh/truyền hình*:
  - 2.1. Đối tượng phục vụ:
  - 2.2. Thời gian phát sóng (*từ ..... giờ đến ..... giờ*):
  - 2.3. Thời lượng phát sóng (*số giờ/ngày*)
  - 2.4. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày:
    - Phát lần 1 (phát mới): .....
    - Phát lại: .....
  - 2.5. Thời lượng chương trình phát lần 1 (phát mới) trong một ngày:.....
  - 2.6. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

Stt	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
1						
2						
3						
4						
5						
...						

...

**Người đứng đầu tổ chức**  
**hoạt động phát thanh/truyền hình**  
*(ký tên, đóng dấu)*

---

*Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được khai tùy thuộc vào tình trường hợp cụ thể.*

**Mẫu số 2**

*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016  
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông*

**TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ ÁN****THÀNH LẬP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH****I. Sự cần thiết, cơ sở pháp lý****II. Nội dung đề án**1. Thông tin về tổ chức hoạt động *phát thanh/truyền hình*:

- Tên gọi, Biểu tượng, Mục đích hoạt động báo chí của tổ chức hoạt động *phát thanh/truyền hình*.

2. Thông tin về kênh *phát thanh/truyền hình* đầu tiên gắn liền với giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình:

- Tên gọi, biểu tượng, tôn chỉ, mục đích, ngôn ngữ thể hiện, đối tượng khán giả của kênh *phát thanh/truyền hình*;

- Nội dung chương trình; thời gian phát sóng; thời lượng phát sóng; thời lượng chương trình tự sản xuất phát mới trung bình/ngày; đặc điểm kỹ thuật của kênh *phát thanh/truyền hình* (độ phân giải hình ảnh của kênh truyền hình; âm thanh của kênh phát thanh); cấu tạo khung chương trình cơ bản; khung phát sóng dự kiến trong 01 (một) tháng của kênh chương trình đó.

3. Thông tin về năng lực sản xuất kênh *phát thanh/truyền hình*:

- Phương án về tổ chức và nhân sự bảo đảm hoạt động của cơ quan báo chí; có người đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 của Luật Báo chí để đảm nhiệm chức vụ người đứng đầu cơ quan báo chí;

- Phương án về trụ sở và các điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật (Địa điểm sản xuất kênh chương trình; Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình, trang thiết bị kỹ thuật,...);

- Phương án tài chính (thể hiện bằng dự toán kinh phí hoạt động trong hai (02) năm của tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình và nguồn lực tài chính đáp ứng được dự toán kinh phí này).

- Quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh *phát thanh/truyền hình*.
- Giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn, an ninh thông tin;
- Phương án, kế hoạch thuê hoặc sử dụng hạ tầng truyền dẫn, phát sóng.
- Phương án, kế hoạch kỹ thuật phân phối kênh *phát thanh/truyền hình* đến các đơn vị cung cấp dịch vụ *phát thanh/truyền hình*.

4. Các nội dung khác (*nếu có*)

### **III. Hiệu quả xã hội, hiệu quả kinh tế**

### **IV. Kết luận**

*Người đứng đầu cơ quan chủ quản  
đề nghị cấp phép  
(Ký tên, đóng dấu)*

---

*Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được khai tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể.*

#### **4. Thủ tục thay đổi thời lượng phát sóng, thời lượng chương trình tự sản xuất của kênh phát thanh, kênh truyền hình quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình**

##### ***a) Trình tự thực hiện***

- Cơ quan, tổ chức đề nghị thay đổi thời lượng phát sóng, thời lượng chương trình tự sản xuất của kênh phát thanh, kênh truyền hình quy định trong Giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình, nộp hồ sơ về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL).

- Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL xem xét cấp phép cho cơ quan, tổ chức. Trường hợp từ chối, Bộ VHTTDL có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

- Trong thời hạn xử lý cấp phép theo quy định, đối với hồ sơ chưa đáp ứng đủ điều kiện, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản thông báo cho cơ quan, tổ chức về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ.

- Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm nộp hồ sơ bổ sung, giải trình cho Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) theo nội dung yêu cầu trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ghi trên văn bản thông báo.

- Kết thúc thời hạn nộp hồ sơ bổ sung theo quy định, cơ quan, tổ chức không nộp hồ sơ bổ sung, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) chấm dứt việc xử lý hồ sơ. Việc tiếp nhận hồ sơ sau khi hết hạn nộp bổ sung được xem xét như tiếp nhận hồ sơ mới.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

##### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Bộ, ngành. Đối với Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, văn bản đề nghị phải do người đứng đầu cơ quan ký;

(2) Báo cáo về nội dung đề nghị thay đổi (Mẫu số 8 ban hành kèm theo Thông tư 36/2016/TT-BTTTT).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d) Thời hạn giải quyết:*** Tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***đ) Đối tượng thực hiện:*** Cơ quan, tổ chức.

***e) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

***g) Mẫu đơn, tờ khai:*** Báo cáo về nội dung đề nghị thay đổi (Mẫu số 8 ban hành kèm theo Thông tư 36/2016/TT-BTTTT).

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép hoạt động phát thanh/Giấy phép hoạt động truyền hình.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về việc cấp phép hoạt động và chế độ báo cáo đối với loại hình báo nói, báo hình.



**Mẫu số 8**

Ban hành kèm theo Thông tư số 36/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016  
của Bộ trưởng Bộ thông tin và Truyền thông

**TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN**  
**TÊN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG**  
**PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO**

**Về thay đổi thời lượng phát sóng, thời lượng chương trình tự sản xuất của  
kênh phát thanh/truyền hình**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch  
(Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

**I. Thông tin về cơ quan chủ quản:**

1. Tên cơ quan chủ quản: .....
2. Địa chỉ:.....
3. Điện thoại: .....
4. Fax: .....

...

**II. Thông tin về tổ chức hoạt động phát thanh/truyền hình:**

1. Tên tổ chức hoạt động phát thanh/truyền hình: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Điện thoại: .....
4. Fax: .....
5. Biểu tượng của tổ chức hoạt động phát thanh/truyền hình:.....
6. Thông tin về giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình đã được cấp (số, ngày tháng cấp giấy phép): .....

...

**III. Nội dung báo cáo**

1. Nêu rõ tên, nội dung, thời gian, thời lượng phát sóng chương trình tăng thêm hoặc các chương trình cắt giảm; lý do tăng thêm hoặc cắt giảm.
2. Thời lượng chương trình tự sản xuất mới của kênh phát thanh/truyền hình sau khi đã thay đổi thời lượng kênh phát thanh/truyền hình.
3. Phương án tổ chức sản xuất thời lượng chương trình tăng thêm (nếu có) .
4. Khung chương trình dự kiến phát sóng trong 01(một) tháng.

...

**Người đứng đầu tổ chức**  
**hoạt động phát thanh/truyền hình**  
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được khai tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

**5. Thủ tục thay đổi tên gọi cơ quan chủ quản báo chí; tên gọi cơ quan báo chí; tên gọi kênh phát thanh, kênh truyền hình; địa điểm phát sóng; địa điểm trụ sở gắn với trung tâm tổng không chế; phương thức truyền dẫn, phát sóng quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình**

***a) Trình tự thực hiện***

- Cơ quan, tổ chức đề nghị thay đổi thời lượng phát sóng, thời lượng chương trình tự sản xuất của kênh phát thanh, kênh truyền hình quy định trong Giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình, nộp hồ sơ về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL).

- Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Bộ VHTTDL xem xét cấp phép cho cơ quan, tổ chức. Trường hợp từ chối, Bộ VHTTDL có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

- Trong thời hạn xử lý cấp phép theo quy định, đối với hồ sơ chưa đáp ứng đủ điều kiện, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản thông báo cho cơ quan, tổ chức về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ.

- Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm nộp hồ sơ bổ sung, giải trình cho Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) theo nội dung yêu cầu trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ghi trên văn bản thông báo.

- Kết thúc thời hạn nộp hồ sơ bổ sung theo quy định, cơ quan, tổ chức không nộp hồ sơ bổ sung, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) chấm dứt việc xử lý hồ sơ. Việc tiếp nhận hồ sơ sau khi hết hạn nộp bổ sung được xem xét như tiếp nhận hồ sơ mới.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Bộ, ngành. Đối với Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, văn bản đề nghị phải do người đứng đầu cơ quan ký.

(2) Văn bản, giấy tờ hợp pháp có liên quan đối với trường hợp thay đổi tên gọi cơ quan chủ quản, tên gọi cơ quan báo chí; địa điểm phát sóng; địa điểm trụ sở gắn với trung tâm tổng không chế; phương thức truyền dẫn, phát sóng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d) Thời hạn giải quyết:*** Tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***đ) Đối tượng thực hiện:*** Cơ quan, tổ chức.

***e) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Không quy định.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép hoạt động phát thanh/Giấy phép hoạt động truyền hình.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về việc cấp phép hoạt động và chế độ báo cáo đối với loại hình báo nói, báo hình.

## **6. Thủ tục thay đổi biểu tượng kênh phát thanh, kênh truyền hình và những nội dung khác quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Cơ quan, tổ chức đề nghị thay đổi thời lượng phát sóng, thời lượng chương trình tự sản xuất của kênh phát thanh, kênh truyền hình quy định trong Giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình, nộp hồ sơ về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL).

- Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL xem xét có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận, Bộ VHTTDL có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn xử lý cấp phép theo quy định, đối với hồ sơ chưa đáp ứng đủ điều kiện, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản thông báo cho cơ quan, tổ chức về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ.

- Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm nộp hồ sơ bổ sung, giải trình cho Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) theo nội dung yêu cầu trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ghi trên văn bản thông báo.

- Kết thúc thời hạn nộp hồ sơ bổ sung theo quy định, cơ quan, tổ chức không nộp hồ sơ bổ sung, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) chấm dứt việc xử lý hồ sơ. Việc tiếp nhận hồ sơ sau khi hết hạn nộp bổ sung được xem xét như tiếp nhận hồ sơ mới.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Bộ, ngành. Đối với Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, văn bản đề nghị phải do người đứng đầu cơ quan ký.

(2) Bản in màu biểu tượng kênh phát thanh, kênh truyền hình có xác nhận của cơ quan chủ quản. Đối với Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, bản in màu biểu tượng kênh phát thanh, kênh truyền hình phải do người đứng đầu cơ quan ký xác nhận.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** Tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Cơ quan, tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Không quy định.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép hoạt động phát thanh/Giấy phép hoạt động truyền hình.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về việc cấp phép hoạt động và chế độ báo cáo đối với loại hình báo nói, báo hình.

## **7. Thủ tục cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp**

### ***a) Trình tự thực hiện***

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ VHTTDL.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử xem xét cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 18 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 147/2024/NĐ-CP và gửi cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép một đoạn mã (thể hiện biểu tượng trang thông tin điện tử tổng hợp đã được cấp phép) qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

Trường hợp từ chối, cơ quan có thẩm quyền cấp phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện gắn đoạn mã đã được cấp vào nội dung mô tả dịch vụ trên kho ứng dụng (nếu có) và trang thông tin điện tử tổng hợp. Đoạn mã được liên kết đến mục số liệu cấp phép trên Cổng thông tin điện tử của Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

- Đối với cơ quan báo chí địa phương: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ của các cơ quan báo chí địa phương, Sở VHTTDL/VHTT có trách nhiệm thẩm định và chuyển hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị cấp giấy phép đến Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) xem xét cấp phép theo quy định của pháp luật. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng các điều kiện, Sở VHTTDL/VHTT có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP;

(2) Bản sao hợp lệ (bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao chứng thực điện tử hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc) một trong các loại giấy tờ: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định thành lập (hoặc bản sao hợp lệ giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14); Điều lệ hoạt động (đối với các tổ chức hội, đoàn thể);

Quyết định thành lập hoặc Điều lệ hoạt động phải có chức năng nhiệm vụ phù hợp với nội dung thông tin cung cấp trên trang thông tin điện tử tổng hợp;

(3) Đề án hoạt động có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép, bao gồm các nội dung chính: Mục đích cung cấp thông tin, nội

dung thông tin, các chuyên mục dự kiến, nguồn tin, bản in trang chủ và các trang chuyên mục chính; phương án nhân sự, kỹ thuật, quản lý nội dung, thông tin bảo đảm hoạt động của trang thông tin điện tử tổng hợp phù hợp với các quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 25 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP; thông tin địa điểm đặt hệ thống máy chủ tại Việt Nam; trường hợp liên kết với cơ quan báo chí để sản xuất nội dung cần nêu rõ tỷ lệ tin bài liên kết, cơ chế hợp tác, sản xuất, biên tập, cơ chế kiểm duyệt tin bài, đăng phát trên trang thông tin điện tử tổng hợp;

(4) Bản in/bản scan màu (nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính) hoặc bản chụp (nộp qua dịch vụ công trực tuyến) giao diện trang chủ và các trang chuyên mục chính; trang chủ phải có đầy đủ thông tin dự kiến theo quy định tại khoản 9 Điều 24 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP;

(5) Bản sao hợp lệ (bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao chứng thực điện tử hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc) văn bản thỏa thuận hợp tác nguồn tin giữa trang thông tin điện tử tổng hợp và cơ quan báo chí cần có các thông tin cơ bản sau: Thời hạn thỏa thuận; phạm vi nội dung được dẫn lại; trách nhiệm quản lý nội dung, thông tin mỗi bên (cơ quan báo chí có trách nhiệm thông báo cho trang thông tin điện tử tổng hợp để kịp thời cập nhật thông tin đã sửa đổi);

Đối với văn bản thỏa thuận hợp tác để liên kết sản xuất nội dung giữa trang thông tin điện tử tổng hợp với cơ quan báo chí phải ghi rõ: Cơ chế hợp tác sản xuất tin bài, cơ quan báo chí chịu trách nhiệm về nội dung các tin bài trong phạm vi liên kết; lĩnh vực hợp tác sản xuất nội dung (tuân thủ quy định tại điểm c khoản 5 Điều 24 Nghị định 147/2024/NĐ-CP) và cam kết tuân thủ các quy định tại điểm g khoản 1 Điều 28 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức cơ quan báo chí, cơ quan ngoại giao và lãnh sự, tổ chức, doanh nghiệp trực thuộc trung ương, tổ chức tôn giáo hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; Sở VH TTDL/VH TT.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VH TTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 147/2024/NĐ-CP.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:**

- Là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam, có chức năng, nhiệm vụ hoặc ngành nghề đăng ký kinh doanh đã được đăng

tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp phù hợp với dịch vụ và nội dung thông tin cung cấp.

- Đã đăng ký sử dụng tên miền để thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp và đáp ứng quy định tại Điều 26 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

+ Đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không phải là cơ quan báo chí, tên miền, tên trang không được giống hoặc trùng với tên cơ quan báo chí hoặc có những từ ngữ (bằng tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài tương đương) có thể gây nhầm lẫn là cơ quan báo chí hoặc hoạt động báo chí như: Báo, đài, tạp chí, tin, tin tức, phát thanh, truyền hình, truyền thông, thông tấn, thông tấn xã.

+ Trang thông tin điện tử tổng hợp sử dụng tên miền “.vn” là tên miền chính và lưu trữ dữ liệu người sử dụng dịch vụ tại hệ thống máy chủ có địa chỉ IP ở Việt Nam.

+ Tên miền “.vn” phải được cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép đăng ký sử dụng, còn thời hạn sử dụng ít nhất là 06 tháng tại thời điểm đề nghị cấp phép và phải tuân thủ quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet. Đối với tên miền quốc tế phải có xác nhận sử dụng tên miền hợp pháp cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép.

+ Trang thông tin điện tử tổng hợp do cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh/thành phố cấp phép không sử dụng tên miền có dấu ký tự trùng với tên địa phương khác.

- Đáp ứng các điều kiện về tổ chức, nhân sự và kỹ thuật theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

(a) Điều kiện về tổ chức, nhân sự:

- Có bộ phận quản lý nội dung, thông tin và bộ phận quản lý kỹ thuật. Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung, thông tin là người có quốc tịch Việt Nam;

- Có trụ sở chính với địa chỉ và số điện thoại liên hệ rõ ràng và liên hệ được.

(b) Điều kiện về kỹ thuật:

Thiết lập hệ thống thiết bị kỹ thuật có khả năng đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Đối với trang thông tin điện tử tổng hợp: Lưu trữ tối thiểu 90 ngày đối với nội dung thông tin tổng hợp kể từ thời điểm đăng tải; lưu trữ tối thiểu 02 năm đối với nhật ký xử lý thông tin được đăng tải;

+ Tiếp nhận và xử lý cảnh báo thông tin vi phạm từ người sử dụng dịch vụ;

+ Phát hiện, cảnh báo và ngăn chặn truy nhập bất hợp pháp, các hình thức tấn công trên môi trường mạng và tuân theo những tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn thông tin mạng theo quy định của pháp luật;

+ Có phương án dự phòng bảo đảm duy trì hoạt động an toàn, liên tục và khắc phục khi có sự cố xảy ra, trừ những trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật;

+ Đảm bảo phải có ít nhất 01 hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam, cho phép tại thời điểm bất kỳ có thể đáp ứng việc thanh tra, kiểm tra, lưu trữ, cung cấp



thông tin trên toàn bộ các trang thông tin điện tử do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sở hữu theo quy định.

(e) Có biện pháp quản lý nội dung, thông tin theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

+ Có quy trình quản lý nội dung, thông tin: Xác định phạm vi nguồn thông tin khai thác, cơ chế quản lý, kiểm tra thông tin trước và sau khi đăng tải;

+ Có cơ chế kiểm soát nguồn tin, đảm bảo thông tin tổng hợp đăng tải không vi phạm bản quyền, phải chính xác theo đúng nội dung nguồn; nội dung dẫn lại chỉ được phát hành theo đúng thời gian trong thỏa thuận (bằng văn bản) giữa cơ quan báo chí và trang thông tin điện tử tổng hợp nhưng không sớm hơn 01 giờ tính từ thời điểm phát hành nội dung nguồn; nội dung dẫn lại phải gỡ ngay sau khi nội dung nguồn bị gỡ (không chậm hơn 03 giờ sau khi nội dung nguồn bị gỡ);

+ Có công cụ bằng phương tiện điện tử để tiếp nhận, xử lý khiếu nại của người sử dụng dịch vụ về nội dung, dịch vụ;

+ Không cho đăng tải ý kiến nhận xét, bình luận của độc giả về nội dung tin, bài được dẫn lại;

+ Nội dung tổng hợp ghi rõ tên tác giả và tên nguồn tin (viết đầy đủ tên nguồn tin), thời gian cơ quan báo chí đăng, phát thông tin đó, đặt đường dẫn liên kết đến bài viết nguồn ngay cuối bài dẫn lại;

+ Tách riêng các chuyên mục trao đổi, hỏi đáp liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, dịch vụ, sản phẩm, ngành nghề phục vụ cho hoạt động của chính cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đó;

+ Đối với trang thông tin điện tử tổng hợp có hoạt động liên kết sản xuất nội dung với cơ quan báo chí: Không liên kết sản xuất các nội dung liên quan đến điều tra, phản ánh các vấn đề ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; các cơ quan báo chí điện tử chịu trách nhiệm về thông tin liên kết trên trang thông tin điện tử tổng hợp; tỷ lệ tin bài liên kết không quá 50% tổng số tin bài phát hành của cơ quan báo chí đó trong 01 tháng; nhân viên, cộng tác viên của trang thông tin điện tử tổng hợp khi tham gia sản xuất nội dung liên kết không được lấy danh nghĩa phóng viên, biên tập viên, nhà báo;

+ Có văn bản thỏa thuận hợp tác nguồn tin với ít nhất 03 cơ quan báo chí.

#### ***l) Căn cứ pháp lý:***

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THIẾT LẬP  
TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP**

Kính gửi:.....

*(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp như sau:*

**Phần I. Thông tin chung**

1. Tên cơ quan chủ quản (nếu có):...
2. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp:...
3. Địa chỉ trụ sở chính:...

Địa chỉ trụ sở giao dịch (nếu có):....

4. Quyết định thành lập/Điều lệ hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: ..... do .... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...

5. Điện thoại/Fax: .....

- Website .....

- Thư điện tử:....

**Phần II. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép**

1. Tên trang (nếu có): .....
2. Mục đích thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp: .....
3. Nội dung thông tin cung cấp trên trang thông tin điện tử tổng hợp; các chuyên mục, loại hình thông tin:...
4. Đối tượng phục vụ: .....
5. Nguồn tin: .....
6. Tên cơ quan báo chí, lĩnh vực thông tin liên kết (nếu có hoạt động hợp tác liên kết với cơ quan báo chí sản xuất tin bài): .....
7. Phương thức cung cấp thông tin: .....
- a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền: .....
- b) Qua ứng dụng ....phân phối trên kho ứng dụng...

8. Nhà cung cấp dịch vụ kết nối Internet: .....

9. Địa điểm đặt hệ thống máy chủ cung cấp dịch vụ tại Việt Nam: .....

10. Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý trang thông tin điện tử tổng hợp:

a) Nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật:

- Họ và tên: .....

- Chức danh: .....

- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động): .....

b) Nhân sự quản lý nội dung:

- Họ và tên: .....

- Chức danh: .....

- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động): .....

11. Thời gian đề nghị cấp phép: .....năm .....tháng.

12. Địa chỉ thư điện tử nhận đoạn mã (thể hiện biểu tượng trang thông tin điện tử tổng hợp đã được cấp phép): .....

### **Phần III. Tài liệu kèm theo**

1. ....

2. ....

### **Phần IV. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về bản quyền; các văn bản pháp luật có liên quan hiện hành.

3. Xây dựng quy trình quản lý nội dung, thông tin tổng hợp, kịp thời cập nhật, điều chỉnh các nội dung dẫn lại khi nội dung nguồn thay đổi; gỡ bỏ ngay nội dung thông tin đã tổng hợp khi nguồn thông tin được trích dẫn gỡ bỏ nội dung thông tin đó theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Luật Báo chí và khoản 3 Điều 34 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

4. Kiểm soát nguồn tin, đảm bảo thông tin tổng hợp đăng tải không vi phạm bản quyền; có công cụ bằng phương tiện điện tử để tiếp nhận, xử lý khiếu nại của người sử dụng về nội dung, dịch vụ; nội dung dẫn lại (theo thỏa thuận bằng văn bản giữa trang thông tin điện tử tổng hợp với cơ quan báo chí) không sớm hơn 01 giờ tính từ thời điểm phát hành nội dung nguồn theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 28 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

5. Không cho đăng tải ý kiến nhận xét, bình luận của độc giả về nội dung tin, bài được dẫn lại; nội dung tổng hợp ghi rõ tên tác giả và tên nguồn tin (viết đầy đủ tên nguồn tin), thời gian đã đăng, phát thông tin đó, đặt đường dẫn liên kết đến bài viết nguồn ngay cuối bài dẫn lại theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 28 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

6. Đảm bảo kết nối đến hệ thống giám sát của Bộ VHTTDL để phục vụ cho việc theo dõi đăng tải tin bài trên trang thông tin điện tử tổng hợp và thống kê lượng người sử dụng truy cập khi có yêu cầu theo quy định tại khoản 6 Điều 34 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

7. Kiểm tra, giám sát và loại bỏ nội dung vi phạm Điều 8 Luật An ninh mạng chậm nhất là 24 giờ kể từ khi có yêu cầu bằng văn bản, điện thoại, hoặc qua phương tiện điện tử của Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Bộ Công an, Sở VHTTDL/VHTT và các cơ quan có thẩm quyền theo pháp luật chuyên ngành hoặc khi tự phát hiện vi phạm; thực hiện việc xử lý các yêu cầu, khiếu nại về sở hữu trí tuệ theo các quy định của pháp luật của Việt Nam về sở hữu trí tuệ; gỡ ngay nội dung dẫn lại (không chậm hơn 03 giờ) sau khi nội dung nguồn bị gỡ theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

8. Triển khai giải pháp bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em theo quy định tại khoản 5 Điều 34 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

9. Báo cáo theo quy định và chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 7 Điều 34 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

10. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản (nếu có);
- .....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

*(Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).*

## **8. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp**

### ***a) Trình tự thực hiện***

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp phải làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép trong những trường hợp sau: Thay đổi cơ quan chủ quản (nếu có); thay đổi tên của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp; thay đổi địa chỉ trụ sở chính; thay đổi địa điểm đặt máy chủ; thay đổi nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật và nhân sự quản lý nội dung; thay đổi tên trang (nếu có); thay đổi, bổ sung nội dung thông tin trên trang thông tin điện tử tổng hợp, phương thức cung cấp thông tin (tên miền, hệ thống phân phối ứng dụng) theo Mẫu số 22 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp gửi Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 22 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP tới Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) thẩm định, cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép đã cấp theo Mẫu số 18 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP, sau khi cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung và ghi rõ ngày cấp Giấy phép lần đầu, ngày cấp sửa đổi, bổ sung. Giấy phép sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày cấp sửa đổi, bổ sung tới ngày hết hiệu lực của Giấy phép được cấp ban đầu.

Trường hợp từ chối, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 22 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

(2) Các tài liệu chứng minh có liên quan (nếu có) đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d) Thời hạn giải quyết:*** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***đ) Đối tượng thực hiện:*** Tổ chức cơ quan báo chí, cơ quan ngoại giao và lãnh sự, tổ chức, doanh nghiệp trực thuộc trung ương, tổ chức tôn giáo hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; Sở VHTTDL/VHTT.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 22 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP THIẾT LẬP  
TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP**

Kính gửi:.....

**Phần I. Thông tin chung**

1. Tên cơ quan chủ quản:.....
2. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp:.....
3. Địa chỉ trụ sở chính:.....  
Địa chỉ trụ sở giao dịch (nếu có):.....
4. Điện thoại/fax: .....  
- Website .....  
- Thư điện tử:.....
5. Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp đề nghị được sửa đổi, bổ sung: Giấy phép (*tên giấy phép*)... số .... cấp ngày .... tháng ....năm .....
6. Phương thức cung cấp thông tin:
  - a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền, tên trang: ....
  - b) Qua ứng dụng ... phân phối trên kho ứng dụng: .....

**Phần II. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép**

1. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:
2. Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

**Phần III. Tài liệu kèm theo**

1. ....
2. ....

**Phần IV. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về bản quyền; các văn bản pháp luật có liên quan hiện hành.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản (nếu có);
- .....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

*(Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).*



## **9. Thủ tục gia hạn Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Chậm nhất 30 ngày trước khi hết hạn Giấy phép đã được cấp, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp muốn gia hạn Giấy phép đã được cấp gửi văn bản đề nghị gia hạn Giấy phép theo Mẫu số 25 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP đến Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) thẩm định, cấp gia hạn Giấy phép đã cấp theo Mẫu số 18 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

Việc xét gia hạn Giấy phép được thực hiện dựa trên việc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật có liên quan về quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng.

- Trường hợp từ chối, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 25 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

### **d) Thời hạn giải quyết:**

- Chậm nhất 30 ngày trước khi hết hạn Giấy phép đã được cấp, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp

- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức cơ quan báo chí, cơ quan ngoại giao và lãnh sự, tổ chức, doanh nghiệp trực thuộc trung ương, tổ chức tôn giáo hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; Sở VHTTDL/VHTT.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 25 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 147/2024/NĐ-CP.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

***k) Yêu cầu, điều kiện:*** Không quy định.

***l) Căn cứ pháp lý:***

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THIẾT LẬP  
TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP**

Kính gửi:.....

*(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp như sau:*

**Phần I. Thông tin chung**

1. Tên cơ quan chủ quản (nếu có):...
2. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp:...

3. Địa chỉ trụ sở chính:.....

Địa chỉ trụ sở giao dịch (nếu có): ...

4. Quyết định thành lập/Điều lệ hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: ..... do .... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...

5. Điện thoại/Fax: .....

- Website .....

- Thư điện tử:...

6. Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp đề nghị được gia hạn: Giấy phép (*tên giấy phép*)... số .... cấp ngày ....tháng ....năm .....

Phương thức cung cấp thông tin:

a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền, tên trang: ....

b) Qua ứng dụng ... phân phối trên kho ứng dụng: .....

**Phần II. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn giấy phép**

- Lý do đề nghị gia hạn .....

- Thời hạn đề nghị được gia hạn: .... năm .... tháng

**Phần III. Tài liệu kèm theo**

1. ....

2. ....

#### **Phần IV. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về bản quyền; các văn bản pháp luật có liên quan hiện hành.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản (nếu có);
- .....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

*(Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).*

## **10. Thủ tục cấp lại Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp bị mất, bị hư hại không còn sử dụng được thực hiện đề nghị cấp lại Giấy phép đến Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) theo Mẫu số 27 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 147/2024/NĐ-CP.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) xem xét, cấp lại Giấy phép theo Mẫu số 18 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

Trường hợp từ chối, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

- Giấy phép được cấp lại có nội dung chính tương tự Giấy phép được đề nghị cấp lại và bao gồm thông tin: ngày cấp Giấy phép lần đầu, cấp sửa đổi, bổ sung (nếu có), ngày được cấp lại, số lần cấp lại.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 27 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức cơ quan báo chí, cơ quan ngoại giao và lãnh sự, tổ chức, doanh nghiệp trực thuộc trung ương, tổ chức tôn giáo hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; Sở VHTTDL/VHTT.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 27 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

### **l) Căn cứ pháp lý:**

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THIẾT LẬP  
TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP**

Kính gửi:.....

*(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp như sau:*

**Phần I. Thông tin chung**

1. Tên cơ quan chủ quản (nếu có):.....
2. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp:.....
3. Địa chỉ trụ sở chính:.....  
Địa chỉ trụ sở giao dịch (nếu có):.....
4. Quyết định thành lập/Điều lệ hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: ..... do .... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...
5. Điện thoại/Fax: .....  
- Website .....  
- Thư điện tử:.....
6. Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp đề nghị được cấp lại: Giấy phép (*tên giấy phép*)... số .... cấp ngày ....tháng ....năm .....

Phạm vi cung cấp thông tin:

- a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền, tên trang: ....
- b) Qua ứng dụng ... phân phối trên kho ứng dụng: .....

**Phần II. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp lại giấy phép**

Lý do đề nghị cấp lại

- Bị mất
- Bị rách
- Bị cháy
- Bị tiêu hủy dưới hình thức khác (ghi rõ)

**Phần III. Tài liệu kèm theo**

1. ....

2. ....

**Phần IV. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về bản quyền; các văn bản pháp luật có liên quan hiện hành.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản (nếu có);
- .....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

*(Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)).*

## **11. Thủ tục cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội**

### ***a) Trình tự thực hiện***

- Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) sẽ gửi văn bản thông báo đến mạng xã hội có số lượng người truy cập thường xuyên lớn (qua dịch vụ bưu chính hoặc qua phương tiện điện tử) về việc nộp hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định.

- Trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp vẫn được tiếp tục cung cấp dịch vụ mạng xã hội hiện có, nhưng phải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ VHTTDL.

- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, Bộ VHTTDL xem xét, cấp Giấy phép theo Mẫu số 19 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP và gửi cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép một đoạn mã (thể hiện biểu tượng mạng xã hội đã được cấp phép) qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

Trường hợp từ chối, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện gắn đoạn mã đã được cấp vào nội dung mô tả dịch vụ trên kho ứng dụng (nếu có) và trên mạng xã hội. Đoạn mã được liên kết đến mục số liệu cấp phép trên Cổng thông tin điện tử của Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP;

(2) Bản sao hợp lệ (bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao chứng thực điện tử hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc) một trong các loại giấy tờ: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định thành lập (hoặc bản sao hợp lệ giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14); Điều lệ hoạt động (đối với các tổ chức hội, đoàn thể);

Quyết định thành lập hoặc Điều lệ hoạt động phải có chức năng nhiệm vụ phù hợp với phạm vi, lĩnh vực mà người sử dụng có thể thông tin trao đổi trên mạng xã hội;



(3) Đề án hoạt động có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép, bao gồm các nội dung chính: Mô tả chi tiết các dịch vụ (bao gồm dịch vụ có thu tiền và không thu tiền), giao diện trang chủ và giao diện trang dịch vụ, phạm vi; lĩnh vực thông tin trao đổi; phương án tổ chức nhân sự, kỹ thuật, quản lý nội dung, thông tin nhằm bảo đảm hoạt động của mạng xã hội phù hợp với các quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 147/2024/NĐ-CP; thông tin địa điểm đặt hệ thống máy chủ tại Việt Nam;

(4) Thỏa thuận cung cấp và sử dụng dịch vụ mạng xã hội có xác nhận của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép, phải có tối thiểu các nội dung sau: Các nội dung cam trao đổi, chia sẻ trên mạng xã hội; trách nhiệm của người sử dụng dịch vụ mạng xã hội, trong đó ghi rõ trách nhiệm người sử dụng dịch vụ không được lợi dụng mạng xã hội để hoạt động báo chí không phép; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội; cơ chế xử lý đối với người sử dụng vi phạm thỏa thuận cung cấp và sử dụng dịch vụ mạng xã hội; cảnh báo cho người sử dụng dịch vụ các rủi ro khi lưu trữ, trao đổi và chia sẻ thông tin trên mạng; cơ chế giải quyết khiếu nại, tranh chấp giữa người sử dụng dịch vụ mạng xã hội với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội hoặc với tổ chức, cá nhân khác; cơ chế xử lý đối với khiếu nại của người sử dụng dịch vụ với thông tin ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do người sử dụng dịch vụ đăng tải trên mạng xã hội; công khai việc có hay không thu thập, xử lý các thông tin của người sử dụng dịch vụ trong thỏa thuận cung cấp và sử dụng dịch vụ mạng xã hội; mô tả biện pháp bảo đảm quyền quyết định của người sử dụng dịch vụ trong việc cho phép thu thập thông tin của mình hoặc cung cấp cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân khác; chính sách bảo vệ thông tin của người sử dụng dịch vụ mạng xã hội;

(5) Bản in/bản scan màu (nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính) hoặc bản chụp (nộp qua dịch vụ công trực tuyến) giao diện trang chủ và các trang chuyên mục của mạng xã hội; trang chủ phải có đầy đủ thông tin theo quy định tại khoản 9 Điều 24 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 17 ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội và một đoạn mã (thể hiện biểu tượng mạng xã hội đã được cấp phép).

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:**

(1) Là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam, có chức năng, nhiệm vụ hoặc ngành nghề đăng ký kinh doanh đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp phù hợp với dịch vụ mạng xã hội cung cấp;

(2) Đã đăng ký sử dụng tên miền để cung cấp dịch vụ mạng xã hội và đáp ứng quy định tại Điều 26 Nghị định 147/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

(a) Đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không phải là cơ quan báo chí, tên miền, tên trang không được giống hoặc trùng với tên cơ quan báo chí hoặc có những từ ngữ (bằng tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài tương đương) có thể gây nhầm lẫn là cơ quan báo chí hoặc hoạt động báo chí như: Báo, đài, tạp chí, tin, tin tức, phát thanh, truyền hình, truyền thông, thông tấn, thông tấn xã.

(b) Mạng xã hội sử dụng tên miền “.vn” là tên miền chính và lưu trữ dữ liệu người sử dụng dịch vụ tại hệ thống máy chủ có địa chỉ IP ở Việt Nam.

(c) Tên miền “.vn” phải được cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép đăng ký sử dụng, còn thời hạn sử dụng ít nhất là 06 tháng tại thời điểm đề nghị cấp phép và phải tuân thủ quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet. Đối với tên miền quốc tế phải có xác nhận sử dụng tên miền hợp pháp cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép.

(3) Đáp ứng các điều kiện về tổ chức, nhân sự và kỹ thuật theo quy định tại Điều 27 Nghị định 147/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

(3.1) Điều kiện về tổ chức, nhân sự:

- Có bộ phận quản lý nội dung, thông tin và bộ phận quản lý kỹ thuật. Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung, thông tin là người có quốc tịch Việt Nam;
- Có trụ sở chính với địa chỉ và số điện thoại liên hệ rõ ràng và liên hệ được.

(3.2) Điều kiện về kỹ thuật:

Thiết lập hệ thống thiết bị kỹ thuật có khả năng đáp ứng các yêu cầu sau:

- Lưu trữ tối thiểu 02 năm đối với các thông tin về tài khoản, thời gian đăng nhập, đăng xuất, địa chỉ IP của người sử dụng dịch vụ và nhật ký xử lý thông tin được đăng tải; thực hiện xóa thông tin của người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam sau khi hết hạn thời gian lưu trữ theo quy định của pháp luật;

- Tiếp nhận và xử lý cảnh báo thông tin vi phạm từ người sử dụng dịch vụ;

- Phát hiện, cảnh báo và ngăn chặn truy nhập bất hợp pháp, các hình thức tấn công trên môi trường mạng và tuân theo những tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn thông tin mạng theo quy định của pháp luật;

- Có phương án dự phòng bảo đảm duy trì hoạt động an toàn, liên tục và khắc phục khi có sự cố xảy ra, trừ những trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật;

- Đảm bảo phải có ít nhất 01 hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam, cho phép tại thời điểm bất kỳ có thể đáp ứng việc thanh tra, kiểm tra, lưu trữ, cung cấp thông tin trên toàn bộ các trang thông tin điện tử, mạng xã hội do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sở hữu theo quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản Điều 27 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

(3.3) Ngoài việc bảo đảm các điều kiện kỹ thuật quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP, hệ thống kỹ thuật thiết lập mạng xã hội phải có khả năng đáp ứng các yêu cầu sau:

- Lưu trữ thông tin của người sử dụng dịch vụ từ Việt Nam khi đăng ký tài khoản mạng xã hội, bao gồm: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số điện thoại di động tại Việt Nam (hoặc số định danh cá nhân); trường hợp người sử dụng dịch vụ là trẻ em (dưới 16 tuổi) thì cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự của trẻ em đăng ký tài khoản bằng thông tin của cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự của trẻ em và có trách nhiệm giám sát, quản lý nội dung trẻ em truy cập, đăng tải và chia sẻ thông tin trên mạng xã hội;

- Thực hiện xác thực tài khoản của người sử dụng dịch vụ mạng xã hội bằng số điện thoại di động tại Việt Nam. Chỉ trong trường hợp người sử dụng xác nhận không có số điện thoại di động tại Việt Nam, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội thực hiện xác thực tài khoản bằng số định danh cá nhân theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử.

Trường hợp người sử dụng dịch vụ sử dụng tính năng livestream với mục đích thương mại, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội thực hiện xác thực tài khoản bằng số định danh cá nhân theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử.

Bảo đảm chỉ những tài khoản đã xác thực mới được đăng tải thông tin (viết bài, bình luận, livestream) và chia sẻ thông tin trên mạng xã hội.

- Ngăn chặn hoặc loại bỏ thông tin vi phạm các quy định tại Điều 8 Luật An ninh mạng, vi phạm quy định về sở hữu trí tuệ khi có yêu cầu từ Bộ VHTTDL, Bộ Công an, hoặc cơ quan có thẩm quyền theo pháp luật chuyên ngành;

d) Thiết lập cơ chế cảnh báo và sử dụng các công cụ lọc thông tin khi người sử dụng đăng thông tin có nội dung vi phạm Điều 8 Luật An ninh mạng.

(4) Có biện pháp quản lý nội dung, thông tin theo quy định tại Điều 28 Nghị định 147/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Có Thỏa thuận cung cấp và sử dụng dịch vụ mạng xã hội bảo đảm đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 29 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ; đăng tải Thỏa thuận cung cấp và sử dụng dịch vụ mạng xã hội trên trang chủ mạng xã hội; bảo đảm người sử dụng dịch vụ phải đồng ý Thỏa thuận cung cấp và sử dụng dịch vụ mạng xã hội (bằng phương thức điện tử) thì mới có thể sử dụng được các dịch vụ, tính năng của mạng xã hội;

- Có nhân sự trực 24/7 để xử lý các vấn đề gồm: Tiếp nhận, xử lý và phản hồi các yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam; giải quyết và phản hồi khiếu nại từ người sử dụng dịch vụ Việt Nam;

- Có giải pháp kiểm duyệt nội dung đăng tải trên mạng xã hội;

- Có biện pháp bảo vệ thông tin của người sử dụng dịch vụ;

- Bảo đảm quyền quyết định của người sử dụng dịch vụ trong việc cho phép thu thập thông tin của mình hoặc cung cấp cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân khác;

- Không sắp xếp nội dung đăng tải của người sử dụng theo các chuyên mục cố định; không đăng tải hoặc cho người sử dụng (bao gồm cả nhân sự của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội) sản xuất nội dung dưới hình thức phóng sự, điều tra, phỏng vấn báo chí và đăng tải lên mạng xã hội. Đối với các cơ quan báo chí đăng tải nội dung trên mạng xã hội thì thực hiện theo quy định tại điểm g khoản 6 Điều 24 Nghị định 147/2024/NĐ-CP.

- Phân loại và hiển thị cảnh báo các nội dung không phù hợp với trẻ em; triển khai giải pháp bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em.

#### ***l) Căn cứ pháp lý:***

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Công văn số 48/CP-KGVX ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc đính chính Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP  
CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch  
(Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Địa chỉ trụ sở giao dịch: .....
4. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: ..... do .... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...

5. Điện thoại: ..... Website .....

**Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép**

Tên mạng xã hội (nếu có):

Mục đích cung cấp dịch vụ mạng xã hội:

Loại hình dịch vụ mạng xã hội: (dịch vụ tạo tài khoản, kênh cung cấp nội dung, trang thông tin điện tử cá nhân ...)

Đối tượng phục vụ:

Phương thức cung cấp dịch vụ:

- a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền:
- b) Qua ứng dụng ... phân phối trên kho ứng dụng:

Quy trình quản lý:

Nhà cung cấp dịch vụ kết nối Internet:

Địa điểm đặt hệ thống máy chủ cung cấp dịch vụ tại Việt Nam:

Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung thông tin trên mạng xã hội:

a) Nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật:

- Họ và tên: .....

- Chức danh: .....

- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động): .....

b) Nhân sự quản lý nội dung:

- Họ và tên: .....

- Chức danh: .....
- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động): .....

10. Thời gian đề nghị cấp phép: .....năm..... tháng.

11. Địa chỉ thư điện tử nhận đoạn mã (thể hiện biểu tượng mạng xã hội đã được cấp phép): .....

**Phần 3. Tài liệu kèm theo**

- 1. ....
- 2. ....

**Phần 4. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong Đơn đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội và các tài liệu kèm theo.

2. Nếu được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội, (tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; tuân thủ nghiêm các quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản (nếu có);
- .....

**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/  
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Kèm theo Mẫu số 17

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆPCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

... , ngày ... tháng ... năm ...

**CAM KẾT THỰC HIỆN**  
**GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI**  
(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch  
(Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....
3. Địa chỉ trụ sở giao dịch:...
4. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: ..... do .... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...
5. Điện thoại: ..... Website .....

Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Cam kết thực hiện đúng các quy định tại giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội.
2. Cung cấp dịch vụ mạng xã hội tuân thủ theo quy định của pháp luật và thỏa thuận cung cấp và sử dụng dịch vụ với người sử dụng; mô tả quy trình, cách thức phân phối nội dung trên nền tảng mạng xã hội của mình và công bố công khai trong Thỏa thuận cung cấp dịch vụ/Tiêu chuẩn cộng đồng cho người sử dụng dịch vụ biết để lựa chọn sử dụng dịch vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.
3. Bảo đảm quyền quyết định của người sử dụng dịch vụ khi cho phép thông tin của mình được sử dụng cho mục đích quảng bá, truyền thông và cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.
4. Không đăng tải hoặc cho thành viên (bao gồm cả nhân sự của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội) viết bài dưới hình thức phóng sự, điều tra, phỏng vấn và đăng tải lên mạng xã hội theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

5. Kiểm tra, giám sát và loại bỏ thông tin, dịch vụ vi phạm Điều 8 Luật An ninh mạng chậm nhất là 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện vi phạm. Thông báo đến người đăng tải nội dung bị khiếu nại: lý do nội dung bị tạm khóa hoặc xóa bỏ; có cơ chế để người có thông tin bị tạm khóa phản hồi lại theo quy định tại khoản 5 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

6. Thực hiện việc ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin, dịch vụ vi phạm quy định của pháp luật theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

7. Thực hiện việc tạm khóa hoặc khóa vĩnh viễn hoạt động đối với các tài khoản, trang cộng đồng, nhóm cộng đồng, kênh nội dung thường xuyên đăng tải nội dung vi phạm pháp luật chậm nhất là 24 giờ khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 7 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

8. Cung cấp thông tin của người sử dụng dịch vụ mạng xã hội cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu bằng văn bản để phục vụ công tác điều tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng theo quy định tại khoản 9 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

9. Thực hiện việc đăng ký, lưu trữ, xác thực và quản lý nội dung, thông tin của người sử dụng dịch vụ mạng xã hội theo quy định của pháp luật. Bảo đảm chỉ những người sử dụng đã cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin theo quy định mới được đăng tải thông tin (viết bài, bình luận, livestream) và chia sẻ thông tin trên mạng xã hội. Thực hiện xóa thông tin của người sử dụng dịch vụ sau khi hết hạn thời gian lưu trữ theo quy định tại khoản 11 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

10. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước cung cấp thông tin, phổ biến quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến việc cung cấp, sử dụng Internet và thông tin trên mạng đến người sử dụng dịch vụ mạng xã hội theo quy định tại khoản 12 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

11. Triển khai giải pháp bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em theo quy định tại khoản 13 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

12. Kết nối đến hệ thống giám sát của Bộ VHTTDL để phục vụ việc thống kê, theo dõi lượng người sử dụng, truy cập theo quy định tại khoản 14 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

13. Cung cấp công cụ tìm kiếm, rà quét nội dung theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 15 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.



14. Báo cáo theo quy định và chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 16 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

15. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu mọi hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về cung cấp dịch vụ mạng xã hội nếu vi phạm quy định tại giấy phép.

*Nơi nhận:*

- Như trên;

.....

**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/  
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

*Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).*

## **12. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội phải làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép trong những trường hợp sau: Thay đổi cơ quan chủ quản (nếu có); thay đổi tên của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp; thay đổi địa chỉ trụ sở chính; thay đổi địa điểm đặt máy chủ; thay đổi nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật và nhân sự quản lý nội dung; thay đổi tên của mạng xã hội (nếu có), loại hình dịch vụ, phạm vi cung cấp dịch vụ (tên miền, hệ thống phân phối ứng dụng) theo Mẫu số 23 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP và các tài liệu chứng minh có liên quan (nếu có) đến Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) thẩm định, cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép theo mẫu quy định, sau khi cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung và ghi rõ ngày cấp Giấy phép lần đầu, ngày cấp sửa đổi, bổ sung. Giấy phép sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày cấp sửa đổi, bổ sung tới ngày hết hiệu lực của Giấy phép được cấp ban đầu.

- Trường hợp từ chối, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 23 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

(2) Các tài liệu chứng minh có liên quan (nếu có) đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị sửa đổi, bổ giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 23 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

***k) Yêu cầu, điều kiện:*** Không quy định.

***l) Căn cứ pháp lý:***

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Công văn số 48/CP-KGVX ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc đính chính Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

TÊN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

... , ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG  
GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

(Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Địa chỉ trụ sở giao dịch: ....
4. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: ..... do .... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...

5. Điện thoại: ..... Website .....

6. Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội cần sửa đổi, bổ sung:

Giấy phép (*tên giấy phép*) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...**Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung**

1. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:
2. Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

**Phần 3. Tài liệu kèm theo**

- 1.....
- 2.....
- 3.....

**Phần 4. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội sửa đổi, bổ sung và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về cung cấp dịch vụ mạng xã hội và các quy định trong giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội sửa đổi, bổ sung.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

.....

**XÁC NHẬN CỦA****NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/  
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP***(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

### **13. Thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội**

#### ***a) Trình tự thực hiện***

- Chậm nhất 30 ngày trước khi hết hạn Giấy phép đã được cấp, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp muốn gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội đã được cấp gửi văn bản đề nghị gia hạn Giấy phép theo Mẫu số 26 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ, Bộ VHTTDL thẩm định, cấp gia hạn Giấy phép đã cấp theo Mẫu số 19 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP. Việc xét gia hạn Giấy phép được thực hiện dựa trên việc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật có liên quan về quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng.

Trường hợp từ chối, Bộ VHTTDL có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

#### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 26 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 147/2024/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

#### ***d) Thời hạn giải quyết:***

- Chậm nhất 30 ngày trước khi hết hạn Giấy phép đã được cấp.

- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***đ) Đối tượng thực hiện:*** Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

***e) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

#### ***g) Mẫu đơn, tờ khai:***

Đơn đề nghị gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 26 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

***h) Kết quả thực hiện:*** Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội.

***i) Phí, lệ phí:*** Không quy định.

***k) Yêu cầu, điều kiện:*** Không quy định.

#### ***l) Căn cứ pháp lý:***

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Công văn số 48/CP-KGVX ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc đính chính Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

... , ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN  
GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch  
(Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được cấp gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp: .....
2. Tên mạng xã hội (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở chính:.....
4. Địa chỉ trụ sở giao dịch:.....
5. Điện thoại: ..... Website .....
6. Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội đề nghị được gia hạn:  
Giấy phép (*tên giấy phép*) số....cấp ngày .... tháng ...năm .....

**Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn**

Lý do đề nghị gia hạn .....

Thời hạn đề nghị được gia hạn: .... năm .... tháng

**Phần 3. Tài liệu kèm theo**

1. ....
2. ....

**Phần 4. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và các quy định trong giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội được gia hạn.

*Nơi nhận:*

- Như trên;

.....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

## **14. Thủ tục cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội**

### ***a) Trình tự thực hiện***

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có Giấy phép bị mất, bị hư hại không còn sử dụng được nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ VHTTDL xem xét, cấp lại Giấy phép theo Mẫu số 19 (tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP. Trường hợp từ chối, Bộ VHTTDL có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Giấy phép được cấp lại có nội dung chính tương tự Giấy phép được đề nghị cấp lại và bao gồm thông tin: ngày cấp Giấy phép lần đầu, cấp sửa đổi, bổ sung (nếu có), ngày được cấp lại, số lần cấp lại.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 28 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d) Thời hạn giải quyết:*** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***đ) Đối tượng thực hiện:*** Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

***e) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

### ***g) Mẫu đơn, tờ khai:***

Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 28 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

***h) Kết quả thực hiện:*** Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội.

***i) Phí, lệ phí:*** Không quy định.

***k) Yêu cầu, điều kiện:*** Không quy định.

### ***l) Căn cứ pháp lý:***

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Công văn số 48/CP-KGVX ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc đính chính Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

... , ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI  
GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch  
(Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp: .....
2. Tên mạng xã hội (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở chính:.....
4. Địa chỉ trụ sở giao dịch:.....
5. Điện thoại: ..... Website .....
6. Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội đề nghị được cấp lại:  
Giấy phép (*tên giấy phép*) số.... cấp ngày ....tháng ....năm ....

**Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp lại**

1. Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội đề nghị được cấp lại  
Giấy phép (*tên giấy phép*) số.... cấp ngày .... tháng ....năm .....
2. Lý do đề nghị cấp lại
  - Bị mất
  - Bị rách
  - Bị cháy
  - Bị tiêu huỷ dưới hình thức khác (ghi rõ)

**Phần 3. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và các quy định trong giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội được cấp lại.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

.....

**XÁC NHẬN CỦA**

**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/  
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)



## **15. Thủ tục cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng**

### ***a) Trình tự thực hiện***

- Doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL).

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) tiến hành tổ chức thẩm định trò chơi. Trường hợp đáp ứng đầy đủ điều kiện, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) xem xét, cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng cho doanh nghiệp theo Mẫu số 35 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP và gửi cho doanh nghiệp một đoạn mã (thể hiện biểu tượng trò chơi điện tử G1 đã được cấp phép phát hành) qua địa chỉ thư điện tử của doanh nghiệp.

Trường hợp từ chối, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Doanh nghiệp được cấp Quyết định thực hiện gắn đoạn mã đã được cấp vào nội dung mô tả trò chơi điện tử trên kho ứng dụng (nếu có) và trang thông tin điện tử cung cấp trò chơi điện tử. Đoạn mã được liên kết đến mục số liệu cấp phép trên Cổng thông tin điện tử của Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng theo Mẫu số 34 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

(2) Giấy tờ, tài liệu, bằng chứng chứng minh quyền sở hữu trí tuệ đối với trò chơi theo quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ; văn bản thỏa thuận cho doanh nghiệp được phát hành trò chơi tại Việt Nam. Đối với trò chơi được đối tác nước ngoài nhượng quyền phát hành, phải có hợp pháp hóa lãnh sự tại nước sở tại kèm theo văn bản thỏa thuận cho doanh nghiệp được phát hành tại Việt Nam (văn bản, giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải dịch sang tiếng Việt có chứng thực theo quy định của pháp luật về chứng thực).

(3) Đề án phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu doanh nghiệp đề nghị cấp Quyết định, bao gồm các nội dung sau:

- Tên, nguồn gốc, xuất xứ của trò chơi; Nội dung, kịch bản trò chơi đáp ứng quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 43 Nghị định 147/2024/NĐ-CP và bao gồm: Hệ thống nhân vật, hệ thống nhiệm vụ, bản đồ (sơ đồ), hệ thống đơn vị ảo, vật phẩm ảo, điểm thưởng, âm thanh, hình ảnh, hoạt động tương tác, thực hiện các nhiệm vụ của các nhân vật, hoạt động đối kháng giữa các nhân vật với nhau (bao

gồm hình ảnh nhân vật, vũ khí, tính năng...); phiên bản phát hành; kết quả phân loại độ tuổi người chơi;

- Thông tin chi tiết về phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ gồm: Tên miền và địa chỉ IP của trang thông tin điện tử giới thiệu, cung cấp trò chơi, ứng dụng trò chơi; tên kho ứng dụng phân phối trò chơi;

- Thông tin về dịch vụ hỗ trợ thanh toán trong trò chơi điện tử trên mạng của doanh nghiệp, các hình thức thanh toán cho trò chơi và thu tiền của người chơi.

(4) Thiết bị lưu trữ/tài liệu điện tử thể hiện các hình ảnh, hoạt động, âm thanh đặc trưng trong trò chơi: Đăng ký tài khoản; bản đồ, sơ đồ; một số tuyến nhân vật, vật phẩm, đồ trang bị cho nhân vật; hoạt động đối kháng đặc trưng giữa các nhân vật đang làm nhiệm vụ; hoạt động quản lý nội dung trao đổi, chia sẻ của người chơi trong trò chơi và trên diễn đàn của trò chơi (nếu có); hiển thị thông tin về phân loại độ tuổi, thông tin khuyến cáo.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng theo Mẫu số 34 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

**h) Kết quả thực hiện:** Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng.

**i) Phí, lệ phí:** Mức thu phí thẩm định nội dung, kịch bản trò chơi điện tử trên mạng: 5.000.000 đồng/hồ sơ.

**k) Yêu cầu, điều kiện:**

Doanh nghiệp được cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng khi có đủ các điều kiện sau:

- Có Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng còn thời hạn tối thiểu 06 tháng;

- Nội dung, kịch bản trò chơi điện tử không vi phạm các quy định tại Điều 8 Luật An ninh mạng và quy định về sở hữu trí tuệ; không mô phỏng các trò chơi có thưởng trong các cơ sở kinh doanh casino, các trò chơi sử dụng hình ảnh lá bài; không có các hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ miêu tả cụ thể các hành động sau: Khủng bố, giết người, tra tấn người, ngược đãi, xâm hại, buôn bán phụ nữ và trẻ em; kích động tự tử, bạo lực; khiêu dâm, dung tục trái với truyền thống đạo đức, văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc; xuyên tạc, phá hoại truyền thống lịch sử; vi phạm chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ; sử dụng ma túy, uống rượu, hút thuốc lá; đánh bạc và các hành vi vi phạm pháp luật khác;

- Trò chơi điện tử trên mạng có kết quả phân loại trò chơi theo độ tuổi phù hợp với nội dung, kịch bản trò chơi theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 38 Nghị định 147/2024/NĐ-CP.

***l) Căn cứ pháp lý:***

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Thông tư số 290/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung, kịch bản trò chơi điện tử trên mạng.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

... , ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP QUYẾT ĐỊNH PHÁT HÀNH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G1 TRÊN MẠNG**Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch  
(Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).**Phần 1. Thông tin chung**1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (*ghi bằng chữ in hoa*) .....

- Tên giao dịch quốc tế:.....

- Tên viết tắt:.....

2. Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 số: .... cấp ngày ... tháng ... năm ... do ..... cấp.

**Phần 2. Mô tả tóm tắt về trò chơi điện tử G1 đề nghị cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử trên mạng:**

1. Tên trò chơi:

- Tên tiếng Việt:.....

- Các tên tiếng nước ngoài:.....

2. Phiên bản trò chơi (tên phiên bản nếu có):.....

3. Kết quả phân loại trò chơi theo độ tuổi:.....

4. Ngôn ngữ thể hiện:.....

5. Nguồn gốc trò chơi:.....

6. Mô tả tóm tắt nội dung, kịch bản trò chơi: .....

7. Địa chỉ đặt máy chủ tại Việt Nam (thông tin chi tiết):.....

8. Phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ (Internet, viễn thông di động):.....

9.1. Trên trang thông tin điện tử/tại tên miền: .....

9.2. Kênh phân phối trò chơi (ghi rõ tên kho ứng dụng, tên đơn vị phát hành hiển thị trên ứng dụng):.....

9.3. Địa chỉ IP:.....

10. Thông tin về dịch vụ hỗ trợ thanh toán trong trò chơi điện tử trên mạng của doanh nghiệp: .....

11. Thông tin về các hình thức thanh toán cho trò chơi và thu tiền của người chơi:....

12. Họ tên người chịu trách nhiệm quản lý trò chơi: .....

- Chức vụ:.....

- Điện thoại liên lạc:.....

13. Thời hạn đề nghị cấp Quyết định phát hành: (tối đa 05 năm).

14. Địa chỉ thư điện tử nhận đoạn mã (thể hiện biểu tượng trò chơi điện tử G1 đã được cấp phép phát hành): .....

### **Phần 3. Tài liệu kèm theo (quy định tại ....)**

1. ....

2. ....

### **Phần 4. Cam kết**

#### **1. Cam kết về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng:**

- Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp Quyết định phát trò chơi điện tử G1 trên mạng và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng theo quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về thanh toán và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Không quảng cáo, giới thiệu các trò chơi điện tử chưa được cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng theo quy định tại khoản 8 Điều 54 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

- Không lợi dụng việc cung cấp, sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử để đánh bạc, tổ chức đánh bạc, lừa đảo, kinh doanh trái pháp luật hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác.

- Không đứng tên làm đại lý cho tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài.

- Báo cáo và chịu sự thanh, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 10, khoản 11 Điều 54 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

#### **2. Các nội dung cam kết khác**

- Doanh nghiệp cam kết hồ sơ doanh nghiệp nộp đề nghị cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng là đúng sự thật, đúng với thực tế của doanh

nghiệp và bảo đảm đáp ứng đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng.

- Tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định về bản quyền của phần mềm trò chơi.

- Cam kết toàn bộ hệ thống thanh toán cho trò chơi điện tử G1 trên mạng là đặt tại Việt Nam và do doanh nghiệp chịu trách nhiệm quản lý, vận hành và kiểm soát tại Việt Nam.

- Cam kết tất cả các tài khoản dùng để phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng và hiển thị trên các kênh phân phối do doanh nghiệp chịu trách nhiệm quản lý, vận hành và kiểm soát tại Việt Nam.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

.....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU DOANH NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

## **16. Thủ tục sửa đổi, bổ sung quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng**

### ***a) Trình tự thực hiện***

- Doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung của Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được cấp trong các trường hợp sau:

- + Thay đổi tên trò chơi, nguồn gốc của trò chơi;
- + Thay đổi kết quả phân loại trò chơi điện tử theo độ tuổi người chơi;
- + Nâng cấp phiên bản có thay đổi nội dung, kịch bản trò chơi so với phiên bản đã được cấp Quyết định;
- + Thay đổi, bổ sung phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được phê duyệt (tên miền đối với trò chơi cung cấp trên trang thông tin điện tử, địa chỉ IP, kênh phân phối trò chơi);
- + Thay đổi địa chỉ đặt hoặc thuê máy chủ.

- Doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung của Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng tới Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) thẩm định cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo Mẫu số 35 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP, sau khi cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung và ghi rõ ngày cấp Quyết định lần đầu, ngày cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Trường hợp từ chối, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng theo Mẫu số 36 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 147/2024/NĐ-CP;

(2) Tài liệu, văn bản chứng minh các lý do cần sửa đổi, bổ sung (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d) Thời hạn giải quyết:*** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***đ) Đối tượng thực hiện:*** Doanh nghiệp.

***e) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng theo Mẫu số 36 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

**h) Kết quả thực hiện:** Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.



TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

... , ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG  
QUYẾT ĐỊNH PHÁT HÀNH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G1 TRÊN MẠNG**

Kính gửi: Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử.

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....
3. Địa chỉ trụ sở giao dịch:
4. Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng: (tên Quyết định) số...cấp ngày .... tháng ....năm .....

**Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung**

1. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:
2. Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

**Phần 3. Tài liệu kèm theo**

- 1.....
- 2.....
- 3.....

**Phần 4. Cam kết**

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng và các tài liệu kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng; Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và các quy định trong Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng sửa đổi, bổ sung.

**Nơi nhận:**- Như trên;  
.....**XÁC NHẬN CỦA****NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/  
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU DOANH NGHIỆP***(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

*Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).*

## **17. Thủ tục cấp lại Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Doanh nghiệp có Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng bị mất hoặc bị hư hại không còn sử dụng được hoặc thực hiện theo điều khoản chuyển tiếp tại khoản 4 Điều 82 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP hoặc trong trường hợp vẫn bản thỏa thuận cho doanh nghiệp được phát hành trò chơi tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP được tiếp tục gia hạn thì Doanh nghiệp thực hiện đề nghị cấp lại Quyết định theo Mẫu số 37 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ tới Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị hợp lệ, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) xem xét, cấp lại Quyết định theo Mẫu số 35 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP. Quyết định được cấp lại có nội dung chính tương tự Quyết định được đề nghị cấp lại và bao gồm thông tin: ngày cấp Quyết định lần đầu, cấp sửa đổi, bổ sung (nếu có), ngày được cấp lại, số lần cấp lại. Trường hợp từ chối, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị cấp lại quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng theo Mẫu số 37 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng theo Mẫu số 37 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

**h) Kết quả thực hiện:** Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

### **l) Căn cứ pháp lý:**

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

... , ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI  
QUYẾT ĐỊNH PHÁT HÀNH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G1 TRÊN MẠNG**Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch  
(Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp lại Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....
3. Điện thoại: ..... Website .....

**Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp lại**

1. Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng  
*Quyết định (tên Quyết định) số....cấp ngày .... tháng .... năm ....*
2. Lý do đề nghị cấp lại
  - Bị mất
  - Bị rách
  - Bị cháy
  - Bị tiêu hủy dưới hình thức khác (ghi rõ)
  - Lý do khác (ghi rõ lý do)

**Phần 3. Cam kết** (Tên doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp lại Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định trong cấp lại Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1.

**Nơi nhận:**- Như trên;  
.....**XÁC NHẬN CỦA  
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/  
NGƯỜI ĐỪNG ĐẦU DOANH NGHIỆP**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).*

## **18. Thủ tục cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Doanh nghiệp có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

- Trong thời hạn 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL có trách nhiệm xét cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

Trường hợp không cấp Giấy phép, Bộ VHTTDL có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu quy định;

(2) Đề án cung cấp dịch vụ thuyết minh rõ: Loại hình, phạm vi cung cấp dịch vụ; phương án kỹ thuật cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trực tuyến và dịch vụ phát thanh, truyền hình theo yêu cầu (nếu có); phương tiện thanh toán; dự kiến các điều khoản về quyền lợi, trách nhiệm của các bên trong ký kết hợp đồng cung cấp, sử dụng dịch vụ và các nội dung quy định tại các Điểm b, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP;

Đối với dịch vụ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 4 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP, trường hợp trên dịch vụ không cung cấp các kênh chương trình, chỉ cung cấp nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu: Thực hiện kê khai theo biểu mẫu do cơ quan có thẩm quyền quy định, gồm các nội dung: Phạm vi, điều kiện kỹ thuật cung cấp dịch vụ; phương tiện thanh toán; quy trình giải quyết khiếu nại; dự kiến các điều khoản về quyền, trách nhiệm của các bên, dự kiến nhóm nội dung cung cấp trên dịch vụ; tên miền “.vn” hoặc địa chỉ Internet xác định và ứng dụng Internet cung cấp dịch vụ;

(3) Bản sao Giấy phép thiết lập mạng viễn thông hoặc bản sao có chứng thực văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông của đơn vị có mạng viễn thông trong thời gian Giấy phép thiết lập mạng viễn thông có hiệu lực đối với dịch vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP; bản sao xác nhận đăng ký tên miền “.vn” hoặc địa chỉ Internet xác định đối với dịch vụ quy định tại Điểm đ, Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP;

Trường hợp doanh nghiệp cung cấp dịch vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP không có mạng viễn thông phải có quy chế phối hợp với đơn vị có mạng viễn thông hoặc giải pháp kỹ thuật bổ sung để xử lý sự cố, bảo đảm chất lượng và tính liên tục của dịch vụ;

(4) Hồ sơ đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP;

(5) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu, trừ trường hợp dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet không cung cấp kênh chương trình.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VH-TT-DL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 01/DVTHTT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:**

- Là doanh nghiệp Việt Nam. Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải được sự chấp thuận về chủ trương của Thủ tướng Chính phủ;

- Có phương án cung cấp dịch vụ phù hợp với quy hoạch phát triển dịch vụ phát thanh, truyền hình, quy hoạch truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình và các quy hoạch khác trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử;

- Có Giấy phép thiết lập mạng viễn thông hoặc có thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông đáp ứng yêu cầu kỹ thuật truyền dẫn dịch vụ đến các thuê bao kết nối với mạng viễn thông đó đối với dịch vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d, Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP; có xác nhận đăng ký tên miền “.vn” hoặc địa chỉ Internet xác định để cung cấp dịch vụ đến thuê bao đối với dịch vụ quy định tại Điểm đ, Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP;

- Có các phương án: Bố trí nguồn nhân lực; đầu tư trang thiết bị kỹ thuật; dự báo và phân tích thị trường dịch vụ; kế hoạch kinh doanh và giá cước dịch vụ, dự toán chi phí đầu tư và chi phí hoạt động ít nhất trong 2 (hai) năm đầu tiên; văn bản chứng minh vốn điều lệ hoặc văn bản giá trị tương đương đáp ứng yêu cầu triển khai cung cấp dịch vụ theo dự toán;

- Có phương án thiết lập trung tâm thu phát tất cả các kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài tập trung ở một địa điểm, trừ các kênh chương trình thuộc danh mục kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương, gồm: Thiết kế kỹ thuật hệ thống thiết bị xử lý tín hiệu, thiết bị kết nối đến mạng truyền dẫn, thiết bị quản lý dịch vụ, quản lý thuê bao và bảo vệ nội dung;

- Có phương án áp dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại phù hợp quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bảo đảm chất lượng dịch vụ và an toàn an ninh thông tin; xử lý kịp thời các sự cố kỹ thuật bảo đảm tính liên tục của dịch vụ và quyền lợi của thuê bao;

- Có dự kiến danh mục kênh chương trình trong nước (trừ các kênh chương trình quy định tại Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP), kênh chương trình nước ngoài, nội dung theo yêu cầu, nội dung giá trị gia tăng sẽ cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền kèm theo các văn bản chấp thuận của đơn vị cung cấp nội dung;

- Có văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu các kênh chương trình phù hợp quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP.

***l) Căn cứ pháp lý:***

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;  
 - Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;  
 - Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15 ngày 15 tháng 6 năm 2022;  
 - Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;

- Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin

và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

**Phụ lục 1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền**

**TÊN DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: / ..... , ngày tháng năm 20..

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP  
CUNG CẤP DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

**1. Tên doanh nghiệp (viết chữ in hoa):** .....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Điện thoại: ..... - Fax: .....

- Email (nếu có): .....

- Website (nếu có): .....

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư số...do....cấp ngày....tháng....năm....<sup>1\*</sup>

- Giấy phép Thiết lập mạng viễn thông công cộng số ...do....cấp ngày....tháng...năm/ Văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông số...giữa...và..., ký ngày... /Giấy chứng nhận đăng ký tên miền .vn số ... do... cấp ngày... hoặc địa chỉ Internet xác định.

- Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số ....do....cấp ngày.....tháng.....năm....(áp dụng với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung).

**2. Đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:**

**2.1. Loại hình dịch vụ (đánh dấu  vào ô trống phù hợp)**

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV

Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh

Dịch vụ truyền hình di động

Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet

<sup>1</sup> Kê khai số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ số Giấy chứng nhận đầu tư mới nhất đang có hiệu lực.



## 2.2. Địa điểm đặt Trung tâm thu phát tập trung các kênh chương trình:

2.2.1.<sup>2\*</sup> Địa điểm chính:.....

2.2.2.<sup>3†</sup> Địa điểm dự phòng:.....

2.2.3.<sup>4‡</sup> Các địa điểm trung tâm thu phát chuyên tiếp tại địa phương:.....

## 2.3. Thông số về kỹ thuật:

2.3.1. Tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh/ âm thanh (*đối với từng loại dịch vụ*): .....

2.3.2. Tiêu chuẩn truyền dẫn/ phát sóng (*đối với từng loại dịch vụ*):  
.....

2.3.3.<sup>5§</sup> Kỹ thuật khóa mã bảo vệ nội dung (*đối với từng loại dịch vụ*):  
.....

2.3.4.<sup>6\*\*</sup> Tần số phát sóng (*áp dụng với dịch vụ có sử dụng tần số vô tuyến điện*): .....

2.3.5.<sup>7††</sup> Khả năng chèn/ thay thế kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu tại địa phương (*đối với từng loại dịch vụ*): .....

2.3.6.<sup>8‡‡</sup> Các nội dung khác: .....

## 2.4. Thông số về cung cấp dịch vụ (*đối với từng loại dịch vụ*)

2.4.1. Phạm vi: .....

<sup>2</sup> Kê khai địa điểm đặt các trang thiết bị kỹ thuật tiếp nhận và xử lý tín hiệu phát thanh, truyền hình trước khi đưa vào mạng truyền dẫn để cung cấp đến thuê bao.

<sup>3</sup> Kê khai tất cả địa điểm dự phòng, là các địa điểm đặt các trang thiết bị kỹ thuật, có thực hiện việc tiếp nhận và xử lý tín hiệu, đóng vai trò dự phòng cho Trung tâm thu phát chính.

<sup>4</sup> Kê khai các địa điểm đặt thiết bị thu phát, chuyên tiếp tín hiệu từ Trung tâm thu phát chính tới thuê bao trong quá trình cung cấp dịch vụ.

<sup>5</sup> Kê khai đầy đủ các hệ thống kỹ thuật khóa mã để bảo vệ nội dung.

<sup>6</sup> Kê khai tần số vô tuyến điện đối với dịch vụ sử dụng tần số vô tuyến điện được cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Đối với dịch vụ không sử dụng tần số vô tuyến điện thì ghi “không sử dụng”.

<sup>7</sup> Ghi “Có” đối với các dịch vụ có khả năng chèn kênh chương trình phụ vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu tại địa phương. Ghi “Không” đối với dịch vụ không tách/ghép kênh tại địa phương hoặc dịch vụ không cung cấp kênh chương trình.

<sup>8</sup> Đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet chỉ cung cấp nội dung theo yêu cầu, không cung cấp kênh chương trình, kê khai: (1) Độ phân giải hình ảnh và tốc độ tín hiệu hình ảnh; tốc độ tín hiệu âm thanh; (2) Tên, biểu tượng dịch vụ (logo) không quá 10 ký tự; (3) những tên miền “.vn” hoặc địa chỉ Internet xác định do Việt Nam quản lý và ứng dụng Internet (app) phục vụ cung cấp dịch vụ; (4) Số lượng trang thiết bị, tính năng kỹ thuật của từng khối chức năng (xử lý tín hiệu, xác thực, khóa mã, quản lý thuê bao, tính cước, đảm bảo an toàn an ninh thông tin, lưu trữ, truyền dẫn,...) đáp ứng số lượng và chất lượng nội dung dự kiến cung cấp. Đối với các loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình có cung cấp kênh chương trình: Chỉ kê khai độ phân giải hình ảnh và tốc độ tín hiệu hình ảnh; tốc độ tín hiệu âm thanh; Tên, biểu tượng dịch vụ (logo) không quá 10 ký tự.

- 2.4.2. Đối tượng: .....
- 2.4.3.<sup>9\*</sup> Phương thức quản lý thuê bao: .....
- 2.4.4. Chất lượng dịch vụ (*quy trình áp dụng các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật đối với từng loại dịch vụ*): .....
- 2.4.5.<sup>10†</sup> Nội dung thông tin (*dự kiến danh mục nội dung*):.....

## 2.5. Tài liệu kèm theo<sup>11‡</sup>:

- (1).....
- (2).....

## 2.6. Cam kết

(*Tên doanh nghiệp*) cam kết:

2.6.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền và các tài liệu kèm theo.

2.6.2. Nếu được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, (*tên doanh nghiệp*) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình và các quy định trong Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu:

**Người đại diện theo pháp luật của đơn vị**  
(*Ký tên, đóng dấu*)

*Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng đề nghị cụ thể của doanh nghiệp. Ký tên, đóng dấu được hiểu là ký thường hoặc ký số.*

<sup>9</sup> Kê khai về phương thức thu thập và lưu trữ thông tin người sử dụng dịch vụ; những phương tiện thanh toán cước phí thuê bao dịch vụ; quy trình giải quyết khiếu nại và dự kiến các điều khoản về quyền, trách nhiệm của các bên trong cung cấp dịch vụ.

<sup>10</sup> Đối với dịch vụ cung cấp kênh chương trình, kê khai theo nhóm kênh chương trình tại mục 1, Biểu mẫu 05/ DVTHTT Thông tư và nội dung theo yêu cầu (nếu có) trong ba nhóm nội dung sau: (1) chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội; (2) phim; (3) chương trình thể thao, giải trí. Đối với dịch vụ chỉ cung cấp nội dung theo yêu cầu, kê khai nội dung dự kiến được phân loại theo ba nhóm nội dung: (1) chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội; (2) phim; (3) chương trình thể thao, giải trí.

<sup>11</sup> (1) Văn bản xác nhận quyền sở hữu trí tuệ hoặc văn bản cam kết trách nhiệm của doanh nghiệp đối với tên, biểu tượng dịch vụ (logo) và tên, biểu tượng ứng dụng (app) cung cấp dịch vụ; (2) Đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình qua mạng Internet: Cung cấp văn bản xác nhận quyền sử dụng tên miền “.vn” hoặc dải địa chỉ IP do Việt Nam quản lý để cung cấp dịch vụ. (3) Đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình qua mạng Internet chỉ cung cấp nội dung theo yêu cầu: Sơ đồ kỹ thuật hệ thống cung cấp dịch vụ, kèm theo thuyết minh sơ đồ kỹ thuật để làm rõ quá trình cung cấp dịch vụ từ Trung tâm thu phát qua mạng truyền dẫn nội dung đến thuê bao.

## **19. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Doanh nghiệp có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

- Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL có trách nhiệm xét cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Trường hợp không cấp Giấy phép, Bộ VHTTDL có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

(2) Bản thuyết minh nội dung thay đổi.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Không quy định.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

### **l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

- Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15 ngày 15 tháng 6 năm 2022;

- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị

cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;

- Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

## **20. Thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền**

### ***a) Trình tự thực hiện***

- Trong thời hạn 60 ngày trước ngày Giấy phép hết hiệu lực, doanh nghiệp muốn gia hạn Giấy phép phải gửi văn bản đề nghị gia hạn, nêu rõ thời hạn gia hạn kèm theo bản sao Giấy phép hoặc cung cấp số Giấy phép đã được cấp đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL).

- Trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có trách nhiệm xem xét gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

Trường hợp không gia hạn Giấy phép, Bộ VHTTDL có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị gia hạn, nêu rõ thời hạn gia hạn.

(2) Bản sao Giấy phép hoặc cung cấp số Giấy phép đã được cấp.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

### ***d) Thời hạn giải quyết:***

- Trong thời hạn 60 ngày trước ngày Giấy phép hết hiệu lực.

- 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***đ) Đối tượng thực hiện:*** Doanh nghiệp.

***e) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

***g) Mẫu đơn, tờ khai:*** Không quy định.

***h) Kết quả thực hiện:*** Giấy phép.

***i) Phí, lệ phí:*** Không quy định.

### ***k) Yêu cầu, điều kiện:***

- Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày trước ngày Giấy phép hết hiệu lực, doanh nghiệp muốn gia hạn Giấy phép phải gửi văn bản đề nghị gia hạn.

- Giấy phép được gia hạn không quá 01 lần và có hiệu lực không quá 05 năm nhưng không vượt quá thời hạn hiệu lực ghi trong Giấy phép thiết lập mạng viễn thông hoặc văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng hạ tầng mạng viễn thông đối với dịch vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d, Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP; xác nhận đăng ký tên miền “.vn” hoặc địa chỉ Internet xác định đối với dịch vụ quy

định tại Điểm đ, Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP.

***l) Căn cứ pháp lý:***

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;
- Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;
- Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15 ngày 15 tháng 6 năm 2022;
- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;
- Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;
- Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;
- Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

## **21. Thủ tục cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Doanh nghiệp có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

- Trong thời hạn 08 (tám) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có trách nhiệm xét cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Trường hợp không cấp Giấy phép, Bộ VHTTDL có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép (nêu rõ số Giấy phép, ngày cấp của Giấy phép đã cấp và lý do đề nghị cấp lại Giấy phép).

(2) Trường hợp Giấy phép bị hư hỏng thì phải gửi kèm theo bản Giấy phép bị hư hỏng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Không quy định.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Trường hợp Giấy phép hết hiệu lực hoặc gia hạn Giấy phép hết hiệu lực thì doanh nghiệp thực hiện hồ sơ, thủ tục cấp lại Giấy phép áp dụng như hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu quy định tại các Khoản 2, 3 Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP.

### **l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;
- Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;
- Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15 ngày 15 tháng 6 năm 2022;
- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;

- Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.



## **22. Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Cơ quan báo chí được cấp giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử).

- Trong thời hạn 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL có trách nhiệm xét cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước. Trường hợp không cấp Giấy phép, Bộ VHTTDL có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước theo mẫu số 12/SXCT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016;

(2) Bản sao hoặc cung cấp số Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình;

(3) Đề án sản xuất kênh chương trình trong đó nêu rõ: Mục đích sản xuất; tên gọi, biểu tượng (lôgô); tôn chỉ, mục đích kênh chương trình; nội dung kênh chương trình; độ phân giải hình ảnh của kênh chương trình; khung chương trình dự kiến trong 01 (một) tháng; đối tượng khán giả; năng lực sản xuất kênh chương trình (gồm: Nhân sự, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính); quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh chương trình; phương thức kỹ thuật phân phối kênh chương trình đến các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình; hiệu quả kinh tế xã hội của kênh;

(4) Trường hợp kênh chương trình là sản phẩm liên kết, Đề án sản xuất kênh chương trình phải cung cấp các thông tin về sản phẩm liên kết, gồm: Địa chỉ, năng lực của đối tác liên kết; hình thức liên kết; quyền và nghĩa vụ các bên tham gia liên kết;

(5) Văn bản phê duyệt Đề án sản xuất kênh chương trình của cơ quan chủ quản đối với các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc các Bộ, ngành; đối với các cơ quan báo chí Trung ương, Đề án sản xuất phải được người đứng đầu cơ quan báo chí phê duyệt;

(6) Trường hợp đề nghị cấp Giấy phép sản xuất nhiều kênh chương trình, đơn vị đề nghị cấp Giấy phép phải làm Đề án riêng đối với từng kênh chương trình cụ thể.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Cơ quan báo nói, báo hình.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VH TTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước theo mẫu số 12/SXCT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;
- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;
- Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;
- Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;
- Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ HOẠT ĐỘNG  
PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP  
SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH  
PHÁT THANH/ TRUYỀN HÌNH TRONG NƯỚC**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

**1. Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình (viết chữ in hoa):** .....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Điện thoại: ..... - Fax: .....

- Email (nếu có): .....

- Website (nếu có): .....

- Giấy phép hoạt động phát thanh/ truyền hình số...do...cấp ngày.....tháng .....năm.

- Số Giấy phép sản xuất kênh chương trình (phát thanh/ truyền hình) trong nước....do.....cấp lần.....ngày.....tháng.....năm....(áp dụng trong trường hợp đề nghị cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung).

**2. Đề nghị cấp phép sản xuất kênh chương trình trong nước (ghi rõ phát thanh hoặc truyền hình):** .....

2.1. Tên kênh chương trình: .....

2.2. Biểu tượng kênh chương trình: .....

2.3. Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình: .....

2.4. Ngôn ngữ thể hiện: .....

2.5. Đối tượng phục vụ: .....

2.6. Thời gian phát sóng (từ ..... giờ đến ..... giờ):.....

2.7. Thời lượng phát sóng (Số giờ/ ngày): .....

2.8. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày:

- Phát lần 1 (phát mới): .....

- Phát lại: .....

2.9. Thời lượng chương trình phát lần 1 (phát mới) trong một ngày: .....

2.10. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
1.						
...						

2.11. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Độ phân giải hình ảnh kênh chương trình truyền hình: (Đánh dấu  vào ô phù hợp)

SDTV

HDTV

Khác

(Ghi rõ độ phân giải hình ảnh nếu chọn "khác") .....

- Âm thanh kênh chương trình phát thanh: (Đánh dấu  vào ô phù hợp)

Mono

Stereo

Khác

(Ghi rõ định dạng âm thanh nếu chọn "khác").....

## 2.12. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

(Tên cơ quan báo chí) bảo đảm nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình theo các định dạng đề xuất tại điểm 2.11 là hoàn toàn giống nhau.

## 3. Thông tin về đối tác liên kết sản xuất kênh chương trình (áp dụng đối với trường hợp kênh chương trình có hoạt động liên kết):

3.1. Tên đối tác liên kết: .....

3.2. Địa chỉ đối tác liên kết:.....

- Điện thoại: ..... - Fax: .....

3.3. Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư của đối tác liên kết: .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

3.4. Người đại diện theo pháp luật của đối tác liên kết:

Họ và tên:.....Sinh ngày:..... Quốc tịch:.....

Số chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số:.....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Chức danh: .....

Địa chỉ liên lạc: ..... Số điện thoại: .....

3.5. Năng lực của đối tác liên kết để thực hiện hoạt động liên kết:

a) Nguồn lực tài chính:

b) Nhân sự (Nêu cụ thể số lượng người tham gia trực tiếp sản xuất kênh chương trình liên kết gồm quay phim, biên tập, đạo diễn, kỹ thuật):

Đối tác liên kết	Tổng số nhân sự	Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn		Trình độ chính trị			Ngoại ngữ	
				Trên Đại học	Đại học	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Đại học	Chứng chỉ
...										

3.6. Điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật (Trường quay: Diện tích; Số lượng máy quay; Số lượng phòng dựng, bàn dựng, bàn trộn tiếng...): .....

3.7. Hình thức liên kết:.....

3.8. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết: .....

**4. Địa điểm sản xuất kênh chương trình:**.....

**5. Quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh chương trình:**  
.....

**6. Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình:**.....

**7. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình:** (Đánh dấu  vào ô trống phù hợp)

Quảng bá

Trả tiền

**8. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình:** (Đánh dấu  vào ô trống phù hợp)

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV

Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh

Dịch vụ truyền hình di động

Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet

Khác

.....(Ghi rõ trong trường hợp thuộc diện "khác").....

**9. Kinh phí hoạt động:**

- Kinh phí ban đầu: .....

- Kinh phí hoạt động thường xuyên: .....

+ Năm 1: .....

+ Năm 2: .....

**10. Các nội dung khác (nếu có)**

**11. Người chịu trách nhiệm nội dung kênh chương trình:**

11.1. Họ và tên: .....

11.2. Chức danh (*Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập/ Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/ Giám đốc, Phó Giám đốc*):.....

**12. Tài liệu kèm theo:**

(1).....

(2).....

**13. Cam kết**

(*Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình*) xin cam kết:

13.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh chấp (*tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình*) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

13.2. Nếu được cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh/ truyền hình trong nước, (*tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình*) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về báo chí và các quy định ghi trong giấy phép được cấp./.

**Xác nhận của cơ quan chủ quản**  
(*Đối với các cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc các Bộ, ngành*)  
(*Ký tên đóng dấu*)

**Người đứng đầu cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình**  
(*Ký tên, đóng dấu*)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu:

*Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.*

### **23. Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước**

#### **a) Trình tự thực hiện**

- Cơ quan báo chí được cấp giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử).

- Trong thời hạn 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL có trách nhiệm xét cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước. Trường hợp không cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung, Bộ VHTTDL có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Trường hợp thay đổi tôn chỉ, mục đích của kênh chương trình:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước theo mẫu số 12/SXCT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016;

+ Bản sao hoặc cung cấp số Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình;

+ Đề án sản xuất kênh chương trình trong đó nêu rõ: Mục đích sản xuất; tên gọi, biểu tượng (lôgô); tôn chỉ, mục đích kênh chương trình; nội dung kênh chương trình; độ phân giải hình ảnh của kênh chương trình; khung chương trình dự kiến trong 01 (một) tháng; đối tượng khán giả; năng lực sản xuất kênh chương trình (gồm: Nhân sự, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính); quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh chương trình; phương thức kỹ thuật phân phối kênh chương trình đến các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình; hiệu quả kinh tế xã hội của kênh;

+ Trường hợp kênh chương trình là sản phẩm liên kết, Đề án sản xuất kênh chương trình phải cung cấp các thông tin về sản phẩm liên kết, gồm: Địa chỉ, năng lực của đối tác liên kết; hình thức liên kết; quyền và nghĩa vụ các bên tham gia liên kết;

+ Văn bản phê duyệt Đề án sản xuất kênh chương trình của cơ quan chủ quản đối với các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc các Bộ, ngành; đối với các cơ quan báo chí Trung ương, Đề án sản xuất phải được người đứng đầu cơ quan báo chí phê duyệt;

+ Trường hợp đề nghị cấp Giấy phép sản xuất nhiều kênh chương trình, đơn vị đề nghị cấp Giấy phép phải làm Đề án riêng đối với từng kênh chương trình cụ thể.

(2) Trường hợp thay đổi các nội dung khác ghi trong Giấy phép, đơn vị có Giấy phép phải có văn bản đề nghị kèm theo bản thuyết minh nội dung thay đổi và văn bản chấp thuận thay đổi của cơ quan chủ quản đối với các cơ quan báo chí của

tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc của Bộ, ngành; đối với cơ quan báo chí Trung ương, văn bản đề nghị thay đổi do người đứng đầu cơ quan báo chí ký.

(3) Trường hợp tăng hoặc giảm thời lượng kênh chương trình, thời lượng chương trình tự sản xuất, ngoài các yêu cầu về hồ sơ tại trường hợp (1), đơn vị có Giấy phép phải có Đề án nêu rõ tên, nội dung, thời gian, thời lượng phát sóng chương trình tăng thêm hoặc các chương trình cắt giảm; khung chương trình dự kiến phát sóng trong 01 tháng; phương án tổ chức sản xuất thời lượng chương trình tăng thêm.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Cơ quan báo chí.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước theo mẫu số 12/SXCT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;

- Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.



TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ HOẠT ĐỘNG  
PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP  
SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH  
PHÁT THANH/ TRUYỀN HÌNH TRONG NƯỚC**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

**1. Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình (viết chữ in hoa):** .....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Điện thoại: ..... - Fax: .....

- Email (nếu có): .....

- Website (nếu có): .....

- Giấy phép hoạt động phát thanh/ truyền hình số...do...cấp ngày.....tháng .....năm.

- Số Giấy phép sản xuất kênh chương trình (phát thanh/ truyền hình) trong nước....do.....cấp lần.....ngày.....tháng.....năm....(áp dụng trong trường hợp đề nghị cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung).

**2. Đề nghị cấp phép sản xuất kênh chương trình trong nước (ghi rõ phát thanh hoặc truyền hình):** .....

2.1. Tên kênh chương trình: .....

2.2. Biểu tượng kênh chương trình: .....

2.3. Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình: .....

2.4. Ngôn ngữ thể hiện: .....

2.5. Đối tượng phục vụ: .....

2.6. Thời gian phát sóng (từ ..... giờ đến ..... giờ):.....

2.7. Thời lượng phát sóng (Số giờ/ ngày): .....

2.8. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày:

- Phát lần 1 (phát mới): .....

- Phát lại: .....

2.9. Thời lượng chương trình phát lần 1 (phát mới) trong một ngày: .....

2.10. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
2.						
...						

2.11. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Độ phân giải hình ảnh kênh chương trình truyền hình: (Đánh dấu  vào ô phù hợp)

SDTV

HDTV

Khác

(Ghi rõ độ phân giải hình ảnh nếu chọn "khác") .....

- Âm thanh kênh chương trình phát thanh: (Đánh dấu  vào ô phù hợp)

Mono

Stereo

Khác

(Ghi rõ định dạng âm thanh nếu chọn "khác").....

## 2.12. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

(Tên cơ quan báo chí) bảo đảm nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình theo các định dạng đề xuất tại điểm 2.11 là hoàn toàn giống nhau.

## 3. Thông tin về đối tác liên kết sản xuất kênh chương trình (áp dụng đối với trường hợp kênh chương trình có hoạt động liên kết):

3.1. Tên đối tác liên kết: .....

3.2. Địa chỉ đối tác liên kết:.....

- Điện thoại: ..... - Fax: .....

3.3. Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư của đối tác liên kết: .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

3.4. Người đại diện theo pháp luật của đối tác liên kết:

Họ và tên:.....Sinh ngày:..... Quốc tịch:.....

Số chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số:.....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Chức danh: .....

Địa chỉ liên lạc: ..... Số điện thoại: .....

3.5. Năng lực của đối tác liên kết để thực hiện hoạt động liên kết:

a) Nguồn lực tài chính:

b) Nhân sự (Nêu cụ thể số lượng người tham gia trực tiếp sản xuất kênh chương trình liên kết gồm quay phim, biên tập, đạo diễn, kỹ thuật):

Đối tác liên kết	Tổng số nhân sự	Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn		Trình độ chính trị			Ngoại ngữ	
				Trên Đại học	Đại học	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Đại học	Chứng chỉ
...										

3.6. Điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật (Trường quay: Diện tích; Số lượng máy quay; Số lượng phòng dựng, bàn dựng, bàn trộn tiếng...): .....

3.7. Hình thức liên kết:.....

3.8. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết: .....

**4. Địa điểm sản xuất kênh chương trình:.....**

**5. Quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh chương trình:**  
.....

**6. Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình:.....**

**7. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình: (Đánh dấu  vào ô trống phù hợp)**

Quảng bá

Trả tiền

**8. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình: (Đánh dấu  vào ô trống phù hợp)**

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV

Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh

Dịch vụ truyền hình di động

Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet

Khác

.....(Ghi rõ trong trường hợp thuộc diện "khác").....

**9. Kinh phí hoạt động:**

- Kinh phí ban đầu: .....

- Kinh phí hoạt động thường xuyên: .....

+ Năm 1: .....

+ Năm 2: .....

**10. Các nội dung khác (nếu có)**

**11. Người chịu trách nhiệm nội dung kênh chương trình:**

11.1. Họ và tên: .....

11.2. Chức danh (*Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập/ Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/ Giám đốc, Phó Giám đốc*):.....

**12. Tài liệu kèm theo:**

(1).....

(2).....

**13. Cam kết**

(*Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình*) xin cam kết:

13.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh chấp (*tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình*) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

13.2. Nếu được cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh/ truyền hình trong nước, (*tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình*) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về báo chí và các quy định ghi trong giấy phép được cấp./.

**Xác nhận của cơ quan chủ quản**  
(*Đối với các cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc các Bộ, ngành*)  
(*Ký tên đóng dấu*)

**Người đứng đầu cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình**  
(*Ký tên, đóng dấu*)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu:

*Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.*

## **24. Thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước**

### **a) Trình tự thực hiện**

- 90 ngày trước khi Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước hết hiệu lực, nếu muốn tiếp tục sản xuất kênh chương trình, đơn vị có Giấy phép phải thực hiện hồ sơ, thủ tục cấp lại Giấy phép.

- Cơ quan báo chí được cấp giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử).

- Trong thời hạn 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL có trách nhiệm xét cấp lại Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước. Trường hợp không cấp lại Giấy phép, Bộ VHTTDL có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép do người đứng đầu cơ quan báo chí ký; đối với các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc của Bộ, ngành phải kèm theo văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép của cơ quan chủ quản.

(2) Bản sao hoặc cung cấp số Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước đã được cấp.

(3) Báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kênh chương trình kể từ ngày được cấp Giấy phép có các nội dung: Cung cấp số liệu đánh giá hiệu quả tác động của kênh, danh sách các chương trình hoặc chuyên mục phát sóng trên kênh (gồm: thời gian, thời lượng phát sóng; nguồn chương trình; khung chương trình phát sóng; danh sách cán bộ lãnh đạo phụ trách các phòng, ban nghiệp vụ hoặc kênh chương trình; phóng viên, biên tập viên chịu trách nhiệm sản xuất kênh chương trình).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Cơ quan báo chí.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước theo mẫu số 12/SXCT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

### **l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;

- Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ HOẠT ĐỘNG  
PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP  
SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH  
PHÁT THANH/ TRUYỀN HÌNH TRONG NƯỚC**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

**1. Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình (viết chữ in hoa):** .....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Điện thoại: ..... - Fax: .....

- Email (nếu có): .....

- Website (nếu có): .....

- Giấy phép hoạt động phát thanh/ truyền hình số...do...cấp ngày.....tháng .....năm.

- Số Giấy phép sản xuất kênh chương trình (phát thanh/ truyền hình) trong nước....do.....cấp lần.....ngày.....tháng.....năm....(áp dụng trong trường hợp đề nghị cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung).

**2. Đề nghị cấp phép sản xuất kênh chương trình trong nước (ghi rõ phát thanh hoặc truyền hình):** .....

2.1. Tên kênh chương trình: .....

2.2. Biểu tượng kênh chương trình: .....

2.3. Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình: .....

2.4. Ngôn ngữ thể hiện: .....

2.5. Đối tượng phục vụ: .....

2.6. Thời gian phát sóng (từ ..... giờ đến ..... giờ):.....

2.7. Thời lượng phát sóng (Số giờ/ ngày): .....

2.8. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày:

- Phát lần 1 (phát mới): .....

- Phát lại: .....

2.9. Thời lượng chương trình phát lần 1 (phát mới) trong một ngày: .....

2.10. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
3.						
...						

2.11. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Độ phân giải hình ảnh kênh chương trình truyền hình: (Đánh dấu  vào ô phù hợp)

SDTV

HDTV

Khác

(Ghi rõ độ phân giải hình ảnh nếu chọn "khác") .....

- Âm thanh kênh chương trình phát thanh: (Đánh dấu  vào ô phù hợp)

Mono

Stereo

Khác

(Ghi rõ định dạng âm thanh nếu chọn "khác").....

### 2.12. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

(Tên cơ quan báo chí) bảo đảm nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình theo các định dạng đề xuất tại điểm 2.11 là hoàn toàn giống nhau.

### 3. Thông tin về đối tác liên kết sản xuất kênh chương trình (áp dụng đối với trường hợp kênh chương trình có hoạt động liên kết):

3.1. Tên đối tác liên kết: .....

3.2. Địa chỉ đối tác liên kết:.....

- Điện thoại: ..... - Fax: .....

3.3. Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư của đối tác liên kết: .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

3.4. Người đại diện theo pháp luật của đối tác liên kết:

Họ và tên:.....Sinh ngày:..... Quốc tịch:.....

Số chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số:.....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Chức danh: .....

Địa chỉ liên lạc: ..... Số điện thoại: .....

3.5. Năng lực của đối tác liên kết để thực hiện hoạt động liên kết:

a) Nguồn lực tài chính:

b) Nhân sự (Nêu cụ thể số lượng người tham gia trực tiếp sản xuất kênh chương trình liên kết gồm quay phim, biên tập, đạo diễn, kỹ thuật):



Đối tác liên kết	Tổng số nhân sự	Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn		Trình độ chính trị			Ngoại ngữ	
				Trên Đại học	Đại học	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Đại học	Chứng chỉ
...										

3.6. Điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật (Trường quay: Diện tích; Số lượng máy quay; Số lượng phòng dựng, bàn dựng, bàn trộn tiếng...): .....

3.7. Hình thức liên kết:.....

3.8. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết: .....

**4. Địa điểm sản xuất kênh chương trình:**.....

**5. Quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh chương trình:**  
.....

**6. Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình:**.....

**7. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình:** (Đánh dấu  vào ô trống phù hợp)

Quảng bá

Trả tiền

**8. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình:** (Đánh dấu  vào ô trống phù hợp)

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV

Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh

Dịch vụ truyền hình di động

Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet

Khác

.....(Ghi rõ trong trường hợp thuộc diện "khác").....

**9. Kinh phí hoạt động:**

- Kinh phí ban đầu: .....

- Kinh phí hoạt động thường xuyên: .....

+ Năm 1: .....

+ Năm 2: .....

**10. Các nội dung khác (nếu có)**

**11. Người chịu trách nhiệm nội dung kênh chương trình:**

11.1. Họ và tên: .....

11.2. Chức danh (*Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập/ Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/ Giám đốc, Phó Giám đốc*):.....

**12. Tài liệu kèm theo:**

(1).....

(2).....

**13. Cam kết**

(*Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình*) xin cam kết:

13.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh chấp (*tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình*) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

13.2. Nếu được cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh/ truyền hình trong nước, (*tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình*) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về báo chí và các quy định ghi trong giấy phép được cấp./.

**Xác nhận của cơ quan chủ quản**  
(*Đối với các cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc các Bộ, ngành*)  
(*Ký tên đóng dấu*)

**Người đứng đầu cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình**  
(*Ký tên, đóng dấu*)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu:

*Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.*

## **25. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Các hãng truyền hình nước ngoài cung cấp kênh chương trình nước ngoài vào Việt Nam có thu phí bản quyền nội dung phải thông qua đại lý được ủy quyền tại Việt Nam để thực hiện việc đăng ký cung cấp kênh chương trình và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước Việt Nam.

- Trong thời hạn 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL có trách nhiệm xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, trong đó quy định rõ yêu cầu biên tập, biên dịch đối với kênh chương trình được cấp Giấy chứng nhận đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 03/DVTHTT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016;

(2) Bản sao Giấy phép hoạt động của hãng truyền hình nước ngoài là chủ sở hữu kênh chương trình nước ngoài kèm theo bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực;

(3) Văn bản chứng minh quyền sở hữu hợp pháp còn hiệu lực pháp lý đối với kênh chương trình phù hợp với pháp luật của Quốc gia mà hãng truyền hình nước ngoài sở hữu kênh chương trình đó đăng ký hoạt động, kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch đối với trường hợp văn bản được soạn thảo bằng tiếng nước ngoài.

(4) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) mới nhất của đại lý được ủy quyền.

(5) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản xác nhận của hãng truyền hình nước ngoài về việc ủy quyền cho doanh nghiệp làm đại lý cung cấp các kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền kèm theo bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực (nếu văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài);

(6) Văn bản mô tả của hãng truyền hình nước ngoài về nội dung kênh chương trình, khung phát sóng của kênh chương trình trong 01 (một) tháng kèm theo bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực (nếu văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài);

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp (đại lý).

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 03/DVTHTT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy chứng nhận.

**i) Phí, lệ phí:** 5.000.000 đồng.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;

- Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

- Thông tư số 307/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền.

TÊN ĐẠI LÝ ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
TẠI VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số /

....., ngày tháng năm 20...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CUNG CẤP  
KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI TRÊN  
DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

**1. Tên đơn vị đề nghị cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền (viết chữ in hoa):**

- .....
- Tên viết tắt (hoặc tên giao dịch quốc tế): .....
  - Địa chỉ trụ sở chính: .....
  - Điện thoại: ..... - Fax: .....
  - Email (nếu có): .....
  - Website (nếu có): .....
  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ... số.....do....cấp ngày....tháng....năm.....
  - Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số.....do....cấp ngày....tháng ...năm (áp dụng đối với trường hợp đề nghị cấp Giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung)

**2. Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền Việt Nam theo các nội dung sau:**

- 2.1. Tên kênh chương trình: .....
- 2.2. Biểu tượng kênh chương trình: .....
- 2.3. Tên đơn vị sở hữu kênh chương trình (bao gồm cả tên viết tắt): .....
- 2.4. Quốc gia cấp đăng ký kinh doanh cho đơn vị sở hữu kênh chương trình:

.....

2.5. Nội dung kênh chương trình:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
1.						
...						

2.6. Loại kênh chương trình (Phim truyện/ Phim hoạt hình/ Tin tức/ Khoa học, giáo dục/ Giải trí tổng hợp/ Thể thao/ Ca nhạc/...) .....

2.7. Ngôn ngữ thể hiện: .....

- 2.8. Thời gian phát sóng/ ngày: .....
- 2.9. Thời lượng phát sóng/ ngày: .....
- 2.10. Độ phân giải hình ảnh: (*Đánh dấu  vào ô trống phù hợp*)
- SDTV
- HDTV
- Khác
- (*Ghi rõ thông tin nếu điền "khác"*) .....
- (*Đơn vị*) cam kết nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình hoàn toàn giống nhau khi phát sóng với các độ phân giải hình ảnh nêu trên.
- 2.11. Tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh/ âm thanh:.....
- 2.12. Vệ tinh phát:.....
- Tên vệ tinh:.....
- Vị trí vệ tinh:.....
- 2.13. Kỹ thuật khóa mã bảo vệ nội dung: .....
- 2.14. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình: (*Đánh dấu  vào ô trống phù hợp*)
- Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số
- Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự
- Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số
- Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV
- Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh
- Dịch vụ truyền hình di động
- Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet
- 2.15. Phạm vi được ủy quyền của đại lý theo văn bản ủy quyền: Là đại lý duy nhất/ các giới hạn ủy quyền khác (nếu có)...

### 3. Tài liệu kèm theo:

- (1).....
- (2).....

### 4. Cam kết

(*Tên đại lý được ủy quyền*) cam kết:

4.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh chấp (*tên đại lý được ủy quyền*) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

4.2. Nếu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền, (*tên đại lý được ủy quyền*) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định trong Giấy chứng nhận và các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu:

**Đại diện theo pháp luật của đại lý được ủy quyền**  
(*Ký tên, đóng dấu*)

*Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.*

## **26. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Doanh nghiệp có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử).

- Trong thời hạn 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL có trách nhiệm xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, Trường hợp không cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký, Bộ VHTTDL có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản của hãng truyền hình nước ngoài xác nhận về những nội dung thay đổi;

(2) Đối với văn bản chứng minh quyền sở hữu kênh chương trình: Văn bản chứng minh quyền sở hữu hợp pháp còn hiệu lực pháp lý đối với kênh chương trình phù hợp với pháp luật của Quốc gia mà hãng truyền hình nước ngoài sở hữu kênh chương trình đó đăng ký hoạt động, kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch đối với trường hợp văn bản được soạn thảo bằng tiếng nước ngoài.

(3) Bản sao hoặc cung cấp số Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đã được cấp;

(4) Văn bản mô tả của hãng truyền hình nước ngoài về thời gian, thời lượng, khung phát sóng của kênh chương trình trong 01 (một) tháng kèm theo bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực (nếu văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài) trong trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan đến thời gian, thời lượng, khung phát sóng của kênh chương trình.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp (đại lý).

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 03/DVTHTT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy chứng nhận.

**i) Phí, lệ phí:** 2.500.000 đồng.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;
- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;
- Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;
- Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;
- Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.
- Thông tư số 307/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền.



## **27. Thủ tục cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Cơ quan báo chí có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử).

- Trong thời hạn 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL có trách nhiệm xét cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên VHTTDL có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 14/BTCT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016.

(2) Bản sao hoặc cung cấp số Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình;

(3) Đề án biên tập kênh chương trình nước ngoài thể hiện các nội dung quy định;

(4) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản thỏa thuận bản quyền kênh chương trình nước ngoài. Trường hợp văn bản thỏa thuận bằng tiếng nước ngoài phải dịch sang tiếng Việt Nam và chứng thực đối với bản dịch.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Cơ quan báo chí.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 14/BTCT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

### **l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;

- Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ HOẠT ĐỘNG  
PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP BIÊN TẬP  
KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI TRÊN DỊCH VỤ  
PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

**1. Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình (viết chữ in hoa):** .....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Điện thoại: ..... - Fax: .....
- Email (nếu có): .....
- Website (nếu có): .....
- Số Giấy phép hoạt động phát thanh/ truyền hình do ....cấp ngày.....;
- Số Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.....do.....cấp lần.....ngày.....tháng.....năm... (áp dụng với trường hợp đề nghị cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung).

**2. Đề nghị cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:**

2.1. Tên kênh chương trình: .....

2.2. Biểu tượng kênh chương trình: .....

2.3. Tên đơn vị sở hữu kênh chương trình (bao gồm cả tên viết tắt):  
.....

2.4. Quốc gia cấp đăng ký kinh doanh cho đơn vị sở hữu kênh chương trình:  
.....

2.5. Nội dung kênh chương trình:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
1.						
...						

2.6. Loại kênh chương trình (Phim truyện/ Phim hoạt hình/ Tin tức/ Khoa học, giáo dục/ Tổng hợp/ Giải trí tổng hợp/ Thể thao/ Ca nhạc/...): .....

2.7. Ngôn ngữ thể hiện: .....

2.8. Thời gian phát sóng/ ngày: .....

2.9. Thời lượng phát sóng/ ngày: .....

2.10. Độ phân giải hình ảnh: (Đánh dấu  vào ô trống phù hợp)

SDTV

HDTV

*Khác* □

(Ghi rõ nếu điền "khác") .....

(Cơ quan báo chí) cam kết nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình giống nhau khi phát sóng với các độ phân giải hình ảnh nêu trên.

**3. Đại lý được ủy quyền cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền (áp dụng với kênh chương trình phân phối qua đại lý ủy quyền tại Việt Nam):**

3.1. Tên đại lý: .....

3.2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3.3. Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền ... do....cấp.... ngày ... tháng ... năm ...

**4. Năng lực của cơ quan báo chí đề nghị cấp phép bảo đảm yêu cầu về biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài:**

4.1. Nhân sự (yêu cầu kê khai rõ về số lượng nhân sự, trình độ chuyên môn báo chí, số thẻ nhà báo còn hiệu lực, trình độ ngoại ngữ phù hợp với kênh chương trình nước ngoài đề nghị cấp phép): .....

Tổng số nhân sự	Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn báo chí		Số thẻ nhà báo	Trình độ ngoại ngữ (phù hợp với kênh chương trình nước ngoài đề nghị cấp phép)
			Trên đại học	Đại học		
...						

4.2. Năng lực về kỹ thuật (yêu cầu kê khai rõ về hệ thống thiết bị làm chậm, thiết bị lưu trữ, phương tiện kỹ thuật thu phát tín hiệu phù hợp với việc biên tập kênh chương trình): .....

4.3. Năng lực tài chính (nêu rõ dự toán chi phí biên tập, biên dịch trong vòng 01 năm, tổng vốn đầu tư, chi phí xây dựng cơ bản, chi phí thiết bị, chi phí bản quyền, và các khoản chi khác (nếu có)): .....

4.4. Địa điểm đặt thiết bị làm chậm và thực hiện việc biên tập: .....

**5. Quy trình biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài:**

.....

**6. Phương thức thu, truyền dẫn tín hiệu kênh chương trình nước ngoài:**

6.1. Phương thức thu tín hiệu kênh chương trình: .....

6.2. Phương thức truyền dẫn tín hiệu kênh chương trình sau khi thực hiện biên tập, biên dịch cho các đơn vị sử dụng kênh: .....

**7. Người chịu trách nhiệm nội dung biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài (phải là lãnh đạo cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình):** .....

**8. Tài liệu kèm theo:**

(1).....

(2).....

**9. Cam kết:**

(Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình) cam kết:

9.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh

chấp (*tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình*) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

9.2. Nếu được cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, (*tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình*) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về báo chí và các quy định ghi trong giấy phép được cấp./.

**Xác nhận của cơ quan chủ quản**  
*(Đối với các cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc các Bộ, ngành)*  
*(Ký tên đóng dấu)*

**Người đứng đầu cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình đề nghị cấp phép**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu:

*Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.*

## **28. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Cơ quan báo chí có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử).

- Trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL có trách nhiệm xét cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Trường hợp không cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung, Bộ VHTTDL có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 14/BTCT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016.

(2) Bản sao hoặc cung cấp số Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đã được cấp;

(3) Văn bản mô tả của hãng truyền hình nước ngoài về thời gian, thời lượng, khung phát sóng của kênh chương trình trong 01 (một) tháng kèm theo bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực (nếu văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài) trong trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung các nội dung có liên quan đến thời gian, thời lượng, khung phát sóng của kênh chương trình.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Cơ quan báo chí.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 14/BTCT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

### **l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;

- Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ HOẠT ĐỘNG  
PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP BIÊN TẬP  
KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI TRÊN DỊCH VỤ  
PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

**1. Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình (viết chữ in hoa):** .....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Điện thoại: ..... - Fax: .....
- Email (nếu có): .....
- Website (nếu có): .....
- Số Giấy phép hoạt động phát thanh/ truyền hình do ....cấp ngày.....;
- Số Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.....do.....cấp lần.....ngày.....tháng.....năm... (áp dụng với trường hợp đề nghị cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung).

**2. Đề nghị cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:**

2.1. Tên kênh chương trình: .....

2.2. Biểu tượng kênh chương trình: .....

2.3. Tên đơn vị sở hữu kênh chương trình (bao gồm cả tên viết tắt):  
.....

2.4. Quốc gia cấp đăng ký kinh doanh cho đơn vị sở hữu kênh chương trình:  
.....

2.5. Nội dung kênh chương trình:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
1.						
...						

2.6. Loại kênh chương trình (Phim truyện/ Phim hoạt hình/ Tin tức/ Khoa học, giáo dục/ Tổng hợp/ Giải trí tổng hợp/ Thể thao/ Ca nhạc/...): .....

2.7. Ngôn ngữ thể hiện: .....

2.8. Thời gian phát sóng/ ngày: .....

2.9. Thời lượng phát sóng/ ngày: .....

2.10. Độ phân giải hình ảnh: (Đánh dấu  vào ô trống phù hợp)

SDTV

HDTV



*Khác* □

(Ghi rõ nếu điền "khác") .....

(Cơ quan báo chí) cam kết nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình giống nhau khi phát sóng với các độ phân giải hình ảnh nêu trên.

**3. Đại lý được ủy quyền cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền (áp dụng với kênh chương trình phân phối qua đại lý ủy quyền tại Việt Nam):**

3.1. Tên đại lý: .....

3.2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3.3. Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền ... do....cấp.... ngày ... tháng ... năm ...

**4. Năng lực của cơ quan báo chí đề nghị cấp phép bảo đảm yêu cầu về biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài:**

4.1. Nhân sự (yêu cầu kê khai rõ về số lượng nhân sự, trình độ chuyên môn báo chí, số thẻ nhà báo còn hiệu lực, trình độ ngoại ngữ phù hợp với kênh chương trình nước ngoài đề nghị cấp phép): .....

Tổng số nhân sự	Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn báo chí		Số thẻ nhà báo	Trình độ ngoại ngữ (phù hợp với kênh chương trình nước ngoài đề nghị cấp phép)
			Trên đại học	Đại học		
...						

4.2. Năng lực về kỹ thuật (yêu cầu kê khai rõ về hệ thống thiết bị làm chậm, thiết bị lưu trữ, phương tiện kỹ thuật thu phát tín hiệu phù hợp với việc biên tập kênh chương trình): .....

4.3. Năng lực tài chính (nêu rõ dự toán chi phí biên tập, biên dịch trong vòng 01 năm, tổng vốn đầu tư, chi phí xây dựng cơ bản, chi phí thiết bị, chi phí bản quyền, và các khoản chi khác (nếu có)): .....

4.4. Địa điểm đặt thiết bị làm chậm và thực hiện việc biên tập: .....

**5. Quy trình biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài:**

.....

**6. Phương thức thu, truyền dẫn tín hiệu kênh chương trình nước ngoài:**

6.1. Phương thức thu tín hiệu kênh chương trình: .....

6.2. Phương thức truyền dẫn tín hiệu kênh chương trình sau khi thực hiện biên tập, biên dịch cho các đơn vị sử dụng kênh: .....

**7. Người chịu trách nhiệm nội dung biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài (phải là lãnh đạo cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình):** .....

**8. Tài liệu kèm theo:**

(1).....

(2).....

**9. Cam kết:**

(Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình) cam kết:

9.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh

chấp (*tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình*) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

9.2. Nếu được cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, (*tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình*) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về báo chí và các quy định ghi trong giấy phép được cấp./.

**Xác nhận của cơ quan chủ quản**  
*(Đối với các cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc các Bộ, ngành)*  
*(Ký tên đóng dấu)*

**Người đứng đầu cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình đề nghị cấp phép**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu:

*Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.*

## **29. Thủ tục cấp lại Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền**

### ***a) Trình tự thực hiện***

- 90 ngày trước khi Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài hết hiệu lực, nếu muốn tiếp tục biên tập kênh chương trình, Cơ quan báo chí có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử).

- Trong thời hạn 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL có trách nhiệm xét cấp lại Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Trường hợp không cấp lại Giấy phép, Bộ VHTTDL có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 14/BTCT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016;

(2) Bản sao hoặc cung cấp số Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đã được cấp;

(3) Báo cáo đánh giá hoạt động biên tập kênh chương trình nước ngoài kể từ thời điểm được cấp Giấy phép có các nội dung: Tự đánh giá về hiệu quả hoạt động biên tập, nhân lực, trang thiết bị, thuận lợi, khó khăn trong công tác thực hiện biên tập.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d) Thời hạn giải quyết:*** 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***đ) Đối tượng thực hiện:*** Cơ quan báo chí.

***e) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

***g) Mẫu đơn, tờ khai:*** Đơn đề nghị cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 14/BTCT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016.

***h) Kết quả thực hiện:*** Giấy phép.

***i) Phí, lệ phí:*** Không quy định.

***k) Yêu cầu, điều kiện:*** Không quy định.

### ***l) Căn cứ pháp lý:***

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;

- Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ HOẠT ĐỘNG  
PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP BIÊN TẬP  
KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI TRÊN DỊCH VỤ  
PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

**1. Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình (viết chữ in hoa):** .....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Điện thoại: ..... - Fax: .....
- Email (nếu có): .....
- Website (nếu có): .....
- Số Giấy phép hoạt động phát thanh/ truyền hình do ....cấp ngày.....;
- Số Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.....do.....cấp lần.....ngày.....tháng.....năm... (áp dụng với trường hợp đề nghị cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung).

**2. Đề nghị cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:**

2.1. Tên kênh chương trình: .....

2.2. Biểu tượng kênh chương trình: .....

2.3. Tên đơn vị sở hữu kênh chương trình (bao gồm cả tên viết tắt):  
.....

2.4. Quốc gia cấp đăng ký kinh doanh cho đơn vị sở hữu kênh chương trình:  
.....

2.5. Nội dung kênh chương trình:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
1.						
...						

2.6. Loại kênh chương trình (Phim truyện/ Phim hoạt hình/ Tin tức/ Khoa học, giáo dục/ Tổng hợp/ Giải trí tổng hợp/ Thể thao/ Ca nhạc/...): .....

2.7. Ngôn ngữ thể hiện: .....

2.8. Thời gian phát sóng/ ngày: .....

2.9. Thời lượng phát sóng/ ngày: .....

2.10. Độ phân giải hình ảnh: (Đánh dấu  vào ô trống phù hợp)

SDTV

HDTV

*Khác* □

(Ghi rõ nếu điền "khác") .....

(Cơ quan báo chí) cam kết nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình giống nhau khi phát sóng với các độ phân giải hình ảnh nêu trên.

**3. Đại lý được ủy quyền cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền (áp dụng với kênh chương trình phân phối qua đại lý ủy quyền tại Việt Nam):**

3.1. Tên đại lý: .....

3.2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3.3. Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền ... do....cấp.... ngày ... tháng ... năm ...

**4. Năng lực của cơ quan báo chí đề nghị cấp phép bảo đảm yêu cầu về biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài:**

4.1. Nhân sự (yêu cầu kê khai rõ về số lượng nhân sự, trình độ chuyên môn báo chí, số thẻ nhà báo còn hiệu lực, trình độ ngoại ngữ phù hợp với kênh chương trình nước ngoài đề nghị cấp phép): .....

Tổng số nhân sự	Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn báo chí		Số thẻ nhà báo	Trình độ ngoại ngữ (phù hợp với kênh chương trình nước ngoài đề nghị cấp phép)
			Trên đại học	Đại học		
...						

4.2. Năng lực về kỹ thuật (yêu cầu kê khai rõ về hệ thống thiết bị làm chậm, thiết bị lưu trữ, phương tiện kỹ thuật thu phát tín hiệu phù hợp với việc biên tập kênh chương trình): .....

4.3. Năng lực tài chính (nêu rõ dự toán chi phí biên tập, biên dịch trong vòng 01 năm, tổng vốn đầu tư, chi phí xây dựng cơ bản, chi phí thiết bị, chi phí bản quyền, và các khoản chi khác (nếu có)): .....

4.4. Địa điểm đặt thiết bị làm chậm và thực hiện việc biên tập: .....

**5. Quy trình biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài:**

.....

**6. Phương thức thu, truyền dẫn tín hiệu kênh chương trình nước ngoài:**

6.1. Phương thức thu tín hiệu kênh chương trình: .....

6.2. Phương thức truyền dẫn tín hiệu kênh chương trình sau khi thực hiện biên tập, biên dịch cho các đơn vị sử dụng kênh: .....

**7. Người chịu trách nhiệm nội dung biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài (phải là lãnh đạo cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình):** .....

**8. Tài liệu kèm theo:**

(1).....

(2).....

**9. Cam kết:**

(Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình) cam kết:

9.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh

chấp (*tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình*) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

9.2. Nếu được cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, (*tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình*) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về báo chí và các quy định ghi trong giấy phép được cấp./.

**Xác nhận của cơ quan chủ quản**  
*(Đối với các cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc các Bộ, ngành)*  
*(Ký tên đóng dấu)*

**Người đứng đầu cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình đề nghị cấp phép**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu:

*Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.*

### **30. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền**

#### **a) Trình tự thực hiện**

- Sau khi doanh nghiệp được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có trách nhiệm xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền;

- Doanh nghiệp có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử).

- Trong thời hạn 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử) có trách nhiệm xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử) có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ khai đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 05/DVTHTT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30/6/2023.

(2) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kem bản gốc để đối chiếu văn bản thỏa thuận bản quyền đối với kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đăng ký.

(3) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản thỏa thuận đi kèm nhận tín hiệu các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ VHTTDL).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Tờ khai đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 05/DVTHTT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30/6/2023.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy chứng nhận.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.



**k) Yêu cầu, điều kiện:** Hồ sơ đăng ký lần đầu thực hiện cùng với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;
- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;
- Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;
- Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;
- Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20..

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ/ SỬA ĐỔI/ BỔ SUNG**  
**DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH TRÊN DỊCH VỤ**  
**PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

- Tên doanh nghiệp (viết chữ in hoa):** .....
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
  - Điện thoại: ..... - Fax: .....
  - Email (nếu có): .....
  - Website (nếu có): .....
  - Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số ....do..  
..cấp.....lần đầu ngày tháng .....năm...cấp.....ngày.....tháng...năm.....
  - Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số ....do...cấp ngày.....tháng.....năm... (áp dụng đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung)

**1. Đăng ký danh mục/ bổ sung, sửa đổi danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền như sau:**

STT	TÊN KÊNH/ BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH)	ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (đối với kênh chương trình nước ngoài)	LOẠI KÊNH CHƯƠNG TRÌNH/ TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	GIẤY PHÉP SẢN XUẤT KÊNH HOẶC GIẤY PHÉP BIÊN TẬP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI (Số GP, ngày tháng năm cấp phép)	ĐỘ PHÂN GIẢI HÌNH ẢNH	PHẠM VI CUNG CẤP
<b>I</b>	<b>Kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia</b>						
1	<b>Ví dụ:</b> VTV1	Đài Truyền hình Việt Nam		Thời sự -chính trị tổng hợp	01/GP- BTTTT ngày 01/01/2011	SD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của doanh nghiệp
<b>II</b>	<b>Kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương</b>						
2	<b>Ví dụ:</b> HTV9	Đài Truyền hình thành		Thời sự -chính trị tổng hợp		SD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của

		phố Hồ Chí Minh					doanh nghiệp
<b>III Các kênh chương trình trong nước khác</b>							
3	<b>Ví dụ:</b> VTV3	Đài Truyền hình Việt Nam		Thể thao – Giải trí		SD và HD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của doanh nghiệp
<b>IV Kênh chương trình nước ngoài</b>							
4	<b>Ví dụ:</b> ESPN	Đài Truyền hình Việt Nam		Thể thao		SD và HD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của doanh nghiệp tại Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Thái Bình, Ninh Bình, Phú Thọ, ..

## 2. Đăng ký kênh chương trình cài đặt tên, biểu tượng (logo) dịch vụ:

STT	TÊN KÊNH/ BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH)	ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (đối với kênh chương trình nước ngoài)	LOẠI KÊNH CHƯƠNG TRÌNH/ TÊN CHỈ, MỤC ĐÍCH KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	GIẤY PHÉP SẢN XUẤT KÊNH HOẶC GIẤY PHÉP BIÊN TẬP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI (Số GP, ngày tháng năm cấp phép)	ĐỘ PHÂN GIẢI HÌNH ẢNH	PHẠM VI CUNG CẤP
1							
...							

**3. Tài liệu kèm theo:**

- (1).....  
 (2).....

**4. Cam kết**

*(Tên doanh nghiệp)* cam kết:

4.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh chấp *(tên doanh nghiệp)* xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

4.2. Nếu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, *(tên doanh nghiệp)* cam kết cung cấp đúng danh mục các kênh chương trình đã được ghi tại Giấy chứng nhận và thực hiện các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu:

**Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

*(Ký tên, đóng dấu)*

*Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.*

### **31. Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền**

#### ***a) Trình tự thực hiện***

- Doanh nghiệp có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử).

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử) có trách nhiệm xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Trường hợp không cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử) có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

#### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ khai sửa đổi, bổ sung danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 05/DVTHTT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30/6/2023.

(2) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản thỏa thuận bản quyền đối với kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đăng ký.

(3) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d) Thời hạn giải quyết:*** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***đ) Đối tượng thực hiện:*** Doanh nghiệp.

***e) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ VHTTDL).

***g) Mẫu đơn, tờ khai:*** Tờ khai sửa đổi, bổ sung danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 05/DVTHTT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30/6/2023.

***h) Kết quả thực hiện:*** Giấy chứng nhận.

***i) Phí, lệ phí:*** Không quy định.

***k) Yêu cầu, điều kiện:*** Không quy định.

***l) Căn cứ pháp lý:***

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;
- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;
- Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;
- Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;
- Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20..

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ/ SỬA ĐỔI/ BỔ SUNG**  
**DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH TRÊN DỊCH VỤ**  
**PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

- Tên doanh nghiệp (viết chữ in hoa):** .....
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Điện thoại: ..... - Fax: .....
- Email (nếu có): .....
- Website (nếu có): .....
- Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số ....do...  
..cấp.....lần đầu ngày tháng .....năm...cấp.....ngày.....tháng.....năm.....
- Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số ....do...cấp ngày.....tháng.....năm... (áp dụng đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung)

**1. Đăng ký danh mục/ bổ sung, sửa đổi danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền như sau:**

STT	TÊN KÊNH/ BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH)	ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (đối với kênh chương trình nước ngoài)	LOẠI KÊNH CHƯƠNG TRÌNH/ TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	GIẤY PHÉP SẢN XUẤT KÊNH HOẶC GIẤY PHÉP BIÊN TẬP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI (Số GP, ngày tháng năm cấp phép)	ĐỘ PHÂN GIẢI HÌNH ẢNH	PHẠM VI CUNG CẤP
<b>I</b>	<b>Kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia</b>						
1	<b>Ví dụ:</b> VTV1	Đài Truyền hình Việt Nam		Thời sự -chính trị tổng hợp	01/GP- BTTTT ngày 01/01/2011	SD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của doanh nghiệp
<b>II</b>	<b>Kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương</b>						
2	<b>Ví dụ:</b> HTV9	Đài Truyền hình		Thời sự -chính		SD	Trên toàn hệ thống

		thành phố Hồ Chí Minh		trị tổng hợp			dịch vụ của doanh nghiệp
<b>III Các kênh chương trình trong nước khác</b>							
3	<b>Ví dụ:</b> VTV3	Đài Truyền hình Việt Nam		Thể thao – Giải trí		SD và HD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của doanh nghiệp
<b>IV Kênh chương trình nước ngoài</b>							
4	<b>Ví dụ:</b> ESPN	Đài Truyền hình Việt Nam		Thể thao		SD và HD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của doanh nghiệp tại Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Thái Bình, Ninh Bình, Phú Thọ, ..

## 2. Đăng ký kênh chương trình cài đặt tên, biểu tượng (logo) dịch vụ:

STT	TÊN KÊNH/ BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH)	ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (đối với kênh chương trình nước ngoài)	LOẠI KÊNH CHƯƠNG TRÌNH/ TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	GIẤY PHÉP SÀN XUẤT KÊNH HOẶC GIẤY PHÉP BIÊN TẬP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI (Số GP, ngày tháng năm cấp phép)	ĐỘ PHÂN GIẢI HÌNH ẢNH	PHẠM VI CUNG CẤP
1							



...							
-----	--	--	--	--	--	--	--

### 3. Tài liệu kèm theo:

(1).....

(2).....

### 4. Cam kết

*(Tên doanh nghiệp)* cam kết:

4.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh chấp (*tên doanh nghiệp*) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

4.2. Nếu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, (*tên doanh nghiệp*) cam kết cung cấp đúng danh mục các kênh chương trình đã được ghi tại Giấy chứng nhận và thực hiện các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan./.

#### *Nơi nhận:*

- Như trên;
- .....;
- Lưu:

#### **Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

*(Ký tên, đóng dấu)*

*Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.*

## **32. Thủ tục cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng tới Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) xem xét, cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng theo Mẫu số 30 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

Trường hợp từ chối, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 theo Mẫu số 29 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 147/2024/NĐ-CP.

(2) Bản sao hợp lệ (bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao chứng thực điện tử hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc) giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, hoặc bản sao hợp lệ giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

(3) Đề án cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu doanh nghiệp đề nghị cấp phép, bao gồm các nội dung chính sau:

+ Kế hoạch cung cấp dịch vụ, năng lực tài chính, tổ chức, nhân sự, kỹ thuật thực hiện cung cấp dịch vụ bảo đảm đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định 147/2024/NĐ-CP;

+ Sơ đồ tổng thể hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ, địa điểm đặt hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ;

+ Thông tin về hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ gồm phần chính và phần dự phòng (tên, chức năng, cấu hình dự kiến của thiết bị) bảo đảm chất lượng dịch vụ, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin; kế hoạch sao lưu dữ liệu và phương án dự phòng; kế hoạch bảo đảm quyền lợi của người chơi và dữ liệu thông tin của người chơi;

+ Thông tin chi tiết về phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ (tên miền, kênh phân phối trò chơi, địa chỉ IP); doanh nghiệp kết nối mạng Internet và mạng viễn thông (tên doanh nghiệp, địa chỉ, dung lượng kênh kết nối);

+ Thông tin về việc dự kiến kết nối với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 theo Mẫu số 29 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:**

Doanh nghiệp được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, có ngành nghề cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp; có trụ sở chính với địa chỉ và số điện thoại liên hệ rõ ràng và liên hệ được;

- Đã đăng ký tên miền sử dụng để cung cấp dịch vụ;

- Có đủ khả năng tài chính, tổ chức, nhân sự quản trị trò chơi điện tử phù hợp với quy mô hoạt động của doanh nghiệp;

- Có hệ thống thiết bị kỹ thuật để kết nối thanh toán với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo quy định của pháp luật, bảo đảm cập nhật, lưu trữ chính xác, đầy đủ và cho phép người chơi có thể tra cứu được thông tin chi tiết về tài khoản thanh toán của mình trên hệ thống ứng dụng trò chơi (tài khoản game);

- Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm lưu trữ, cập nhật đầy đủ thông tin của người chơi tại Việt Nam bao gồm: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số điện thoại di động tại Việt Nam. Thực hiện việc xác thực tài khoản người chơi bằng số điện thoại di động tại Việt Nam, bảo đảm chỉ những tài khoản đã xác thực mới được tham gia chơi trò chơi; trường hợp người chơi dưới 16 tuổi thì cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự đăng ký tài khoản bằng thông tin của cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự và có trách nhiệm giám sát và quản lý thời gian chơi, nội dung trò chơi của người chơi dưới 16 tuổi truy cập; thực hiện xóa thông tin của người chơi sau khi hết hạn thời gian lưu trữ theo quy định;

- Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm quản lý thời gian chơi trong ngày (từ 00h00 đến 24h00) của người chơi dưới 18 tuổi không quá 60 phút đối với từng

trò chơi nhưng không quá 180 phút một ngày đối với tất cả trò chơi dành cho người chơi dưới 18 tuổi do doanh nghiệp cung cấp;

- Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm hiển thị liên tục kết quả phân loại trò chơi theo độ tuổi đối với tất cả các trò chơi do doanh nghiệp cung cấp khi giới thiệu, quảng cáo và phát hành; có thông tin khuyến cáo với nội dung “Chơi quá 180 phút một ngày sẽ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe” tại vị trí dễ nhận biết ở diễn đàn của trò chơi (nếu có) và trên màn hình thiết bị của người chơi theo tần suất 30 phút/lần trong quá trình chơi trò chơi;

- Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm quản lý nội dung trao đổi, chia sẻ trong trò chơi và trên diễn đàn của trò chơi (nếu có) theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP;

- Có biện pháp quản lý nội dung, thông tin tài khoản người chơi bảo đảm lưu trữ đầy đủ, cập nhật liên tục, chính xác thông tin về quá trình sử dụng dịch vụ của người chơi bao gồm: Tên tài khoản, thời gian sử dụng dịch vụ, các thông tin có liên quan đến việc sở hữu vật phẩm ảo, đơn vị ảo, điểm thưởng của người chơi;

- Có phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin, chất lượng dịch vụ và quyền lợi chính đáng của người chơi;

- Có phương án dự phòng về thiết bị và kết nối, phương án sao lưu dữ liệu để bảo đảm an toàn hệ thống khi có sự cố xảy ra.

***l) Căn cứ pháp lý:***

Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

..., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP  
CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G1 TRÊN MẠNG**Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch  
(Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa) .....
- Tên giao dịch quốc tế: .....
- Tên viết tắt: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Địa chỉ văn phòng giao dịch:.....Điện thoại: .....Fax: ...
- Website giới thiệu hoạt động của Công ty: .....
- Website cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng: .....
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:....  
do.... cấp ngày... tháng... năm... do....
4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: .....
- Chức vụ: ..... Số điện thoại liên lạc: .....
5. Địa chỉ đặt máy chủ và Tên doanh nghiệp cho thuê máy chủ, cho thuê chỗ  
đặt máy chủ:.....
6. Thời hạn đề nghị cấp phép: (tối đa 10 năm)
7. Tài liệu kèm theo: (theo quy định tại....)

**Phần 2. Tài liệu kèm theo** (quy định tại ..... Nghị định .....

1. ....

**Phần 3. Cam kết****1. Cam kết về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng:**

Công ty..... cam kết thực nghiệm các quyền và nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng, cụ thể như sau:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng theo quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về thanh toán và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Không lợi dụng việc cung cấp, sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử để đánh bạc, tổ chức đánh bạc, lừa đảo, kinh doanh trái pháp luật hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác.

- Không đứng tên làm đại lý cho tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài.

- Báo cáo và chịu sự thanh, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

## **2. Cam kết kế hoạch triển khai dịch vụ**

Căn cứ vào các nội dung được trình bày trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng, doanh nghiệp ..... cam kết triển khai cung cấp dịch vụ sau khi được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép; Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; thực hiện đúng các quy định về thanh toán và các quy định của pháp luật có liên quan.

## **3. Các nội dung cam kết khác**

- Doanh nghiệp cam kết hồ sơ doanh nghiệp nộp đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng là đúng sự thật, đúng với thực tế của doanh nghiệp và bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện về nhân sự, kỹ thuật, tài chính, quản lý nội dung, thông tin... theo quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng.

- Cam kết toàn bộ hệ thống hỗ trợ và kết nối thanh toán cho game là đặt tại Việt Nam và do doanh nghiệp chịu trách nhiệm quản lý, vận hành và kiểm soát tại Việt Nam.

Doanh nghiệp ..... cam kết nghiêm chỉnh chấp hành các biện pháp xử phạt theo quy định của Nhà nước và Quyết định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch khi vi phạm các cam kết nêu trên.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

.....

- Lưu:.....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU DOANH NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

### **33. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng**

#### **a) Trình tự thực hiện**

- Doanh nghiệp làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng trong thời hạn 10 ngày kể từ khi thay đổi các nội dung sau: Tên doanh nghiệp; Tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; Địa chỉ trụ sở chính, văn phòng giao dịch; Địa chỉ đặt hoặc thuê máy chủ.

- Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng tới Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ VHTTDL).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử thẩm định và cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp. Giấy phép sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày cấp sửa đổi, bổ sung tới ngày hết hiệu lực của Giấy phép được cấp ban đầu.

Trường hợp từ chối, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng theo Mẫu số 31 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 147/2024/NĐ-CP;

(2) Tài liệu, văn bản chứng minh các lý do cần sửa đổi, bổ sung (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng theo Mẫu số 31 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

#### **l) Căn cứ pháp lý:**

Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

TÊN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

... , ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG  
GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G1 TRÊN MẠNG**

Kính gửi: Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử.

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa) .....

- Tên giao dịch quốc tế: .....

- Tên viết tắt: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Địa chỉ văn phòng giao dịch:.....Điện thoại: .....Fax: ...

- Website giới thiệu hoạt động của Công ty: .....

- Website cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng: .....

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:....  
do.... cấp ngày... tháng... năm... do....4. Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đề nghị được  
sửa đổi, bổ sung:Giấy phép (*tên giấy phép*) số .... cấp ngày .... tháng ....năm .....**Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung**

1. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:

2. Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung

**Phần 3. Tài liệu kèm theo**

1.....

2.....

3.....



#### **Phần 4. Cam kết**

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định trong giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng sửa đổi, bổ sung.

*Nơi nhận:*

- Như trên;

.....

**XÁC NHẬN CỦA  
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/  
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

*Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).*

### **34. Thủ tục cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng**

#### **a) Trình tự thực hiện**

- Doanh nghiệp có Giấy phép bị mất, bị hư hại không còn sử dụng được thực hiện đề nghị cấp lại Giấy phép theo Mẫu số 33 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP, nộp 01 bộ hồ sơ tới Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ VHTTDL).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị hợp lệ, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử xem xét, cấp lại Giấy phép cho doanh nghiệp.

- Trường hợp từ chối, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Giấy phép được cấp lại có nội dung chính tương tự Giấy phép được đề nghị cấp lại và bao gồm thông tin: ngày cấp Giấy phép lần đầu, cấp sửa đổi, bổ sung (nếu có), ngày được cấp lại, số lần cấp lại.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng theo Mẫu số 33 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng theo Mẫu số 33 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

#### **l) Căn cứ pháp lý:**

Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

... , ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI  
GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G1 TRÊN MẠNG**

Kính gửi: Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử.

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa) .....

- Tên giao dịch quốc tế: .....

- Tên viết tắt: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Địa chỉ văn phòng giao dịch:.....Điện thoại: .....Fax: ...

- Website giới thiệu hoạt động của Công ty: .....

- Website cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng: .....

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:....  
do.... cấp ngày... tháng... năm... do....**Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp lại**

1. Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng

Giấy phép (tên giấy phép) số....cấp ngày .... tháng .... năm .....

2. Lý do đề nghị cấp lại

 Bị mất Bị rách Bị cháy Bị tiêu huỷ dưới hình thức khác (ghi rõ) Lý do khác (ghi rõ)

**Phần 3. Cam kết** (Tên doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định trong giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng cấp lại.

*Nơi nhận:*

- Như trên;

.....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU DOANH NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

*Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).*

### **35. Thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng**

#### ***a) Trình tự thực hiện***

- Chậm nhất 30 ngày trước khi hết hạn Giấy phép đã được cấp, doanh nghiệp muốn gia hạn Giấy phép đã được cấp gửi văn bản đề nghị Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị hợp lệ, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) thẩm định, cấp gia hạn Giấy phép. Việc xét gia hạn Giấy phép được thực hiện dựa trên việc doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong giấy phép phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng và các quy định của pháp luật về cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng.

Trường hợp từ chối, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

#### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng theo Mẫu số 32 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d) Thời hạn giải quyết:*** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***đ) Đối tượng thực hiện:*** Doanh nghiệp.

***e) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)

***g) Mẫu đơn, tờ khai:*** Đơn đề nghị gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng theo Mẫu số 32 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

***h) Kết quả thực hiện:*** Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng.

***i) Phí, lệ phí:*** Không quy định.

***k) Yêu cầu, điều kiện:*** Không quy định.

#### ***l) Căn cứ pháp lý:***

Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

... , ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP  
CUNG CẤP DỊCH VỤ CHƠI ĐIỆN TỬ G1 TRÊN MẠNG**

Kính gửi: Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử.

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa) .....

- Tên giao dịch quốc tế: .....

- Tên viết tắt: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Địa chỉ văn phòng giao dịch:.....Điện thoại: .....Fax: ...

- Website giới thiệu hoạt động của Công ty: .....

- Website cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng: .....

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:....  
do.... cấp ngày... tháng... năm... do....

4. Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đề nghị được gia hạn:

Giấy phép (*tên giấy phép*) số.... cấp ngày ....tháng ....năm .....**Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn**

Lý do đề nghị gia hạn .....

Thời hạn đề nghị được gia hạn: .... năm .... tháng

**Phần 3. Tài liệu kèm theo**

1. ....

2. ....

**Phần 4. Cam kết**

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định trong giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng gia hạn.

*Nơi nhận:*

- Như trên;

.....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

*Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).*

### **36. Thủ tục công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình**

#### **a) Trình tự thực hiện**

- Đơn vị cung cấp dịch vụ gửi hồ sơ công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình đến Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ VHTTDL).

- Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ khi nhận được hồ sơ công bố chất lượng dịch vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử có trách nhiệm:

+ Ban hành “Bản tiếp nhận công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình” trong trường hợp hồ sơ phù hợp theo mẫu quy định;

+ Trả lời đơn vị cung cấp dịch vụ bằng văn bản, nêu rõ lý do không ban hành “Bản tiếp nhận công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình” trong trường hợp hồ sơ không phù hợp.

- Sau khi được cấp “Bản tiếp nhận công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình”, đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm:

+ Công bố “Bản công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình” và “Danh mục các chỉ tiêu chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình” trên trang thông tin điện tử của đơn vị theo quy định.

+ Niêm yết “Bản công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình” và “Danh mục các chỉ tiêu chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình” tại nơi dễ dàng đọc được ở tất cả các điểm giao dịch.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Công văn về việc công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

(2) Bản công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

(3) Danh mục các chỉ tiêu chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ VHTTDL).

#### **g) Mẫu đơn, tờ khai:**

- Công văn về việc công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình theo mẫu tại Phụ lục I của Thông tư số 24/2016/TT-BTTTT;

- Bản công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình theo mẫu tại Phụ lục II của Thông tư số 24/2016/TT-BTTTT;



- Danh mục các chỉ tiêu chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình theo mẫu tại Phụ lục III của Thông tư số 24/2016/TT-BTTTT.

**h) Kết quả thực hiện:** Bản tiếp nhận công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Thông tư số 24/2016/TT-BTTTT ngày 15/11/2016 quy định về quản lý chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

**Phụ lục I**

**ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /  
 V/v công bố chất lượng dịch vụ  
 phát thanh, truyền hình.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

1. Tên đơn vị cung cấp dịch vụ:

Địa chỉ:  
 Điện thoại:  
 Fax:  
 Website:  
 E-mail:

2. Công bố chất lượng:

Dịch vụ: ...*(tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ nhất)* ...  
 Phương thức cung cấp dịch vụ (*quảng bá/ trả tiền*) .....  
 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng (*số hiệu và tên Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia*): ...

Dịch vụ: ...*(tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ hai – nếu có)* ...  
 Phương thức cung cấp dịch vụ (*quảng bá/ trả tiền*) .....  
 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng (*số hiệu và tên Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia*): .....

3. Tài liệu kèm theo:

- a) Bản công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình số ... ngày... tháng ... năm...;  
 b) Danh mục các chỉ tiêu chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

4. *(Đơn vị cung cấp dịch vụ)* cam kết:

- a) Thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về quản lý chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình;  
 b) Đảm bảo chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình như mức công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;  
 -.....  
 - Lưu ...

Đơn vị cung cấp dịch vụ  
*( Ký tên, đóng dấu )*

## Phụ lục II

ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỊCH VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BẢN CÔNG BỐ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH**

Số ....

Đơn vị cung cấp dịch vụ: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Website: .....

Email: .....

**CÔNG BỐ**Chất lượng dịch vụ: ...(*tên dịch vụ thứ nhất*) . . . . .Phương thức cung cấp dịch vụ (*quảng bá/ trả tiền*).....Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật (*số hiệu và tên Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia*): ... (Danh mục các chỉ tiêu chất lượng kèm theo).

Thông tin bổ sung (nếu có):.....

Chất lượng dịch vụ: ...(*tên dịch vụ thứ hai – nếu có*) . . . . .Phương thức cung cấp dịch vụ (*quảng bá/ trả tiền*).....Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật (*số hiệu và tên Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia*): ... (Danh mục các chỉ tiêu chất lượng kèm theo).

Thông tin bổ sung (nếu có):.....

.....

....., ngày ... tháng ... năm...

Đơn vị cung cấp dịch vụ

*(ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục III****DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG  
DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH**

*(Kèm theo bản công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình số .....ngày ... tháng... năm ..... của...(tên đơn vị cung cấp dịch vụ)...)*

**Dịch vụ:** ...*(tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ nhất)...*

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia <i>(số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)</i>	Mức công bố	Ghi chú
1				
2				
...				

**Dịch vụ:** ...*(tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ hai – nếu có)...*

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia <i>(số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)</i>	Mức công bố	Ghi chú
1				
2				
...				

**Dịch vụ:** ...*(tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ n – nếu có)...*

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia <i>(số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)</i>	Mức công bố	Ghi chú
1				
2				
...				

....., ngày ... tháng ... năm.....

Đơn vị cung cấp dịch vụ  
*(ký tên, đóng dấu)*

### **37. Thủ tục thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới tại Việt Nam**

#### ***a) Trình tự thực hiện***

- Chậm nhất là 15 ngày trước khi bắt đầu kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới tại Việt Nam, các tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi thông báo đến Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ VHTTDL).

- Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tiếp nhận thông báo và có trách nhiệm gửi giấy xác nhận bằng văn bản hoặc qua phương tiện điện tử cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

#### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản thông báo cung cấp những nội dung sau:

+ Tên tổ chức, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính nơi đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ quảng cáo; địa điểm đặt hệ thống máy chủ chính cung cấp dịch vụ và hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam (nếu có);

+ Đầu mối liên hệ: Tên tổ chức, cá nhân đại diện tại Việt Nam (nếu có), địa chỉ email, điện thoại liên hệ.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d) Thời hạn giải quyết:*** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***đ) Đối tượng thực hiện:*** Tổ chức, cá nhân nước ngoài.

***e) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ VHTTDL).

***g) Mẫu đơn, tờ khai:*** Không quy định.

***h) Kết quả thực hiện:*** Giấy xác nhận.

***i) Phí, lệ phí:*** Không quy định.

***k) Yêu cầu, điều kiện:*** Không quy định.

#### ***l) Căn cứ pháp lý:***

- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.

- Nghị định số 70/2021/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.

### **38. Thủ tục thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam**

#### ***a) Trình tự thực hiện***

- Trong thời gian 60 ngày kể từ thời điểm có sử dụng dịch vụ cho thuê chỗ lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam hoặc có tổng số lượt truy cập từ Việt Nam (total visits) thường xuyên trong 01 tháng (số liệu thống kê trung bình trong thời gian 06 tháng liên tục) từ 100.000 (một trăm nghìn) lượt trở lên, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài phải thông báo thông tin liên hệ cho Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận được thông báo, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) gửi Giấy xác nhận cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

#### ***b) Cách thức thực hiện:***

- Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.
- Gửi qua thư điện tử (email) đến địa chỉ report\_abei@bvhttdl.gov.vn

#### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d) Thời hạn giải quyết:*** 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***đ) Đối tượng thực hiện:*** Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài.

***e) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)

***g) Mẫu đơn, tờ khai:*** Thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

***h) Kết quả thực hiện:*** Giấy xác nhận Thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

***i) Phí, lệ phí:*** Không quy định.

***k) Yêu cầu, điều kiện:*** Không quy định.

***l) Căn cứ pháp lý:***

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.
- Công văn số 48/CP-KGVX ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc đính chính Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

TÊN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

..., ngày ... tháng ... năm ...

**THÔNG BÁO THÔNG TIN LIÊN HỆ  
CỦA TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI  
CUNG CẤP THÔNG TIN XUYÊN BIÊN GIỚI VÀO VIỆT NAM**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch  
(Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Chúng tôi thông báo thông tin liên hệ của chúng tôi tại Việt Nam như sau:

**1. Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân:**

- Tên tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân: .....
- Tên giao dịch: .....
- Địa chỉ trụ sở chính nơi đăng ký hoạt động: .....
- Địa điểm đặt hệ thống máy chủ tại Việt Nam: .....

**2. Đầu mối liên hệ:**

- Tên tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đại diện liên hệ với Bộ Thông tin và Truyền thông: ....
- Địa chỉ tại Việt Nam (nếu có): .....
- Email: .....
- Điện thoại liên hệ:.....

**3.** Chúng tôi xác nhận rằng những thông tin do chúng tôi cung cấp trên đây là chính xác và cam kết chịu trách nhiệm về những thông tin này.

**XÁC NHẬN CỦA CÁ NHÂN/  
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/  
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)



### **39. Thủ tục Thông báo thông tin liên hệ của tài khoản mạng xã hội/trang cộng đồng/kênh nội dung/nhóm cộng đồng của cơ quan báo chí**

#### ***a) Trình tự thực hiện***

- Các cơ quan báo chí trong vòng 10 ngày sau khi thiết lập tài khoản, trang cộng đồng, kênh nội dung, nhóm cộng đồng trên mạng xã hội trong và ngoài nước có trách nhiệm Thông báo thông tin với Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận được thông báo, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) gửi Giấy xác nhận cho cơ quan báo chí theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

#### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Thông báo thông tin liên hệ tài khoản mạng xã hội/trang cộng đồng/kênh nội dung/nhóm cộng đồng của cơ quan báo chí theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d) Thời hạn giải quyết:*** 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***đ) Đối tượng thực hiện:*** Cơ quan báo chí.

***e) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)

***g) Mẫu đơn, tờ khai:*** Thông báo thông tin liên hệ tài khoản mạng xã hội/trang cộng đồng/kênh nội dung/nhóm cộng đồng của cơ quan báo chí theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

***h) Kết quả thực hiện:*** Giấy xác nhận thông báo thông tin liên hệ tài khoản mạng xã hội/trang cộng đồng/kênh nội dung/nhóm cộng đồng của cơ quan báo chí theo Mẫu số 13 tại Phụ lục Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

***i) Phí, lệ phí:*** Không quy định.

***k) Yêu cầu, điều kiện:*** Không quy định.

#### ***l) Căn cứ pháp lý:***

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**THÔNG BÁO THÔNG TIN LIÊN HỆ TÀI KHOẢN MẠNG XÃ HỘI/  
TRANG CỘNG ĐỒNG/KÊNH NỘI DUNG/NHÓM CỘNG ĐỒNG  
CỦA CƠ QUAN BÁO CHÍ**Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch  
(Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).**1. Thông tin cơ quan báo chí sở hữu tài khoản/trang cộng đồng/kênh nội dung/nhóm cộng đồng**

- Tên cơ quan báo chí:
- Số Giấy phép hoạt động báo chí: Ngày cấp phép: Cơ quan cấp phép:
- Địa chỉ tòa soạn:
- Điện thoại liên hệ tòa soạn:
- Hộp thư điện tử:
- Họ tên Tổng biên tập: Điện thoại liên hệ:

**2. Thông tin về tài khoản/trang cộng đồng/kênh nội dung/nhóm cộng đồng**

- Tên tài khoản/trang cộng đồng/kênh nội dung/nhóm cộng đồng:
- Tên mạng xã hội:
- Số lượng người sử dụng theo dõi/đăng ký:
- Định hướng lĩnh vực, nội dung cung cấp, trao đổi trên trang kênh, nhóm (giải trí, thể thao, giáo dục...):

**3. Cam kết**

(Tên cơ quan báo chí) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin nêu trên là đúng sự thật, đảm bảo tuân thủ theo đúng tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí đã được ghi trong giấy phép hoạt động báo chí.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về bản quyền; các văn bản pháp luật có liên quan hiện hành.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

.....

- Lưu:.....

**TỔNG BIÊN TẬP CƠ QUAN BÁO CHÍ**

(Ký tên, đóng dấu/ký số)

#### **40. Thủ tục cấp Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội**

##### **a) Trình tự thực hiện**

- Trước khi cung cấp dịch vụ mạng xã hội, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phải gửi thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 20 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP đến Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo hợp lệ, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) cấp Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 21 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP và gửi cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được cấp xác nhận thông báo một đoạn mã (thể hiện biểu tượng mạng xã hội đã thông báo) qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

- Trường hợp từ chối, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện gắn đoạn mã đã được cấp vào nội dung mô tả dịch vụ trên kho ứng dụng (nếu có) và trên mạng xã hội. Đoạn mã được liên kết đến mục số liệu cấp phép trên Cổng thông tin điện tử của Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 20 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

(2) Bản sao hợp lệ (bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao chứng thực điện tử hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc) một trong các loại giấy tờ: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định thành lập (hoặc bản sao hợp lệ giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14); Điều lệ hoạt động (đối với các tổ chức hội, đoàn thể).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 20 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 21 tại Phụ lục Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:**

(1) Là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam, có chức năng, nhiệm vụ hoặc ngành nghề đăng ký kinh doanh đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp phù hợp với dịch vụ mạng xã hội cung cấp.

(2) Đã đăng ký sử dụng tên miền để cung cấp dịch vụ mạng xã hội và đáp ứng quy định tại Điều 26 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không phải là cơ quan báo chí, tên miền, tên trang không được giống hoặc trùng với tên cơ quan báo chí hoặc có những từ ngữ (bằng tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài tương đương) có thể gây nhầm lẫn là cơ quan báo chí hoặc hoạt động báo chí như: Báo, đài, tạp chí, tin, tin tức, phát thanh, truyền hình, truyền thông, thông tấn, thông tấn xã.

- Mạng xã hội sử dụng tên miền “.vn” là tên miền chính và lưu trữ dữ liệu người sử dụng dịch vụ tại hệ thống máy chủ có địa chỉ IP ở Việt Nam.

- Tên miền “.vn” phải được cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép đăng ký sử dụng, còn thời hạn sử dụng ít nhất là 06 tháng tại thời điểm đề nghị cấp phép và phải tuân thủ quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet. Đối với tên miền quốc tế phải có xác nhận sử dụng tên miền hợp pháp cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép.

(3) Đáp ứng các điều kiện về tổ chức, nhân sự và kỹ thuật theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

(3.1) Điều kiện về tổ chức, nhân sự:

- Có bộ phận quản lý nội dung, thông tin và bộ phận quản lý kỹ thuật. Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung, thông tin là người có quốc tịch Việt Nam;

- Có trụ sở chính với địa chỉ và số điện thoại liên hệ rõ ràng và liên hệ được.

(3.2) Điều kiện về kỹ thuật:

Thiết lập hệ thống thiết bị kỹ thuật có khả năng đáp ứng các yêu cầu sau:

- Lưu trữ tối thiểu 02 năm đối với các thông tin về tài khoản, thời gian đăng nhập, đăng xuất, địa chỉ IP của người sử dụng dịch vụ và nhật ký xử lý thông tin được đăng tải; thực hiện xóa thông tin của người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam sau khi hết hạn thời gian lưu trữ theo quy định của pháp luật;

- Tiếp nhận và xử lý cảnh báo thông tin vi phạm từ người sử dụng dịch vụ;

- Phát hiện, cảnh báo và ngăn chặn truy nhập bất hợp pháp, các hình thức tấn công trên môi trường mạng và tuân theo những tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn thông tin mạng theo quy định của pháp luật;

- Có phương án dự phòng bảo đảm duy trì hoạt động an toàn, liên tục và khắc phục khi có sự cố xảy ra, trừ những trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật;

- Đảm bảo phải có ít nhất 01 hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam, cho phép tại thời điểm bất kỳ có thể đáp ứng việc thanh tra, kiểm tra, lưu trữ, cung cấp thông tin trên toàn bộ các trang thông tin điện tử, mạng xã hội do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sở hữu theo quy định.

(3.3) Ngoài việc bảo đảm các điều kiện kỹ thuật theo quy định trên, hệ thống kỹ thuật thiết lập mạng xã hội phải có khả năng đáp ứng các yêu cầu sau:

- Lưu trữ thông tin của người sử dụng dịch vụ từ Việt Nam khi đăng ký tài khoản mạng xã hội, bao gồm: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số điện thoại di động tại Việt Nam (hoặc số định danh cá nhân); trường hợp người sử dụng dịch vụ là trẻ em (dưới 16 tuổi) thì cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự của trẻ em đăng ký tài khoản bằng thông tin của cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự của trẻ em và có trách nhiệm giám sát, quản lý nội dung trẻ em truy cập, đăng tải và chia sẻ thông tin trên mạng xã hội;

- Thực hiện xác thực tài khoản của người sử dụng dịch vụ mạng xã hội bằng số điện thoại di động tại Việt Nam. Chỉ trong trường hợp người sử dụng xác nhận không có số điện thoại di động tại Việt Nam, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội thực hiện xác thực tài khoản bằng số định danh cá nhân theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử.

Trường hợp người sử dụng dịch vụ sử dụng tính năng livestream với mục đích thương mại, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội thực hiện xác thực tài khoản bằng số định danh cá nhân theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử.

Bảo đảm chỉ những tài khoản đã xác thực mới được đăng tải thông tin (viết bài, bình luận, livestream) và chia sẻ thông tin trên mạng xã hội.

- Ngăn chặn hoặc loại bỏ thông tin vi phạm các quy định tại Điều 8 Luật An ninh mạng, vi phạm quy định về sở hữu trí tuệ khi có yêu cầu từ Bộ VHTTDL, Bộ Công an, hoặc cơ quan có thẩm quyền theo pháp luật chuyên ngành;

- Thiết lập cơ chế cảnh báo và sử dụng các công cụ lọc thông tin khi người sử dụng đăng thông tin có nội dung vi phạm Điều 8 Luật An ninh mạng.

(4) Có biện pháp quản lý nội dung, thông tin theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Có Thỏa thuận cung cấp và sử dụng dịch vụ mạng xã hội bảo đảm đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 29 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP; đăng tải Thỏa thuận cung cấp và sử dụng dịch vụ mạng xã hội trên trang chủ mạng xã hội; bảo đảm người sử dụng dịch vụ phải đồng ý Thỏa thuận cung cấp và sử dụng dịch vụ mạng xã hội (bằng phương thức điện tử) thì mới có thể sử dụng được các dịch vụ, tính năng của mạng xã hội;

- Có nhân sự trực 24/7 để xử lý các vấn đề gồm: Tiếp nhận, xử lý và phản hồi các yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam; giải quyết và phản hồi khiếu nại từ người sử dụng dịch vụ Việt Nam;
- Có giải pháp kiểm duyệt nội dung đăng tải trên mạng xã hội;
- Có biện pháp bảo vệ thông tin của người sử dụng dịch vụ;
- Bảo đảm quyền quyết định của người sử dụng dịch vụ trong việc cho phép thu thập thông tin của mình hoặc cung cấp cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân khác;
- Không sắp xếp nội dung đăng tải của người sử dụng theo các chuyên mục cố định; không đăng tải hoặc cho người sử dụng (bao gồm cả nhân sự của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội) sản xuất nội dung dưới hình thức phóng sự, điều tra, phỏng vấn báo chí và đăng tải lên mạng xã hội. Đối với các cơ quan báo chí đăng tải nội dung trên mạng xã hội thì thực hiện theo quy định tại điểm g khoản 6 Điều 24 Nghị định 147/2024/NĐ-CP;
- Phân loại và hiển thị cảnh báo các nội dung không phù hợp với trẻ em; triển khai giải pháp bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em.

***l) Căn cứ pháp lý:***

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.
- Công văn số 48/CP-KGVX ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc đính chính Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

....., ngày ... tháng ... năm ...

## THÔNG BÁO CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch  
(Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội như sau:

### Phần 1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội: ....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Địa chỉ trụ sở giao dịch:...

- Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: ..... do .... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...

- Điện thoại: ..... Website .....

### Phần 2. Mô tả tóm tắt về thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội

1. Tên mạng xã hội (nếu có):

2. Mục đích cung cấp dịch vụ mạng xã hội: .....

3. Loại hình dịch vụ mạng xã hội: (dịch vụ tạo tài khoản, kênh (channel) cung cấp nội dung, trang thông tin điện tử cá nhân ...). .....

4. Phương thức cung cấp dịch vụ: .....

a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền: .....

b) Qua ứng dụng ... phân phối trên kho ứng dụng: .....

5. Quy trình quản lý: ...

6. Nhà cung cấp dịch vụ kết nối Internet: .....

7. Địa điểm đặt hệ thống máy chủ cung cấp dịch vụ tại Việt Nam: .....

8. Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung thông tin trên mạng xã hội:

a) Nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật:

- Họ và tên: .....

- Chức danh: .....

- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động): .....

b) Nhân sự quản lý nội dung:

- Họ và tên: .....

- Chức danh: .....

- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động): .....

### **Phần 3. Tài liệu kèm theo**

1. ....

2. ....

### **Phần 4. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; tuân thủ nghiêm các quy định về trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội.

*Nơi nhận:*

- Như trên;

.....

- Lưu:.....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*



## **41. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội**

### ***a) Trình tự thực hiện***

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội phải làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận trong những trường hợp sau: Thay đổi cơ quan chủ quản (nếu có); thay đổi tên của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp; thay đổi địa chỉ trụ sở chính; thay đổi địa điểm đặt máy chủ; thay đổi nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật và nhân sự quản lý nội dung; thay đổi tên trang (nếu có); thay đổi, bổ sung nội dung thông tin trên trang thông tin điện tử tổng hợp, phương thức cung cấp thông tin (tên miền, hệ thống phân phối ứng dụng) đối với trang thông tin điện tử tổng hợp; thay đổi tên của mạng xã hội (nếu có), loại hình dịch vụ, phạm vi cung cấp dịch vụ (tên miền, hệ thống phân phối ứng dụng) đối với mạng xã hội.

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đến Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) thẩm định, cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đã cấp theo Mẫu số 21 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP sau khi cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung và ghi rõ ngày cấp Giấy xác nhận lần đầu, ngày cấp sửa đổi, bổ sung. Giấy xác nhận sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày cấp sửa đổi, bổ sung tới ngày hết hiệu lực của Giấy xác nhận được cấp ban đầu.

- Trường hợp từ chối, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 24 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

(2) Các tài liệu chứng minh có liên quan (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d) Thời hạn giải quyết:*** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***đ) Đối tượng thực hiện:*** Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

***e) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)

***g) Mẫu đơn, tờ khai:*** Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 24 ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 21 tại Phụ lục Nghị định số 147/2024/NĐ-CP sau khi cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung và ghi rõ ngày cấp Giấy xác nhận lần đầu, ngày cấp sửa đổi, bổ sung.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Công văn số 48/CP-KGVX ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc đính chính Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY XÁC NHẬN  
THÔNG BÁO CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch  
(Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) thay đổi nội dung thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên cơ quan chủ quản (nếu có):.....
2. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp: .....
3. Địa chỉ trụ sở chính:.....
4. Địa chỉ trụ sở giao dịch:.....
5. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: ..... do .... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...

6. Điện thoại: ..... Website .....

7. Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội số: .....

**Phần 2. Mô tả tóm tắt về thay đổi thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội**

1. Nội dung thay đổi:

2. Lý do thay đổi:

**Phần 3. Tài liệu kèm theo**

1. ....
2. ....

**Phần 4. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; tuân thủ nghiêm các quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

- Lưu:.....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

## **42. Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có Giấy xác nhận bị mất, bị hư hại không còn sử dụng được thực hiện đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đến Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đến Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) xem xét, cấp lại Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 21 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Trường hợp từ chối, cơ quan có thẩm quyền Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp lại giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Không quy định.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo Mẫu số 21 tại Phụ lục Nghị định số 147/2024/NĐ-CP có nội dung chính tương tự Giấy xác nhận được đề nghị cấp lại và bao gồm thông tin: ngày cấp Giấy xác nhận lần đầu, cấp sửa đổi, bổ sung (nếu có), ngày được cấp lại, số lần cấp lại.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

### **l) Căn cứ pháp lý:**

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Công văn số 48/CP-KGVX ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc đính chính Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

## II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

### 1. Thủ tục cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh

#### a) *Trình tự thực hiện*

- Các đối tượng sau đây phải thực hiện đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao (Sở VH TTDL/Sở VH TT) nơi thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu:

(1) Các đối tượng được thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh để khai thác thông tin phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ:

- Các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội ở trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Các cơ quan báo chí;

- Các cơ quan, tổ chức ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam;

- Văn phòng đại diện, văn phòng thường trú của các hãng thông tấn, báo chí nước ngoài tại Việt Nam.

(2) Các tổ chức có người nước ngoài làm việc, hộ gia đình và cá nhân người nước ngoài chỉ được thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh nếu các kênh chương trình đó chưa được cung cấp trên hệ thống truyền hình trả tiền của Việt Nam tại địa phương nơi tổ chức, gia đình và cá nhân đó thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu.

(3) Các doanh nghiệp có Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh không qua biên tập để cung cấp cho các khách sạn đã được đăng ký hoạt động hợp pháp có người nước ngoài lưu trú.

- Sở VH TTDL/Sở VH TT có trách nhiệm quản lý và xét cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh trên địa bàn được giao quản lý.

- Trong thời hạn 12 (mười hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở VH TTDL/Sở VH TT có trách nhiệm xét cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh. Trường hợp không cấp đăng ký, Sở VH TTDL/Sở VH TT có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh có hiệu lực tối đa 05 (năm) năm kể từ ngày cấp nhưng không vượt quá thời hạn có hiệu lực ghi trong Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Thẻ thường trú, Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

**b) *Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện.

**c) *Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ khai đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh (Mẫu số 07/DVTHTT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT);

(2) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu các loại giấy tờ sau: Giấy phép thành lập hoặc văn bản pháp lý tương đương đối với các tổ chức quy định tại Khoản 2 Điều 29 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP; Thẻ thường trú hoặc giấy tờ pháp lý tương đương đối với hộ gia đình, cá nhân người nước ngoài quy định tại Khoản 3 Điều 29 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP; văn bản đăng ký hoạt động của khách sạn quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 29 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP; Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đối với doanh nghiệp quy định tại Khoản 6 Điều 29 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;

(3) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản thuê, mượn địa điểm lắp đặt thiết bị trong trường hợp thiết bị không được lắp đặt tại địa điểm ghi trong Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Thẻ thường trú, Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân người nước ngoài.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở VH TTDL/Sở VH TT.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Tờ khai đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh (Mẫu số 07/DVTHTT ban hành kèm theo Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT).

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;

- Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư

số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20..

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THU TÍN HIỆU TRUYỀN HÌNH NƯỚC NGOÀI  
TRỰC TIẾP TỪ VỆ TINH**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao  
tỉnh, thành phố.....

**1. Thông tin chung:**

- Tên (*doanh nghiệp/ tổ chức/ cá nhân*) đăng ký thu/ làm đầu mối thiết lập thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh/ (ghi bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Điện thoại: ..... - Fax: .....

- Email (nếu có): .....

- Website (nếu có): .....

- Giấy phép thành lập/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số.....do.....cấp ngày.....tháng.....năm....(đối với doanh nghiệp/ tổ chức)

- Thẻ thường trú số.... do.....cấp ngày.....tháng.....năm.....(đối với cá nhân)

- Văn bản thuê, mượn địa điểm (nếu có): (ghi rõ số văn bản, thời gian, thời hạn của hợp đồng).

- Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số...do....cấp....ngày....tháng...năm...(chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp đăng ký làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh).

- Giấy chứng nhận đăng ký (thu tín hiệu/ đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu) truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh số.....do ....ngày.....tháng .....năm (áp dụng đối với trường hợp đề nghị sửa đổi/bổ sung)

**2. Đăng ký dịch vụ:** (Đánh dấu  vào ô trống phù hợp)

2.1. Đăng ký sử dụng thiết bị thu tín hiệu truyền hình để thu tín hiệu kênh truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh

2.2. Đăng ký sử dụng dịch vụ thu tín hiệu kênh truyền hình trực tiếp từ vệ tinh của doanh nghiệp

2.3. Đăng ký làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu các kênh truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.

**3. Nội dung chi tiết:**

3.1. Tên các kênh chương trình thu:



STT	Tên/ biểu tượng kênh chương trình	Loại kênh/ nội dung kênh chương trình	Tên hãng sản xuất/ sở hữu kênh chương trình

3.2. Mục đích và phạm vi sử dụng: .....

3.3. Thiết bị sử dụng <sup>1\*</sup>:

- Anten: .....bộ

Ký, mã hiệu: .....

- Đầu thu: .....bộ

Ký, mã hiệu: .....

- Vệ tinh phát sóng.....

- Thông số phát sóng.....

3.4. Địa chỉ lắp đặt hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh (*áp dụng với trường hợp tự thiết lập thiết bị thu*) hoặc tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thu tín hiệu (*áp dụng với trường hợp sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp*): .....

3.5. Tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh/ âm thanh <sup>2†</sup>: .....

3.6. Tiêu chuẩn truyền dẫn tín hiệu đến người sử dụng <sup>3†</sup>: .....

(*Tổ chức/ doanh nghiệp/ cá nhân*) cam kết thực hiện đúng quy định trong giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- .....

- Lưu:

**THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC/ DOANH  
NGHIỆP HOẶC CÁ NHÂN**

(*Ký tên, đóng dấu*)

**VĂN BẢN KÈM THEO**

- Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập tổ chức...

- Bản sao Thẻ thường trú do...cấp

ngày...tháng....năm.....(đối với cá nhân)

- Bản sao có chứng thực văn bản thuê, mượn địa điểm...

*Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể. Ký tên, đóng dấu được hiểu là ký thường hoặc ký số.*

<sup>1</sup> Đối tượng thuộc mục 2.2 không phải kê khai thông tin này. Đối tượng thuộc mục 2.3, trường hợp thu tín hiệu qua Internet: (1) không phải kê khai thông tin tại mục Anten, Đầu thu, Vệ tinh phát sóng; (2) kê khai đầy đủ tên thiết bị sử dụng và địa chỉ Internet xác định để phát, thu tín hiệu kênh chương trình tại mục Thông số phát sóng.

<sup>2</sup> Chỉ áp dụng cho đối tượng thuộc trường hợp tại mục 2.3

<sup>3</sup> Chỉ áp dụng cho đối tượng thuộc trường hợp tại mục 2.3

UBND TỈNH ....  
SỐ .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCN-TVRO

....., ngày tháng năm 20....

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THU TÍN HIỆU  
TRUYỀN HÌNH NƯỚC NGOÀI TRỰC TIẾP TỪ VỆ TINH**  
(*Có giá trị đến hết ngày..... tháng.....năm.....*)  
*Cấp lần đầu ngày.....tháng .....năm ...*  
*Cấp.....ngày.....tháng.....năm.....*

**SỐ ..... CHỨNG NHẬN:**

- Tên (*doanh nghiệp/ tổ chức/ cá nhân*) (*ghi bằng chữ in hoa*): .....  
 - Địa chỉ trụ sở chính: .....  
 - Điện thoại: ..... - Fax: .....  
 - Email (nếu có): .....  
 - Website (nếu có): .....  
 - Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số  
 ...do...cấp...ngày...tháng...năm<sup>(1)</sup>

2. Được thu tín hiệu kênh truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh, gồm:

Số TT	Tên/ biểu tượng kênh chương trình	Loại kênh/ nội dung kênh chương trình	Tên hãng sản xuất/ sở hữu kênh chương trình

3. Mục đích và phạm vi sử dụng: .....

4. Địa điểm lắp đặt hệ thống thiết bị thu tín hiệu kênh truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh:

- Địa chỉ lắp đặt thiết bị thu tín hiệu để thu các kênh truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh (*áp dụng với trường hợp tự thiết lập hệ thống thiết bị thu*):  
 .....

- Địa chỉ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thu tín hiệu: .....

5. Thiết bị sử dụng: <sup>(2)</sup>

- Anten: .....bộ

Ký hiệu, mã hiệu: .....

- Đầu thu: .....bộ

Ký hiệu, mã hiệu: .....

- Vệ tinh phát sóng: .....

- Thông số phát sóng: .....

6. Tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh/ âm thanh: .....<sup>(1)</sup>

7. Tiêu chuẩn truyền dẫn tín hiệu đến người sử dụng: .....<sup>(1)</sup>

8. Giấy chứng nhận đăng ký (*thu tín hiệu/ đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu*) truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh có hiệu lực kể từ ngày ký thay thế cho Giấy chứng nhận số .....

**Nơi nhận:**

- Doanh nghiệp/ tổ chức/ cá nhân được cấp chứng nhận;
- Cục PTT & TTĐT;
- .....
- Lưu:

**GIÁM ĐỐC**

**SỞ** .....

(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

- Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy Chứng nhận cụ thể.
- Các mục đánh dấu <sup>(1)</sup>: Chỉ dành cho doanh nghiệp làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.
- Các mục đánh dấu <sup>(2)</sup>: Không áp dụng cho các tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng dịch vụ thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh qua doanh nghiệp làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.
- Ký tên, đóng dấu được hiểu là ký thường hoặc ký số.

## **2. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Tổ chức có nhu cầu lập hồ sơ gửi đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết tắt là Sở VH TTDL/Sở VH TT) nơi lắp đặt thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh;

- Trong thời hạn 8 (tám) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở VH TTDL/Sở VH TT có trách nhiệm xét cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh. Trường hợp không cấp đăng ký, Sở VH TTDL/Sở VH TT có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung;

(2) Đối với trường hợp thay đổi địa điểm lắp đặt, cần có bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản chứng minh quyền sở hữu, thuê, mượn địa điểm mới.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân người nước ngoài.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở VH TTDL/Sở VH TT.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Không quy định.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

### **l) Căn cứ pháp lý:**

- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.

### **3. Thủ tục cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp**

#### **a) Trình tự thực hiện**

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp nộp 01 bộ hồ sơ tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết tắt là Sở VHTTDL/Sở VHTT).

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở VHTTDL/Sở VHTT xem xét cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo mẫu quy định và gửi cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép một đoạn mã (thể hiện biểu tượng trang thông tin điện tử tổng hợp đã được cấp phép) qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

Trường hợp từ chối, Sở VHTTDL/Sở VHTT có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện gắn đoạn mã đã được cấp vào nội dung mô tả dịch vụ trên kho ứng dụng (nếu có) và trang thông tin điện tử tổng hợp. Đoạn mã được liên kết đến mục số liệu cấp phép trên Cổng thông tin điện tử của Sở VHTTDL/Sở VHTT địa phương.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

(2) Bản sao hợp lệ (bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao chứng thực điện tử hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc) một trong các loại giấy tờ: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định thành lập (hoặc bản sao hợp lệ giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14); Điều lệ hoạt động (đối với các tổ chức hội, đoàn thể);

Quyết định thành lập hoặc Điều lệ hoạt động phải có chức năng nhiệm vụ phù hợp với nội dung thông tin cung cấp trên trang thông tin điện tử tổng hợp.

(3) Đề án hoạt động có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép, bao gồm các nội dung chính: Mục đích cung cấp thông tin, nội dung thông tin, các chuyên mục dự kiến, nguồn tin, bản in trang chủ và các trang chuyên mục chính; phương án nhân sự, kỹ thuật, quản lý nội dung, thông tin bảo đảm hoạt động của trang thông tin điện tử tổng hợp phù hợp với các quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 25 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP; thông tin địa điểm đặt hệ thống máy chủ tại Việt Nam; trường hợp liên kết với cơ quan báo chí để sản xuất nội dung cần nêu rõ tỷ lệ tin bài liên kết, cơ chế hợp tác, sản xuất, biên tập, cơ chế kiểm duyệt tin bài, đăng phát trên trang thông tin điện tử tổng hợp.

(4) Bản in/bản scan màu (nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính) hoặc bản chụp (nộp qua dịch vụ công trực tuyến) giao diện trang chủ và các trang chuyên mục chính; trang chủ phải có đầy đủ thông tin dự kiến theo quy định tại khoản 9 Điều 24 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

(5) Bản sao hợp lệ (bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao chứng thực điện tử hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc) văn bản thỏa thuận hợp tác nguồn tin giữa trang thông tin điện tử tổng hợp và cơ quan báo chí cần có các thông tin cơ bản sau: Thời hạn thỏa thuận; phạm vi nội dung được dẫn lại; trách nhiệm quản lý nội dung, thông tin mỗi bên (cơ quan báo chí có trách nhiệm thông báo cho trang thông tin điện tử tổng hợp để kịp thời cập nhật thông tin đã sửa đổi);

Đối với văn bản thỏa thuận hợp tác để liên kết sản xuất nội dung giữa trang thông tin điện tử tổng hợp với cơ quan báo chí phải ghi rõ: Cơ chế hợp tác sản xuất tin bài, cơ quan báo chí chịu trách nhiệm về nội dung các tin bài trong phạm vi liên kết; lĩnh vực hợp tác sản xuất nội dung (tuân thủ quy định tại điểm c khoản 5 Điều 24 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP) và cam kết tuân thủ các quy định tại điểm g khoản 1 Điều 28 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không thuộc các đối tượng quy định tại điểm c khoản 8 Điều 24 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP và có trụ sở chính hoạt động tại địa phương.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở VH TTDL/Sở VH TT.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:**

(1) Là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam, có chức năng, nhiệm vụ hoặc ngành nghề đăng ký kinh doanh đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp phù hợp với dịch vụ và nội dung thông tin cung cấp.

(2) Đã đăng ký sử dụng tên miền để thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp và đáp ứng quy định tại Điều 26 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không phải là cơ quan báo chí, tên miền, tên trang không được giống hoặc trùng với tên cơ quan báo chí hoặc có những từ ngữ (bằng tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài tương đương) có thể gây nhầm lẫn là cơ quan báo chí hoặc hoạt động báo chí như: Báo, đài, tạp chí, tin, tin tức, phát thanh, truyền hình, truyền thông, thông tấn, thông tấn xã.

- Trang thông tin điện tử tổng hợp sử dụng tên miền “.vn” là tên miền chính và lưu trữ dữ liệu người sử dụng dịch vụ tại hệ thống máy chủ có địa chỉ IP ở Việt Nam.

- Tên miền “.vn” phải được cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép đăng ký sử dụng, còn thời hạn sử dụng ít nhất là 06 tháng tại thời điểm đề nghị cấp phép và phải tuân thủ quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet. Đối với tên miền quốc tế phải có xác nhận sử dụng tên miền hợp pháp cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép.

- Trang thông tin điện tử tổng hợp do cơ quan chuyên môn ở địa phương cấp phép không sử dụng tên miền có dãy ký tự trùng với tên địa phương khác.

(3) Đáp ứng các điều kiện về tổ chức, nhân sự và kỹ thuật theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

(3.1) Điều kiện về tổ chức, nhân sự:

- Có bộ phận quản lý nội dung, thông tin và bộ phận quản lý kỹ thuật. Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung, thông tin là người có quốc tịch Việt Nam;

- Có trụ sở chính với địa chỉ và số điện thoại liên hệ rõ ràng và liên hệ được.

(3.2) Điều kiện về kỹ thuật:

Thiết lập hệ thống thiết bị kỹ thuật có khả năng đáp ứng các yêu cầu sau:

- Đối với trang thông tin điện tử tổng hợp: Lưu trữ tối thiểu 90 ngày đối với nội dung thông tin tổng hợp kể từ thời điểm đăng tải; lưu trữ tối thiểu 02 năm đối với nhật ký xử lý thông tin được đăng tải;

- Tiếp nhận và xử lý cảnh báo thông tin vi phạm từ người sử dụng dịch vụ;

- Phát hiện, cảnh báo và ngăn chặn truy nhập bất hợp pháp, các hình thức tấn công trên môi trường mạng và tuân theo những tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn thông tin mạng theo quy định của pháp luật;

- Có phương án dự phòng bảo đảm duy trì hoạt động an toàn, liên tục và khắc phục khi có sự cố xảy ra, trừ những trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật;

- Đảm bảo phải có ít nhất 01 hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam, cho phép tại thời điểm bất kỳ có thể đáp ứng việc thanh tra, kiểm tra, lưu trữ, cung cấp thông tin trên toàn bộ các trang thông tin điện tử do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sở hữu theo quy định.

(4) Có biện pháp quản lý nội dung, thông tin theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Có quy trình quản lý nội dung, thông tin: Xác định phạm vi nguồn thông tin khai thác, cơ chế quản lý, kiểm tra thông tin trước và sau khi đăng tải;

- Có cơ chế kiểm soát nguồn tin, đảm bảo thông tin tổng hợp đăng tải không vi phạm bản quyền, phải chính xác theo đúng nội dung nguồn; nội dung dẫn lại chỉ được phát hành theo đúng thời gian trong thỏa thuận (bằng văn bản) giữa cơ quan báo chí và trang thông tin điện tử tổng hợp nhưng không sớm hơn 01 giờ

tính từ thời điểm phát hành nội dung nguồn; nội dung dẫn lại phải gỡ ngay sau khi nội dung nguồn bị gỡ (không chậm hơn 03 giờ sau khi nội dung nguồn bị gỡ);

- Có công cụ bằng phương tiện điện tử để tiếp nhận, xử lý khiếu nại của người sử dụng dịch vụ về nội dung, dịch vụ;

- Không cho đăng tải ý kiến nhận xét, bình luận của độc giả về nội dung tin, bài được dẫn lại;

- Nội dung tổng hợp ghi rõ tên tác giả và tên nguồn tin (viết đầy đủ tên nguồn tin), thời gian cơ quan báo chí đăng, phát thông tin đó, đặt đường dẫn liên kết đến bài viết nguồn ngay cuối bài dẫn lại;

- Tách riêng các chuyên mục trao đổi, hỏi đáp liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, dịch vụ, sản phẩm, ngành nghề phục vụ cho hoạt động của chính cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đó;

- Đối với trang thông tin điện tử tổng hợp có hoạt động liên kết sản xuất nội dung với cơ quan báo chí: Không liên kết sản xuất các nội dung liên quan đến điều tra, phản ánh các vấn đề ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; các cơ quan báo chí điện tử chịu trách nhiệm về thông tin liên kết trên trang thông tin điện tử tổng hợp; tỷ lệ tin bài liên kết không quá 50% tổng số tin bài phát hành của cơ quan báo chí đó trong 01 tháng; nhân viên, cộng tác viên của trang thông tin điện tử tổng hợp khi tham gia sản xuất nội dung liên kết không được lấy danh nghĩa phóng viên, biên tập viên, nhà báo;

- Có văn bản thỏa thuận hợp tác nguồn tin với ít nhất 03 cơ quan báo chí.

#### ***l) Căn cứ pháp lý:***

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.



TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THIẾT LẬP  
TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP**

Kính gửi:.....

*(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp như sau:*

**Phần I. Thông tin chung**

1. Tên cơ quan chủ quản (nếu có):...
2. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp:...
3. Địa chỉ trụ sở chính:...

Địa chỉ trụ sở giao dịch (nếu có):....

4. Quyết định thành lập/Điều lệ hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: ..... do .... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...

5. Điện thoại/Fax: .....

- Website .....

- Thư điện tử:....

**Phần II. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép**

1. Tên trang (nếu có): .....
2. Mục đích thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp: .....
3. Nội dung thông tin cung cấp trên trang thông tin điện tử tổng hợp; các chuyên mục, loại hình thông tin:...
4. Đối tượng phục vụ: .....
5. Nguồn tin: .....
6. Tên cơ quan báo chí, lĩnh vực thông tin liên kết (nếu có hoạt động hợp tác liên kết với cơ quan báo chí sản xuất tin bài): .....
7. Phương thức cung cấp thông tin: .....
- a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền: .....
- b) Qua ứng dụng ....phân phối trên kho ứng dụng...

8. Nhà cung cấp dịch vụ kết nối Internet: .....

9. Địa điểm đặt hệ thống máy chủ cung cấp dịch vụ tại Việt Nam: .....

10. Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý trang thông tin điện tử tổng hợp:

a) Nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật:

- Họ và tên: .....

- Chức danh: .....

- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động): .....

b) Nhân sự quản lý nội dung:

- Họ và tên: .....

- Chức danh: .....

- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động): .....

11. Thời gian đề nghị cấp phép: .....năm .....tháng.

12. Địa chỉ thư điện tử nhận đoạn mã (thể hiện biểu tượng trang thông tin điện tử tổng hợp đã được cấp phép): .....

### **Phần III. Tài liệu kèm theo**

1. ....

2. ....

### **Phần IV. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về bản quyền; các văn bản pháp luật có liên quan hiện hành.

3. Xây dựng quy trình quản lý nội dung, thông tin tổng hợp, kịp thời cập nhật, điều chỉnh các nội dung dẫn lại khi nội dung nguồn thay đổi; gỡ bỏ ngay nội dung thông tin đã tổng hợp khi nguồn thông tin được trích dẫn gỡ bỏ nội dung thông tin đó theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Luật Báo chí và khoản 3 Điều 34 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

4. Kiểm soát nguồn tin, đảm bảo thông tin tổng hợp đăng tải không vi phạm bản quyền; có công cụ bằng phương tiện điện tử để tiếp nhận, xử lý khiếu nại của người sử dụng về nội dung, dịch vụ; nội dung dẫn lại (theo thỏa thuận bằng văn bản giữa trang thông tin điện tử tổng hợp với cơ quan báo chí) không sớm hơn 01 giờ tính từ thời điểm phát hành nội dung nguồn theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 28 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

5. Không cho đăng tải ý kiến nhận xét, bình luận của độc giả về nội dung tin, bài được dẫn lại; nội dung tổng hợp ghi rõ tên tác giả và tên nguồn tin (viết đầy đủ tên nguồn tin), thời gian đã đăng, phát thông tin đó, đặt đường dẫn liên kết đến bài viết nguồn ngay cuối bài dẫn lại theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 28 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

6. Đảm bảo kết nối đến hệ thống giám sát của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để phục vụ cho việc theo dõi đăng tải tin bài trên trang thông tin điện tử tổng hợp và thống kê lượng người sử dụng truy cập khi có yêu cầu theo quy định tại khoản 6 Điều 34 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

7. Kiểm tra, giám sát và loại bỏ nội dung vi phạm Điều 8 Luật An ninh mạng chậm nhất là 24 giờ kể từ khi có yêu cầu bằng văn bản, điện thoại, hoặc qua phương tiện điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Bộ Công an (Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao), Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao địa phương và các cơ quan có thẩm quyền theo pháp luật chuyên ngành hoặc khi tự phát hiện vi phạm; thực hiện việc xử lý các yêu cầu, khiếu nại về sở hữu trí tuệ theo các quy định của pháp luật của Việt Nam về sở hữu trí tuệ; gỡ ngay nội dung dẫn lại (không chậm hơn 03 giờ) sau khi nội dung nguồn bị gỡ theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

8. Triển khai giải pháp bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em theo quy định tại khoản 5 Điều 34 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

9. Báo cáo theo quy định và chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 7 Điều 34 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

10. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản (nếu có);
- .....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

*(Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện*

#### **4. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp**

##### **a) Trình tự thực hiện**

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp phải làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép trong những trường hợp sau: Thay đổi cơ quan chủ quản (nếu có); thay đổi tên của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp; thay đổi địa chỉ trụ sở chính; thay đổi địa điểm đặt máy chủ; thay đổi nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật và nhân sự quản lý nội dung; thay đổi tên trang (nếu có); thay đổi, bổ sung nội dung thông tin trên trang thông tin điện tử tổng hợp, phương thức cung cấp thông tin (tên miền, hệ thống phân phối ứng dụng) đối với trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 22 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP và các tài liệu chứng minh có liên quan (nếu có) đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép;

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp nộp 01 bộ hồ sơ tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết tắt là Sở VH TTDL/Sở VH TT).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở VH TTDL/Sở VH TT thẩm định, cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo mẫu quy định sau khi cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung và ghi rõ ngày cấp Giấy phép lần đầu, ngày cấp sửa đổi, bổ sung. Giấy phép sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày cấp sửa đổi, bổ sung tới ngày hết hiệu lực của Giấy phép được cấp ban đầu. Trường hợp từ chối, Sở VH TTDL/Sở VH TT có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

##### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 22 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP;

(2) Các tài liệu chứng minh có liên quan (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở VH TTDL/Sở VH TT.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 22 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

***k) Yêu cầu, điều kiện:*** Không quy định.

***l) Căn cứ pháp lý:***

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP THIẾT LẬP  
TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP**

Kính gửi:.....

**Phần I. Thông tin chung**

1. Tên cơ quan chủ quản:.....
2. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp:.....
3. Địa chỉ trụ sở chính:.....  
Địa chỉ trụ sở giao dịch (nếu có):.....
4. Điện thoại/fax: .....  
- Website .....  
- Thư điện tử:.....
5. Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp đề nghị được sửa đổi, bổ sung: Giấy phép (*tên giấy phép*)... số .... cấp ngày .... tháng ....năm .....
6. Phương thức cung cấp thông tin:
  - a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền, tên trang: ....
  - b) Qua ứng dụng ... phân phối trên kho ứng dụng: .....

**Phần II. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép**

1. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:
2. Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

**Phần III. Tài liệu kèm theo**

1. ....
2. ....

**Phần IV. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về bản quyền; các văn bản pháp luật có liên quan hiện hành.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản (nếu có);
- .....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

*(Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).*

## **5. Thủ tục gia hạn Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Chậm nhất 30 ngày trước khi hết hạn Giấy phép đã được cấp, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp muốn gia hạn Giấy phép đã được cấp gửi văn bản đề nghị gia hạn Giấy phép tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết tắt là Sở VHTTDL/Sở VHTT).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ, Sở VHTTDL/Sở VHTT thẩm định, cấp gia hạn Giấy phép đã cấp theo mẫu quy định. Việc xét gia hạn Giấy phép được thực hiện dựa trên việc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật có liên quan về quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng. Trường hợp từ chối, Sở VHTTDL/Sở VHTT có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 25 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở VHTTDL/Sở VHTT.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 25 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.



TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THIẾT LẬP  
TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP**

Kính gửi:.....

*(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp như sau:*

**Phần I. Thông tin chung**

1. Tên cơ quan chủ quản (nếu có):...
2. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp:...

3. Địa chỉ trụ sở chính:.....

Địa chỉ trụ sở giao dịch (nếu có): ...

4. Quyết định thành lập/Điều lệ hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: ..... do .... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...

5. Điện thoại/Fax: .....

- Website .....

- Thư điện tử:...

6. Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp đề nghị được gia hạn: Giấy phép (*tên giấy phép*)... số .... cấp ngày ....tháng ....năm .....

Phương thức cung cấp thông tin:

a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền, tên trang: ....

b) Qua ứng dụng ... phân phối trên kho ứng dụng: .....

**Phần II. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn giấy phép**

- Lý do đề nghị gia hạn .....

- Thời hạn đề nghị được gia hạn: .... năm .... tháng

**Phần III. Tài liệu kèm theo**

1. ....

2. ....

#### **Phần IV. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về bản quyền; các văn bản pháp luật có liên quan hiện hành.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản (nếu có);
- .....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

*(Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).*

## **6. Thủ tục cấp lại Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp**

### ***a) Trình tự thực hiện***

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có Giấy phép bị mất, bị hư hại không còn sử dụng được thực hiện đề nghị cấp lại Giấy phép, gửi 01 bộ hồ sơ tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết tắt là Sở VH TTDL/Sở VH TT).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở VH TTDL/Sở VH TT xem xét, cấp lại Giấy phép theo mẫu quy định. Trường hợp từ chối, Sở VH TTDL/Sở VH TT có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Giấy phép được cấp lại có nội dung chính tương tự Giấy phép được đề nghị cấp lại và bao gồm thông tin: ngày cấp Giấy phép lần đầu, cấp sửa đổi, bổ sung (nếu có), ngày được cấp lại, số lần cấp lại.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 27 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d) Thời hạn giải quyết:*** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***đ) Đối tượng thực hiện:*** Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

***e) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Sở VH TTDL/Sở VH TT.

***g) Mẫu đơn, tờ khai:*** Đơn đề nghị cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 27 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

***h) Kết quả thực hiện:*** Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.

***i) Phí, lệ phí:*** Không quy định.

***k) Yêu cầu, điều kiện:*** Không quy định.

### ***l) Căn cứ pháp lý:***

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THIẾT LẬP  
TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP**

Kính gửi:.....

*(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp như sau:*

**Phần I. Thông tin chung**

1. Tên cơ quan chủ quản (nếu có):.....
2. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp:.....
3. Địa chỉ trụ sở chính:.....  
Địa chỉ trụ sở giao dịch (nếu có):.....
4. Quyết định thành lập/Điều lệ hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: ..... do .... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...
5. Điện thoại/Fax: .....  
- Website .....  
- Thư điện tử:.....
6. Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp đề nghị được cấp lại: Giấy phép (*tên giấy phép*)... số .... cấp ngày ....tháng ....năm .....

Phạm vi cung cấp thông tin:

- a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền, tên trang: ....
- b) Qua ứng dụng ... phân phối trên kho ứng dụng: .....

**Phần II. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp lại giấy phép**

Lý do đề nghị cấp lại

- Bị mất
- Bị rách
- Bị cháy
- Bị tiêu huỷ dưới hình thức khác (ghi rõ)

**Phần III. Tài liệu kèm theo**

1. ....

2. ....

**Phần IV. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về bản quyền; các văn bản pháp luật có liên quan hiện hành.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản (nếu có);
- .....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

*(Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).*

## **7. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết tắt là Sở VH TTDL/Sở VH TT).

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở VH TTDL/Sở VH TT xem xét, cấp Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng cho doanh nghiệp theo mẫu quy định. Trường hợp từ chối, Sở VH TTDL/Sở VH TT có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng theo Mẫu số 38 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

(2) Bản sao hợp lệ (bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao chứng thực điện tử hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc) giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, hoặc bản sao hợp lệ giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

(3) Đề án cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu doanh nghiệp đề nghị cấp chứng nhận, bao gồm các nội dung sau:

+ Kế hoạch cung cấp dịch vụ, năng lực tài chính, tổ chức, nhân sự, kỹ thuật thực hiện cung cấp dịch vụ bảo đảm đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

+ Sơ đồ tổng thể hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ, địa điểm đặt hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ;

+ Thông tin về hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ về phần chính và phần dự phòng (gồm tên, chức năng, cấu hình dự kiến của thiết bị) bảo đảm chất lượng dịch vụ, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin; kế hoạch sao lưu dữ liệu và phương án dự phòng; kế hoạch bảo đảm quyền lợi của người chơi và bí mật thông tin của người chơi;

+ Thông tin chi tiết về phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ (tên miền, kênh phân phối trò chơi, địa chỉ IP); doanh nghiệp kết nối mạng Internet và mạng viễn thông (tên doanh nghiệp, địa chỉ, dung lượng kênh kết nối);

+ Thông tin về việc dự kiến kết nối với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở VH TTDL/Sở VH TT.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng theo Mẫu số 38 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:**

Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận cung cấp trò chơi G2, G3, G4 trên mạng khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, có ngành nghề cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp; có trụ sở chính với địa chỉ và số điện thoại rõ ràng và liên hệ được.

- Đã đăng ký tên miền sử dụng để cung cấp dịch vụ.

- Có đủ khả năng tài chính, tổ chức, nhân sự quản trị trò chơi điện tử phù hợp với quy mô hoạt động của doanh nghiệp.

- Có hệ thống thiết bị kỹ thuật để kết nối thanh toán với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo quy định của pháp luật, bảo đảm cập nhật, lưu trữ chính xác, đầy đủ và cho phép người chơi có thể tra cứu được thông tin chi tiết về tài khoản thanh toán của mình trên hệ thống ứng dụng trò chơi (tài khoản game).

- Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm lưu trữ, cập nhật đầy đủ thông tin của người chơi tại Việt Nam bao gồm: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số điện thoại di động tại Việt Nam. Thực hiện việc xác thực tài khoản người chơi bằng số điện thoại di động tại Việt Nam, bảo đảm chỉ những tài khoản đã xác thực mới được tham gia chơi trò chơi; trường hợp người chơi dưới 16 tuổi thì cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự đăng ký tài khoản bằng thông tin của cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự và có trách nhiệm giám sát và quản lý thời gian chơi, nội dung trò chơi của người chơi dưới 16 tuổi truy cập; thực hiện xóa thông tin của người chơi sau khi hết hạn thời gian lưu trữ theo quy định.

- Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm quản lý thời gian chơi trong ngày (từ 00h00 đến 24h00) của người chơi dưới 18 tuổi không quá 60 phút đối với từng trò chơi nhưng không quá 180 phút một ngày đối với tất cả trò chơi dành cho người chơi dưới 18 tuổi do doanh nghiệp cung cấp.

- Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm hiển thị liên tục kết quả phân loại trò chơi theo độ tuổi đối với tất cả các trò chơi do doanh nghiệp cung cấp khi giới

thiệu, quảng cáo trò chơi và khi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng; có thông tin khuyến cáo với nội dung “Chơi quá 180 phút một ngày sẽ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe” tại vị trí dễ nhận biết ở diễn đàn của trò chơi (nếu có) và trên màn hình thiết bị của người chơi theo tần suất 30 phút/lần trong quá trình chơi.

- Có hệ thống thiết bị kỹ thuật bảo đảm quản lý nội dung trao đổi, chia sẻ trên diễn đàn của trò chơi (nếu có) theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Có biện pháp quản lý nội dung, thông tin tài khoản người chơi bảo đảm lưu trữ đầy đủ, cập nhật liên tục, chính xác thông tin về quá trình sử dụng dịch vụ của người chơi bao gồm: Tên tài khoản, thời gian sử dụng dịch vụ, các thông tin có liên quan đến việc sở hữu vật phẩm ảo, đơn vị ảo, điểm thưởng của người chơi.

- Có phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin; đảm bảo chất lượng dịch vụ và quyền lợi chính đáng của người chơi.

- Có phương án dự phòng về thiết bị và kết nối, phương án sao lưu dữ liệu để bảo đảm an toàn hệ thống khi có sự cố xảy ra.

***l) Căn cứ pháp lý:***

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Công văn số 48/CP-KGVX ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc đính chính Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.



TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

..., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP  
GIẤY CHỨNG NHẬN CUNG CẤP DỊCH VỤ  
TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G2, G3, G4 TRÊN MẠNG**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.....

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa) .....
- Tên giao dịch quốc tế: .....
- Tên viết tắt: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Địa chỉ văn phòng giao dịch:.....
- Điện thoại: ..... Fax: .....
- Website giới thiệu hoạt động của doanh nghiệp: .....
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:....  
do... cấp ngày... tháng... năm... do....
4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:  
Chức vụ: .....Số điện thoại liên lạc: .....
5. Phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ:.....
- Trên trang thông tin điện tử tại tên miền:.....
- Kênh phân phối trò chơi cho thiết bị di động: .....
- Địa chỉ IP:.....
6. Địa chỉ đặt máy chủ và Tên doanh nghiệp cho thuê máy chủ, cho thuê chỗ  
đặt máy chủ:.....
7. Thời hạn đề nghị cấp giấy chứng nhận: (tối đa 10 năm):.....
8. Thẻ loại trò chơi điện tử cung cấp trên mạng (G2, G3, G4):.....

**Phần 2. Tài liệu kèm theo** (quy định tại ... Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng)

1. ....

2. ....

### **Phần 3. Cam kết**

#### **1. Cam kết về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng:**

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng theo quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về thanh toán và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Không lợi dụng việc cung cấp, sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử để đánh bạc, tổ chức đánh bạc, lừa đảo, kinh doanh trái pháp luật hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác.

- Không đứng tên làm đại lý cho tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài.

- Báo cáo và chịu sự thanh, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định theo quy định tại khoản 10, khoản 11 Điều 54 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

#### **2. Cam kết kế hoạch triển khai dịch vụ**

Căn cứ vào các nội dung được trình bày trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng, doanh nghiệp..... cam kết triển khai cung cấp dịch vụ sau khi được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao giấy phép; Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; thực hiện đúng các quy định về thanh toán và các quy định của pháp luật có liên quan.

#### **3. Các nội dung cam kết khác**

- Doanh nghiệp cam kết hồ sơ doanh nghiệp nộp đề nghị cấp Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng là đúng sự thật, đúng với thực tế của doanh nghiệp và bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện về nhân sự, kỹ thuật, tài chính, quản lý nội dung, thông tin... theo quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng.

- Cam kết toàn bộ hệ thống hỗ trợ và kết nối thanh toán cho game là đặt tại Việt Nam và do doanh nghiệp chịu trách nhiệm quản lý, vận hành và kiểm soát tại Việt Nam.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

.....

- Lưu:.....

**XÁC NHẬN CỦA  
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/  
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

## **8. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng đã được cấp khi có thay đổi một trong những nội dung sau đây: Tên doanh nghiệp; Tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; Loại hình trò chơi điện tử đang cung cấp (G2, G3, G4); Địa chỉ trụ sở chính, văn phòng giao dịch; Địa chỉ đặt hoặc cho thuê máy chủ.

- Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết tắt là Sở VH TTDL/Sở VH TT).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở VH TTDL/Sở VH TT xem xét cấp Giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo mẫu quy định. Giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày cấp sửa đổi, bổ sung tới ngày hết hiệu lực của giấy chứng nhận được cấp ban đầu. Trường hợp từ chối, Sở VH TTDL/Sở VH TT có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng theo Mẫu số 40 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 147/2024/NĐ-CP;

(2) Tài liệu, văn bản chứng minh các lý do cần sửa đổi, bổ sung (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở VH TTDL/Sở VH TT.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng theo Mẫu số 40 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

### **l) Căn cứ pháp lý:**

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG  
GIẤY CHỨNG NHẬN CUNG CẤP DỊCH VỤ  
TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G2, G3, G4 TRÊN MẠNG**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.....

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....
3. Địa chỉ trụ sở giao dịch:.....
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:....  
do.... cấp ngày... tháng... năm... do....
5. Điện thoại: .....
6. Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng đề nghị được sửa đổi, bổ sung: Giấy chứng nhận (*tên giấy chứng nhận*) số....cấp ngày ....tháng ....năm .....

**Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung**

1. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:.....
2. Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:.....

**Phần 3. Tài liệu kèm theo**

- 1.....
- 2.....
- 3.....

**Phần 4. Cam kết**

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng; Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và các quy định trong giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng sửa đổi, bổ sung.

*Nơi nhận:*

- Như trên;

.....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP**  
**LUẬT/ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU DOANH NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

*Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).*

## **9. Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Chậm nhất 15 ngày trước khi hết hạn Giấy chứng nhận đã được cấp, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp muốn gia hạn Giấy chứng nhận đã được cấp gửi văn bản đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận theo mẫu quy định tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết tắt là Sở VH TTDL/Sở VH TT).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị hợp lệ, Sở VH TTDL/Sở VH TT thẩm định, cấp gia hạn Giấy chứng nhận theo Mẫu số 39 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 147/2024/NĐ-CP. Việc xét gia hạn Giấy chứng nhận được thực hiện dựa trên việc doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng và các quy định của pháp luật về cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng.

- Trường hợp từ chối, Sở VH TTDL/Sở VH TT có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Giấy chứng nhận được gia hạn 01 lần và không quá 02 năm. Trong thời hạn được gia hạn Giấy chứng nhận, doanh nghiệp có thể nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại Điều 48, Điều 49, Điều 50 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng theo Mẫu số 41 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở VH TTDL/Sở VH TT.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị gia hạn giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng theo Mẫu số 41 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

### **l) Căn cứ pháp lý:**

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

... , ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN  
CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G2, G3, G4 TRÊN MẠNG**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.....

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp gia hạn giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Địa chỉ trụ sở giao dịch:.....
4. Điện thoại: ..... Website .....
5. Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng đề nghị được gia hạn: Giấy chứng nhận (*tên giấy chứng nhận*) số....cấp ngày.... tháng .... năm .....

**Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn**

Lý do đề nghị gia hạn .....

Thời hạn đề nghị được gia hạn: .... năm .... tháng

**Phần 3. Tài liệu kèm theo**

1. ....
2. ....

**Phần 4. Cam kết**

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị gia hạn và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật của Việt Nam về cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng; Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và các quy định trong Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng được gia hạn.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

.....

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA DOANH NGHIỆP***(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

*Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).*

## **10. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng**

### ***a) Trình tự thực hiện***

- Doanh nghiệp có Giấy chứng nhận bị mất, bị hư hại không còn sử dụng được thực hiện đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, nộp 01 bộ hồ sơ tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết tắt là Sở VH TTDL/Sở VH TT).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị hợp lệ, Sở VH TTDL/Sở VH TT địa phương xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận cho doanh nghiệp theo mẫu quy định. Giấy chứng nhận được cấp lại có nội dung chính tương tự Giấy chứng nhận được đề nghị cấp lại và bao gồm thông tin: ngày cấp Giấy chứng nhận lần đầu, cấp sửa đổi, bổ sung (nếu có), ngày được cấp lại, số lần cấp lại. Trường hợp từ chối, Sở VH TTDL/Sở VH TT có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng theo Mẫu số 42 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d) Thời hạn giải quyết:*** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***đ) Đối tượng thực hiện:*** Doanh nghiệp.

***e) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Sở VH TTDL/Sở VH TT.

***g) Mẫu đơn, tờ khai:*** Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng theo Mẫu số 42 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

***h) Kết quả thực hiện:*** Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.

***i) Phí, lệ phí:*** Không quy định.

***k) Yêu cầu, điều kiện:*** Không quy định.

### ***l) Căn cứ pháp lý:***

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.



TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI  
GIẤY CHỨNG NHẬN CUNG CẤP DỊCH VỤ  
TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G2, G3, G4 TRÊN MẠNG**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao .....

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp lại giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Địa chỉ trụ sở giao dịch:.....
4. Điện thoại: ..... Website .....

**Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp lại**

1. Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng Giấy chứng nhận (*tên giấy chứng nhận*) số.... cấp ngày....tháng ....năm .....

2. Lý do đề nghị cấp lại

- Bị mất
- Bị rách
- Bị cháy
- Bị tiêu huỷ dưới hình thức khác (ghi rõ)
- Lý do khác (ghi rõ)

**Phần 3. Cam kết**

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp lại và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật của Việt Nam về cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng; Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và các quy định trong giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng được cấp lại.

**Nơi nhận:**

- Như trên;  
.....

**XÁC NHẬN CỦA  
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/  
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

*Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)*

## **11. Thủ tục cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Trước khi chính thức cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.

- Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết tắt là Sở VH TTDL/Sở VH TT).

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở VH TTDL/Sở VH TT thẩm định hồ sơ Thông báo phát hành. Trường hợp đáp ứng đầy đủ điều kiện, Sở VH TTDL/Sở VH TT địa phương xem xét, cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng cho doanh nghiệp theo mẫu quy định.

Trường hợp từ chối, Sở VH TTDL/Sở VH TT địa phương có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ khai thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng theo Mẫu số 43 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở VH TTDL/Sở VH TT.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Tờ khai thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng theo Mẫu số 43 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng theo Mẫu số 44 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

### **k) Yêu cầu, điều kiện:**

Nội dung, kịch bản trò chơi điện tử trên mạng không vi phạm các quy định tại Điều 8 Luật An ninh mạng và quy định về sở hữu trí tuệ; không mô phỏng các trò chơi có thưởng trong các cơ sở kinh doanh casino, các trò chơi sử dụng hình ảnh lá bài; không có các hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ miêu tả cụ thể các hành động sau: Khủng bố, giết người, tra tấn người, ngược đãi, xâm hại, buôn bán phụ nữ và trẻ em; kích động tự tử, bạo lực; khiêu dâm, dung tục trái với truyền thống đạo đức, văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc; xuyên tạc, phá hoại truyền

thống lịch sử; vi phạm chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ; sử dụng ma túy, uống rượu, hút thuốc lá; đánh bạc và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

***l) Căn cứ pháp lý:***

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Công văn số 48/CP-KGVX ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ đính chính Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**TỜ KHAI**  
**THÔNG BÁO PHÁT HÀNH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G2, G3, G4 TRÊN MẠNG**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao .....

(Tên doanh nghiệp) thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (*ghi bằng chữ in hoa*) .....
- Tên giao dịch quốc tế:.....
- Tên viết tắt:.....
2. Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng số: .... do Sở Thông tin và Truyền thông..... cấp ngày ... tháng ... năm ...
3. Họ tên người chịu trách nhiệm quản lý trò chơi:  
Chức vụ:..... Điện thoại liên lạc:.....

**Phần 2. Mô tả tóm tắt về trò chơi điện tử cung cấp trên mạng:**

1. Tên trò chơi: .....
- Tên tiếng Việt:.....
- Các tên tiếng nước ngoài:.....
2. Phiên bản trò chơi (tên phiên bản nếu có): .....
3. Kết quả phân loại trò chơi theo độ tuổi: .....
4. Ngôn ngữ thể hiện:.....
5. Nguồn gốc trò chơi:.....
6. Mô tả nội dung, kịch bản trò chơi kèm theo hình ảnh chính trong game:.....
7. Địa chỉ đặt máy chủ tại Việt Nam (thông tin chi tiết): .....
8. Phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ (Internet, viễn thông di động):  
- Trên trang thông tin điện tử/tại tên miền: .....
- Kênh phân phối trò chơi (ghi rõ tên kho ứng dụng, tên đơn vị phát hành hiển thị trên ứng dụng):.....

- Địa chỉ IP:.....

9. Thông tin về dịch vụ hỗ trợ thanh toán trong trò chơi điện tử trên mạng của doanh nghiệp: .....

10. Thông tin về các hình thức thanh toán cho trò chơi và thu tiền của người chơi: .....

11. Họ tên người chịu trách nhiệm quản lý trò chơi: .....

- Chức vụ:.....

- Điện thoại liên lạc:.....

12. Thời hạn đề nghị cấp giấy xác nhận thông báo: (tối đa 05 năm).

13. Thẻ loại trò chơi điện tử cung cấp trên mạng (G2, G3, G4):

### **Phần 3. Tài liệu kèm theo**

1. ....

2. ....

### **Phần 4. Cam kết**

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

#### **1. Cam kết về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng:**

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong hồ sơ đề nghị phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng và các tài liệu kèm theo.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng theo quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về thanh toán và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Không quảng cáo, giới thiệu các trò chơi điện tử chưa được cấp Giấy xác nhận phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng theo quy định tại khoản 8 Điều 54 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

- Không lợi dụng việc cung cấp, sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử để đánh bạc, tổ chức đánh bạc, lừa đảo, kinh doanh trái pháp luật hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác.

- Không đứng tên làm đại lý cho tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài.

- Báo cáo và chịu sự thanh, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định theo quy định tại khoản 10, khoản 11 Điều 54 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

## **2. Các nội dung cam kết khác**

- Doanh nghiệp cam kết các thông tin trong Tờ khai này là đúng sự thật, đúng với thực tế của doanh nghiệp và bảo đảm đáp ứng đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng.

- Tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định về bản quyền của phần mềm trò chơi và tự chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ, quyền liên quan.

- Cam kết toàn bộ hệ thống thanh toán cho trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng là đặt tại Việt Nam và do doanh nghiệp chịu trách nhiệm quản lý, vận hành và kiểm soát tại Việt Nam.

- Cam kết tất cả các tài khoản dùng để phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng và hiển thị trên các kênh phân phối do doanh nghiệp chịu trách nhiệm quản lý, vận hành và kiểm soát tại Việt Nam.

*Nơi nhận:*

- Như trên;

.....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU DOANH NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

*Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)*

## **12. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Doanh nghiệp phải thực hiện Thông báo bổ sung thông tin trong quá trình cung cấp trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết tắt là Sở VH TTDL/Sở VH TT) nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở hoạt động nếu trong quá trình cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử có thay đổi một trong những nội dung sau đây: Tên trò chơi, nguồn gốc của trò chơi; Kết quả phân loại trò chơi điện tử theo độ tuổi người chơi; Loại hình trò chơi điện tử đang cung cấp (G2, G3, G4); Thay đổi, bổ sung phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng đã được phê duyệt (tên miền đối với trò chơi cung cấp trên trang thông tin điện tử, địa chỉ IP, kênh phân phối đối với trò chơi cung cấp cho thiết bị di động;

- Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ Thông báo bổ sung thông tin tới Sở VH TTDL/Sở VH TT.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bổ sung của doanh nghiệp, Sở VH TTDL/Sở VH TT xem xét, cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng cho doanh nghiệp theo mẫu quy định. Trường hợp từ chối, Sở VH TTDL/Sở VH TT có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ khai thông báo bổ sung thông tin trong quá trình cung cấp trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng theo Mẫu số 45 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở VH TTDL/Sở VH TT.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Tờ khai thông báo bổ sung thông tin trong quá trình cung cấp trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng theo Mẫu số 45 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 147/2024/NĐ-CP.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

### **l) Căn cứ pháp lý:**

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

..., ngày ..... tháng ..... năm .....

**TỜ KHAI THÔNG BÁO BỔ SUNG THÔNG TIN TRONG QUÁ TRÌNH  
CUNG CẤP TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G2, G3, G4 TRÊN MẠNG**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao .....

(Tên doanh nghiệp) đề nghị thông báo bổ sung thông tin trong quá trình cung cấp trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Địa chỉ trụ sở giao dịch:.....
4. Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng số:.... do.... cấp ngày... tháng... năm... do....
5. Điện thoại: .....

**Phần 2.** Mô tả tóm tắt về đề nghị thông báo bổ sung thông tin trong quá trình cung cấp trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng:

1. Nội dung đề nghị bổ sung: .....
2. Lý do đề nghị bổ sung:.....

**Phần 3. Tài liệu kèm theo**

- 1.....
- 2.....
- 3.....

**Phần 4. Cam kết**

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ Thông báo bổ sung và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật của Việt Nam về cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng; Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và các quy định trong Giấy xác nhận Thông báo bổ sung thông tin trong quá trình cung cấp trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.

**Nơi nhận:**- Như trên;  
.....**XÁC NHẬN CỦA****NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/  
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU DOANH NGHIỆP***(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)**Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).*



### **13. Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng**

#### **a) Trình tự thực hiện**

- Doanh nghiệp có Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng bị mất hoặc bị hư hại không còn sử dụng được hoặc thực hiện theo điều khoản chuyên tiếp tại khoản 7 Điều 82 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP hoặc trong trường hợp văn bản ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP được tiếp tục gia hạn.

- Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết tắt là Sở VH TTDL/Sở VH TT).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo đề nghị hợp lệ, Sở VH TTDL/Sở VH TT xem xét, cấp lại Giấy xác nhận cho doanh nghiệp theo mẫu quy định. Trường hợp từ chối, Sở VH TTDL/Sở VH TT có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Giấy xác nhận được cấp lại có nội dung chính tương tự Giấy xác nhận được đề nghị cấp lại và bao gồm thông tin: ngày cấp Giấy xác nhận lần đầu, cấp sửa đổi, bổ sung (nếu có), ngày được cấp lại, số lần cấp lại.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp lại giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng theo Mẫu số 46 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở VH TTDL/Sở VH TT.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng theo Mẫu số 46 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

#### **l) Căn cứ pháp lý:**

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ....

... , ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI  
GIẤY XÁC NHẬN THÔNG BÁO PHÁT HÀNH  
TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G2, G3, G4 TRÊN MẠNG**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.....

(Tên doanh nghiệp) đề nghị cấp lại Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Địa chỉ trụ sở giao dịch:.....
4. Điện thoại: ..... Website .....

**Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp lại**

1. Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng số... cấp ngày.... tháng .... năm .....
2. Lý do đề nghị cấp lại
  - Bị mất
  - Bị rách
  - Bị cháy
  - Bị tiêu hủy dưới hình thức khác (ghi rõ)
  - Lý do khác (ghi rõ)

**Phần 3. Cam kết**

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy xác nhận thông báo phát hành và các tài liệu kèm theo.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật của Việt Nam về cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng; Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và các quy định trong Giấy xác nhận cấp lại thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

.....

**XÁC NHẬN CỦA  
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/  
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

*Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)*

### III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

#### 1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng

##### a) Trình tự thực hiện

- Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng tới Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã hoạt động trên địa bàn.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.

Trường hợp từ chối, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

##### c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng theo Mẫu số 51a hoặc mẫu số 51b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

(2) Xuất trình chứng minh nhân dân/căn cước/căn cước công dân/hộ chiếu của chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đối với trường hợp chủ điểm là cá nhân; bản sao chứng minh nhân dân/căn cước/căn cước công dân/hộ chiếu của cá nhân đại diện cho tổ chức, doanh nghiệp trực tiếp quản lý điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đối với trường hợp chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp trong trường hợp không thể tra cứu trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng theo Mẫu số 51a hoặc Mẫu số 51b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

##### k) Yêu cầu, điều kiện:

Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Có đăng ký kinh doanh điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng;
- Có biển hiệu “Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng” ghi rõ tên điểm, địa chỉ, số điện thoại liên hệ, số đăng ký kinh doanh. Trường hợp điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đồng thời là đại lý Internet thì thêm nội dung “Đại lý Internet”. Trường hợp điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đồng thời là điểm truy nhập Internet công cộng của doanh nghiệp thì thêm nội dung “Điểm truy nhập Internet công cộng”;
- Có thiết bị và nội quy phòng cháy, chữa cháy theo quy định về phòng, chống cháy, nổ của Bộ Công an.

***l) Căn cứ pháp lý:***

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**  
**HOẠT ĐỘNG ĐIỂM CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÔNG CỘNG**  
*(Áp dụng cho chủ điểm là cá nhân)*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân quận, huyện.....

Tôi đề nghị được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trò chơi điện tử công cộng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Họ và tên: .....

Số định danh cá nhân hoặc số CMTND hoặc số hộ chiếu: .....

Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ liên hệ: .....

Điện thoại: .....Địa chỉ thư điện tử: .....

2. Tên điểm: .....

3. Số đăng ký kinh doanh điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng .....

4. Địa chỉ của địa điểm kinh doanh (số nhà, thôn/phố, xã/phường/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố, tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương):.....

5. Số lượng máy tính dự kiến: .....

**Phần 2. Tài liệu kèm theo**

1. Bản sao chứng thực hoặc bản sao chứng thực điện tử giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.

2. Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/căn cước/căn cước công dân/hộ chiếu của chủ điểm.

3. Các tài liệu liên quan khác (nếu có) .....

**Phần 3. Cam kết**

Tôi xin cam kết:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; cam kết giữ an ninh trật tự địa phương, tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ của cơ quan công an và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng.

**CHỦ ĐIỂM**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**  
**HOẠT ĐỘNG ĐIỂM CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÔNG CỘNG**  
*(Áp dụng cho chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp)*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp huyện .....

(Tên tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trò chơi điện tử công cộng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp: .....  
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.... do.... cấp ngày... tháng... năm... do....  
- Địa chỉ trụ sở chính: .....  
- Điện thoại liên hệ: .....Fax: .....  
- Địa chỉ thư điện tử: .....
2. Tên điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng: .....
3. Thông tin của cá nhân đại diện cho tổ chức, doanh nghiệp trực tiếp quản lý điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng:  
Họ và tên: .....  
Số định danh cá nhân hoặc số CMTND hoặc số hộ chiếu: .....  
Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....  
Điện thoại liên hệ: .....Địa chỉ thư điện tử: .....
4. Địa chỉ của địa điểm kinh doanh (số nhà, thôn/phố, xã/phường/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố, tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương): .....
5. Số lượng máy tính dự kiến:.....

**Phần 2. Tài liệu kèm theo**

1. Bản sao chứng thực hoặc bản sao chứng thực điện tử giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.
2. Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/căn cước/căn cước công dân/hộ chiếu của cá nhân đại diện cho tổ chức, doanh nghiệp trực tiếp quản lý điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.

3. Các tài liệu liên quan khác (nếu có) .....

### **Phần 3. Cam kết**

(Tên tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; cam kết giữ an ninh trật tự địa phương, tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ của cơ quan công an và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng.

### **CHỦ ĐIỂM**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

## **2. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân là chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trong thời hạn 10 ngày kể từ khi thay đổi các nội dung sau: Thay đổi tên điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng; Thay đổi chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đối với trường hợp chủ điểm là cá nhân hoặc thay đổi người quản lý trực tiếp điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đối với trường hợp chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp.

- Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng nộp 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã trên địa bàn.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã có trách nhiệm thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng sửa đổi, bổ sung thay thế cho Giấy chứng nhận cũ.

- Trường hợp từ chối, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng sửa đổi, bổ sung có thời hạn bằng thời hạn còn lại của Giấy chứng nhận cũ.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng theo Mẫu số 52a hoặc Mẫu số 52b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP;

(2) Các tài liệu có liên quan đến các thông tin thay đổi (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng theo Mẫu số 52a hoặc Mẫu số 52b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.



*i) Phí, lệ phí:* Không quy định.

*k) Yêu cầu, điều kiện:* Không quy định.

*l) Căn cứ pháp lý:*

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG**  
**ĐIỂM CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÔNG CỘNG**  
*(Áp dụng cho chủ điểm là cá nhân)*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp huyện .....

Tôi đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trò chơi điện tử công cộng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Họ và tên: .....

- Số định danh cá nhân hoặc số CMTND hoặc số hộ chiếu: .....

- Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....

- Điện thoại liên hệ: .....Địa chỉ thư điện tử: .....

2. Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng:

- Tên điểm: .....

- Địa chỉ .....

3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng số..... cấp ngày..... tháng..... năm .....

**Phần 2. Nội dung và lý do sửa đổi, bổ sung**

1. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: .....

2. Lý do sửa đổi, bổ sung: .....

**Phần 3. Tài liệu kèm theo**

- Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của chủ điểm;

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

**Phần 4. Cam kết**

Tôi xin cam kết:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; cam kết giữ an ninh trật tự địa phương, tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ của cơ quan công an và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng.

**CHỦ ĐIỂM**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG**  
**ĐIỂM CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÔNG CỘNG**  
*(Áp dụng cho chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp)*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp huyện .....

(Tên tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trò chơi điện tử công cộng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp: .....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Điện thoại liên hệ: .....Địa chỉ thư điện tử: .....

2. Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng:

- Tên điểm:.....

- Địa chỉ: .....

3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng số..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

**Phần 2. Nội dung và lý do sửa đổi, bổ sung**

1. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: .....

2. Lý do sửa đổi, bổ sung: .....

**Phần 3. Tài liệu kèm theo**

Các tài liệu liên quan (nếu có)

**Phần 4. Cam kết**

(Tên tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; cam kết giữ an ninh trật tự địa phương, tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ của cơ quan công an và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng.

**CHỦ ĐIỂM**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

### **3. Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng**

#### **a) Trình tự thực hiện**

- Chậm nhất 30 ngày trước khi hết hạn Giấy chứng nhận đã được cấp, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân muốn gia hạn Giấy chứng nhận nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng tới Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã hoạt động trên địa bàn.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã thẩm định và cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng theo Mẫu số 54 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Trường hợp từ chối, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng được gia hạn 01 lần và không quá 02 năm. Trong thời hạn được gia hạn Giấy chứng nhận, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có thể nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng theo quy định tại Mẫu số 53a hoặc Mẫu số 53b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

(2) Xuất trình chứng minh nhân dân/căn cước/căn cước công dân/hộ chiếu của chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đối với trường hợp chủ điểm là cá nhân; bản sao chứng minh nhân dân/căn cước/căn cước công dân/hộ chiếu của cá nhân đại diện cho tổ chức, doanh nghiệp trực tiếp quản lý điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đối với trường hợp chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp trong trường hợp không tra cứu được trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng theo quy định tại Mẫu số 53a hoặc Mẫu số 53b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 147/2024/NĐ-CP.

***h) Kết quả thực hiện:*** Quyết định gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng theo Mẫu số 54 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

***i) Phí, lệ phí:*** Không quy định.

***k) Yêu cầu, điều kiện:*** Không quy định.

***l) Căn cứ pháp lý:***

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG ĐIỂM**  
**CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÔNG CỘNG**  
*(Áp dụng cho chủ điểm cá nhân)*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp huyện .....

Tôi đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trò chơi điện tử công cộng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Họ và tên: .....

- Số định danh cá nhân hoặc số CMTND hoặc số hộ chiếu: .....

- Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....

- Điện thoại liên hệ: .....Địa chỉ thư điện tử: .....

2. Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng:

- Tên điểm: .....

- Địa chỉ .....

3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng số..... cấp ngày..... tháng..... năm .....

**Phần 2. Lý do và thời gian đề nghị gia hạn**

1. Lý do đề nghị gia hạn: .....

2. Thời gian đề nghị gia hạn: .....tháng

**Phần 3. Tài liệu kèm theo**

- Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của chủ điểm;

- Các tài liệu kèm theo (nếu có)

**Phần 4. Cam kết**

Tôi xin cam kết:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; cam kết giữ an ninh trật tự địa phương, tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ của cơ quan công an và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng.

**CHỦ ĐIỂM**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG ĐIỂM**  
**CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÔNG CỘNG**  
*(Áp dụng cho chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp)*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp huyện .....

(Tên tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trò chơi điện tử công cộng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp: .....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Điện thoại liên hệ: .....Địa chỉ thư điện tử: .....

2. Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng:

Tên điểm: .....

Địa chỉ .....

3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng số..... cấp ngày..... tháng..... năm .....

**Phần 2. Lý do và thời gian đề nghị gia hạn**

1. Lý do: .....

2. Thời gian đề nghị gia hạn: .....tháng

**Phần 3. Tài liệu kèm theo (nếu có)**

**Phần 4. Cam kết**

(Tên tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; cam kết giữ an ninh trật tự địa phương, tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ của cơ quan công an và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng.

**CHỦ ĐIỂM**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*



#### **4. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng**

##### **a) Trình tự thực hiện**

- Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng bị mất, bị hư hại không còn sử dụng được thực hiện đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, gửi 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã hoạt động trên địa bàn.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng theo Mẫu số 50 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Trường hợp từ chối, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng được cấp lại có nội dung chính tương tự Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng được đề nghị cấp lại và bao gồm thông tin: Ngày cấp Giấy xác nhận lần đầu, cấp sửa đổi, bổ sung (nếu có), ngày được cấp lại, số lần cấp lại.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

##### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng theo Mẫu số 55a hoặc Mẫu số 55b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử theo Mẫu số 55a hoặc Mẫu số 55b ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

##### **l) Căn cứ pháp lý:**

- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG ĐIỂM CUNG CẤP**  
**DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÔNG CỘNG**  
*(Áp dụng cho chủ điểm là cá nhân)*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp huyện .....

Tôi đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trò chơi điện tử công cộng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Họ và tên của chủ điểm: .....

Số định danh cá nhân hoặc số CMTND hoặc số hộ chiếu: .....

Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....

Điện thoại liên hệ: .....Địa chỉ thư điện tử: .....

2. Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng:

Tên điểm: .....

Địa chỉ .....

3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng số..... cấp ngày..... tháng..... năm .....

**Phần 2. Lý do đề nghị cấp lại**

.....

**Phần 3. Tài liệu kèm theo**

1. Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của chủ điểm.

2. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

**Phần 4. Cam kết**

Tôi xin cam kết:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; cam kết giữ an ninh trật tự địa phương, tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ của cơ quan công an và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng.

**CHỦ ĐIỂM**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG ĐIỂM**  
**CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÔNG CỘNG**  
*(Áp dụng cho chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp)*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp huyện .....

(Tên tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trò chơi điện tử công cộng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp: .....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Điện thoại liên hệ: ..... Địa chỉ thư điện tử: .....

2. Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng:

- Tên điểm: .....

- Địa chỉ .....

3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng số ..... cấp ngày.....tháng..... năm .....

**Phần 2. Lý do đề nghị cấp lại**

.....

**Phần 3. Tài liệu kèm theo (nếu có)**

**Phần 4. Cam kết**

(Tên tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; cam kết giữ an ninh trật tự địa phương, tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ của cơ quan công an và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng.

**CHỦ ĐIỂM**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

**Phụ lục 2**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC BÁO CHÍ**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVHTTDL ngày tháng năm 2025  
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
<b>I</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG</b>		
1.	1.009365	Cấp, cấp lại giấy phép hoạt động báo in	Cục Báo chí
2.	1.009366	Cấp, cấp lại giấy phép hoạt động tạp chí in	Cục Báo chí
3.	1.009367	Cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí	Cục Báo chí
4.	1.009368	Cấp giấy phép xuất bản phụ trương	Cục Báo chí
5.	1.009369	Cấp, cấp lại giấy phép hoạt động báo điện tử	Cục Báo chí
6.	1.009370	Cấp, cấp lại giấy phép hoạt động tạp chí điện tử	Cục Báo chí
7.	1.009371	Cấp giấy phép mở chuyên trang của báo điện tử, tạp chí điện tử	Cục Báo chí
8.	1.009372	Cấp, cấp lại giấy phép hoạt động báo in và báo điện tử	Cục Báo chí
9.	1.009373	Cấp, cấp lại giấy phép hoạt động tạp chí in và tạp chí điện tử	Cục Báo chí
10.	1.009376	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (trung ương)	Cục Báo chí
11.	1.009377	Cấp giấy phép xuất bản đặc san	Cục Báo chí
12.	1.009378	Cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo in, giấy phép hoạt động tạp chí in, giấy phép hoạt động báo điện tử, giấy phép hoạt động tạp chí điện tử, giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí, giấy phép hoạt động báo in và báo điện tử, giấy phép hoạt động tạp chí in và tạp chí điện tử	Cục Báo chí
13.	1.009379	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo in, giấy phép hoạt động tạp chí in, giấy phép hoạt động báo điện tử, giấy phép hoạt động tạp chí điện tử, giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí, giấy phép hoạt động báo in và báo điện tử, giấy phép hoạt động tạp chí in và tạp chí điện tử	Cục Báo chí

<b>STT</b>	<b>Mã số TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
14.	1.009380	Cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương	Cục Báo chí
15.	1.009381	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương	Cục Báo chí
16.	1.009382	Cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung ghi trong giấy phép mở chuyên trang của báo điện tử, tạp chí điện tử	Cục Báo chí
17.	1.009383	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép mở chuyên trang của báo điện tử, tạp chí điện tử	Cục Báo chí
18.	1.009384	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (trung ương)	Cục Báo chí
19.	1.009385	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản đặc san	Cục Báo chí
20.	2.001788	Cho phép hợp báo (nước ngoài)	Cục Báo chí
21.	2.000383	Cho phép hợp báo (trong nước)	Cục Báo chí
22.	1.010691	Cấp Thẻ Nhà báo	Cục Báo chí Cục PTTH&TTĐT
23.	1.010692	Đổi Thẻ nhà báo	Cục Báo chí Cục PTTH&TTĐT
24.	1.010693	Cấp lại Thẻ nhà báo	Cục Báo chí, Cục PTTH&TTĐT
25.	1.000059	Thỏa thuận bổ nhiệm người đứng đầu cơ quan báo chí	Cục Báo chí, Cục PTTH&TTĐT
26.	1.004514	Đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu	Cục Báo chí

<b>STT</b>	<b>Mã số TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
<b>II</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>		
1.	1.009374	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh được giao quyền.
2.	1.009386	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh được giao quyền.
3.	2.001171	Cho phép hợp báo (trong nước)	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
4.	2.001173	Cho phép hợp báo (nước ngoài)	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

## PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

### I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

#### 1. Thủ tục cấp, cấp lại Giấy phép hoạt động báo in

##### a) *Trình tự thực hiện*

- Cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 14 Luật Báo chí, đủ điều kiện theo quy định tại Điều 17 Luật Báo chí, có nhu cầu hoạt động báo in gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động báo in đến Bộ VHTTDL.

- Cơ quan báo chí thực hiện cấp lại giấy phép hoạt động báo in, cơ quan chủ quản báo chí gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động báo in đến VHTTDL.

- Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL có trách nhiệm cấp, cấp lại giấy phép hoạt động báo in; trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**b) *Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

##### c) *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ khai đề nghị cấp giấy phép hoạt động báo in (Mẫu số 01 Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020);

(2) Đề án hoạt động báo in (có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu hoặc ký số của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép) và các tài liệu kèm theo, gồm các nội dung sau:

+ Sự cần thiết và cơ sở pháp lý;

+ Trình bày việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 17 Luật Báo chí;

+ Kết cấu và nội dung chính của ấn phẩm;

+ Quy trình xuất bản và quản lý nội dung.

(3) Danh sách dự kiến nhân sự của báo in (Mẫu số 03 Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020);

(4) Sơ yếu lý lịch người dự kiến là Tổng biên tập (Mẫu số 04 Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020);

(5) Mẫu trình bày tên gọi ấn phẩm báo in có xác nhận của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) *Thời hạn giải quyết:*** 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) *Đối tượng thực hiện:*** Tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Tờ khai đề nghị cấp giấy phép hoạt động báo in (Mẫu số 01).
- Danh sách dự kiến nhân sự của báo in (Mẫu số 03).
- Sơ yếu lý lịch người dự kiến là Tổng biên tập (Mẫu số 04).

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép hoạt động báo in.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:**

- Tôn chỉ, mục đích phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ quản; đối tượng phục vụ.

- Có phương án về tổ chức và nhân sự bảo đảm hoạt động của cơ quan báo chí; có người đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Báo chí để đảm nhiệm chức vụ người đứng đầu cơ quan báo chí.

- Có tên và hình thức trình bày tên cơ quan báo chí; tên và hình thức trình bày tên ấn phẩm báo chí.

- Có trụ sở và các điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật; phương án tài chính.

- Phù hợp với quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.



CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcTỜ KHAI  
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO IN

1. Tên cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động báo in:.....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: .....Fax:.....

2. Tên gọi cơ quan báo in đề nghị cấp giấy phép:.....

3. Tôn chỉ, mục đích: .....

(Trường hợp có nhiều ấn phẩm báo in thì cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép thể hiện tôn chỉ, mục đích đối với từng ấn phẩm, phù hợp với tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo in)

4. Đối tượng phục vụ: .....

5. Thể thức xuất bản:

5.1. Ấn phẩm chính:

- Tên gọi:.....

- Ngôn ngữ thể hiện: .....

- Kỳ hạn xuất bản: .....

- Thời gian phát hành (ghi rõ phát hành vào các ngày nào trong tuần/tháng):.....

- Khuôn khổ: .....

- Số trang: .....

5.2. Ấn phẩm khác (nếu có):

- Tên gọi:.....

- Ngôn ngữ thể hiện: .....

- Kỳ hạn xuất bản: .....

- Thời gian phát hành (ghi rõ phát hành vào các ngày nào trong tuần/tháng):.....

- Khuôn khổ: .....

- Số trang: .....

(Trường hợp có nhiều ấn phẩm báo in thì cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép thể hiện các nội dung tại mục này đối với từng ấn phẩm)

6. Phương thức phát hành: .....

7. Trụ sở chính:

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: .....Fax:.....

- Địa chỉ thư điện tử:.....

**8. Nhân sự dự kiến:**

- Tổng biên tập:.....
- Phó Tổng biên tập: .....
- Số lượng biên tập viên, phóng viên:.....

**9. Nguồn kinh phí hoạt động:** .....

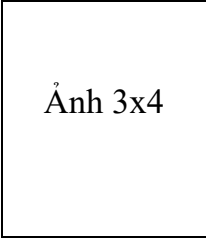
Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động báo in cam kết những điều trên đây và các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép là đúng quy định pháp luật./.

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

*(Ký tên và đóng dấu hoặc ký số  
của cơ quan, tổ chức)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Ảnh 3x4

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**  
**NGƯỜI DỰ KIẾN LÀ TỔNG BIÊN TẬP BÁO IN**

- Tên báo in:.....
- Họ và tên khai sinh (*chữ in*):.....Nam, nữ:.....
- + Họ và tên thường dùng:.....
- Ngày, tháng, năm sinh:.....
- Quê quán: .....
- Nơi ở hiện nay:.....
- Dân tộc: .....Quốc tịch:.....
- Tôn giáo: .....
- Đảng viên: .....
- Trình độ:.....
- + Giáo dục phổ thông (*đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào*): .....
- + Chuyên môn (*sau đại học, đại học*): .....
- Trường học: .....
- Ngành học:.....
- Năm tốt nghiệp: .....
- + Lý luận chính trị (*cử nhân, cao cấp, trung cấp, sơ cấp*):.....
- + Ngoại ngữ (*Ngoại ngữ nào; trình độ A, B, C*): .....
- Ngày và nơi vào ngành báo chí:.....
- Chức danh báo chí hiện nay (*ghi rõ lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ*):.....
- .....
- Số thẻ nhà báo (thời hạn...): .....

**I- QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ghi rõ thời kỳ học trường, lớp phổ thông, chuyên môn, chính trị, ngoại ngữ)*

.....  
.....  
.....  
.....

**II- TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

*(Ghi rõ từng thời kỳ làm việc ở đâu)*

.....  
.....

**III- TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ**

*(Ghi rõ từng thời kỳ làm việc, chức danh, ở cơ quan báo chí nào)*

.....  
.....

**IV- KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

*(Hình thức cao nhất)*

.....  
.....

**V- LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan về những điều khai trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm về lời khai của mình trước cơ quan quản lý và trước pháp luật./.

**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU**

**CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

*(Ký tên và đóng dấu hoặc ký số của cơ quan, tổ chức)*

... , ngày ... tháng ... năm 20...

**Người khai ký tên**

**CƠ QUAN, TỔ CHỨC:**  
**TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ DỰ KIẾN:**

**DANH SÁCH DỰ KIẾN NHÂN SỰ CỦA BÁO IN**

TT	Họ và tên	Chức vụ/Chức danh (phóng viên, biên tập viên, công nhân viên, cán bộ kỹ thuật)	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào)	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ ngoại ngữ	Năm vào ngành báo chí
----	-----------	--	----------	-----------	---------	--	---------------------	----------------------------	--------------------	-----------------------

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ  
 QUAN, TỔ CHỨC**

*(Ký tên và đóng dấu hoặc ký số  
 của cơ quan, tổ chức)*

## **2. Thủ tục cấp, cấp lại Giấy phép hoạt động tạp chí in**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 14 Luật Báo chí, đủ điều kiện theo quy định tại Điều 17 Luật Báo chí, có nhu cầu hoạt động tạp chí in gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động tạp chí in đến Bộ VHTTDL.

- Cơ quan báo chí thực hiện cấp lại giấy phép hoạt động tạp chí in, cơ quan chủ quản báo chí gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động tạp chí in đến Bộ VHTTDL.

- Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL có trách nhiệm cấp, cấp lại giấy phép hoạt động tạp chí in; trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ khai đề nghị cấp giấy phép hoạt động tạp chí in (Mẫu số 02 Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020);

(2) Đề án hoạt động tạp chí in (có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu hoặc ký số của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép) và các tài liệu kèm theo, gồm các nội dung sau:

+ Sự cần thiết và cơ sở pháp lý;

+ Trình bày việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 17 Luật Báo chí;

+ Kết cấu và nội dung chính của ấn phẩm, trong đó thể hiện rõ về nội dung thông tin chuyên sâu, chuyên ngành, giới thiệu, đăng tải kết quả nghiên cứu khoa học, tham gia tư vấn, phản biện chính sách về lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép;

+ Quy trình xuất bản và quản lý nội dung;

(3) Danh sách dự kiến nhân sự của tạp chí in;

(4) Sơ yếu lý lịch người dự kiến là Tổng biên tập;

(5) Mẫu trình bày tên gọi tạp chí in có xác nhận của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép, trong đó tên gọi tạp chí in thể hiện rõ cụm từ “tạp chí” có cỡ chữ tối thiểu bằng 1/3 cỡ chữ của tên tạp chí in.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Tờ khai đề nghị cấp giấy phép hoạt động tạp chí in (Mẫu số 02).
- Danh sách dự kiến nhân sự của tạp chí in (Mẫu số 03).
- Sơ yếu lý lịch người dự kiến là Tổng biên tập (Mẫu số 04).

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép hoạt động tạp chí in.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:**

- Tôn chỉ, mục đích phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ quản; đối tượng phục vụ.

- Có phương án về tổ chức và nhân sự bảo đảm hoạt động của cơ quan báo chí; có người đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Báo chí để đảm nhiệm chức vụ người đứng đầu cơ quan báo chí.

- Có tên và hình thức trình bày tên cơ quan báo chí; tên và hình thức trình bày tên ấn phẩm báo chí.

- Có trụ sở và các điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật; phương án tài chính.

- Phù hợp với quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.

**CƠ QUAN, TỔ CHỨC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI**  
**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG TẠP CHÍ IN****1. Tên cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động tạp chí in:.....**.....  
- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:

.....Fax:.....

**2. Tên gọi cơ quan tạp chí in đề nghị cấp giấy phép: .....****3. Tôn chỉ, mục đích:.....***(Trường hợp có nhiều ấn phẩm tạp chí in thì cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép thể hiện tôn chỉ, mục đích đối với từng ấn phẩm tạp chí in, phù hợp với tôn chỉ, mục đích cơ quan tạp chí in)***4. Đối tượng phục vụ: .....****5. Thể thức xuất bản:**

- Tên gọi: .....

- Ngôn ngữ thể hiện: .....

- Kỳ hạn xuất bản: .....

- Thời gian phát hành (*ghi rõ phát hành vào các ngày nào trong tuần/tháng*): .....

- Khuôn khổ: .....

- Số trang: .....

*(Trường hợp có nhiều ấn phẩm tạp chí in thì cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép thể hiện các nội dung tại mục này đối với từng ấn phẩm tạp chí in)***6. Phương thức phát hành:.....****7. Trụ sở chính:**

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại: .....Fax:.....

- Địa chỉ thư điện tử: .....

**8. Nhân sự dự kiến:**

- Tổng biên tập: .....

- Phó Tổng biên tập: .....

- Số lượng biên tập viên, phóng viên: .....

**9. Nguồn kinh phí hoạt động:.....**



Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động tạp chí in cam kết những điều trên đây và các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép là đúng quy định pháp luật./.

*..., ngày ... tháng ... năm 20...*

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

*(Ký tên và đóng dấu hoặc ký số  
của cơ quan, tổ chức)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh 3x4

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**  
**NGƯỜI DỰ KIẾN LÀ TỔNG BIÊN TẬP TẠP CHÍ IN**

- Tên báo in:.....
- Họ và tên khai sinh (*chữ in*):.....Nam, nữ:.....
- + Họ và tên thường dùng:.....
- Ngày, tháng, năm sinh:.....
- Quê quán: .....
- Nơi ở hiện nay:.....
- Dân tộc: .....Quốc tịch:.....
- Tôn giáo: .....
- Đảng viên: .....
- Trình độ:.....
- + Giáo dục phổ thông (*đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào*): .....
- + Chuyên môn (*sau đại học, đại học*): .....
- Trường học: .....
- Ngành học:.....
- Năm tốt nghiệp: .....
- + Lý luận chính trị (*cử nhân, cao cấp, trung cấp, sơ cấp*):.....
- + Ngoại ngữ (*Ngoại ngữ nào; trình độ A, B, C*): .....
- Ngày và nơi vào ngành báo chí:.....
- Chức danh báo chí hiện nay (*ghi rõ lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ*):.....
- .....
- Số thẻ nhà báo (thời hạn...): .....

**I- QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ghi rõ thời kỳ học trường, lớp phổ thông, chuyên môn, chính trị, ngoại ngữ)*

.....

.....

.....

.....

**II- TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

*(Ghi rõ từng thời kỳ làm việc ở đâu)*

.....  
.....

**III- TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ**

*(Ghi rõ từng thời kỳ làm việc, chức danh, ở cơ quan báo chí nào)*

.....  
.....

**IV- KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

*(Hình thức cao nhất)*

.....  
.....

**V- LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan về những điều khai trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm về lời khai của mình trước cơ quan quản lý và trước pháp luật./.

**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU**

**CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

*(Ký tên và đóng dấu hoặc ký số  
của cơ quan, tổ chức)*

... , ngày ... tháng ... năm 20...

**Người khai ký tên**

**CƠ QUAN, TỔ CHỨC:**  
**TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ DỰ KIẾN:**

**DANH SÁCH DỰ KIẾN NHÂN SỰ CỦA TẠP CHÍ IN**

TT	Họ và tên	Chức vụ/Chức danh (phóng viên, biên tập viên, công nhân viên, cán bộ kỹ thuật)	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào)	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ ngoại ngữ	Năm vào ngành báo chí
----	-----------	--	----------	-----------	---------	--	---------------------	----------------------------	--------------------	-----------------------

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ  
 QUAN, TỔ CHỨC**

*(Ký tên và đóng dấu hoặc ký số  
 của cơ quan, tổ chức)*

### **3. Thủ tục cấp Giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí**

#### **a) Trình tự thực hiện**

- Cơ quan báo chí có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 30 Luật Báo chí có nhu cầu xuất bản thêm ấn phẩm báo chí, cơ quan chủ quản báo chí gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí đến Bộ VHTTDL.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL có trách nhiệm cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí; trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản báo chí;

(2) Tờ khai đề nghị cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020);

(3) Đề án xuất bản thêm ấn phẩm báo chí (có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu hoặc ký số của cơ quan chủ quản báo chí) và các tài liệu kèm theo, gồm các nội dung sau:

+ Sự cần thiết và cơ sở pháp lý;

+ Trình bày việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 30 Luật Báo chí;

+ Kết cấu và nội dung chính của ấn phẩm báo chí (trong đó thể hiện rõ về nội dung thông tin chuyên sâu, chuyên ngành, giới thiệu, đăng tải kết quả nghiên cứu khoa học, tham gia tư vấn, phản biện chính sách về lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ quản báo chí đối với tạp chí in);

(4) Mẫu trình bày tên gọi ấn phẩm báo chí có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí; đối với tạp chí in, tên gọi tạp chí in thể hiện rõ cụm từ “tạp chí” có cỡ chữ tối thiểu bằng 1/3 cỡ chữ của tên tạp chí in.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Tờ khai đề nghị cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

***k) Yêu cầu, điều kiện:***

- Có tôn chỉ, mục đích phù hợp với tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí; đối tượng phục vụ.
- Có phương án về tổ chức và nhân sự bảo đảm hoạt động của ấn phẩm báo chí.
- Có tên và hình thức trình bày tên ấn phẩm báo chí.
- Có các điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật; phương án tài chính.

***l) Căn cứ pháp lý:***

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;
- Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN BÁO CHÍ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**

**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XUẤT BẢN THÊM ẢN PHẨM BÁO CHÍ**

**1. Tên cơ quan báo chí:**

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ..... Fax: .....

- Giấy phép hoạt động báo chí:.....

**2. Tên gọi ản phẩm báo chí/phụ trương: .....**

**3. Tôn chỉ, mục đích: .....**

*(Trường hợp có nhiều ản phẩm báo chí thì cơ quan chủ quản báo chí thể hiện tôn chỉ, mục đích đối với từng ản phẩm báo chí, phù hợp với tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí)*

**4. Đối tượng phục vụ: .....**

**5. Thể thức xuất bản:**

- Ngôn ngữ thể hiện: .....

- Kỳ hạn xuất bản: .....

- Thời gian phát hành (*ghi rõ phát hành vào các ngày nào trong tuần/tháng*):.....

- Khuôn khổ: .....

- Số trang: .....

*(Trường hợp có nhiều ản phẩm báo chí thì cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép thể hiện các nội dung tại mục này đối với từng ản phẩm báo chí)*

Cơ quan chủ quản báo chí cam kết những điều trên đây và các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép là đúng quy định pháp luật./.

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU**

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN BÁO CHÍ**

*(Ký tên và đóng dấu hoặc ký số  
của cơ quan, tổ chức)*

#### **4. Thủ tục cấp Giấy phép xuất bản phụ trương**

##### **a) Trình tự thực hiện**

- Cơ quan báo chí có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 30 Luật Báo chí có nhu cầu xuất bản phụ trương, cơ quan chủ quản báo chí gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xuất bản phụ trương đến Cục Báo chí (Bộ VHTTDL).

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Báo chí có trách nhiệm cấp giấy phép xuất bản phụ trương; trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

##### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản báo chí;

(2) Tờ khai đề nghị cấp giấy phép xuất bản phụ trương (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020);

(3) Đề án xuất bản phụ trương (có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu hoặc ký số của cơ quan chủ quản báo chí) và các tài liệu kèm theo, gồm các nội dung sau:

+ Sự cần thiết và cơ sở pháp lý;

+ Trình bày việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 30 Luật Báo chí;

+ Kết cấu và nội dung chính của phụ trương;

(4) Mẫu trình bày tên gọi phụ trương có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Tờ khai đề nghị cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép xuất bản phụ trương.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

##### **k) Yêu cầu, điều kiện:**

- Có tôn chỉ, mục đích phù hợp với tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí; đối tượng phục vụ.

- Có phương án về tổ chức và nhân sự bảo đảm hoạt động của phụ trương;



- Có tên và hình thức trình bày tên phụ trương.
- Có các điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật; phương án tài chính.

***l) Căn cứ pháp lý:***

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;
- Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN BÁO CHÍ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**  
**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XUẤT BẢN PHỤ TRƯỞNG**

**1. Tên cơ quan báo chí:**

- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ..... Fax: .....
- Giấy phép hoạt động báo chí:.....

**2. Tên gọi ấn phẩm báo chí/phụ trương: .....**

**3. Tôn chỉ, mục đích: .....**

*(Trường hợp có nhiều ấn phẩm báo chí thì cơ quan chủ quản báo chí thể hiện tôn chỉ, mục đích đối với từng ấn phẩm báo chí, phù hợp với tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí)*

**4. Đối tượng phục vụ: .....**

**5. Thể thức xuất bản:**

- Ngôn ngữ thể hiện: .....
- Kỳ hạn xuất bản: .....
- Thời gian phát hành (*ghi rõ phát hành vào các ngày nào trong tuần/tháng*):.....
- Khuôn khổ: .....
- Số trang: .....

*(Trường hợp có nhiều ấn phẩm báo chí thì cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép thể hiện các nội dung tại mục này đối với từng ấn phẩm báo chí)*

Cơ quan chủ quản báo chí cam kết những điều trên đây và các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép là đúng quy định pháp luật./.

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU**

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN BÁO CHÍ**

*(Ký tên và đóng dấu hoặc ký số  
của cơ quan, tổ chức)*

## **5. Thủ tục cấp, cấp lại Giấy phép hoạt động báo điện tử**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 14 Luật Báo chí, đủ điều kiện theo quy định tại Điều 17 Luật Báo chí, có nhu cầu hoạt động báo điện tử gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động báo điện tử đến Bộ VHTTDL.

- Cơ quan báo chí thực hiện cấp lại giấy phép hoạt động báo điện tử, cơ quan chủ quản báo chí gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động báo điện tử đến Bộ VHTTDL.

- Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL có trách nhiệm cấp, cấp lại giấy phép hoạt động báo điện tử; trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ khai đề nghị cấp giấy phép hoạt động báo điện tử (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020);

(2) Đề án hoạt động báo điện tử (có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu hoặc ký số của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép) và các tài liệu kèm theo, gồm các nội dung sau:

+ Sự cần thiết và cơ sở pháp lý; trình bày việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 17 Luật Báo chí;

+ Kết cấu và nội dung chính các chuyên trang, chuyên mục của báo điện tử, các chuyên mục của chuyên trang;

+ Tên miền phù hợp với tên báo điện tử;

+ Việc sở hữu tên miền còn thời gian sử dụng tối thiểu 06 tháng tính từ thời điểm đề nghị cấp giấy phép;

+ Quy trình xuất bản và quản lý nội dung;

(3) Danh sách dự kiến nhân sự của báo điện tử (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020);

(4) Sơ yếu lý lịch người dự kiến là Tổng biên tập (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020);

(5) Mẫu trình bày giao diện trang chủ của báo điện tử phải hiển thị các thông tin theo quy định tại Điều 46 Luật Báo chí, có xác nhận của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

(6) Mẫu trình bày giao diện trang chủ của chuyên trang có xác nhận của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép. Trang chủ của chuyên trang phải hiển thị các thông tin theo quy định tại Điều 46 Luật Báo chí, trong đó: Tên gọi chuyên trang

thể hiện rõ cụm từ “chuyên trang” có cỡ chữ tối thiểu bằng 1/2 cỡ chữ của tên chuyên trang và tên gọi báo điện tử có cỡ chữ tối thiểu bằng 1/2 cỡ chữ của tên chuyên trang.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Tờ khai đề nghị cấp giấy phép hoạt động báo điện tử (Mẫu số 06).

- Danh sách dự kiến nhân sự của báo điện tử (Mẫu số 03).

- Sơ yếu lý lịch người dự kiến là Tổng biên tập (Mẫu số 04).

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép hoạt động báo điện tử.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:**

- Tôn chỉ, mục đích phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ quản; đối tượng phục vụ; tên miền, nơi đặt máy chủ và đơn vị cung cấp dịch vụ kết nối.

- Có phương án về tổ chức và nhân sự bảo đảm hoạt động của cơ quan báo chí; có người đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Báo chí để đảm nhiệm chức vụ người đứng đầu cơ quan báo chí.

- Có tên và hình thức trình bày tên cơ quan báo chí.

- Có trụ sở và các điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật; phương án tài chính; có các giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; có ít nhất một tên miền “.vn” đã đăng ký phù hợp với tên báo chí và sử dụng hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam.

- Phù hợp với quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.

**CƠ QUAN, TỔ CHỨC      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**  
**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO ĐIỆN TỬ**

**1. Tên cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động báo điện tử: .....**

.....  
- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ..... Fax: .....

**2. Tên gọi cơ quan báo điện tử đề nghị cấp giấy phép: .....**

**3. Tôn chỉ, mục đích: .....**

- Báo điện tử: .....

- Chuyên trang (nếu có): .....

*(Trường hợp có nhiều chuyên trang thì cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép thể hiện tôn chỉ, mục đích đối với từng chuyên trang, phù hợp với tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo điện tử)*

**4. Đối tượng phục vụ: .....**

**5. Thể thức xuất bản:**

**5.1. Báo điện tử:**

- Ngôn ngữ thể hiện: .....

- Tên các chuyên mục: .....

**5.2. Chuyên trang (nếu có):**

- Tên gọi: .....

- Ngôn ngữ thể hiện: .....

- Tên các chuyên mục: .....

*(Trường hợp có nhiều chuyên trang thì cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép thể hiện các nội dung tại mục này đối với từng chuyên trang)*

**6. Nguồn tin: .....**

**7. Định kỳ cập nhật thông tin: .....**

**8. Đơn vị cung cấp dịch vụ kết nối internet: .....**

**9. IP máy chủ lưu giữ thông tin: .....**

**10. Nơi đặt máy chủ: .....**

**11. Trụ sở chính:**

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: .....

- Địa chỉ thư điện tử: ..... Fax: .....

**12. Các tên miền:**

- Trang chủ:.....  
*(Tên miền phù hợp với tên báo điện tử)*

- Chuyên trang*(nếu có)*:.....  
*(Tên miền cấp dưới của tên miền của báo điện tử, phù hợp với tên chuyên trang)*

**13. Nhân sự dự kiến:**

- Tổng biên tập:.....

- Phó Tổng biên tập: .....

- Số lượng biên tập viên, phóng viên, kỹ thuật viên:.....

**14. Nguồn kinh phí hoạt động:** .....

Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động báo điện tử cam kết những điều trên đây và các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép là đúng quy định pháp luật./.

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

*(Ký tên và đóng dấu hoặc ký số  
của cơ quan, tổ chức)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh 3x4

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**  
**NGƯỜI DỰ KIẾN LÀ TỔNG BIÊN TẬP BÁO ĐIỆN TỬ**

- Tên báo in:.....
- Họ và tên khai sinh (*chữ in*):.....Nam, nữ:.....
- + Họ và tên thường dùng:.....
- Ngày, tháng, năm sinh:.....
- Quê quán: .....
- Nơi ở hiện nay:.....
- Dân tộc: .....Quốc tịch:.....
- Tôn giáo: .....
- Đảng viên: .....
- Trình độ:.....
- + Giáo dục phổ thông (*đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào*): .....
- + Chuyên môn (*sau đại học, đại học*): .....
- Trường học: .....
- Ngành học:.....
- Năm tốt nghiệp: .....
- + Lý luận chính trị (*cử nhân, cao cấp, trung cấp, sơ cấp*):.....
- + Ngoại ngữ (*Ngoại ngữ nào; trình độ A, B, C*): .....
- Ngày và nơi vào ngành báo chí:.....
- Chức danh báo chí hiện nay (*ghi rõ lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ*):.....
- .....
- Số thẻ nhà báo (thời hạn...): .....

**I- QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ghi rõ thời kỳ học trường, lớp phổ thông, chuyên môn, chính trị, ngoại ngữ)*

.....

.....

.....

.....

**II- TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

*(Ghi rõ từng thời kỳ làm việc ở đâu)*

.....  
.....

**III- TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ**

*(Ghi rõ từng thời kỳ làm việc, chức danh, ở cơ quan báo chí nào)*

.....  
.....

**IV- KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

*(Hình thức cao nhất)*

.....  
.....

**V- LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan về những điều khai trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm về lời khai của mình trước cơ quan quản lý và trước pháp luật./.

**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU**

**CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

*(Ký tên và đóng dấu hoặc ký số của cơ quan, tổ chức)*

... , ngày ... tháng ... năm 20...

**Người khai ký tên**



**CƠ QUAN, TỔ CHỨC:**  
**TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ DỰ KIẾN:**

**DANH SÁCH DỰ KIẾN NHÂN SỰ CỦA BÁO ĐIỆN TỬ**

TT	Họ và tên	Chức vụ/Chức danh (phóng viên, biên tập viên, công nhân viên, cán bộ kỹ thuật)	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào)	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ ngoại ngữ	Năm vào ngành báo chí
----	-----------	--	----------	-----------	---------	--	---------------------	----------------------------	--------------------	-----------------------

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ  
 QUAN, TỔ CHỨC**

*(Ký tên và đóng dấu hoặc ký số  
 của cơ quan, tổ chức)*

## **6. Thủ tục cấp, cấp lại Giấy phép hoạt động tạp chí điện tử**

### ***a) Trình tự thực hiện***

- Cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 14 Luật Báo chí, đủ điều kiện theo quy định tại Điều 17 Luật Báo chí, có nhu cầu hoạt động tạp chí điện tử gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động tạp chí điện tử đến Bộ VHTTDL.

- Cơ quan báo chí thực hiện cấp lại giấy phép hoạt động tạp chí điện tử, cơ quan chủ quản báo chí gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động tạp chí điện tử đến Bộ VHTTDL.

- Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL có trách nhiệm cấp, cấp lại giấy phép hoạt động tạp chí điện tử; trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ khai đề nghị cấp giấy phép hoạt động tạp chí điện tử (Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020);

(2) Đề án hoạt động tạp chí điện tử (có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu hoặc ký số của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép) và các tài liệu kèm theo, gồm các nội dung sau:

+ Sự cần thiết và cơ sở pháp lý; trình bày việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 17 Luật Báo chí;

+ Kết cấu và nội dung chính của các chuyên trang, chuyên mục của tạp chí điện tử, các chuyên mục của chuyên trang, trong đó thể hiện rõ về nội dung thông tin chuyên sâu, chuyên ngành, giới thiệu, đăng tải kết quả nghiên cứu khoa học, tham gia tư vấn, phản biện chính sách về lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép;

+ Tên miền phù hợp với tên tạp chí điện tử;

+ Việc sở hữu tên miền còn thời gian sử dụng tối thiểu 06 tháng tính từ thời điểm đề nghị cấp giấy phép;

+ Quy trình xuất bản và quản lý nội dung;

(3) Danh sách dự kiến nhân sự của tạp chí điện tử (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020);

(4) Sơ yếu lý lịch người dự kiến là Tổng biên tập (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020);

(5) Mẫu trình bày giao diện trang chủ của tạp chí điện tử có xác nhận của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép. Trang chủ của tạp chí điện tử phải hiển thị các thông tin theo quy định tại Điều 46 Luật Báo chí, trong đó tên gọi tạp chí điện tử thể hiện rõ cụm từ “tạp chí” hoặc “tạp chí điện tử” có cỡ chữ tối thiểu bằng 1/2 cỡ chữ của tên tạp chí điện tử.

(6) Mẫu trình bày giao diện trang chủ của chuyên trang có xác nhận của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép. Trang chủ của chuyên trang phải hiển thị các thông tin theo quy định tại Điều 46 Luật Báo chí, trong đó: Tên gọi chuyên trang thể hiện rõ cụm từ “chuyên trang” có cỡ chữ tối thiểu bằng 1/2 cỡ chữ của tên chuyên trang và tên gọi tạp chí điện tử có cỡ chữ tối thiểu bằng 1/2 cỡ chữ của tên chuyên trang.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Tờ khai đề nghị cấp giấy phép hoạt động tạp chí điện tử (Mẫu số 07).

- Danh sách dự kiến nhân sự của tạp chí điện tử (Mẫu số 03).

- Sơ yếu lý lịch người dự kiến là Tổng biên tập (Mẫu số 04).

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép hoạt động báo điện tử.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:**

- Tôn chỉ, mục đích phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ quản; đối tượng phục vụ; tên miền, nơi đặt máy chủ và đơn vị cung cấp dịch vụ kết nối.

- Có phương án về tổ chức và nhân sự bảo đảm hoạt động của cơ quan báo chí; có người đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Báo chí để đảm nhiệm chức vụ người đứng đầu cơ quan báo chí.

- Có tên và hình thức trình bày tên cơ quan báo chí.

- Có trụ sở và các điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật; phương án tài chính; có các giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; có ít nhất một tên miền “.vn” đã đăng ký phù hợp với tên báo chí và sử dụng hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam.

- Phù hợp với quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.

**CƠ QUAN, TỔ CHỨC      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**

**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG TẠP CHÍ ĐIỆN TỬ**

**1. Tên cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động tạp chí điện tử: .....**

.....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ..... Fax: .....

**2. Tên gọi cơ quan tạp chí điện tử đề nghị cấp giấy phép: .....**

**3. Tôn chỉ, mục đích: .....**

- Tạp chí điện tử:.....

- Chuyên trang (nếu có):.....

*(Trường hợp có nhiều chuyên trang thì cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép thể hiện tôn chỉ, mục đích đối với từng chuyên trang, phù hợp với tôn chỉ, mục đích của cơ quan tạp chí điện tử)*

**4. Đối tượng phục vụ: .....**

**5. Thể thức xuất bản:**

**5.1. Tạp chí điện tử:**

- Ngôn ngữ thể hiện: .....

- Tên các chuyên mục:.....

**5.2. Chuyên trang(nếu có):**

- Tên gọi:.....

- Ngôn ngữ thể hiện: .....

- Tên các chuyên mục:.....

*(Trường hợp có nhiều chuyên trang thì cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép thể hiện các nội dung tại mục này đối với từng chuyên trang)*

**6. Nguồn tin: .....**

**7. Định kỳ cập nhật thông tin: .....**

**8. Đơn vị cung cấp dịch vụ kết nối internet: .....**

**9. IP máy chủ lưu giữ thông tin:.....**

**10. Nơi đặt máy chủ:.....**

**11. Trụ sở chính:**

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: .....

- Địa chỉ thư điện tử:..... Fax:.....

**12. Các tên miền:**

- Trang chủ:.....  
*(Tên miền phù hợp với tên tạp chí điện tử)*

- Chuyên trang*(nếu có)*:.....  
*(Tên miền cấp dưới của tên miền của tạp chí điện tử, phù hợp với tên chuyên trang)*

**13. Nhân sự dự kiến:**

- Tổng biên tập:.....

- Phó Tổng biên tập: .....

- Số lượng biên tập viên, phóng viên, kỹ thuật viên:.....

**14. Nguồn kinh phí hoạt động:** .....

Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động tạp chí điện tử cam kết những điều trên đây và các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép là đúng quy định pháp luật./.

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

*(Ký tên và đóng dấu hoặc ký số  
của cơ quan, tổ chức)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh 3x4

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**  
**NGƯỜI DỰ KIẾN LÀ TỔNG BIÊN TẬP TẠP CHÍ ĐIỆN TỬ**

- Tên báo in:.....
- Họ và tên khai sinh (*chữ in*):.....Nam, nữ:.....
- + Họ và tên thường dùng:.....
- Ngày, tháng, năm sinh:.....
- Quê quán: .....
- Nơi ở hiện nay:.....
- Dân tộc: .....Quốc tịch:.....
- Tôn giáo: .....
- Đảng viên: .....
- Trình độ:.....
- + Giáo dục phổ thông (*đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào*): .....
- + Chuyên môn (*sau đại học, đại học*): .....
- Trường học: .....
- Ngành học:.....
- Năm tốt nghiệp: .....
- + Lý luận chính trị (*cử nhân, cao cấp, trung cấp, sơ cấp*):.....
- + Ngoại ngữ (*Ngoại ngữ nào; trình độ A, B, C*): .....
- Ngày và nơi vào ngành báo chí:.....
- Chức danh báo chí hiện nay (*ghi rõ lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ*):.....
- .....
- Số thẻ nhà báo (thời hạn...): .....

**I- QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ghi rõ thời kỳ học trường, lớp phổ thông, chuyên môn, chính trị, ngoại ngữ)*

.....

.....

.....

.....

**II- TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

*(Ghi rõ từng thời kỳ làm việc ở đâu)*

.....  
.....

**III- TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ**

*(Ghi rõ từng thời kỳ làm việc, chức danh, ở cơ quan báo chí nào)*

.....  
.....

**IV- KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

*(Hình thức cao nhất)*

.....  
.....

**V- LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan về những điều khai trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm về lời khai của mình trước cơ quan quản lý và trước pháp luật./.

**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU**

**CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

*(Ký tên và đóng dấu hoặc ký số  
của cơ quan, tổ chức)*

... , ngày ... tháng ... năm 20...

**Người khai ký tên**

**CƠ QUAN, TỔ CHỨC:**  
**TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ DỰ KIẾN:**

**DANH SÁCH DỰ KIẾN NHÂN SỰ CỦA TẠP CHÍ ĐIỆN TỬ**

TT	Họ và tên	Chức vụ/Chức danh (phóng viên, biên tập viên, công nhân viên, cán bộ kỹ thuật)	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào)	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ ngoại ngữ	Năm vào ngành báo chí
----	-----------	--	----------	-----------	---------	--	---------------------	----------------------------	--------------------	-----------------------

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ  
 QUAN, TỔ CHỨC**

*(Ký tên và đóng dấu hoặc ký số  
 của cơ quan, tổ chức)*



## **7. Thủ tục cấp giấy phép mở chuyên trang của báo điện tử, tạp chí điện tử**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Cơ quan báo chí có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 30 Luật Báo chí có nhu cầu mở chuyên trang của báo điện tử, tạp chí điện tử, cơ quan chủ quản báo chí gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép mở chuyên trang của báo điện tử, tạp chí điện tử đến Cục Báo chí (Bộ VH TTDL).

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Báo chí có trách nhiệm cấp giấy phép mở chuyên trang của báo điện tử, tạp chí điện tử; trường hợp hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản báo chí;

(2) Tờ khai đề nghị cấp giấy phép mở chuyên trang của báo điện tử, tạp chí điện tử (Mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020);

(3) Đề án hoạt động chuyên trang của báo điện tử, tạp chí điện tử (có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu hoặc ký số của cơ quan chủ quản báo chí) và các tài liệu kèm theo, gồm các nội dung sau:

+ Sự cần thiết và cơ sở pháp lý; trình bày việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 30 Luật Báo chí;

+ Kết cấu và nội dung chính của các chuyên mục (đối với chuyên trang của tạp chí điện tử, thể hiện rõ về nội dung thông tin chuyên sâu, chuyên ngành, giới thiệu, đăng tải kết quả nghiên cứu khoa học, tham gia tư vấn, phản biện chính sách về lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ quản báo chí);

+ Quy trình xuất bản và quản lý nội dung;

(4) Mẫu trình bày giao diện trang chủ của chuyên trang có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí. Trang chủ của chuyên trang phải hiển thị các thông tin theo quy định tại Điều 46 Luật Báo chí, trong đó: Tên gọi chuyên trang thể hiện rõ cụm từ “chuyên trang” có cỡ chữ tối thiểu bằng 1/2 cỡ chữ của tên chuyên trang và tên gọi báo điện tử, tạp chí điện tử có cỡ chữ tối thiểu bằng 1/2 cỡ chữ của tên chuyên trang.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Cục Báo chí (Bộ VH TTDL).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:**

Tờ khai đề nghị cấp giấy phép mở chuyên trang của báo điện tử, tạp chí điện tử (Mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép mở chuyên trang của báo điện tử/tạp chí điện tử

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:**

- Có tôn chỉ, mục đích phù hợp với tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí; đối tượng phục vụ; nơi đặt máy chủ và đơn vị cung cấp dịch vụ kết nối.

- Có phương án về tổ chức và nhân sự bảo đảm hoạt động chuyên trang của báo điện tử.

- Có tên và giao diện trang chủ chuyên trang của báo điện tử, tạp chí điện tử.

- Có các điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật; phương án tài chính; có các giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; có tên miền cấp dưới phù hợp với tên miền đã đăng ký.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
BÁO CHÍ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**

**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MỞ CHUYÊN TRANG  
CỦA BÁO ĐIỆN TỬ/TẠP CHÍ ĐIỆN TỬ**

**1. Tên cơ quan báo điện tử/tạp chí điện tử:.....**

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại:..... Fax:.....

- Địa chỉ thư điện tử: .....

- Giấy phép hoạt động báo điện tử/tạp chí điện tử: .....

**2. Tên gọi chuyên trang:.....**

**3. Tôn chỉ, mục đích của chuyên trang:.....**

*(Trường hợp có nhiều chuyên trang thì cơ quan chủ quản báo chí thể hiện tôn chỉ, mục đích đối với từng chuyên trang, phù hợp với tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo điện tử/tạp chí điện tử)*

**4. Đối tượng phục vụ: .....**

**5. Thể thức xuất bản:**

- Ngôn ngữ thể hiện: .....

- Tên các chuyên mục: .....

*(Trường hợp có nhiều chuyên trang thì cơ quan chủ quản báo chí thể hiện các nội dung tại mục này đối với từng chuyên trang)*

**6. Nguồn tin: .....**

**7. Định kỳ cập nhật thông tin: .....**

**8. Đơn vị cung cấp dịch vụ kết nối internet:.....**

**9. IP máy chủ lưu giữ thông tin:.....**

**10. Tên miền: .....**

*(Tên miền cấp dưới của tên miền của báo điện tử/tạp chí điện tử, phù hợp với tên chuyên trang)*

**11. Nhân sự dự kiến:**

Số lượng phóng viên, biên tập viên thực hiện chuyên trang: .....

Cơ quan chủ quản báo chí cam kết những điều trên đây và các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép là đúng quy định pháp luật./.

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU**

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN BÁO CHÍ**

*(Ký tên và đóng dấu hoặc ký số  
của cơ quan, tổ chức)*

## **8. Thủ tục cấp, cấp lại Giấy phép hoạt động báo in và báo điện tử**

### ***a) Trình tự thực hiện***

- Cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 14 Luật Báo chí, đủ điều kiện theo quy định tại Điều 17 Luật Báo chí, có nhu cầu hoạt động báo in và báo điện tử gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động báo in và báo điện tử đến Bộ VHTTDL.

- Cơ quan báo chí đang hoạt động báo in và báo điện tử có một hoặc hai giấy phép chuẩn bị hết hiệu lực, có nhu cầu tiếp tục hoạt động báo chí, cơ quan chủ quản báo chí gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động báo in và báo điện tử đến VHTTDL.

- Cơ quan báo chí đang hoạt động báo in hoặc báo điện tử có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 17 Luật Báo chí, có nhu cầu thực hiện thêm loại hình báo chí khác, cơ quan chủ quản báo chí gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động báo in và báo điện tử đến Bộ VHTTDL.

- Cơ quan báo chí thực hiện cấp lại giấy phép hoạt động báo in và báo điện tử, cơ quan chủ quản báo chí gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động báo in và báo điện tử đến Bộ VHTTDL.

- Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL có trách nhiệm cấp, cấp lại giấy phép hoạt động báo in và báo điện tử; trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ khai đề nghị cấp giấy phép thực hiện hai loại hình báo chí;

(2) Đề án hoạt động (có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu hoặc ký số của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép) tổng hợp các nội dung của đề án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 và của đề án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và các tài liệu kèm theo;

(3) Danh sách dự kiến nhân sự của cơ quan báo in và báo điện tử;

(4) Sơ yếu lý lịch người dự kiến là Tổng biên tập;

(5) Mẫu trình bày tên gọi ấn phẩm báo in như quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 5, mẫu trình bày giao diện trang chủ của báo điện tử như quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, có xác nhận của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d) Thời hạn giải quyết:*** 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**d) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Tờ khai đề nghị cấp giấy phép hoạt động hai loại hình báo chí (Mẫu số 09).
- Danh sách dự kiến nhân sự (Mẫu số 03).
- Sơ yếu lý lịch người dự kiến là Tổng biên tập (Mẫu số 04).

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép hoạt động báo in và báo điện tử.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:**

- Tôn chỉ, mục đích phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ quản; đối tượng phục vụ; tên miền, nơi đặt máy chủ và đơn vị cung cấp dịch vụ kết nối.

- Có phương án về tổ chức và nhân sự bảo đảm hoạt động của cơ quan báo chí; có người đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Báo chí để đảm nhiệm chức vụ người đứng đầu cơ quan báo chí.

- Có tên và hình thức trình bày tên cơ quan báo chí; tên và hình thức trình bày ấn phẩm báo chí.

- Có trụ sở và các điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật; phương án tài chính; có các giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; có ít nhất một tên miền “.vn” đã đăng ký phù hợp với tên báo chí và sử dụng hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam.

- Phù hợp với quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.

**CƠ QUAN, TỔ CHỨC      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**

**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THỰC HIỆN HAI LOẠI HÌNH BÁO CHÍ**

**1. Tên cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép thực hiện hai loại hình báo chí:** .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ..... Fax:.....

**2. Tên gọi cơ quan báo chí đề nghị cấp giấy phép:** .....

**3. Tôn chỉ, mục đích:** .....

*(Trường hợp có nhiều ấn phẩm báo in/chuyên trang của báo điện tử thì cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép thể hiện tôn chỉ, mục đích đối với từng ấn phẩm báo in/chuyên trang của báo điện tử, phù hợp với tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí)*

**4. Đối tượng phục vụ:** .....

**5. Các loại hình báo chí:**

**5.1. Báo in**

5.1.1. Tên gọi:.....

5.1.2. Ấn phẩm chính:

- Tên gọi:.....

- Ngôn ngữ thể hiện: .....

- Kỳ hạn xuất bản: .....

- Thời gian phát hành (*ghi rõ phát hành vào các ngày nào trong tuần/tháng*):.....

- Khuôn khổ: .....

- Số trang: .....

5.1.3. Ấn phẩm khác (*nếu có*):

- Tên gọi:.....

- Ngôn ngữ thể hiện: .....

- Kỳ hạn xuất bản: .....

- Thời gian phát hành (*ghi rõ phát hành vào các ngày nào trong tuần/tháng*):.....

- Khuôn khổ: .....

- Số trang: .....

*(Trường hợp có nhiều ấn phẩm báo in thì cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép thể hiện các nội dung tại mục này đối với từng ấn phẩm)*

5.1.4. Phương thức phát hành: .....

**5.2. Báo điện tử:**

5.2.1. Tên gọi:.....

## 5.2.2. Thẻ thức xuất bản:

- Ngôn ngữ thể hiện: .....
- Tên các chuyên mục: .....

## 5.2.3. Chuyên trang (nếu có):

5.2.3.1. Tên gọi: .....

## 5.2.3.2. Thẻ thức xuất bản:

- Ngôn ngữ thể hiện: .....
- Tên các chuyên mục: .....

*(Trường hợp có nhiều chuyên trang thì cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép thể hiện các nội dung tại mục này đối với từng chuyên trang)*

5.2.4. Nguồn tin: .....

5.2.5. Định kỳ cập nhật thông tin: .....

5.2.6. Đơn vị cung cấp dịch vụ kết nối Internet: .....

5.2.7. IP máy chủ lưu giữ thông tin: .....

5.2.8. Nơi đặt máy chủ: .....

## 5.2.9. Các tên miền:

- Trang chủ: .....

*(Tên miền phù hợp với tên báo điện tử)*

- Chuyên trang (nếu có): .....

*(Tên miền cấp dưới của tên miền của báo điện tử, phù hợp với tên chuyên trang)*

**6. Trụ sở chính:**

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: .....

- Địa chỉ thư điện tử: ..... Fax: .....

**7. Nhân sự dự kiến:**

- Tổng biên tập: .....

- Phó Tổng biên tập: .....

- Số lượng biên tập viên, phóng viên, kỹ thuật viên: .....

**8. Nguồn kinh phí hoạt động:** .....

Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động báo chí cam kết những điều trên đây và các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép là đúng quy định pháp luật./.

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

*(Ký tên và đóng dấu hoặc ký số  
của cơ quan, tổ chức)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh 3x4

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**  
**NGƯỜI DỰ KIẾN LÀ TỔNG BIÊN TẬP CƠ QUAN BÁO CHÍ**

- Tên báo in:.....
- Họ và tên khai sinh (*chữ in*):.....Nam, nữ:.....
- + Họ và tên thường dùng:.....
- Ngày, tháng, năm sinh:.....
- Quê quán: .....
- Nơi ở hiện nay:.....
- Dân tộc: .....Quốc tịch:.....
- Tôn giáo: .....
- Đảng viên: .....
- Trình độ:.....
- + Giáo dục phổ thông (*đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào*): .....
- + Chuyên môn (*sau đại học, đại học*): .....
- Trường học: .....
- Ngành học:.....
- Năm tốt nghiệp: .....
- + Lý luận chính trị (*cử nhân, cao cấp, trung cấp, sơ cấp*):.....
- + Ngoại ngữ (*Ngoại ngữ nào; trình độ A, B, C*): .....
- Ngày và nơi vào ngành báo chí:.....
- Chức danh báo chí hiện nay (*ghi rõ lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ*):.....
- .....
- Số thẻ nhà báo (thời hạn...): .....

**I- QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ghi rõ thời kỳ học trường, lớp phổ thông, chuyên môn, chính trị, ngoại ngữ)*

.....

.....

.....

.....

**II- TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**



*(Ghi rõ từng thời kỳ làm việc ở đâu)*

.....  
.....

**III- TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ**

*(Ghi rõ từng thời kỳ làm việc, chức danh, ở cơ quan báo chí nào)*

.....  
.....

**IV- KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

*(Hình thức cao nhất)*

.....  
.....

**V- LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan về những điều khai trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm về lời khai của mình trước cơ quan quản lý và trước pháp luật./.

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU**

**CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

*(Ký tên và đóng dấu hoặc ký số của cơ quan, tổ chức)*

... , ngày ... tháng ... năm 20...

**Người khai ký tên**

**CƠ QUAN, TỔ CHỨC:**  
**TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ DỰ KIẾN:**

**DANH SÁCH DỰ KIẾN NHÂN SỰ CỦA CƠ QUAN BÁO CHÍ**

TT	Họ và tên	Chức vụ/Chức danh (phóng viên, biên tập viên, công nhân viên, cán bộ kỹ thuật)	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào)	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ ngoại ngữ	Năm vào ngành báo chí
----	-----------	--	----------	-----------	---------	--	---------------------	----------------------------	--------------------	-----------------------

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ  
 QUAN, TỔ CHỨC**

*(Ký tên và đóng dấu hoặc ký số  
 của cơ quan, tổ chức)*

## **9. Thủ tục cấp, cấp lại Giấy phép hoạt động tạp chí in và tạp chí điện tử**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 14 Luật Báo chí, đủ điều kiện theo quy định tại Điều 17 Luật Báo chí, có nhu cầu hoạt động tạp chí in và tạp chí điện tử gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động tạp chí in và tạp chí điện tử đến Bộ VHTTDL.

- Cơ quan báo chí đang hoạt động tạp chí in và tạp chí điện tử có một hoặc hai giấy phép chuẩn bị hết hiệu lực, có nhu cầu tiếp tục hoạt động báo chí, cơ quan chủ quản báo chí gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động tạp chí in và tạp chí điện tử đến VHTTDL.

- Cơ quan báo chí đang hoạt động tạp chí in và tạp chí điện tử có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 17 Luật Báo chí, có nhu cầu thực hiện thêm loại hình báo chí khác, cơ quan chủ quản báo chí gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động tạp chí in và tạp chí điện tử đến Bộ VHTTDL.

- Cơ quan báo chí thực hiện cấp lại giấy phép hoạt động tạp chí in và tạp chí điện tử, cơ quan chủ quản báo chí gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động tạp chí in và tạp chí điện tử đến Bộ VHTTDL.

- Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL có trách nhiệm cấp, cấp lại giấy phép hoạt động tạp chí in và tạp chí điện tử; trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ khai đề nghị cấp giấy phép thực hiện hai loại hình báo chí;

(2) Đề án hoạt động (có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu hoặc ký số của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép) tổng hợp các nội dung của đề án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 và của đề án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 của Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và các tài liệu kèm theo;

(3) Danh sách dự kiến nhân sự của cơ quan tạp chí in và tạp chí điện tử;

(4) Sơ yếu lý lịch người dự kiến là Tổng biên tập;

(5) Mẫu trình bày tên gọi ấn phẩm tạp chí in như quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 6, mẫu trình bày giao diện trang chủ của tạp chí điện tử như quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 11 của Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, có xác nhận của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**d) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Tờ khai đề nghị cấp giấy phép hoạt động hai loại hình báo chí (Mẫu số 09).
- Danh sách dự kiến nhân sự (Mẫu số 03).
- Sơ yếu lý lịch người dự kiến là Tổng biên tập (Mẫu số 04).

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép hoạt động tạp chí in và tạp chí điện tử.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:**

- Tôn chỉ, mục đích phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ quản; đối tượng phục vụ; tên miền, nơi đặt máy chủ và đơn vị cung cấp dịch vụ kết nối.

- Có phương án về tổ chức và nhân sự bảo đảm hoạt động của cơ quan báo chí; có người đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Báo chí để đảm nhiệm chức vụ người đứng đầu cơ quan báo chí.

- Có tên và hình thức trình bày tên cơ quan báo chí; tên và hình thức trình bày ấn phẩm báo chí.

- Có trụ sở và các điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật; phương án tài chính; có các giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; có ít nhất một tên miền “.vn” đã đăng ký phù hợp với tên báo chí và sử dụng hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam.

- Phù hợp với quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.

**CƠ QUAN, TỔ CHỨC      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**

**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THỰC HIỆN HAI LOẠI HÌNH BÁO CHÍ**

**1. Tên cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép thực hiện hai loại hình báo chí:** .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ..... Fax:.....

**2. Tên gọi cơ quan báo chí đề nghị cấp giấy phép:** .....

**3. Tôn chỉ, mục đích:** .....

*(Trường hợp có nhiều ấn phẩm báo in/chuyên trang của báo điện tử thì cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép thể hiện tôn chỉ, mục đích đối với từng ấn phẩm báo in/chuyên trang của báo điện tử, phù hợp với tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí)*

**4. Đối tượng phục vụ:** .....

**5. Các loại hình báo chí:**

**5.1. Báo in**

5.1.1. Tên gọi:.....

5.1.2. Ấn phẩm chính:

- Tên gọi:.....

- Ngôn ngữ thể hiện: .....

- Kỳ hạn xuất bản: .....

- Thời gian phát hành (*ghi rõ phát hành vào các ngày nào trong tuần/tháng*):.....

- Khuôn khổ: .....

- Số trang: .....

5.1.3. Ấn phẩm khác (*nếu có*):

- Tên gọi:.....

- Ngôn ngữ thể hiện: .....

- Kỳ hạn xuất bản: .....

- Thời gian phát hành (*ghi rõ phát hành vào các ngày nào trong tuần/tháng*):.....

- Khuôn khổ: .....

- Số trang: .....

*(Trường hợp có nhiều ấn phẩm báo in thì cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép thể hiện các nội dung tại mục này đối với từng ấn phẩm)*

5.1.4. Phương thức phát hành: .....

**5.2. Báo điện tử:**

5.2.1. Tên gọi:.....

## 5.2.2. Thẻ thức xuất bản:

- Ngôn ngữ thể hiện: .....
- Tên các chuyên mục: .....

## 5.2.3. Chuyên trang (nếu có):

5.2.3.1. Tên gọi: .....

## 5.2.3.2. Thẻ thức xuất bản:

- Ngôn ngữ thể hiện: .....
- Tên các chuyên mục: .....

*(Trường hợp có nhiều chuyên trang thì cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép thể hiện các nội dung tại mục này đối với từng chuyên trang)*

5.2.4. Nguồn tin: .....

5.2.5. Định kỳ cập nhật thông tin: .....

5.2.6. Đơn vị cung cấp dịch vụ kết nối Internet: .....

5.2.7. IP máy chủ lưu giữ thông tin: .....

5.2.8. Nơi đặt máy chủ: .....

## 5.2.9. Các tên miền:

- Trang chủ: .....

*(Tên miền phù hợp với tên báo điện tử)*

- Chuyên trang (nếu có): .....

*(Tên miền cấp dưới của tên miền của báo điện tử, phù hợp với tên chuyên trang)*

**6. Trụ sở chính:**

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: .....

- Địa chỉ thư điện tử: ..... Fax: .....

**7. Nhân sự dự kiến:**

- Tổng biên tập: .....

- Phó Tổng biên tập: .....

- Số lượng biên tập viên, phóng viên, kỹ thuật viên: .....

**8. Nguồn kinh phí hoạt động:** .....

Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động báo chí cam kết những điều trên đây và các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép là đúng quy định pháp luật./.

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

*(Ký tên và đóng dấu hoặc ký số  
của cơ quan, tổ chức)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh 3x4

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**  
**NGƯỜI DỰ KIẾN LÀ TỔNG BIÊN TẬP CƠ QUAN BÁO CHÍ**

- Tên báo in:.....
- Họ và tên khai sinh (*chữ in*):.....Nam, nữ:.....
- + Họ và tên thường dùng:.....
- Ngày, tháng, năm sinh:.....
- Quê quán: .....
- Nơi ở hiện nay:.....
- Dân tộc: .....Quốc tịch:.....
- Tôn giáo: .....
- Đảng viên: .....
- Trình độ:.....
- + Giáo dục phổ thông (*đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào*): .....
- + Chuyên môn (*sau đại học, đại học*): .....
- Trường học: .....
- Ngành học:.....
- Năm tốt nghiệp: .....
- + Lý luận chính trị (*cử nhân, cao cấp, trung cấp, sơ cấp*):.....
- + Ngoại ngữ (*Ngoại ngữ nào; trình độ A, B, C*): .....
- Ngày và nơi vào ngành báo chí:.....
- Chức danh báo chí hiện nay (*ghi rõ lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ*):.....
- .....
- Số thẻ nhà báo (thời hạn...): .....

**I- QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ghi rõ thời kỳ học trường, lớp phổ thông, chuyên môn, chính trị, ngoại ngữ)*

.....

.....

.....

.....

**II- TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

*(Ghi rõ từng thời kỳ làm việc ở đâu)*

.....  
.....

**III- TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ**

*(Ghi rõ từng thời kỳ làm việc, chức danh, ở cơ quan báo chí nào)*

.....  
.....

**IV- KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

*(Hình thức cao nhất)*

.....  
.....

**V- LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan về những điều khai trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm về lời khai của mình trước cơ quan quản lý và trước pháp luật./.

**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU**

**CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

*(Ký tên và đóng dấu hoặc ký số  
của cơ quan, tổ chức)*

... , ngày ... tháng ... năm 20...

**Người khai ký tên**



**CƠ QUAN, TỔ CHỨC:**  
**TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ DỰ KIẾN:**

**DANH SÁCH DỰ KIẾN NHÂN SỰ CỦA CƠ QUAN BÁO CHÍ**

TT	Họ và tên	Chức vụ/Chức danh (phóng viên, biên tập viên, công nhân viên, cán bộ kỹ thuật)	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào)	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ ngoại ngữ	Năm vào ngành báo chí
----	-----------	--	----------	-----------	---------	--	---------------------	----------------------------	--------------------	-----------------------

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ  
 QUAN, TỔ CHỨC**

*(Ký tên và đóng dấu hoặc ký số  
 của cơ quan, tổ chức)*

## **10. Thủ tục cấp Giấy phép xuất bản bản tin (trung ương)**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Cơ quan, tổ chức của trung ương; cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam có nhu cầu xuất bản bản tin lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xuất bản bản tin gửi đến Cục Báo chí (Bộ VHTTDL).

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Báo chí có trách nhiệm cấp giấy phép xuất bản bản tin; trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ khai đề nghị cấp giấy phép xuất bản bản tin (mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020);

(2) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu quyết định thành lập, giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương (đối với tổ chức nước ngoài tại Việt Nam);

(3) Sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin;

(4) Mẫu trình bày tên gọi bản tin có xác nhận của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép và bản dịch tiếng Việt được công chứng (đối với tên gọi bản tin thể hiện bằng tiếng nước ngoài).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Cục Báo chí (Bộ VHTTDL).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Tờ khai đề nghị cấp giấy phép xuất bản bản tin (Mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép xuất bản bản tin.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

### **k) Yêu cầu, điều kiện:**

- Có người chịu trách nhiệm về việc xuất bản bản tin;

- Tổ chức bộ máy hoạt động phù hợp bảo đảm cho việc xuất bản bản tin;

- Xác định rõ tên bản tin, mục đích xuất bản và nội dung thông tin, đối tượng phục vụ, phạm vi phát hành, ngôn ngữ thể hiện, kỳ hạn xuất bản, khuôn khổ, số trang, số lượng, nơi in;

- Có địa điểm làm việc chính thức và các điều kiện cần thiết bảo đảm cho việc xuất bản bản tin.

***l) Căn cứ pháp lý:***

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.

**CƠ QUAN, TỔ CHỨC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI**  
**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XUẤT BẢN BẢN TIN**

- 1. Tên cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản bản tin:**.....  
 - Địa chỉ: .....  
 - Điện thoại: ..... Fax: .....  
 - Quyết định/Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Các giấy tờ khác..... Cấp ngày: .....  
 - Cơ quan cấp: .....
- 2. Người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin:**  
 - Họ và tên: ..... Sinh ngày: ..... Quốc tịch: .....  
 - Chức danh: .....  
 - Số CMND/Căn cước công dân (hoặc Hộ chiếu) số:..... Nơi cấp:.....  
 - Địa chỉ liên lạc: .....  
 - Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:.....
- 3. Tên gọi của bản tin:** .....
- 4. Mục đích xuất bản:**.....
- 5. Nội dung thông tin:** .....
- 6. Đối tượng phục vụ:** .....
- 7. Phạm vi phát hành:** .....
- 8. Thể thức xuất bản:**  
 - Kỳ hạn xuất bản:.....  
 - Khuôn khổ:.....  
 - Số trang: .....  
 - Số lượng: .....  
 - Ngôn ngữ thể hiện:.....
- 9. Địa điểm xuất bản bản tin:**.....  
 - Địa chỉ: .....  
 - Điện thoại: ..... Fax:.....  
 Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản bản tin cam kết những điều trên đây và các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép là đúng quy định pháp luật./.

..., ngày... tháng... năm 20...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC**  
(Ký tên và đóng dấu hoặc ký số  
của cơ quan, tổ chức)

## **11. Thủ tục cấp Giấy phép xuất bản đặc san**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Cơ quan, tổ chức có nhu cầu xuất bản đặc san lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xuất bản đặc san đến Cục Báo chí (Bộ VHTTDL).

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Báo chí có trách nhiệm cấp giấy phép xuất bản đặc san; trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ khai đề nghị cấp giấy phép xuất bản đặc san (mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020);

(2) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu quyết định thành lập, giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương (đối với tổ chức nước ngoài tại Việt Nam);

(3) Sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm xuất bản đặc san;

(4) Mẫu trình bày tên gọi đặc san có xác nhận của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép và bản dịch tiếng Việt được công chứng (đối với tên gọi đặc san thể hiện bằng tiếng nước ngoài).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Cục Báo chí (Bộ VHTTDL).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Tờ khai đề nghị cấp giấy phép xuất bản đặc san (Mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép xuất bản đặc san.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

### **k) Yêu cầu, điều kiện:**

- Có người có nghiệp vụ báo chí chịu trách nhiệm về việc xuất bản đặc san;

- Tổ chức bộ máy hoạt động phù hợp bảo đảm cho việc xuất bản đặc san;

- Xác định rõ tên đặc san, mục đích xuất bản, nội dung thông tin, đối tượng phục vụ, phạm vi phát hành, ngôn ngữ thể hiện, khuôn khổ, số trang, số lượng, nơi in, thời gian xuất bản;

- Có địa điểm làm việc chính thức của cơ quan, tổ chức xin cấp giấy phép.

***l) Căn cứ pháp lý:***

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;
- Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.

**CƠ QUAN, TỔ CHỨC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI**  
**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XUẤT BẢN ĐẶC SAN**

- 1. Tên cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản đặc san:**  
 - Địa chỉ: .....  
 - Điện thoại:.....Fax:.....  
 - Quyết định/Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Các giấy tờ khác.....Cấp ngày: .....  
 - Địa chỉ thư điện tử:.....
- 2. Người chịu trách nhiệm xuất bản đặc san:**  
 - Họ và tên:.....Sinh ngày:.....Quốc tịch: .....  
 - Chức danh: .....  
 - Số CMND/Căn cước công dân (hoặc Hộ chiếu) số:.....Nơi cấp: .....  
 - Địa chỉ liên lạc: .....  
 - Trình độ chuyên môn: .....
- 3. Tên gọi của đặc san:** .....
- 4. Mục đích xuất bản:** .....
- 5. Nội dung thông tin:** .....
- 6. Đối tượng phục vụ:** .....
- 7. Phạm vi phát hành:** .....
- 8. Thẻ thức xuất bản:**  
 - Ngôn ngữ thể hiện: .....  
 - Khuôn khổ: .....  
 - Số trang: .....  
 - Số lượng: .....  
 - Thời gian xuất bản:.....
- 9. Địa điểm xuất bản đặc san:**.....

Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản đặc san cam kết những điều trên đây và các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép là đúng quy định pháp luật./.

..., ngày... tháng... năm 20...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC**  
 (Ký tên và đóng dấu hoặc ký số  
 của cơ quan, tổ chức)

**12. Thủ tục cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo in, giấy phép hoạt động tạp chí in, giấy phép hoạt động báo điện tử, giấy phép hoạt động tạp chí điện tử, giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí, giấy phép hoạt động báo in và báo điện tử, giấy phép hoạt động tạp chí in và tạp chí điện tử**

**a) Trình tự thực hiện**

- Khi thay đổi các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Báo chí (tên gọi cơ quan chủ quản báo chí; tên gọi cơ quan báo chí; tôn chỉ, mục đích; tên gọi ấn phẩm báo chí, chuyên trang của báo điện tử, tạp chí điện tử; tên miền của chuyên trang và báo điện tử, tạp chí điện tử), cơ quan chủ quản báo chí phải lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung gửi đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL)

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL có trách nhiệm xem xét giải quyết việc cấp giấy phép; trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản báo chí

(Đối với trường hợp thay đổi tên miền, trong văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản báo chí thể hiện tên miền phù hợp với tên báo điện tử, tạp chí điện tử và việc sở hữu tên miền còn thời gian sử dụng tối thiểu 06 tháng tính từ thời điểm đề nghị);

(2) Báo cáo đánh giá việc thực hiện tôn chỉ, mục đích theo giấy phép của cơ quan báo chí đối với trường hợp thay đổi tôn chỉ, mục đích;

(3) Mẫu trình bày tên gọi cơ quan báo chí có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí đối với trường hợp thay đổi tên gọi cơ quan báo chí

(Tên gọi tạp chí in thể hiện rõ cụm từ “tạp chí” có cỡ chữ tối thiểu bằng 1/3 cỡ chữ của tên tạp chí in đối với trường hợp thay đổi tên gọi tạp chí in; tên gọi tạp chí điện tử thể hiện rõ cụm từ “tạp chí” hoặc “tạp chí điện tử” có cỡ chữ tối thiểu bằng 1/2 cỡ chữ của tên tạp chí điện tử đối với trường hợp thay đổi tên gọi tạp chí điện tử);

(3) Mẫu trình bày tên gọi ấn phẩm báo chí có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí đối với trường hợp thay đổi tên gọi ấn phẩm báo chí

(Tên gọi tạp chí in thể hiện rõ cụm từ “tạp chí” có cỡ chữ tối thiểu bằng 1/3 cỡ chữ của tên tạp chí in đối với trường hợp thay đổi tên gọi ấn phẩm tạp chí in);

(4) Mẫu trình bày tên gọi chuyên trang của báo điện tử, tạp chí điện tử có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí đối với trường hợp thay đổi tên gọi chuyên trang của báo điện tử, tạp chí điện tử



(Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông đối với trường hợp thay đổi tên gọi chuyên trang của báo điện tử; đáp ứng điều kiện quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 11 của Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Không quy định.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép sửa đổi, bổ sung những quy định ghi trong giấy phép hoạt động báo in/ giấy phép hoạt động tạp chí in/ giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí/ giấy phép hoạt động báo điện tử/ giấy phép hoạt động tạp chí điện tử/ giấy phép hoạt động báo in và báo điện tử/ giấy phép hoạt động tạp chí in và tạp chí điện tử.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.

**13. Thủ tục văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo in, giấy phép hoạt động tạp chí in, giấy phép hoạt động báo điện tử, giấy phép hoạt động tạp chí điện tử, giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí, giấy phép hoạt động báo in và báo điện tử, giấy phép hoạt động tạp chí in và tạp chí điện tử**

***a) Trình tự thực hiện***

- Khi thay đổi các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Luật Báo chí (hình thức trình bày, vị trí của tên gọi cơ quan báo chí, ấn phẩm báo chí, chuyên trang; kỳ hạn xuất bản, số trang, khuôn khổ; những nội dung thay đổi không quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 20 Luật Báo chí), cơ quan chủ quản báo chí lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận việc thay đổi gửi đến Bộ VH-TT-DL.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ VH-TT-DL có trách nhiệm xem xét giải quyết việc chấp thuận bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản báo chí;

(2) Mẫu trình bày tên gọi cơ quan báo chí dự kiến thay đổi có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí đối với trường hợp thay đổi hình thức trình bày, vị trí tên gọi cơ quan báo chí;

(3) Mẫu trình bày tên gọi ấn phẩm báo chí dự kiến thay đổi có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí đối với trường hợp thay đổi hình thức trình bày, vị trí của tên gọi ấn phẩm báo chí;

(4) Mẫu trình bày tên gọi chuyên trang dự kiến thay đổi có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí đối với trường hợp thay đổi hình thức trình bày, vị trí tên gọi chuyên trang;

(5) Mẫu trình bày giao diện trang chủ của báo điện tử, tạp chí điện tử, chuyên trang dự kiến thay đổi có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí đối với trường hợp thay đổi giao diện trang chủ của báo điện tử, tạp chí điện tử, chuyên trang.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d) Thời hạn giải quyết:*** 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***đ) Đối tượng thực hiện:*** Tổ chức.

***e) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Bộ VH-TT-DL.

***g) Mẫu đơn, tờ khai:*** Không quy định.

***h) Kết quả thực hiện:*** Văn bản chấp thuận.

*i) Phí, lệ phí:* Không quy định.

*k) Yêu cầu, điều kiện:* Không quy định.

*l) Căn cứ pháp lý:*

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.

## **14. Thủ tục cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương**

### ***a) Trình tự thực hiện***

- Khi thay đổi các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Báo chí (tôn chỉ, mục đích; tên gọi phụ trương), cơ quan chủ quản báo chí lập 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép xuất bản phụ trương gửi đến Cục Báo chí (Bộ VH TTDL).

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Báo chí có trách nhiệm xem xét giải quyết việc cấp giấy phép; trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản báo chí;

(2) Báo cáo đánh giá việc thực hiện tôn chỉ, mục đích theo giấy phép của phụ trương (đối với trường hợp thay đổi tôn chỉ, mục đích);

(3) Mẫu trình bày tên gọi phụ trương có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí (đối với trường hợp thay đổi tên gọi phụ trương).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d) Thời hạn giải quyết:*** 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***đ) Đối tượng thực hiện:*** Tổ chức.

***e) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Cục Báo chí (Bộ VH TTDL).

***g) Mẫu đơn, tờ khai:*** Không quy định.

***h) Kết quả thực hiện:*** Giấy phép sửa đổi, bổ sung những quy định ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương.

***i) Phí, lệ phí:*** Không quy định.

***k) Yêu cầu, điều kiện:*** Không quy định.

### ***l) Căn cứ pháp lý:***

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.

## **15. Thủ tục văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương**

### ***a) Trình tự thực hiện***

- Khi thay đổi các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Luật Báo chí (hình thức trình bày, vị trí của tên gọi phụ trương; kỳ hạn xuất bản, số trang, khuôn khổ; những nội dung thay đổi không quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 20 Luật Báo chí), cơ quan chủ quản báo chí lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận việc thay đổi gửi đến Cục Báo chí (Bộ VHTTDL).

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Báo chí có trách nhiệm xem xét giải quyết việc chấp thuận bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản báo chí;

(2) Mẫu trình bày tên gọi phụ trương dự kiến thay đổi có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí đối với trường hợp thay đổi hình thức trình bày, vị trí của tên gọi phụ trương.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d) Thời hạn giải quyết:*** 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***đ) Đối tượng thực hiện:*** Tổ chức.

***e) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Cục Báo chí (Bộ VHTTDL).

***g) Mẫu đơn, tờ khai:*** Không quy định.

***h) Kết quả thực hiện:*** Văn bản chấp thuận

***i) Phí, lệ phí:*** Không quy định.

***k) Yêu cầu, điều kiện:*** Không quy định.

### ***l) Căn cứ pháp lý:***

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.

## **16. Thủ tục cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung ghi trong giấy phép mở chuyên trang của báo điện tử, tạp chí điện tử**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Khi thay đổi các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Báo chí (tên chỉ, mục đích; tên gọi chuyên trang của báo điện tử, tạp chí điện tử; tên miền của chuyên trang), cơ quan chủ quản báo chí lập 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép mở chuyên trang của báo điện tử, tạp chí điện tử gửi đến Cục Báo chí (Bộ VH TTDL).

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Báo chí có trách nhiệm xem xét giải quyết việc cấp giấy phép; trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản báo chí;

(2) Báo cáo đánh giá việc thực hiện tôn chỉ, mục đích theo giấy phép của chuyên trang đối với trường hợp thay đổi tôn chỉ, mục đích;

(3) Mẫu trình bày tên gọi chuyên trang có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí đối với trường hợp thay đổi tên gọi chuyên trang, trong đó: Tên gọi chuyên trang thể hiện rõ cụm từ “chuyên trang” có cỡ chữ tối thiểu bằng 1/2 cỡ chữ của tên chuyên trang và tên gọi báo điện tử, tạp chí điện tử có cỡ chữ tối thiểu bằng 1/2 cỡ chữ của tên chuyên trang.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Cục Báo chí (Bộ VH TTDL).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Không quy định.

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy phép sửa đổi, bổ sung những quy định ghi trong giấy phép mở chuyên trang của báo điện tử, tạp chí điện tử.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

### **l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.

## **17. Thủ tục văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép mở chuyên trang của báo điện tử, tạp chí điện tử**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Khi thay đổi các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Luật Báo chí (hình thức trình bày, vị trí của tên chuyên trang; những nội dung thay đổi không quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 20 Luật Báo chí), cơ quan chủ quản báo chí lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận việc thay đổi gửi đến Cục Báo chí (Bộ VH TTDL).

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Báo chí có trách nhiệm xem xét giải quyết việc chấp thuận bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản báo chí;

(2) Mẫu trình bày tên gọi chuyên trang dự kiến thay đổi có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí đối với trường hợp thay đổi hình thức trình bày, vị trí của tên gọi chuyên trang;

(3) Mẫu trình bày giao diện trang chủ của chuyên trang dự kiến thay đổi có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí đối với trường hợp thay đổi giao diện trang chủ của chuyên trang.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Cục Báo chí (Bộ VH TTDL).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Không quy định.

**h) Kết quả thực hiện:** Văn bản chấp thuận

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

### **l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.

## **18. Thủ tục văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (trung ương)**

### ***a) Trình tự thực hiện***

- Cơ quan, tổ chức của trung ương; cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam có nhu cầu thay đổi một trong các nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cho phép thay đổi gửi đến Cục Báo chí (Bộ VHTTDL).

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Báo chí có trách nhiệm xem xét giải quyết việc chấp thuận bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị thay đổi của cơ quan, tổ chức;

(2) Sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin đối với trường hợp thay đổi người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin;

(3) Mẫu trình bày tên gọi bản tin có xác nhận của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép và bản dịch tiếng Việt được công chứng đối với trường hợp thay đổi tên gọi bản tin thể hiện bằng tiếng nước ngoài.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d) Thời hạn giải quyết:*** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***đ) Đối tượng thực hiện:*** Tổ chức.

***e) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Cục Báo chí (Bộ VHTTDL).

***g) Mẫu đơn, tờ khai:*** Không quy định.

***h) Kết quả thực hiện:*** Văn bản chấp thuận

***i) Phí, lệ phí:*** Không quy định.

***k) Yêu cầu, điều kiện:*** Không quy định.

### ***l) Căn cứ pháp lý:***

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.



## **19. Thủ tục văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản đặc san**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Cơ quan, tổ chức có nhu cầu thay đổi một trong các nội dung ghi trong giấy phép xuất bản đặc san lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cho phép thay đổi gửi đến Cục Báo chí (Bộ VHTTDL).

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Báo chí có trách nhiệm xem xét giải quyết việc chấp thuận bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị thay đổi của cơ quan, tổ chức;

(2) Sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm xuất bản đặc san đối với trường hợp thay đổi người chịu trách nhiệm xuất bản đặc san;

(3) Mẫu trình bày tên gọi đặc san có xác nhận của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép và bản dịch tiếng Việt được công chứng đối với trường hợp thay đổi tên gọi đặc san thể hiện bằng tiếng nước ngoài.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Cục Báo chí (Bộ VHTTDL).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Không quy định.

**h) Kết quả thực hiện:** Văn bản chấp thuận

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

### **l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.

## **20. Thủ tục cho phép họp báo (nước ngoài)**

### ***a) Trình tự thực hiện***

- Cơ quan đại diện nước ngoài (cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế liên chính phủ và các cơ quan khác của nước ngoài được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự ở Việt Nam) có nhu cầu tổ chức họp báo tại Hà Nội phải có văn bản đề nghị gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL) ít nhất là 02 ngày làm việc trước khi tiến hành họp báo. Văn bản đề nghị đồng gửi Bộ Ngoại giao để thông báo.

- Tổ chức nước ngoài có nhu cầu tổ chức họp báo tại Hà Nội phải có văn bản đề nghị gửi Bộ VHTTDL ít nhất là 02 ngày làm việc trước khi tiến hành họp báo.

- Hợp báo của đoàn khách nước ngoài thăm Việt Nam theo lời mời của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc Bộ Ngoại giao được thực hiện theo chương trình chính thức của đoàn. Cơ quan chủ quản đón đoàn có trách nhiệm thông báo cho Bộ VHTTDL biết ít nhất là 01 ngày làm việc trước khi tiến hành họp báo để phối hợp.

- Đối với họp báo của đoàn khách nước ngoài thăm Việt Nam theo lời mời của các bộ, ngành, địa phương và cơ quan nhà nước khác của Việt Nam, cơ quan chủ quản đón đoàn phải có văn bản đề nghị gửi Bộ VHTTDL ít nhất là 02 ngày làm việc trước khi tiến hành họp báo.

Bộ VHTTDL có quyền chấp thuận hoặc đình chỉ cuộc họp báo nếu thấy có dấu hiệu vi phạm pháp luật Việt Nam.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện.

***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị/ thông báo họp báo (Mẫu số 02/BTTTT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BTTTT)

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d) Thời hạn giải quyết:*** 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***đ) Đối tượng thực hiện:*** Tổ chức.

***e) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Bộ VHTTDL.

***g) Mẫu đơn, tờ khai:*** Đơn đề nghị/ thông báo họp báo (Mẫu số 02/BTTTT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BTTTT).

***h) Kết quả thực hiện:*** Văn bản chấp thuận

***i) Phí, lệ phí:*** Không quy định.

***k) Yêu cầu, điều kiện:***

- Nội dung họp báo phải đúng với nội dung đã được cơ quan quản lý nhà nước về báo chí trả lời chấp thuận, trường hợp không có văn bản trả lời thì phải đúng với nội dung đã thông báo với cơ quan quản lý nhà nước về báo chí.

- Nội dung hợp báo không có thông tin quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 9 Luật báo chí

***l) Căn cứ pháp lý:***

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23/12/2012 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam;

- Thông tư số 04/2014/TT-BTTTT ngày 19/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ / THÔNG BÁO HỢP BÁO**

Kính gửi: .....

**1. Tên cơ quan, tổ chức đề nghị/thông báo hợp báo:**

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Website:

Email:

**Đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo:**

Giấy phép/Quyết định thành lập số:

Cấp ngày:

Cơ quan cấp giấy phép:

Số đăng ký kinh doanh (nếu có):

**2. Người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức là người chịu trách nhiệm hợp báo:**

Họ và tên:

Quốc tịch:

Chức danh:

Số CMND (hoặc hộ chiếu):

Nơi cấp:

Địa chỉ liên lạc:

**3. Tên cơ quan chủ quản đón đoàn khách nước ngoài đề nghị/thông báo hợp báo:**

**4. Nội dung hợp báo:**

**5. Mục đích hợp báo:**

**6. Ngày, giờ hợp báo:**

**7. Địa điểm hợp báo:**

**8. Thành phần tham dự hợp báo:**

**9. Tên, chức danh người chủ trì hợp báo:**

**10. Các hoạt động bên lề (trưng bày tài liệu, hiện vật, phát tài liệu, phát quà...) nếu có:**

Chúng tôi cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam.

**Người đại diện theo pháp luật  
của cơ quan, tổ chức  
(Ký tên, đóng dấu)**

## **21. Thủ tục cho phép hợp báo (trong nước)**

### ***a) Trình tự thực hiện***

- Tổ chức, công dân Việt Nam ở trung ương (không thuộc quy định tại Khoản 2 Điều 41 Luật báo chí) có nhu cầu hợp báo phải thông báo bằng văn bản trước 24 giờ tính đến thời điểm dự định hợp báo gửi đến Bộ VHTTDL (Cục Báo chí).

- Cơ quan quản lý nhà nước về báo chí có trách nhiệm trả lời tổ chức, công dân về việc hợp báo trong thời gian quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Báo chí; trường hợp không có văn bản trả lời, tổ chức, công dân được tiến hành hợp báo.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện.

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản thông báo hợp báo gồm những thông tin sau: Địa điểm hợp báo; Thời gian hợp báo; Nội dung hợp báo; Người chủ trì hợp báo.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d) Thời hạn giải quyết:*** Không quy định.

***đ) Đối tượng thực hiện:*** Tổ chức, công dân Việt Nam.

***e) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Bộ VHTTDL (Cục Báo chí).

***g) Mẫu đơn, tờ khai:*** Không quy định.

***h) Kết quả thực hiện:*** Trường hợp không có văn bản trả lời, tổ chức, công dân được tiến hành hợp báo.

***i) Phí, lệ phí:*** Không quy định.

### ***k) Yêu cầu, điều kiện:***

- Nội dung hợp báo phải đúng với nội dung đã được cơ quan quản lý nhà nước về báo chí trả lời chấp thuận, trường hợp không có văn bản trả lời thì phải đúng với nội dung đã thông báo với cơ quan quản lý nhà nước về báo chí.

- Nội dung hợp báo không có thông tin quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 9 Luật Báo chí.

### ***l) Căn cứ pháp lý:***

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

## 22. Thủ tục cấp Thẻ Nhà báo

### a) Trình tự thực hiện

- Cơ quan đề nghị cấp thẻ nhà báo chuẩn bị hồ sơ theo quy định và gửi đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Báo chí hoặc Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) trước ngày 01 tháng 11 và ngày 21 tháng 4 hàng năm; trường hợp đề nghị cấp thẻ nhà báo khi thẻ sắp hết kỳ hạn thì gửi trước ngày 01 tháng 9 năm cuối cùng của thời hạn sử dụng thẻ nhà báo:

+ Cục Báo chí tiếp nhận hồ sơ xin cấp thẻ nhà báo cho các đối tượng thuộc các cơ quan báo in, tạp chí in, báo điện tử, tạp chí điện tử, các cơ quan quản lý nhà nước về báo chí, hội nhà báo các cấp và giảng viên chuyên ngành về báo chí.

+ Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tiếp nhận hồ sơ xin cấp thẻ nhà báo cho các đối tượng hoạt động trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình.

- Trả kết quả: Bộ VH-TT-DL cấp thẻ nhà báo vào ngày 01 tháng 01 và ngày 21 tháng 6 hàng năm đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; trường hợp từ chối cấp thẻ, Cục Báo chí hoặc Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Bản khai đăng ký cấp thẻ nhà báo do người được đề nghị cấp thẻ nhà báo kê khai (Mẫu số 01 Thông tư số 31/2021/TT-BTTTT ngày 31/12/2021).

(2) Bản sao điện tử (trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến) hoặc bản sao (trường hợp gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) các loại tài liệu, giấy tờ sau:

+ Bằng tốt nghiệp đại học trở lên hoặc Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên đối với trường hợp là người dân tộc thiểu số quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 Luật Báo chí (không áp dụng đối với trường hợp cấp đổi thẻ nhà báo theo kỳ hạn mới);

+ Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động;

+ Tài liệu có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền thể hiện thời gian đóng bảo hiểm xã hội tại cơ quan báo chí, cơ quan công tác hoặc thể hiện việc thanh toán, chi trả tiền lương/tiền công/tiền thù lao/tiền nhuận bút theo tháng;

(3) Danh sách tác phẩm báo chí đã đăng, phát đối với trường hợp quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 26 Luật Báo chí (Mẫu số 02 Thông tư số 31/2021/TT-BTTTT ngày 31/12/2021);

(4) Bản tổng hợp danh sách đề nghị cấp thẻ nhà báo (Mẫu số 03 Thông tư số 31/2021/TT-BTTTT ngày 31/12/2021).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

Bộ VHTTDL cấp thẻ nhà báo vào 02 đợt:

+ Đợt 1: Ngày 01 tháng 01 hàng năm (đối với hồ sơ gửi trước ngày 01 tháng 11 năm liền kề trước hoặc hồ sơ gửi trước ngày 01 tháng 9 năm cuối cùng của thời hạn sử dụng thẻ nhà báo);

+ Đợt 2: Ngày 21 tháng 6 hàng năm (đối với hồ sơ gửi trước ngày 21 tháng 4 cùng năm)

**đ) Đối tượng thực hiện:** Cơ quan báo chí hoặc cơ quan, đơn vị công tác.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 31/2021/TTBTTTT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Bản khai đăng ký cấp thẻ nhà báo (Mẫu số 01);
- Danh sách tác phẩm báo chí đã đăng, phát (Mẫu số 02);
- Bản tổng hợp danh sách đề nghị cấp thẻ nhà báo (Mẫu số 03)

**h) Kết quả thực hiện:** Thẻ nhà báo.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:**

- Người công tác tại cơ quan báo chí quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 26 của Luật Báo chí được xét cấp thẻ nhà báo phải bảo đảm các điều kiện và tiêu chuẩn sau đây:

+ Là công dân Việt Nam, có địa chỉ thường trú tại Việt Nam;

+ Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên; trường hợp là người dân tộc thiểu số đang thực hiện các ấn phẩm báo in, chương trình phát thanh, truyền hình, chuyên trang của báo điện tử bằng tiếng dân tộc thiểu số phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên;

+ Đối với trường hợp cấp thẻ lần đầu, phải có thời gian công tác liên tục tại cơ quan báo chí đề nghị cấp thẻ từ 02 năm trở lên tính đến thời điểm xét cấp thẻ, trừ tổng biên tập tạp chí khoa học và những trường hợp khác theo quy định của pháp luật;

+ Được cơ quan báo chí hoặc cơ quan công tác đề nghị cấp thẻ nhà báo.

- Những trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 26 của Luật Báo chí được xét cấp thẻ nhà báo phải bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 nêu trên và phải bảo đảm các điều kiện, tiêu chuẩn sau đây:

+ Là cộng tác viên thường xuyên của đài phát thanh và truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

+ Có ít nhất mười hai tác phẩm báo chí đã được phát sóng trên đài phát thanh và truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong 01 năm tính đến thời điểm xét cấp thẻ;

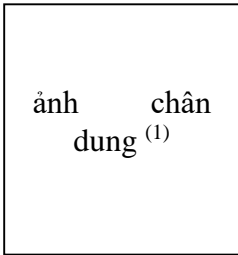
+ Đối với trường hợp cấp thẻ lần đầu, phải có thời gian công tác liên tục tại đài truyền thanh, truyền hình cấp huyện và tương đương từ 02 năm trở lên tính đến thời điểm xét cấp thẻ;

+ Được đài phát thanh và truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị cấp thẻ nhà báo.

***l) Căn cứ pháp lý:***

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;
- Thông tư số 31/2021/TT-BTTTT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục cấp, đổi, cấp lại và thu hồi thẻ nhà báo.



**Mẫu số 01. Bản khai đăng ký cấp thẻ nhà báo**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KHAI ĐĂNG KÝ CẤP THẺ NHÀ BÁO**

Kỳ hạn: ... (2)

Tên cơ quan đề nghị cấp thẻ nhà báo: .....

1. Họ và tên khai sinh (3): ..... Giới tính (4): .....
2. Ngày, tháng, năm sinh (4): .....
3. Dân tộc (4): .....
4. Số định danh cá nhân: .....
5. Chức vụ (5): .....
6. Bút danh thường dùng: .....
7. Trình độ:
  - Chuyên môn (6): .....
  - + Trường học: .....
  - + Ngành học: .....
  - + Hình thức đào tạo (7): .....
  - + Năm tốt nghiệp: .....
- Lý luận chính trị (8): .....
8. Chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí (nếu có): .....
9. Đảng viên: .....
10. Chức danh báo chí hiện nay (9): .....
- Số thẻ nhà báo và kỳ hạn cũ (nếu có): .....
- Quá trình hoạt động báo chí trong thời gian 05 năm gần nhất:

Thời gian (từ tháng, năm nào đến tháng, năm nào)	Chức danh báo chí	Công tác tại cơ quan báo chí nào	Lương		Khen thưởng, kỷ luật (thời gian cụ thể)
			Ngạch lương	Bậc lương	

**Người đứng đầu cơ quan  
đề nghị cấp thẻ nhà báo**  
(Ký, đóng dấu hoặc ký số)

..., ngày ... tháng ... năm ...  
**Người khai**  
(Ký, ghi rõ họ tên hoặc ký số)

**Lưu ý:** Bản khai phải ghi đầy đủ các yêu cầu đã nêu, không bỏ mục nào. Nếu thiếu, bản khai được coi là không hợp lệ.

**Ghi chú:**

(1) Ảnh chân dung của người đề nghị cấp thẻ nhà báo là ảnh chụp chính diện, rõ mặt.

Trong trường hợp gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính, gửi 04 ảnh 2x3.

(2) Ghi theo kỳ hạn của thẻ nhà báo đề nghị cấp (ví dụ: 2021 - 2025).

(3) *Viết chữ in hoa đủ dấu.*

(4) Khi Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoàn thiện kết nối, chia sẻ thông tin về công dân cho cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Cổng dịch vụ công của Bộ Thông tin và Truyền thông thì người khai không phải kê khai các thông tin về Giới tính, Ngày, tháng, năm sinh, Dân tộc.

(5) *Ghi rõ chức vụ được bổ nhiệm (ví dụ: Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập, Trưởng ban...).*

(6) *Ghi rõ trình độ chuyên môn cao nhất (ví dụ: Tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân, cao đẳng...).*

(7) Chính quy, tại chức, đào tạo từ xa...

(8) Cử nhân, cao cấp, trung cấp, sơ cấp và tương đương.

(9) Ghi rõ chức danh nghề nghiệp (ví dụ: Phóng viên, biên tập viên...).

**Mẫu số 02. Danh sách tác phẩm báo chí đã đăng, phát****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****DANH SÁCH TÁC PHẨM BÁO CHÍ ĐÃ ĐĂNG, PHÁT**

<b>STT</b>	<b>Tên tác phẩm báo chí</b>	<b>Loại hình báo chí</b>	<b>Tác giả, nhóm tác giả</b>	<b>Ngày, tháng, năm đăng, phát</b>	<b>Cơ quan báo chí đăng, phát</b>

**Người đứng đầu cơ quan báo chí  
đăng, phát tác phẩm báo chí**  
(Ký, đóng dấu hoặc ký số)

..., ngày ... tháng ... năm ...  
**Người khai**  
(Ký, ghi rõ họ tên hoặc ký số)

**Mẫu số 03. Bản tổng hợp danh sách đề nghị cấp thẻ nhà báo****TỔNG HỢP DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ NHÀ BÁO**Kỳ hạn: ... <sup>(1)</sup>

Cơ quan đề nghị cấp thẻ nhà báo:..... + Cơ quan chủ quản:.....

+ Địa chỉ:.....

+ Điện thoại:.....

Số TT	Họ và tên	Số định danh cá nhân	Giới tính <sup>(2)</sup>	Ngày, tháng, năm sinh <sup>(2)</sup>	Dân tộc <sup>(2)</sup>	Bút danh	Trình độ chuyên môn				Trình độ lý luận chính trị	Đảng viên	Bậc lương hiện nay	Chức vụ	Chức danh báo chí	Số thẻ nhà báo đã cấp (nếu có)	
							Báo chí		Chuyên ngành khác								Hình thức đào tạo
							SDH <sup>(3)</sup>	ĐH <sup>(4)</sup>	SDH <sup>(3)</sup>	ĐH <sup>(4)</sup>							

**Người đứng đầu cơ quan  
đề nghị cấp thẻ nhà báo**  
(Ký, đóng dấu hoặc ký số)

**Lưu ý: Bản tổng hợp danh sách đề nghị cấp thẻ nhà báo phải tổng hợp đầy đủ các yêu cầu trong các mục, nếu thiếu sẽ bị coi là không hợp lệ.**

Ghi chú:

<sup>(1)</sup> Kỳ hạn: Ví dụ: 2021 - 2025.<sup>(2)</sup> Khi Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoàn thiện kết nối, chia sẻ thông tin về công dân cho cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Công dịch vụ công của Bộ Thông tin và Truyền thông, cơ quan đề nghị cấp thẻ nhà báo không phải tổng hợp các thông tin về Giới tính, Ngày, tháng, năm sinh, Dân tộc.<sup>(3)</sup> SDH: Sau đại học.<sup>(4)</sup> ĐH: Đại học.

## **23. Thủ tục đổi Thẻ Nhà báo**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Người đã được cấp thẻ nhà báo khi chuyển sang làm việc tại cơ quan, đơn vị công tác khác mà vẫn thuộc đối tượng được cấp thẻ nhà báo theo quy định tại Điều 26 của Luật Báo chí thì cơ quan, đơn vị công tác mới của người đề nghị đổi thẻ nhà báo chuẩn bị 01 bộ hồ sơ đề nghị đổi thẻ nhà báo theo quy định và gửi đến Bộ VH TTDL (Cục Báo chí hoặc Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

+ Cục Báo chí tiếp nhận hồ sơ xin đổi thẻ nhà báo cho các đối tượng thuộc các cơ quan báo in, tạp chí in, báo điện tử, tạp chí điện tử, các cơ quan quản lý nhà nước về báo chí, hội nhà báo các cấp và giảng viên chuyên ngành về báo chí.

+ Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tiếp nhận hồ sơ xin đổi thẻ nhà báo cho các đối tượng hoạt động trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình.

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ VH TTDL xem xét đổi thẻ nhà báo; trường hợp từ chối đổi thẻ, Cục Báo chí hoặc Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị của cơ quan báo chí, cơ quan công tác mới của người đề nghị đổi thẻ nhà báo (Mẫu số 04 Thông tư số 31/2021/TTBTTTT ngày 31/12/2021).

(2) Bản sao điện tử (trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến) hoặc bản sao (trường hợp gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) Quyết định tiếp nhận công tác hoặc Hợp đồng lao động.

(3) Văn bản của cơ quan trước khi chuyển công tác, trong đó nêu rõ thời điểm chấm dứt làm việc và xác nhận người đề nghị đổi thẻ nhà báo không thuộc một hoặc các trường hợp quy định tại điểm b, c, d và đ khoản 3 Điều 27 Luật Báo chí (Mẫu số 05 Thông tư số 31/2021/TTBTTTT ngày 31/12/2021);

(4) Danh sách tác phẩm báo chí đã đăng, phát đối với trường hợp quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 26 Luật Báo chí (Mẫu số 02 Thông tư số 31/2021/TTBTTTT ngày 31/12/2021).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Cơ quan báo chí hoặc cơ quan, đơn vị công tác.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VH TTDL.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 31/2021/TTBTTTT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Văn bản của cơ quan báo chí, cơ quan công tác mới đề nghị đổi thẻ nhà báo (Mẫu số 04);

- Văn bản xác nhận của cơ quan trước khi chuyển công tác (Mẫu số 05);

- Danh sách tác phẩm báo chí đã đăng, phát (Mẫu số 02).

**h) Kết quả thực hiện:** Thẻ nhà báo.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Người đã được cấp thẻ nhà báo khi chuyển sang làm việc tại cơ quan, đơn vị công tác khác mà vẫn thuộc đối tượng được cấp thẻ nhà báo theo quy định tại Điều 26 của Luật Báo chí.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Thông tư số 31/2021/TT-BTTTT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục cấp, đổi, cấp lại và thu hồi thẻ nhà báo.

**Mẫu số 04. Văn bản của cơ quan báo chí, cơ quan công tác mới đề nghị đổi thẻ nhà báo**

CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN  
CƠ QUAN BÁO CHÍ/CƠ QUAN CÔNG TÁC <sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...  
V/v đề nghị đổi thẻ nhà báo

..., ngày ... tháng ... năm 20...

Kính gửi: ..... <sup>(2)</sup>

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 28 Luật Báo chí năm 2016,

(Tên cơ quan) <sup>(1)</sup> đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét đổi thẻ nhà báo về (tên cơ quan) <sup>(1)</sup> cho:

STT	Họ và tên <sup>(3)</sup>	Số thẻ nhà báo	Kỳ hạn <sup>(4)</sup>	Tên cơ quan trước khi chuyển công tác <sup>(5)</sup>
1				
2				
3				
...				

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT, ...

**Người đứng đầu cơ quan báo chí/  
cơ quan công tác**  
(Ký, đóng dấu hoặc ký số)

**Ghi chú:**

- <sup>(1)</sup> Tên cơ quan báo chí, cơ quan công tác mới.
- <sup>(2)</sup> Văn bản gửi đến Cục Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) đối với các đối tượng thuộc các cơ quan báo in, tạp chí in, báo điện tử, tạp chí điện tử, các cơ quan quản lý nhà nước về báo chí, hội nhà báo các cấp và giảng viên chuyên ngành về báo chí;  
Văn bản gửi đến Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) đối với các đối tượng hoạt động trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình.
- <sup>(3)</sup> *Viết chữ in hoa đủ dấu.*
- <sup>(4)</sup> Ghi theo kỳ hạn của thẻ nhà báo đã được cấp (ví dụ: 2021 - 2025).
- <sup>(5)</sup> Tên cơ quan ghi trên thẻ nhà báo.

**Mẫu số 05. Văn bản xác nhận của cơ quan trước khi chuyển công tác**

CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
CƠ QUAN <sup>(1)</sup> Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...  
V/v xác nhận cho  
người đề nghị đổi thẻ nhà báo

..., ngày ... tháng ... năm 20...

Kính gửi: .....<sup>(2)</sup>

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 28 Luật Báo chí năm 2016,  
Theo đề nghị của ông/bà.....<sup>(3)</sup>,  
(Tên cơ quan) <sup>(1)</sup> xác nhận:

- Họ và tên nhà báo: .....<sup>(4)</sup>

- Số thẻ nhà báo: ...; Kỳ hạn: ...<sup>(5)</sup>; Được cấp tại: ...<sup>(1)</sup>

Chấm dứt làm việc tại (tên cơ quan) <sup>(1)</sup> kể từ ngày ... tháng ... năm ...

Trong thời gian làm việc tại (tên cơ quan) <sup>(1)</sup>, ông/bà...<sup>(3)</sup> không thuộc một hoặc các trường hợp quy định tại điểm b, c, d và đ khoản 3 Điều 27 Luật Báo chí năm 2016.

(Tên cơ quan) <sup>(1)</sup> đã thu lại thẻ nhà báo của ông/bà...<sup>(3)</sup> và nộp về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 28 Luật Báo chí năm 2016.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT, ...

**Người đứng đầu cơ quan**  
(Ký, đóng dấu hoặc ký số)

**Ghi chú:**

<sup>(1)</sup> Tên cơ quan trước khi chuyển công tác.

<sup>(2)</sup> Văn bản gửi đến Cục Báo chí (Bộ VH TTDL) đối với các đối tượng thuộc các cơ quan báo in, tạp chí in, báo điện tử, tạp chí điện tử, các cơ quan quản lý nhà nước về báo chí, hội nhà báo các cấp và giảng viên chuyên ngành về báo chí;

Văn bản gửi đến Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ VH TTDL) đối với các đối tượng hoạt động trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình.

<sup>(3)</sup> Tên người đề nghị đổi thẻ nhà báo.

<sup>(4)</sup> Tên người đề nghị đổi thẻ nhà báo; viết chữ in hoa đủ dấu.

<sup>(5)</sup> Ghi theo kỳ hạn của thẻ nhà báo đã được cấp (ví dụ: 2021 - 2025).



## 24. Thủ tục cấp lại thẻ nhà báo

### a) Trình tự thực hiện

- Cơ quan báo chí, cơ quan, đơn vị công tác của người đã được cấp thẻ nhà báo mà thẻ bị mất, bị hỏng chuẩn bị 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ nhà báo theo quy định và gửi đến Bộ VH TTDL (Cục Báo chí hoặc Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử):

+ Cục Báo chí tiếp nhận hồ sơ xin đổi thẻ nhà báo cho các đối tượng thuộc các cơ quan báo in, tạp chí in, báo điện tử, tạp chí điện tử, các cơ quan quản lý nhà nước về báo chí, hội nhà báo các cấp và giảng viên chuyên ngành về báo chí.

+ Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tiếp nhận hồ sơ xin đổi thẻ nhà báo cho các đối tượng hoạt động trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình.

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ VH TTDL xem xét cấp lại thẻ nhà báo; trường hợp từ chối cấp lại, Cục Báo chí hoặc Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn của người đề nghị cấp lại thẻ nhà báo (Mẫu số 06 Thông tư số 31/2021/TTBTTTT ngày 31/12/2021).

(2) Đơn trình báo của người đề nghị cấp lại thẻ nhà báo được công an thị trấn, xã, phường nơi mất thẻ xác nhận về trường hợp mất thẻ (Mẫu số 07 Thông tư số 31/2021/TTBTTTT ngày 31/12/2021);

(3) Trường hợp thẻ bị hỏng phải gửi thẻ cũ về Cục Báo chí hoặc Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Cơ quan báo chí hoặc cơ quan, đơn vị công tác.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VH TTDL.

### g) Mẫu đơn, tờ khai:

- Đơn của người đề nghị cấp lại thẻ nhà báo (Mẫu số 06 Thông tư số 31/2021/TTBTTTT ngày 31/12/2021).

- Đơn trình báo của người đề nghị cấp lại thẻ nhà báo được công an thị trấn, xã, phường nơi mất thẻ xác nhận về trường hợp mất thẻ (Mẫu số 07 Thông tư số 31/2021/TTBTTTT ngày 31/12/2021).

**h) Kết quả thực hiện:** Thẻ nhà báo.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

***k) Yêu cầu, điều kiện:***

Người đã được cấp thẻ nhà báo nhưng thẻ bị mất, bị hỏng.

***l) Căn cứ pháp lý:***

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;
- Thông tư số 31/2021/TT-BTTTT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục cấp, đổi, cấp lại và thu hồi thẻ nhà báo.

**Mẫu số 06. Đơn đề nghị cấp lại thẻ nhà báo**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI THẺ NHÀ BÁO**

Kính gửi:.....<sup>(1)</sup>

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 28 Luật Báo chí năm 2016,

Tên tôi là .....<sup>(2)</sup>

Hiện nay đang công tác tại .....<sup>(3)</sup>

Nay tôi làm đơn này để đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp lại thẻ nhà báo:

- Số thẻ nhà báo: ... ; Kỳ hạn: ...<sup>(4)</sup>

- Lý do: .....<sup>(5)</sup>

Trân trọng./.

**Xác nhận của người đứng đầu  
 cơ quan báo chí/cơ quan công tác**  
*(Ký, đóng dấu hoặc ký số)*

..., ngày ... tháng ... năm ...  
**Người viết đơn**  
*(Ký, ghi rõ họ tên hoặc ký số)*

**Ghi chú:**

<sup>(1)</sup> Văn bản gửi đến Cục Báo chí (Bộ VH TT DL) đối với các đối tượng thuộc các cơ quan báo in, tạp chí in, báo điện tử, tạp chí điện tử, các cơ quan quản lý nhà nước về báo chí, hội nhà báo các cấp và giảng viên chuyên ngành về báo chí;

Văn bản gửi đến Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ VH TT DL) đối với các đối tượng hoạt động trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình.

<sup>(2)</sup> Tên người đề nghị cấp lại thẻ nhà báo.

<sup>(3)</sup> Tên cơ quan báo chí, cơ quan công tác.

<sup>(4)</sup> Ghi theo kỳ hạn của thẻ nhà báo đã được cấp (ví dụ: 2021 - 2025).

<sup>(5)</sup> Ghi rõ lý do thẻ nhà báo bị mất hoặc bị hỏng.

**Mẫu số 07. Đơn trình báo mất thẻ nhà báo**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN TRÌNH BÁO MẤT THẺ NHÀ BÁO**

Kính gửi: .....<sup>(1)</sup>

1. Họ và tên: .....<sup>(2)</sup>

Nơi ở hiện tại: .....

Điện thoại liên hệ: .....

Hiện nay đang công tác tại .....<sup>(3)</sup>

2. Thông tin thẻ nhà báo bị mất:

Số thẻ nhà báo: ...; Kỳ hạn: ...<sup>(4)</sup>; Ngày cấp: ...; Được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp tại: ...<sup>(3)</sup>

3. Trình báo về sự việc mất thẻ nhà báo: .....

.....

Tôi xin cam đoan nội dung trình báo trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Xác nhận của cơ quan công an**  
(Ký, đóng dấu hoặc ký số)

..., ngày ... tháng ... năm ...  
**Người viết đơn**  
(Ký, ghi rõ họ tên và ký số)

**Ghi chú:**

<sup>(1)</sup> Cơ quan công an xã, phường, thị trấn nơi mất thẻ.

<sup>(2)</sup> Tên người đề nghị cấp lại thẻ nhà báo.

<sup>(3)</sup> Tên cơ quan báo chí, cơ quan công tác.

<sup>(4)</sup> Ghi theo kỳ hạn của thẻ nhà báo đã được cấp (ví dụ: 2021 - 2025).

## **25. Thủ tục thỏa thuận bổ nhiệm người đứng đầu cơ quan báo chí**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Cơ quan báo chí khi có sự thay đổi về nhân sự (người đứng đầu) thì cơ quan chủ quản báo chí phải làm thủ tục thỏa thuận bằng văn bản với cơ quan quản lý nhà nước về báo chí là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL).

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, Bộ VHTTDL có văn bản thỏa thuận với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo cơ quan báo chí.

- Sau khi có ý kiến của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Bộ VHTTDL có văn bản trả lời.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Bộ VHTTDL sẽ có văn bản nêu rõ lý do không chấp thuận.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Công văn của cơ quan chủ quản báo chí về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người đứng đầu cơ quan báo chí;

(2) Sơ yếu lý lịch tự thuật (có dán ảnh) của người đứng đầu cơ quan báo chí có xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc công chứng nhà nước (Mẫu số 04 Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Sơ yếu lý lịch người dự kiến là tổng biên tập (Mẫu số 04 Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

**h) Kết quả thực hiện:** Văn bản thỏa thuận.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:**

Điều kiện để được bổ nhiệm người đứng đầu cơ quan báo chí:

- Là công dân Việt Nam, có địa chỉ thường trú tại Việt Nam;

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên. Người đứng đầu cơ quan báo chí thuộc các tổ chức tôn giáo không áp dụng tiêu chuẩn này;

- Có thẻ nhà báo còn hiệu lực. Người đứng đầu cơ quan báo chí thuộc các tổ chức tôn giáo, tạp chí khoa học không áp dụng tiêu chuẩn này;

- Có phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian thi hành hình thức kỷ luật từ khiển trách trở lên theo quy định của pháp luật về công chức, viên chức và pháp luật về lao động.

***l) Căn cứ pháp lý:***

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử, và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

Ảnh 3x4

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**  
**NGƯỜI DỰ KIẾN LÀ TỔNG BIÊN TẬP**  
**BÁO IN/BÁO ĐIỆN TỬ**

- Tên báo in/báo điện tử:.....
- Họ và tên khai sinh (*chữ in*):.....Nam, nữ:.....
- + Họ và tên thường dùng:.....
- Ngày, tháng, năm sinh:.....
- Quê quán:.....
- Nơi ở hiện nay:.....
- Dân tộc: .....Quốc tịch:.....
- Tôn giáo:.....
- Đảng viên:.....
- Trình độ:.....
- + Giáo dục phổ thông (*đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào*):.....
- + Chuyên môn (*sau đại học, đại học*):.....
- Trường học:.....
- Ngành học:.....
- Hình thức đào tạo (*chính quy, tại chức, đào tạo từ xa ...*):.....
- Năm tốt nghiệp:.....
- + Lý luận chính trị (*cử nhân, cao cấp, trung cấp, sơ cấp*):.....
- + Ngoại ngữ (*Ngoại ngữ nào, trình độ A, B, C*):.....
- Ngày và nơi vào ngành báo chí:.....
- Chức danh báo chí hiện nay (*ghi rõ lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ*).....
- .....
- Số thẻ nhà báo (thời hạn...):.....

**I- QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO**

(*Ghi rõ thời kỳ học trường, lớp văn hóa, chính trị, ngoại ngữ, chuyên môn*)

.....

.....

.....  
.....  
**II- TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

*(Ghi rõ từng thời kỳ làm việc ở đâu)*

.....  
.....  
.....

**III- TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ**

*(Ghi rõ từng thời kỳ làm việc, chức danh, ở cơ quan báo chí nào)*

.....  
.....  
.....

**IV- KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

*(Hình thức cao nhất)*

.....  
.....

**V- LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan về những điều khai trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm về lời khai của mình trước cơ quan quản lý và trước pháp luật./.

**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU**  
**CƠ QUAN, TỔ CHỨC**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

....., ngày ... tháng ... năm 20...  
**Người khai ký tên**



## **26. Thủ tục đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu**

### ***a) Trình tự thực hiện***

Cơ sở xuất nhập khẩu báo chí do cơ quan có thẩm quyền cấp phép có nhu cầu nhập khẩu báo in, phải đăng ký Danh mục Báo chí nhập khẩu với Bộ VHTTDL trước khi nhập khẩu.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện.

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị của cơ sở xuất nhập khẩu báo chí.

(2) Danh mục báo chí nhập khẩu.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d) Thời hạn giải quyết:*** Không quy định.

***đ) Đối tượng thực hiện:*** Tổ chức.

***e) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Bộ VHTTDL.

***g) Mẫu đơn, tờ khai:*** Không quy định.

***h) Kết quả thực hiện:*** Văn bản chấp thuận.

***i) Phí, lệ phí:*** Không quy định.

***k) Yêu cầu, điều kiện:*** Tổ chức phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép nhập khẩu báo chí.

### ***l) Căn cứ pháp lý:***

Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

## II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

### 1. Thủ tục cấp Giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)

#### *a) Trình tự thực hiện*

- Cơ quan, tổ chức ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có nhu cầu xuất bản bản tin lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xuất bản bản tin gửi trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc qua môi trường điện tử đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh được giao quyền.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh được giao quyền có trách nhiệm cấp giấy phép xuất bản bản tin; trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

*b) Cách thức thực hiện:* Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

#### *c) Thành phần, số lượng hồ sơ:*

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ khai đề nghị cấp giấy phép xuất bản bản tin (mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT);

(2) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu quyết định thành lập, giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương;

(3) Sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin;

(4) Mẫu trình bày tên gọi bản tin có xác nhận của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép và bản dịch tiếng Việt được công chứng (đối với tên gọi bản tin thể hiện bằng tiếng nước ngoài).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

*d) Thời hạn giải quyết:* 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

*đ) Đối tượng thực hiện:* Tổ chức.

*e) Cơ quan thực hiện TTHC:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh được giao quyền.

*g) Mẫu đơn, tờ khai:* Tờ khai đề nghị cấp giấy phép xuất bản bản tin (Mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

*h) Kết quả thực hiện:* Giấy phép xuất bản bản tin.

*i) Phí, lệ phí:* Không quy định.

*k) Yêu cầu, điều kiện:*

- Có người chịu trách nhiệm về việc xuất bản bản tin;

- Tổ chức bộ máy hoạt động phù hợp bảo đảm cho việc xuất bản bản tin;
- Xác định rõ tên bản tin, mục đích xuất bản và nội dung thông tin, đối tượng phục vụ, phạm vi phát hành, ngôn ngữ thể hiện, kỳ hạn xuất bản, khuôn khổ, số trang, số lượng, nơi in;
- Có địa điểm làm việc chính thức và các điều kiện cần thiết bảo đảm cho việc xuất bản bản tin.

***l) Căn cứ pháp lý:***

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;
- Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.

**CƠ QUAN, TỔ CHỨC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI****ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XUẤT BẢN BẢN TIN**

- 1. Tên cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản bản tin:.....**
  - Địa chỉ: .....
  - Điện thoại: .....Fax: .....
  - Quyết định/Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Các giấy tờ khác.....Cấp ngày: .....
  - Cơ quan cấp: .....
- 2. Người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin:**
  - Họ và tên: .....Sinh ngày: .....Quốc tịch: .....
  - Chức danh: .....
  - Số CMND/Căn cước công dân (hoặc Hộ chiếu) số:.....Nơi cấp:.....
  - Địa chỉ liên lạc: .....
  - Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:.....
- 3. Tên gọi của bản tin: .....**
- 4. Mục đích xuất bản:.....**
- 5. Nội dung thông tin: .....**
- 6. Đối tượng phục vụ: .....**
- 7. Phạm vi phát hành: .....**
- 8. Thể thức xuất bản:**
  - Kỳ hạn xuất bản:.....
  - Khuôn khổ:.....
  - Số trang: .....
  - Số lượng: .....
  - Ngôn ngữ thể hiện:.....
- 9. Địa điểm xuất bản bản tin:.....**
  - Địa chỉ: .....
  - Điện thoại: .....Fax:.....

Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản bản tin cam kết những điều trên đây và các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép là đúng quy định pháp luật./.

*..., ngày... tháng... năm 20...*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

*(Ký tên và đóng dấu hoặc ký số  
của cơ quan, tổ chức)*

## **2. Thủ tục văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Cơ quan, tổ chức ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có nhu cầu thay đổi một trong các nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cho phép thay đổi gửi trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc qua môi trường điện tử đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh được giao quyền.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh được giao quyền có trách nhiệm xem xét giải quyết việc chấp thuận bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị thay đổi của cơ quan, tổ chức;

(2) Sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin đối với trường hợp thay đổi người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin;

(3) Mẫu trình bày tên gọi bản tin có xác nhận của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép và bản dịch tiếng Việt được công chứng đối với trường hợp thay đổi tên gọi bản tin thể hiện bằng tiếng nước ngoài.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh được giao quyền.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Không quy định.

**h) Kết quả thực hiện:** Văn bản chấp thuận.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

### **l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.

### **3. Thủ tục cho phép hợp báo (trong nước)**

#### ***a) Trình tự thực hiện***

- Tổ chức, công dân Việt Nam ở địa phương (không thuộc quy định tại Khoản 2 Điều 41 Luật Báo chí) có nhu cầu hợp báo phải thông báo bằng văn bản trước 24 giờ tính đến thời điểm dự định hợp báo gửi đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan quản lý nhà nước về báo chí có trách nhiệm trả lời tổ chức, công dân về việc hợp báo trong thời gian quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Báo chí; trường hợp không có văn bản trả lời, tổ chức, công dân được tiến hành hợp báo.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện.

#### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản thông báo hợp báo gồm những thông tin sau: Địa điểm hợp báo; Thời gian hợp báo; Nội dung hợp báo; Người chủ trì hợp báo.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d) Thời hạn giải quyết:*** Không quy định.

***đ) Đối tượng thực hiện:*** Tổ chức, công dân

***e) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

***g) Mẫu đơn, tờ khai:*** Không quy định.

***h) Kết quả thực hiện:*** Trường hợp không có văn bản trả lời, tổ chức, công dân được tiến hành hợp báo.

***i) Phí, lệ phí:*** Không quy định.

#### ***k) Yêu cầu, điều kiện:***

- Nội dung hợp báo phải đúng với nội dung đã được cơ quan quản lý nhà nước về báo chí trả lời chấp thuận, trường hợp không có văn bản trả lời thì phải đúng với nội dung đã thông báo với cơ quan quản lý nhà nước về báo chí.

- Nội dung hợp báo không có thông tin quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 9 Luật báo chí

#### ***l) Căn cứ pháp lý:***

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016.

#### **4. Thủ tục cho phép họp báo (nước ngoài)**

##### **a) Trình tự thực hiện**

- Cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam, đoàn khách nước ngoài thăm Việt Nam theo lời mời của các cơ quan Bộ, ngành địa phương hoặc cơ quan nhà nước khác của Việt Nam có nhu cầu tổ chức họp báo tại các địa phương khác ngoài Hà Nội gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ít nhất 02 ngày làm việc trước khi tiến hành họp báo.

- Đối với cơ quan đại diện nước ngoài, đơn đề nghị đồng gửi Bộ Ngoại giao để thông báo.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện.

##### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị/ thông báo họp báo (mẫu số 02/BTTTT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BTTTT).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Không quy định.

**h) Kết quả thực hiện:** Văn bản chấp thuận.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

##### **k) Yêu cầu, điều kiện:**

- Nội dung họp báo phải đúng với nội dung đã được cơ quan quản lý nhà nước về báo chí trả lời chấp thuận, trường hợp không có văn bản trả lời thì phải đúng với nội dung đã thông báo với cơ quan quản lý nhà nước về báo chí.

- Nội dung họp báo không có thông tin quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 9 Luật báo chí.

##### **l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23/12/2012 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam;

- Thông tư số 04/2014/TT-BTTTT ngày 19/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.



TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ / THÔNG BÁO HỢP BÁO**

Kính gửi: .....

**1. Tên cơ quan, tổ chức đề nghị/thông báo hợp báo:**

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Website:

Email:

**Đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo:**

Giấy phép/Quyết định thành lập số:

Cấp ngày:

Cơ quan cấp giấy phép:

Số đăng ký kinh doanh (nếu có):

**2. Người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức là người chịu trách nhiệm hợp báo:**

Họ và tên:

Quốc tịch:

Chức danh:

Số CMND (hoặc hộ chiếu):

Nơi cấp:

Địa chỉ liên lạc:

**3. Tên cơ quan chủ quản đón đoàn khách nước ngoài đề nghị/thông báo hợp báo:**

**4. Nội dung hợp báo:**

**5. Mục đích hợp báo:**

**6. Ngày, giờ hợp báo:**

**7. Địa điểm hợp báo:**

**8. Thành phần tham dự hợp báo:**

**9. Tên, chức danh người chủ trì hợp báo:**

**10. Các hoạt động bên lề (trưng bày tài liệu, hiện vật, phát tài liệu, phát quà...) nếu có:**

Chúng tôi cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam.

**Người đại diện theo pháp luật  
của cơ quan, tổ chức  
(Ký tên, đóng dấu)**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC  
XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVHTTDL ngày tháng 3 năm 2025  
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

<b>STT</b>	<b>Mã số TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
<b>I</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG</b>		
1.	1.004111	Cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản	Cục XB, I & PH
2.	1.004144	Cấp đổi giấy phép thành lập nhà xuất bản	Cục XB, I & PH
3.	1.004210	Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Cục XB, I & PH
4.	1.004365	Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Cục XB, I & PH
5.	1.004369	Gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Cục XB, I & PH
6.	1.005105	Điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Cục XB, I & PH
7.	1.004216	Cấp giấy xác nhận đăng ký xuất bản	Cục XB, I & PH
8.	1.004063	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	Cục XB, I & PH
9.	1.004348	Chấp thuận bổ nhiệm tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản	Cục XB, I & PH
10.	2.001782	Chấp thuận miễn nhiệm, cách chức tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản	Cục XB, I & PH
11.	1.004102	Cấp chứng chỉ hành nghề biên tập	Cục XB, I & PH
12.	1.004113	Cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập (trường hợp bị thu hồi)	Cục XB, I & PH

<b>STT</b>	<b>Mã số TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
13.	1.004133	Cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập (trường hợp bị mất hoặc bị hỏng)	Cục XB, I & PH
14.	1.004340	Đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử	Cục XB, I & PH
15.	1.004235	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Cục XB, I & PH
16.	1.004236	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Cục XB, I & PH
17.	1.004245	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Cục XB, I & PH
18.	1.004251	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	Cục XB, I & PH
19.	2.001753	Cấp giấy phép hoạt động in	Cục XB, I & PH
20.	2.001749	Cấp lại giấy phép hoạt động in	Cục XB, I & PH
21.	2.001747	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in	Cục XB, I & PH
22.	1.004119	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in	Cục XB, I & PH
23.	2.001727	Khai báo nhập khẩu thiết bị in	Cục XB, I & PH
24.	1.004375	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	Cục XB, I & PH
25.	1.003651	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	Cục XB, I & PH
26.	1.003609	Cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm	Cục XB, I & PH
27.	1.004260	Cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm	Cục XB, I & PH
28.	1.004146	Cấp giấy xác nhận đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh	Cục XB, I & PH
29.	1.004159	Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	Cục XB, I & PH
30.	1.008200	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	Cục XB, I & PH

<b>STT</b>	<b>Mã số TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
<b>II</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>		
1.	1.003868	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	Sở VH TTDL/ Sở VH TT
2.	2.001594	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Sở VH TTDL/ Sở VH TT
3.	2.001584	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Sở VH TTDL/ Sở VH TT
4.	1.003729	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Sở VH TTDL/ Sở VH TT
5.	2.001564	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	Sở VH TTDL/ Sở VH TT
6.	1.004153	Cấp giấy phép hoạt động in	Sở VH TTDL/ Sở VH TT
7.	2.001744	Cấp lại giấy phép hoạt động in	Sở VH TTDL/ Sở VH TT
8.	2.001740	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in	Sở VH TTDL/ Sở VH TT
9.	2.001737	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in	Sở VH TTDL/ Sở VH TT
10.	1.003725	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	Sở VH TTDL/ Sở VH TT
11.	1.003483	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	Sở VH TTDL/ Sở VH TT
12.	1.003114	Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	Sở VH TTDL/ Sở VH TT
13.	1.008201	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	Sở VH TTDL/ Sở VH TT

## PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

### I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

#### 1. Thủ tục cấp Giấy phép thành lập nhà xuất bản

##### a) *Trình tự thực hiện:*

- Cơ quan chủ quản nhà xuất bản lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL);

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện

##### c) *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản (mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023);

(2) Đề án thành lập nhà xuất bản và giấy tờ kèm theo chứng minh có đủ các điều kiện quy định tại Điều 13 Luật Xuất bản (mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023)

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**e) Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)

##### g) *Cơ quan thực hiện TTHC:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Xuất bản, In và Phát hành.

**h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép thành lập nhà xuất bản

**i) Phí, lệ phí:** Không có.

##### k) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản (Mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông));

- Đề án thành lập nhà xuất bản (Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

##### l) *Yêu cầu, điều kiện:*

Việc thành lập nhà xuất bản phải có đủ các điều kiện sau đây:

(1) Có tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ, xuất bản phẩm chủ yếu phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ quản;

(2) Có người đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 17 của Luật Xuất bản để bổ nhiệm tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập và có ít nhất năm biên tập viên cơ hữu;

(3) Có trụ sở, nguồn tài chính và các điều kiện cần thiết khác bảo đảm hoạt động của nhà xuất bản như sau:

a) Trụ sở của nhà xuất bản có diện tích phù hợp, đáp ứng quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc;

b) Có ít nhất 05 (năm) tỷ đồng để bảo đảm hoạt động xuất bản;

c) Có đủ trang thiết bị để tổ chức xuất bản;

d) Trong quá trình hoạt động, cơ quan chủ quản nhà xuất bản có trách nhiệm duy trì các điều kiện a, b, c nêu trên.

(4) Phù hợp với chiến lược, kế hoạch và chính sách của Nhà nước về phát triển hoạt động xuất bản.

***m) Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;

- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../..... (nếu có)

....., ngày..... tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Căn cứ các quy định của pháp luật về cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản;  
 Căn cứ nhu cầu, chức năng, nhiệm vụ của .....<sup>(1)</sup> đề nghị Bộ Văn  
 hóa, Thể thao và Du lịch xem xét cấp Giấy phép thành lập Nhà xuất bản với thông  
 tin như sau:

Tên nhà xuất bản dự kiến thành lập: .....

Tên giao dịch tiếng Anh (nếu có): .....

Loại hình tổ chức và hoạt động.....

Trụ sở tại: .....

Số điện thoại:..... E-mail: .....

Tôn chỉ, mục đích, chức năng nhiệm vụ: .....

Đối tượng phục vụ: .....

<sup>(1)</sup>.....cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về thành  
 lập và hoạt động nhà xuất bản sau khi được cấp giấy phép.

Kèm theo đơn này gồm: Đề án thành lập nhà xuất bản và các tài liệu liên  
 quan ghi trong Đề án./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT,....

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
 chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

<sup>(1)</sup> Ghi tên cơ quan, tổ chức có đơn đề nghị

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÊN CQ, TC ĐỀ NGHỊ.... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

## ĐỀ ÁN

### Thành lập nhà xuất bản <sup>(1)</sup>

**1. Tên cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản (cơ quan chủ quản):**.....

- Trụ sở tại .....

- Điện thoại: ..... E-mail.....

- Loại hình tổ chức (*loại hình thuộc một trong các đối tượng được thành lập nhà xuất bản quy định tại Luật Xuất bản và các văn bản quy định chi tiết thi hành*); .....

- Tôn chỉ, mục đích hoạt động: .....

.....

**2. Sự cần thiết phải thành lập nhà xuất bản (nêu rõ lý do, nhu cầu phải thành lập nhà xuất bản)** .....

.....

**3. Tên nhà xuất bản:** (*tên tiếng Việt và tiếng Anh*)

.....

.....

**4. Tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của nhà xuất bản thành lập:**

.....

**5. Đối tượng phục vụ chủ yếu của nhà xuất bản:**.....

.....

**6. Xuất bản phẩm chủ yếu xuất bản:** .....

.....

**7. Trụ sở của nhà xuất bản do cơ quan chủ quản cấp:**

- Địa chỉ:.....

- Tổng diện tích sử dụng: .....



<sup>(1)</sup> Đề án được lập thành bộ (quyển) gồm các nội dung trên và các giấy tờ kèm theo chứng minh có đủ điều kiện quy định tại Điều 13 Luật Xuất bản.

**8. Họ tên của những người được dự kiến bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo nhà xuất bản:**

- Giám đốc hoặc Tổng giám đốc: .....
- Tổng biên tập: .....
- Phó Giám đốc (nếu có): .....
- Phó Tổng biên tập (nếu có): .....

**9. Loại hình tổ chức của nhà xuất bản** (ghi rõ doanh nghiệp kinh doanh có điều kiện do Nhà nước là chủ sở hữu hoặc đơn vị sự nghiệp công lập).....

**10. Tổng số vốn cơ quan chủ quản cấp cho nhà xuất bản:** ..... (VND)

- Bằng tiền: ..... (VND)

Trong đó:

- + Vốn từ ngân sách nhà nước cấp: .....
- + Vốn thuộc sở hữu của cơ quan chủ quản: .....
- Tài sản cố định: .....
- Hình thức khác .....

**11. Danh sách dự kiến biên tập viên của nhà xuất bản**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Số căn cước công dân	Quốc tịch	Chức vụ, nơi làm việc hiện tại	Trình độ						Đã được khen thưởng hoặc bị kỷ luật mức cao nhất (nếu có)	
								Chính trị		Ngoại ngữ		Văn hóa	Chuyên môn nghiệp vụ		
								Trình độ	Hình thức đào tạo	Trình độ	Hình thức đào tạo		Trình độ		Hình thức đào tạo
1															
2															
3															
4															
5															
...															

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

## **2. Thủ tục cấp đổi giấy phép thành lập nhà xuất bản**

### **a) Trình tự thực hiện:**

(1) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ khi có một trong những thay đổi sau đây thì cơ quan chủ quản nhà xuất bản phải đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp đổi giấy phép thành lập nhà xuất bản:

- Thay đổi cơ quan chủ quản, tên gọi của cơ quan chủ quản nhà xuất bản và tên nhà xuất bản;
- Thay đổi loại hình tổ chức của nhà xuất bản;
- Thay đổi tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, xuất bản phẩm chủ yếu của nhà xuất bản.

(2) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải cấp đổi giấy phép thành lập nhà xuất bản; trường hợp không cấp đổi giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp đổi giấy phép thành lập nhà xuất bản (Mẫu số 04 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023);

(2) Giấy phép thành lập nhà xuất bản đã được cấp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

**e) Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)

### **g) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Xuất bản, In và Phát hành

**h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép thành lập nhà xuất bản

**i) Phí, lệ phí:** Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp đổi giấy phép thành lập nhà xuất bản (Mẫu số 04 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

### **l) Yêu cầu, điều kiện:**

- Có tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ, xuất bản phẩm chủ yếu phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ quản;

- Loại hình tổ chức phù hợp khoản 2 Điều 12 Luật Xuất bản.

### **m) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;
- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;
- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.
- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)  
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../..... (nếu có)

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ<sup>(1)</sup>**  
**Cấp đổi giấy phép thành lập nhà xuất bản**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Tên cơ quan, tổ chức đề nghị: .....

Trụ sở: .....

Số điện thoại:.....

Email: .....

Căn cứ Điều 15 Luật Xuất bản, đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp đổi Giấy phép thành lập Nhà xuất bản..... cho cơ quan, tổ chức chúng tôi.

Nội dung đề nghị cấp đổi giấy phép: .....<sup>(2)</sup>

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về thành lập và hoạt động nhà xuất bản sau khi được cấp đổi giấy phép.

Kèm theo đơn này: Giấy phép thành lập Nhà xuất bản đã được cấp./.

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC**  
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

<sup>(1)</sup> Đơn do cơ quan chủ quản của nhà xuất bản lập.

<sup>(2)</sup> Ghi rõ nội dung thay đổi: Thay đổi tên gọi cơ quan chủ quản nhà xuất bản, tên nhà xuất bản (tên tiếng Anh, tên tiếng Việt); thay đổi loại hình tổ chức và hoạt động của nhà xuất bản; thay đổi tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, xuất bản phẩm chủ yếu của nhà xuất bản.

### **3. Thủ tục cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài**

#### ***a) Trình tự thực hiện:***

- Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài (bao gồm doanh nghiệp, tổ chức được thành lập tại nước ngoài hoạt động đa ngành nghề, đa lĩnh vực trong đó có xuất bản, phát hành xuất bản phẩm) nộp hồ sơ xin cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam đến Cục Xuất bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Xuất bản, In và Phát hành cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính nhưng không đúng mẫu hoặc không đủ thành phần theo quy định, trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Xuất bản, In và Phát hành phải thông báo, hướng dẫn chi tiết cho nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài qua một trong các hình thức sau: điện thoại, thư điện tử hoặc fax.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện

#### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam (Mẫu số 39 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023);

(3) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài xác nhận nhà xuất bản, tổ chức phát hành xuất bản phẩm đang hoạt động hợp pháp tại nước đặt trụ sở chính;

(3) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu bằng tốt nghiệp đại học trở lên, phiếu lý lịch tư pháp hoặc giấy tờ chứng minh được phép thường trú tại Việt Nam của người đứng đầu văn phòng đại diện do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

(Trường hợp hồ sơ bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch sang tiếng Việt được công chứng).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

***d) Thời hạn giải quyết:*** 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

***e) Đối tượng thực hiện TTHC:*** Tổ chức nước ngoài

***g) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Cục Xuất bản, In và Phát hành

***h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:*** Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài

***i) Phí, lệ phí:*** Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp/cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam (Mẫu số 39, Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

**l) Yêu cầu, điều kiện:** Điều kiện thành lập, nội dung hoạt động của văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài:

(1) Điều kiện thành lập:

- Nhà xuất bản, tổ chức phát hành xuất bản phẩm đang hoạt động hợp pháp tại nước ngoài;

- Nhân sự dự kiến bổ nhiệm làm người đứng đầu văn phòng đại diện phải thường trú tại Việt Nam, có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, có trình độ đại học trở lên, không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành bản án có hiệu lực pháp luật của tòa án.

(2) Nội dung hoạt động:

Văn phòng đại diện phải tuân thủ quy định của Luật Xuất bản, Nghị định 195/2013/NĐ-CP, Nghị định 150/2018/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật Việt Nam về Văn phòng đại diện và được thực hiện các hoạt động sau đây:

- Giới thiệu, trưng bày, triển lãm, quảng cáo hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật Việt Nam về tổ chức và xuất bản phẩm của nhà xuất bản hoặc tổ chức phát hành xuất bản phẩm do mình đại diện;

- Hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại, hợp tác, trao đổi về bản quyền, xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm cho nhà xuất bản, tổ chức phát hành xuất bản phẩm do mình đại diện.

**m) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;

- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;

- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.



TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)  
TÊN CQ, TC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....(nếu có)

..... ngày..... tháng..... năm.....

### **ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

#### **Cấp/cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam**

Kính gửi: Cục Xuất bản, In và Phát hành

- Tên đầy đủ của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài: .....
- Trụ sở chính (địa chỉ): .....
- Số điện thoại: ..... E-mail: .....
- Chức năng, nội dung và phạm vi hoạt động của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài: .....

Đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam (...<sup>(1)</sup>) cho nhà xuất bản, tổ chức phát hành xuất bản phẩm chúng tôi với các thông tin sau đây:

1. Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam: .....
2. Thông tin người đứng đầu văn phòng đại diện:
  - Họ và tên: .....
  - Quốc tịch: .....
  - Hộ chiếu số/ Căn cước công dân số..., cấp ngày..... tháng ... năm ..., nơi cấp...
3. Nội dung hoạt động của văn phòng đại diện: .....
4. Kèm theo đơn này gồm các giấy tờ sau đây<sup>(2)</sup>:.....

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan về văn phòng đại diện.

#### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

(1) Ghi “lần đầu” hoặc “cấp lại”;

(2) Căn cứ vào đề nghị cấp lần đầu hoặc cấp lại để gửi kèm theo các giấy tờ tương ứng phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **4. Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài**

##### ***a) Trình tự thực hiện:***

- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày bị mất, bị hư hỏng giấy phép, nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài phải có hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép gửi Cục Xuất bản, In và Phát hành.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ Cục Xuất bản, In và Phát hành cấp lại giấy phép; trường hợp không cấp lại giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện

##### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam (Mẫu số 39, Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023);

(2) Bản sao giấy phép (nếu có) hoặc giấy phép bị hư hỏng.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

***d) Thời hạn giải quyết:*** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

***e) Đối tượng thực hiện TTHC:*** Tổ chức nước ngoài

***g) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Cục Xuất bản, In và Phát hành

***h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:*** Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài

***i) Phí, lệ phí:*** Không có

***k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Đơn đề nghị cấp/cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam (Mẫu số 39, Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

***l) Yêu cầu, điều kiện:*** Không có

##### ***m) Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;

- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một

số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;

- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)  
TÊN CQ, TC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....(nếu có)

....., ngày..... tháng..... năm.....

### **ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

#### **Cấp/cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam**

Kính gửi: Cục Xuất bản, In và Phát hành

- Tên đầy đủ của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài: .....
- Trụ sở chính (địa chỉ): .....
- Số điện thoại: ..... E-mail: .....
- Chức năng, nội dung và phạm vi hoạt động của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài: .....

Đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam (...<sup>(1)</sup>) cho nhà xuất bản, tổ chức phát hành xuất bản phẩm chúng tôi với các thông tin sau đây:

1. Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam: .....
2. Thông tin người đứng đầu văn phòng đại diện:
  - Họ và tên: .....
  - Quốc tịch: .....
  - Hộ chiếu số/ Căn cước công dân số..., cấp ngày..... tháng ... năm ..., nơi cấp...
3. Nội dung hoạt động của văn phòng đại diện: .....
4. Kèm theo đơn này gồm các giấy tờ sau đây<sup>(2)</sup>: .....

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan về văn phòng đại diện.

#### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

(1) Ghi “lần đầu” hoặc “cấp lại”;

(2) Căn cứ vào đề nghị cấp lần đầu hoặc cấp lại để gửi kèm theo các giấy tờ tương ứng phù hợp với quy định của pháp luật.

## **5. Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Ít nhất 30 ngày, trước ngày giấy phép hết hạn, nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài được đề nghị gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện gửi đến Cục Xuất bản, In và Phát hành;

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Xuất bản, In và Phát hành gia hạn giấy phép; trường hợp không gia hạn giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam;

(2) Bản sao Giấy phép thành lập văn phòng đại diện đã được cấp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**e) Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức nước ngoài

**g) Cơ quan thực hiện TTHC:** Cục Xuất bản, In và Phát hành

**h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Phụ lục kèm theo Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài.

**i) Phí, lệ phí:** Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam (Mẫu số 41, Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

**l) Yêu cầu, điều kiện:** Không có

### **m) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;

- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11

năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;

- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)  
TÊN CQ, TC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....(nếu có)

....., ngày..... tháng..... năm.....

## **ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

### **Gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam**

Kính gửi: Cục Xuất bản, In và Phát hành

- Tên đầy đủ của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài: .....
- Trụ sở chính (địa chỉ): .....
- Số điện thoại: ..... E-mail: .....
- Chức năng, nội dung và phạm vi hoạt động của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài:.....<sup>(1)</sup> được cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam số ...../GP-...

Nay, giấy phép thành lập văn phòng đại diện của chúng tôi đã hết hạn. Đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành gia hạn giấy phép theo quy định của pháp luật đến ngày.....tháng .....năm.....

Kèm theo đơn này là bản sao Giấy phép thành lập văn phòng đại diện nói trên.

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản, của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài và các quy định pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan.

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

<sup>(1)</sup> Tên nhà xuất bản/tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài.

**6. Thủ tục điều chỉnh, bổ sung thông tin trong Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày có một trong các thay đổi về người đứng đầu, tên gọi, nội dung hoạt động, văn phòng đại diện phải làm thủ tục đề nghị điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Xuất bản, In và Phát hành có trách nhiệm xác nhận thông tin thay đổi vào giấy phép thành lập văn phòng đại diện; trường hợp không xác nhận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép (Mẫu số 40, Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT);

(2) Bản sao Giấy phép thành lập văn phòng đại diện;

(3) Bản sao bằng cử nhân hoặc các văn bằng giáo dục đại học khác của người đứng đầu văn phòng đại diện.

(4) Bản sao giấy tờ chứng minh được phép thường trú tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (trường hợp người đứng đầu văn phòng đại diện là người có quốc tịch nước ngoài). Khi hoàn thành việc liên thông cơ sở dữ liệu chuyên ngành giữa các bộ, ngành, địa phương, không phải nộp giấy tờ chứng minh được phép thường trú tại Việt Nam.

(Trường hợp hồ sơ bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch sang tiếng Việt được công chứng).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

**e) Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức nước ngoài

**g) Cơ quan thực hiện TTHC:** Cục Xuất bản, In và Phát hành

**h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Phụ lục xác nhận điều chỉnh, thay đổi thông tin (kèm theo Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài)

**i) Phí, lệ phí:** Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam (Mẫu số 40, Phụ lục



kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

***l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không có

***m) Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;

- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)  
 TÊN CQ, TC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....(nếu có)

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép  
 thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam**

Kính gửi: Cục Xuất bản, In và Phát hành

- Tên đầy đủ của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài: .....

- Trụ sở chính (địa chỉ): .....

- Số điện thoại: ..... E-mail: .....

- Chức năng, nội dung và phạm vi hoạt động của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài: .....

Đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành điều chỉnh/bổ sung thông tin thay đổi vào Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam số:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... theo các thông tin, cụ thể sau:

- Tên gọi: .....

- Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam: .....

- Họ và tên người đứng đầu văn phòng đại diện: .....

- Quốc tịch người đứng đầu văn phòng đại diện : .....

- Số căn cước công dân hoặc Số hộ chiếu người đứng đầu văn phòng đại diện .....cấp ngày.....tháng.....năm.....tại.....

- Nội dung hoạt động của văn phòng đại diện: .....

Kèm theo đơn này là bản sao Giấy phép thành lập văn phòng đại diện nói trên. Chúng tôi cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản, của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài và các quy định pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
 chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

## **7. Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký xuất bản**

### ***a) Trình tự thực hiện:***

- Trước khi xuất bản tác phẩm, tài liệu hoặc tái bản xuất bản phẩm, nhà xuất bản phải đăng ký xuất bản với Cục Xuất bản, In và Phát hành theo mẫu quy định. Nội dung đăng ký xuất bản phải phù hợp với tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của nhà xuất bản.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký xuất bản của nhà xuất bản, Cục Xuất bản, In và Phát hành phải xác nhận đăng ký xuất bản bằng văn bản, cấp sổ xác nhận đăng ký xuất bản từng tác phẩm, tài liệu hoặc xuất bản phẩm tái bản và cấp mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN); trường hợp không xác nhận đăng ký phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do;

- Trong quá trình xác nhận đăng ký, Cục Xuất bản, In và Phát hành có quyền yêu cầu nhà xuất bản thẩm định hoặc giải trình về tác phẩm, tài liệu đăng ký xuất bản, xuất bản phẩm đăng ký tái bản để xác nhận đăng ký.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Giấy đăng ký xuất bản, trong đó tóm tắt nội dung về đề tài, chủ đề và nội dung của từng tác phẩm, tài liệu đăng ký xuất bản, xuất bản phẩm đăng ký tái bản, các thông tin theo mẫu Giấy đăng ký xuất bản (Mẫu số 07, Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT);

(2) Văn bản thẩm định nội dung đối với tác phẩm, tài liệu thuộc loại phải thẩm định.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

***d) Thời hạn giải quyết:*** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

***e) Đối tượng thực hiện TTHC:*** Tổ chức (Nhà xuất bản)

***g) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Cục Xuất bản, In và Phát hành

***h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:*** Giấy xác nhận đăng ký xuất bản

***i) Phí, lệ phí:*** Không có

***k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Giấy đăng ký xuất bản (Mẫu số 07, Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

### ***l) Yêu cầu, điều kiện:***

Yêu cầu về quản lý xác nhận đăng ký xuất bản:

(1) Cục Xuất bản, In và Phát hành xác nhận đăng ký xuất bản được cấp cho từng xuất bản phẩm và ghi trong giấy xác nhận đăng ký xuất bản.

(2) Nhà xuất bản phải ghi chính xác số xác nhận đăng ký xuất bản trên xuất bản phẩm được xuất bản theo hướng dẫn trong giấy xác nhận đăng ký xuất bản. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 hàng năm liền sau năm xác nhận đăng ký xuất bản, nhà xuất bản phải báo cáo với Cục Xuất bản, In và Phát hành danh mục tên xuất bản phẩm đã được cấp số xác nhận đăng ký xuất bản nhưng không thực hiện xuất bản.

***m) Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;
- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;
- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;
- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.



	<b>V. Tôn giáo</b>												
...													
...													
	<b>VI.Văn học</b>												
...													
...													
	<b>VII.Thiếu niên, Nhi đồng, Truyện tranh</b>												
...													
...													
	<b>VIII.Giáo khoa, Giáo trình, Tham khảo giáo dục</b>												
...													
...													
	<b>IX.Từ điển</b>												
..													
...													
	<b>X. Loại khác</b>												
...													
...													

**GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC)**  
*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

**Lưu ý:**

- Giấy đăng ký xuất bản này sử dụng trong các trường hợp: Đăng ký mới, đăng ký lại khi có sự thay đổi về thông tin của xuất bản phẩm đã được xác nhận ký;
- Phải sắp xếp thông tin của xuất bản phẩm chính xác theo phân loại và các cột thông tin; không sai lỗi chính tả;
- Mỗi số thứ tự chỉ đăng ký tương ứng 01 xuất bản phẩm. Nếu xuất bản phẩm có nhiều tập thì ghi đầy đủ thông tin từng tập cụ thể theo từng số thứ tự;
- Bản mềm sử dụng kiểu chữ Times New Roman được định dạng Excel.

## **8. Thủ tục cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh**

### ***a) Trình tự thực hiện:***

- Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh thuộc danh mục tài liệu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 12 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP lập hồ sơ gửi Cục Xuất bản, In và Phát hành và nộp phí thẩm định nội dung tài liệu để cấp giấy phép.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Xuất bản, In và Phát hành phải cấp giấy phép xuất bản, đóng dấu vào bản thảo tài liệu và lưu lại một bản; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh (Mẫu số 14, Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023);

(2) Hai (02) bản thảo tài liệu in trên giấy có đóng dấu của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản tại trang đầu và giáp lai giữa các trang bản thảo hoặc 01 bản thảo lưu trong thiết bị lưu trữ điện tử với định dạng không cho phép can thiệp, sửa đổi; Trường hợp tài liệu không kinh doanh xuất bản dạng điện tử thì nộp một (01) bản thảo điện tử có chữ ký số của thủ trưởng cơ quan, tổ chức đề nghị cấp phép xuất bản;

(3) Đối với tài liệu bằng tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam phải kèm theo bản dịch tiếng Việt có đóng dấu của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản;

(4) Ý kiến xác nhận bằng văn bản:

+ Đối với tài liệu của các đơn vị quân đội nhân dân, công an nhân dân phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc cơ quan được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền.

+ Đối với tài liệu lịch sử Đảng, chính quyền địa phương; tài liệu phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương phải có ý kiến của tổ chức đảng, cơ quan cấp trên.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

***d) Thời hạn giải quyết:*** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

### ***e) Đối tượng thực hiện TTHC:***

- Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX);

- Tổ chức nước ngoài (hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam);

- Doanh nghiệp;

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

***g) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Cục Xuất bản, In và Phát hành

**h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh

**i) Phí, lệ phí:**

Phí thẩm định nội dung tài liệu để cấp giấy phép:

- + Tài liệu in trên giấy: 15.000 đồng/trang quy chuẩn;
- + Tài liệu điện tử dưới dạng đọc: 6.000 đồng/phút;
- + Tài liệu điện tử dưới dạng nghe, nhìn: 27.000 đồng/phút.

(Theo quy định tại Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh (Mẫu số 14, Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

**m) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;
- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;
- Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh và lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh;
- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;
- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.



TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC ...** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....(nếu có) ....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh**

Kính gửi: .....<sup>(1)</sup>

1. Tên cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản: .....
2. Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp); Số quyết định thành lập (đối với đơn vị sự nghiệp công lập); Số giấy phép hoạt động (đối với cơ quan, tổ chức nước ngoài)<sup>(2)</sup>  
 Cơ quan cấp.....ngày .....tháng....năm .....
3. Địa chỉ: .....
- Số điện thoại: .....
- Email: .....
4. Tên tài liệu:.....
5. Xuất xứ (nếu là tài liệu dịch từ tiếng nước ngoài): .....
- Người dịch (cá nhân hoặc tập thể): .....
6. Hình thức tài liệu: .....
7. Số trang (hoặc dung lượng - byte):.....Phụ bản (nếu có): .....
8. Khuôn khổ (định dạng): ..... cm. Số lượng in: ..... bản
9. Ngôn ngữ xuất bản: .....
10. Tên, địa chỉ cơ sở in: .....
11. Mục đích xuất bản: .....
12. Nội dung tóm tắt của tài liệu: .....
13. Kèm theo đơn này gồm :.....<sup>(3)</sup>

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng nội dung giấy phép xuất bản, thực hiện việc in/đăng tải đúng nội dung tài liệu tại cơ sở in có giấy phép in xuất bản phẩm và tuân thủ các quy định pháp luật về xuất bản, sở hữu trí tuệ./.

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
 HOẶC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ  
 THẨM QUYỀN<sup>(4)</sup>**

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
 chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN/  
 TỔ CHỨC**

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
 chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

<sup>(1)</sup>Cơ quan, tổ chức ở trung ương và tổ chức nước ngoài gửi hồ sơ đến Cục Xuất bản, In và Phát hành - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; cơ quan, tổ chức tại địa phương gửi hồ sơ đến Sở VH-TTDL/Sở VH-TT sở tại;

<sup>(2)</sup>Trường hợp cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép là cơ quan Đảng, Nhà nước không bắt buộc phải ghi các thông tin quy định tại mục này.

<sup>(3)</sup>Ghi rõ trong đơn các tài liệu đính kèm quy định tại Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT.

<sup>(4)</sup>Phần này áp dụng đối với tài liệu không kinh doanh là kỹ yếu hội thảo, hội nghị, ngành nghề (trừ trường hợp cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép là cơ quan Đảng, Nhà nước).

## **9. Thủ tục chấp thuận bổ nhiệm tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Cơ quan chủ quản nhà xuất bản chuẩn bị hồ sơ gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi bổ nhiệm tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan chủ quản nhà xuất bản, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc bổ nhiệm đối với tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị chấp thuận bổ nhiệm;

(2) Sơ yếu lý lịch của nhân sự dự kiến bổ nhiệm (Mẫu số 06, Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông);

(3) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu bằng tốt nghiệp đại học trở lên của nhân sự dự kiến bổ nhiệm.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

**e) Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức (cơ quan chủ quản nhà xuất bản)

### **g) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Xuất bản, In và Phát hành.

**h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Văn bản chấp thuận bổ nhiệm hoặc không chấp thuận bổ nhiệm

**i) Phí, lệ phí:** Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Sơ yếu lý lịch (Mẫu số 06, Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

### **l) Yêu cầu, điều kiện:**

(1) Tiêu chuẩn đối với tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản:

+ Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

+ Có trình độ đại học trở lên;

+ Có ít nhất 03 năm làm một trong các công việc biên tập, quản lý xuất bản hoặc báo chí, quản lý tại cơ quan chủ quản nhà xuất bản;

+ Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

(2) Tiêu chuẩn đối với tổng biên tập nhà xuất bản:

+ Có chứng chỉ hành nghề biên tập;

+ Có ít nhất 03 năm làm công việc biên tập tại nhà xuất bản hoặc cơ quan báo chí;

+ Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

(3) Đối với nhà xuất bản tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp kinh doanh có điều kiện do Nhà nước là chủ sở hữu mà có chức danh chủ tịch hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty thì chủ tịch hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty phải đồng thời là tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản.

***m) Căn cứ pháp lý của TTHC:***

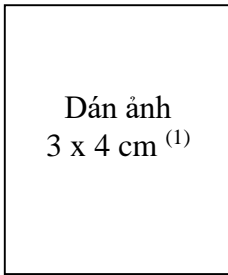
- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;

- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SƠ YẾU LÝ LỊCH <sup>(\*)</sup>**

*(Dùng cho người được dự kiến bổ nhiệm lãnh đạo nhà xuất bản/Người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề biên tập/Người đứng đầu cơ sở in/Người đứng đầu cơ sở kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm)*

1. Họ và tên:.....
2. Tên thường gọi.....
3. Căn cước công dân số ..., cấp ngày...tháng...năm..., nơi cấp.....
4. Địa chỉ liên hệ:..... Điện thoại:.....
5. Ngày kết nạp vào Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh:...../...../.....
6. Ngày kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam:...../...../.....Ngày chính thức:...../...../.....
7. Tình trạng sức khỏe hiện nay: .....
8. Trình độ văn hóa:..... Trình độ ngoại ngữ:.....
9. Trình độ chuyên môn (đại học, trên đại học): .....
10. Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật xuất bản, nghiệp vụ biên tập/nghiệp vụ quản lý hoạt động in/nghiệp vụ phát hành xuất bản phẩm: Số.....ngày cấp:...../...../.....Nơi cấp:.....<sup>(3)</sup>
11. Chứng chỉ hành nghề biên tập số:.....ngày cấp:...../...../.....<sup>(4)</sup>
12. Nơi công tác:..... Chức vụ:.....<sup>(5)</sup>

**13. QUAN HỆ GIA ĐÌNH**

*(Gồm: Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột)*

Số TT	Họ và tên	Quan hệ	Năm sinh		Số căn cước công dân	Nghề nghiệp, làm gì, ở đâu?
			Nam	Nữ		
1						
2						
3						
...						
...						

#### 14. QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN THÂN <sup>(6)</sup>

Từ tháng năm đến tháng năm	Làm công tác gì?	Ở đâu?	Ghi chú

#### 15. KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Khen thưởng: .....

.....

Kỷ luật: .....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước những lời khai trên.

**Xác nhận của địa phương hoặc  
cơ quan, đơn vị công tác**  
(*Chữ ký của người có thẩm quyền,  
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức*)

....., ngày ..... tháng ... năm .....

**Người khai**  
(*Ký và ghi rõ họ tên*)

Người khai Sơ yếu lý lịch có trách nhiệm khai đầy đủ vào nội dung các mục trong Sơ yếu lý lịch và chịu trách nhiệm về những lời khai của mình;

<sup>(\*)</sup>Đối với Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in, cơ sở kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm không bắt buộc phải khai các mục 5, 6, 11.

(1) Dán ảnh (3cm x 4cm) và có đóng dấu giáp lai của cơ quan xác nhận;

(2) Ghi chính xác trình độ chuyên môn: cử nhân, thạc sỹ, tiến sỹ và chuyên ngành đào tạo;

(3) Tùy người khai thuộc đối tượng nào thì ghi chính xác một trong ba loại giấy chứng nhận quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 20, Điểm đ Khoản 2 Điều 32, Điểm b Khoản 3 Điều 38 Luật Xuất bản;

(4) Đối với trường hợp bổ nhiệm tổng biên tập nhà xuất bản và cấp chứng chỉ hành nghề biên tập;

(5) Khai chính xác lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ và chức danh tại cơ quan, tổ chức;

(6) Khai đầy đủ quá trình hoạt động của bản thân từ khi học đại học.

## **10. Thủ tục chấp thuận miễn nhiệm, cách chức tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản**

### ***a) Trình tự thực hiện:***

- Cơ quan chủ quản nhà xuất bản chuẩn bị hồ sơ gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi miễn nhiệm, cách chức tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản khi vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về hoạt động xuất bản.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan chủ quản nhà xuất bản, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc miễn nhiệm, cách chức tổng giám đốc (giám đốc), tổng biên tập nhà xuất bản.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị chấp thuận miễn nhiệm, cách chức.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

***d) Thời hạn giải quyết:*** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

***e) Đối tượng thực hiện TTHC:*** Tổ chức (cơ quan chủ quản nhà xuất bản)

### ***g) Cơ quan thực hiện TTHC:***

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Xuất bản, In và Phát hành.

***h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:*** Văn bản chấp thuận

***i) Phí, lệ phí:*** Không có

***k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Không có

***l) Yêu cầu, điều kiện:*** Không có

### ***m) Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

## **11. Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề biên tập**

### ***a) Trình tự thực hiện:***

- Cá nhân có nhu cầu cấp chứng chỉ hành nghề biên tập gửi hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề biên tập tới Cục Xuất bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch);

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Xuất bản, In và Phát hành cấp chứng chỉ hành nghề biên tập; trường hợp không cấp chứng chỉ phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề biên tập (mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT);

(2) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định (mẫu số 06 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT);

(3) Bản sao có chứng thực văn bằng;

(4) Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật xuất bản, nghiệp vụ biên tập do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

***d) Thời hạn giải quyết:*** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

***e) Đối tượng thực hiện TTHC:*** Công dân Việt Nam

***g) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Cục Xuất bản, In và Phát hành

***h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:*** Chứng chỉ hành nghề biên tập

***i) Phí, lệ phí:*** Không có

***k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Đơn đề nghị cấp/cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập (Mẫu số 05); Sơ yếu lý lịch (Mẫu số 06) (Các mẫu trên ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

### ***l) Yêu cầu, điều kiện:***

Tiêu chuẩn của biên tập viên:

- Là công dân Việt Nam; thường trú tại Việt Nam; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

- Có trình độ đại học trở lên;

- Hoàn thành khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật xuất bản, nghiệp vụ biên tập theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

***m) Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;
- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;
- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;
- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Cấp/ Cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập**

Kính gửi: Cục Xuất bản, In và Phát hành

Họ và tên: .....

Căn cước công dân số ....., cấp ngày...tháng...năm..., nơi cấp.....

Điện thoại: .....Email (nếu có): .....

Đơn vị công tác: .....

Số chứng chỉ đã được cấp (*đối với trường hợp cấp lại*):.....  
cấp ngày.....

Lý do đề nghị cấp lại (bị mất, hư hỏng hoặc bị thu hồi):.....

Kèm theo đơn này <sup>(1)</sup>:.....

Kính đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành xem xét và cấp chứng chỉ hành nghề biên tập cho tôi.

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

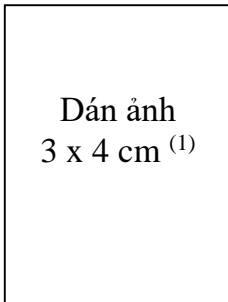
**XÁC NHẬN<sup>(2)</sup>***(Chữ ký của người có thẩm quyền,  
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

....., ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN***(Ký và ghi rõ họ, tên)*

<sup>(1)</sup>Trường hợp cấp lần đầu: 02 ảnh (cỡ 3x4cm) và các giấy tờ tương ứng phù hợp với quy định của Khoản 1 Điều 20 Luật Xuất bản; Trường hợp cấp lại: 02 ảnh (cỡ 3x4cm).

<sup>(2)</sup> Ghi ý kiến của lãnh đạo nhà xuất bản đối với biên tập viên thuộc nhà xuất bản hoặc của đối tác liên kết trong trường hợp biên tập viên thuộc đối tác liên kết.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SƠ YẾU LÝ LỊCH <sup>(\*)</sup>**

*(Dùng cho người được dự kiến bổ nhiệm lãnh đạo nhà xuất bản/Người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề biên tập/Người đứng đầu cơ sở in/Người đứng đầu cơ sở kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm)*

1. Họ và tên:.....
2. Tên thường gọi.....
3. Căn cước công dân số ..., cấp ngày...tháng...năm..., nơi cấp.....
4. Địa chỉ liên hệ: ..... Điện thoại:.....
5. Ngày kết nạp vào Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh:...../...../.....
6. Ngày kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam:...../...../.....Ngày chính thức:...../...../.....
7. Tình trạng sức khỏe hiện nay: .....
8. Trình độ văn hóa: ..... Trình độ ngoại ngữ:.....
9. Trình độ chuyên môn (đại học, trên đại học): .....<sup>(2)</sup>
10. Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật xuất bản, nghiệp vụ biên tập/nghiệp vụ quản lý hoạt động in/nghiệp vụ phát hành xuất bản phẩm: Số.....ngày cấp:...../...../.....Nơi cấp:.....<sup>(3)</sup>
11. Chứng chỉ hành nghề biên tập số:.....ngày cấp:...../...../.....<sup>(4)</sup>
12. Nơi công tác: ..... Chức vụ:.....<sup>(5)</sup>

**13. QUAN HỆ GIA ĐÌNH**

*(Gồm: Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột)*

Số TT	Họ và tên	Quan hệ	Năm sinh		Số căn cước công dân	Nghề nghiệp, làm gì, ở đâu?
			Nam	Nữ		
1						
2						
3						
...						

...						
-----	--	--	--	--	--	--

#### 14. QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN THÂN <sup>(6)</sup>

Từ tháng năm đến tháng năm	Làm công tác gì?	Ở đâu?	Ghi chú

#### 15. KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Khen thưởng: .....

.....

Kỷ luật: .....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước những lời khai trên.

**Xác nhận của địa phương hoặc  
cơ quan, đơn vị công tác**  
(*Chữ ký của người có thẩm quyền,  
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức*)

....., ngày ..... tháng ... năm .....

**Người khai**  
(*Ký và ghi rõ họ tên*)

Người khai Sơ yếu lý lịch có trách nhiệm khai đầy đủ vào nội dung các mục trong Sơ yếu lý lịch và chịu trách nhiệm về những lời khai của mình;

<sup>(\*)</sup>Đối với Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in, cơ sở kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm không bắt buộc phải khai các mục 5, 6, 11.

(1) Dán ảnh (3cm x 4cm) và có đóng dấu giáp lai của cơ quan xác nhận;

(2) Ghi chính xác trình độ chuyên môn: cử nhân, thạc sỹ, tiến sỹ và chuyên ngành đào tạo;

(3) Tùy người khai thuộc đối tượng nào thì ghi chính xác một trong ba loại giấy chứng nhận quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 20, Điểm đ Khoản 2 Điều 32, Điểm b Khoản 3 Điều 38 Luật Xuất bản;

(4) Đối với trường hợp bổ nhiệm tổng biên tập nhà xuất bản và cấp chứng chỉ hành nghề biên tập;

(5) Khai chính xác lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ và chức danh tại cơ quan, tổ chức;

(6) Khai đầy đủ quá trình hoạt động của bản thân từ khi học đại học.

## **12. Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập (trường hợp bị thu hồi)**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Sau 02 năm, kể từ ngày bị thu hồi chứng chỉ hành nghề biên tập, biên tập viên được đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập (trừ trường hợp biên tập viên bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật của tòa án về các tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, các tội xâm phạm an ninh quốc gia).

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Xuất bản, In và Phát hành hoàn thành việc cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập cho biên tập viên; trường hợp không cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập theo Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**e) Đối tượng thực hiện TTHC:** Công dân Việt Nam

**g) Cơ quan thực hiện TTHC:** Cục Xuất bản, In và Phát hành

**h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Chứng chỉ hành nghề biên tập

**i) Phí, lệ phí:** Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp/ cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập (Mẫu số 05, Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

**l) Yêu cầu, điều kiện:** Không có

### **m) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Cấp/ Cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập**

Kính gửi: Cục Xuất bản, In và Phát hành

Họ và tên: .....

Căn cước công dân số ....., cấp ngày...tháng...năm..., nơi cấp.....

Điện thoại: .....Email (nếu có): .....

Đơn vị công tác: .....

Số chứng chỉ đã được cấp (*đối với trường hợp cấp lại*): .....  
cấp ngày.....

Lý do đề nghị cấp lại (bị mất, hư hỏng hoặc bị thu hồi):.....

Kèm theo đơn này <sup>(1)</sup>:.....

Kính đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành xem xét và cấp chứng chỉ hành nghề biên tập cho tôi.

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**XÁC NHẬN<sup>(2)</sup>***(Chữ ký của người có thẩm quyền,  
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

....., ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN***(Ký và ghi rõ họ, tên)*

<sup>(1)</sup>Trường hợp cấp lần đầu: 02 ảnh (cỡ 3x4cm) và các giấy tờ tương ứng phù hợp với quy định của Khoản 1 Điều 20 Luật Xuất bản; Trường hợp cấp lại: 02 ảnh (cỡ 3x4cm).

<sup>(2)</sup> Ghi ý kiến của lãnh đạo nhà xuất bản đối với biên tập viên thuộc nhà xuất bản hoặc của đối tác liên kết trong trường hợp biên tập viên thuộc đối tác liên kết.

### **13. Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập (trường hợp bị mất hoặc bị hỏng)**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày chứng chỉ hành nghề biên tập bị mất hoặc bị hư hỏng, biên tập viên phải có hồ sơ đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Xuất bản, In và Phát hành hoàn thành việc cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập cho biên tập viên; trường hợp không cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập theo Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**e) Đối tượng thực hiện TTHC:** Công dân Việt Nam

**g) Cơ quan thực hiện TTHC:** Cục Xuất bản, In và Phát hành

**h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Chứng chỉ hành nghề biên tập

**i) Phí, lệ phí:** Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp/ cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập (Mẫu số 05, Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

**l) Yêu cầu, điều kiện:** Không có

#### **m) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp/ Cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập**

Kính gửi: Cục Xuất bản, In và Phát hành

Họ và tên: .....

Căn cước công dân số ....., cấp ngày...tháng...năm..., nơi cấp.....

Điện thoại: .....Email (nếu có): .....

Đơn vị công tác: .....

Số chứng chỉ đã được cấp (đối với trường hợp cấp lại): .....

cấp ngày.....

Lý do đề nghị cấp lại (bị mất, hư hỏng hoặc bị thu hồi):.....

Kèm theo đơn này <sup>(1)</sup>:.....

Kính đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành xem xét và cấp chứng chỉ hành nghề biên tập cho tôi.

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**XÁC NHẬN<sup>(2)</sup>**

(Chữ ký của người có thẩm quyền,  
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

....., ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

(Ký và ghi rõ họ, tên)

<sup>(1)</sup>Trường hợp cấp lần đầu: 02 ảnh (cỡ 3x4cm) và các giấy tờ tương ứng phù hợp với quy định của Khoản 1 Điều 20 Luật Xuất bản; Trường hợp cấp lại: 02 ảnh (cỡ 3x4cm).

<sup>(2)</sup> Ghi ý kiến của lãnh đạo nhà xuất bản đối với biên tập viên thuộc nhà xuất bản hoặc của đối tác liên kết trong trường hợp biên tập viên thuộc đối tác liên kết.



## **14. Thủ tục Đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử**

### ***a) Trình tự thực hiện:***

- Nhà xuất bản phải có đề án hoạt động xuất bản điện tử và tổ chức, cá nhân phải có đề án phát hành xuất bản phẩm điện tử gửi Cục Xuất bản, In và Phát hành;

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề án, Cục Xuất bản, In và Phát hành xem xét, có ý kiến thẩm định đề án bằng văn bản. Trường hợp đề án không đúng mẫu hoặc không đủ thông tin theo mẫu quy định thì phải trả lại đề nhà xuất bản, tổ chức, cá nhân bổ sung hoàn thiện;

- Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý của Cục Xuất bản, In và Phát hành, nhà xuất bản, tổ chức, cá nhân phải triển khai thực hiện đề án theo ý kiến thẩm định của Cục Xuất bản, In và Phát hành và có hồ sơ đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử gửi Cục Xuất bản, In và Phát hành;

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử, Cục Xuất bản, In và Phát hành có trách nhiệm kiểm tra việc đáp ứng các điều kiện trong đề án theo ý kiến thẩm định và có văn bản xác nhận đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử cho nhà xuất bản, tổ chức, cá nhân; trường hợp không xác nhận đăng ký phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đăng ký hoạt động xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử (Mẫu số 43 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT);

(2) Bản sao văn bản đồng ý của Cục Xuất bản, In và Phát hành về đề án hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

***d) Thời hạn giải quyết:*** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

***e) Đối tượng thực hiện TTHC:*** Tổ chức/ cá nhân

***g) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Cục Xuất bản, In và Phát hành

***h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:*** Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử

***i) Phí, lệ phí:*** Không có

***k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Đơn đăng ký hoạt động xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử (Mẫu số 43); Đề án hoạt động xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử (Mẫu số 44) (Các mẫu trên ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư

số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

**l) Yêu cầu, điều kiện:**

(1) Điều kiện về thiết bị, công nghệ để xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử:

- Có máy chủ đặt tại Việt Nam;
- Có đường truyền kết nối Internet được đăng ký hợp pháp để xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử trên mạng Internet;
- Có giải pháp kỹ thuật để kiểm soát việc xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử, bao gồm việc phát hành, loại bỏ hoặc khôi phục để phát hành;
- Có hệ thống lưu trữ đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật để lưu trữ các xuất bản phẩm điện tử đã xuất bản, phát hành; xuất bản phẩm điện tử được lưu trữ phải bảo đảm yêu cầu về tính xác thực, toàn vẹn, an toàn thông tin, có khả năng truy cập ngay từ khi được tạo lập;
- Có chứng thư số hợp pháp theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và phải tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn đối với xuất bản phẩm điện tử.

(2) Tiêu chuẩn về nhân lực kỹ thuật để điều hành, quản lý quá trình xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử:

- Được đào tạo về công nghệ thông tin;
- Đủ trình độ vận hành, quản lý các thiết bị, giải pháp kỹ thuật để xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử.

(3) Biện pháp kỹ thuật để điều hành, quản lý quá trình xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử :

- Có giải pháp kỹ thuật chống xâm nhập trái phép qua hệ thống mạng Internet;
- Có quy trình nghiệp vụ xử lý sự cố về an toàn, an ninh thông tin;
- Có quy trình nghiệp vụ để xác định việc can thiệp làm thay đổi nội dung xuất bản phẩm điện tử;
- Có giải pháp kỹ thuật về kiểm soát bản quyền số đối với nhà cung cấp nội dung, các kênh phân phối nội dung, cụ thể như sau:
  - + Có thiết bị, phần mềm kỹ thuật chống can thiệp, thay đổi và sao chép trái phép một phần hoặc toàn bộ nội dung xuất bản phẩm điện tử;
  - + Có biện pháp kỹ thuật xác thực tính hợp pháp của người sử dụng khi truy cập và sử dụng xuất bản phẩm điện tử và phải bảo đảm tính riêng tư, an toàn và bảo vệ thông tin cá nhân;
  - + Có điều khoản thông báo về trách nhiệm chấp hành quy định của pháp luật về xuất bản và sở hữu trí tuệ đối với người sử dụng trước khi truy cập và sử dụng xuất bản phẩm điện tử.

(4) Tên miền Internet Việt Nam để thực hiện xuất bản điện tử, phát hành xuất bản phẩm điện tử trên Internet phải là tên miền ".vn"

***m) Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;
- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;
- Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;
- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;
- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)  
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ/ CÁ NHÂN

Số: ...../..... (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

### **ĐƠN ĐĂNG KÝ**

#### **Hoạt động xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử**

Kính gửi: Cục Xuất bản, In và Phát hành

- Căn cứ văn bản số..... ngày..... tháng..... năm..... của Cục Xuất bản, In và Phát hành về việc thẩm định Đề án hoạt động xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử;

- Trên cơ sở kết quả triển khai thực hiện Đề án hoạt động xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử theo ý kiến thẩm định của Cục Xuất bản, In và Phát hành;

..... (tên nhà xuất bản, tên tổ chức hoặc cá nhân đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm) trân trọng đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành xác nhận đăng ký để được chính thức hoạt động xuất bản/ phát hành xuất bản phẩm điện tử.

..... (tên nhà xuất bản, tên tổ chức hoặc cá nhân đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm) cam kết tuân thủ quy định của Luật Xuất bản, Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, các quy định của pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động xuất bản/ phát hành xuất bản phẩm điện tử và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC  
 CHỦ QUẢN (nếu có)  
 TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ/CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## ĐỀ ÁN

### Hoạt động xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử

- 1. Tên cơ quan, tổ chức/cá nhân thực hiện đề án:.....**
    - Trụ sở (địa chỉ): .....
    - Điện thoại: ..... Email .....
    - Giấy phép thành lập nhà xuất bản/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.....
    - Tôn chỉ, mục đích hoạt động: .....
  - 2. Sự cần thiết của đề án** (nêu rõ lý do, nhu cầu hoạt động xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử)
  - 3. Nội dung hoạt động** (Xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử) .....
  - 4. Điều kiện về thiết bị, công nghệ dự kiến triển khai gồm:** .....
- (Mô tả điều kiện về thiết bị, công nghệ dự kiến triển khai theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP cần thể hiện rõ các nội dung sau:
- a) Danh mục máy chủ đặt tại Việt Nam, gồm tối thiểu các thông tin sau: tên máy chủ, cấu hình, năm sản xuất, hãng sản xuất, nước sản xuất, số lượng, chất lượng (mới/đã qua sử dụng), vị trí lắp đặt (bao gồm cả địa chỉ IP đối với máy chủ), cán bộ quản lý/vận hành, chức năng/tính năng sử dụng;
  - b) Tài liệu chứng minh đường truyền kết nối Internet được đăng ký hợp pháp để xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử trên mạng Internet;
  - c) Thuyết minh về giải pháp kỹ thuật để kiểm soát việc xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử; bao gồm việc phát hành, loại bỏ hoặc khôi phục để phát hành;
  - d) Mô tả, thuyết minh tổng quan hệ thống lưu trữ bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật để lưu trữ các xuất bản phẩm điện tử đã xuất bản, phát hành; cung cấp tài liệu thiết kế cơ sở hoặc tài liệu có giá trị tương đương.
- Thuyết minh việc bảo đảm yêu cầu về tính xác thực, toàn vẹn, an toàn thông tin, có khả năng truy cập ngay từ khi được tạo lập của xuất bản phẩm điện tử được lưu trữ;
- đ) Tài liệu chứng minh về việc có chứng thư số hợp pháp theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử)
- 5. Điều kiện về nhân lực kỹ thuật dự kiến triển khai gồm:** .....
- (Mô tả điều kiện về nhân lực kỹ thuật theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP dự kiến triển khai cần lập danh sách nhân lực kỹ thuật gồm tối thiểu các thông tin: họ và tên, chức vụ, trình độ chuyên môn, liệt kê thông tin về văn bằng, chứng chỉ chuyên môn về công nghệ thông tin của nhân lực kỹ thuật hoặc kèm theo bản sao văn bằng, chứng chỉ).
- 6. Các biện pháp kỹ thuật dự kiến triển khai gồm:** .....

(Mô tả các biện pháp kỹ thuật dự kiến triển khai theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP cần thể hiện rõ các nội dung sau:

a) Thuyết minh về giải pháp kỹ thuật chống xâm nhập trái phép qua hệ thống mạng Internet.

b) Mô tả quy trình nghiệp vụ xử lý sự cố về an toàn, an ninh thông tin;

c) Mô tả quy trình nghiệp vụ để xác định việc can thiệp làm thay đổi nội dung xuất bản phẩm điện tử;

d) Mô tả việc đáp ứng điều kiện về giải pháp kỹ thuật kiểm soát bản quyền số trong hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT)

**7. Tên miền Internet Việt Nam dự kiến để xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử: .....**

(Mô tả tên miền Internet Việt Nam theo quy định tại Khoản 4 Điều 17 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP dự kiến để xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử cần thể hiện rõ nội dung sau đây:

a) Nhà xuất bản thực hiện xuất bản; tổ chức, cá nhân thực hiện phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet có sử dụng ít nhất 01 tên miền “.vn” và lưu giữ thông tin tại hệ thống máy chủ có địa chỉ IP ở Việt Nam;

b) Nhà xuất bản thực hiện xuất bản; tổ chức, cá nhân thực hiện phát hành xuất bản phẩm điện tử đứng tên là chủ thể đăng ký sử dụng tên miền;

c) Tên miền “.vn ” trong đề án còn hạn sử dụng ít nhất 06 tháng.

Trường hợp không thực hiện xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử trên mạng Internet thì không phải mô tả điều kiện có máy chủ đặt tại Việt Nam, máy tính và các thiết bị khác để phục vụ mục đích xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP; không phải mô tả điều kiện về việc có đường truyền kết nối Internet quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP; không phải mô tả điều kiện về việc có tên miền Internet quy định tại Điểm c Khoản 1, Điểm c Khoản 2 Điều 45 Luật Xuất bản và Khoản 4 Điều 17 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP).

**8. Chủ đề, đề tài của xuất bản phẩm điện tử chủ yếu dự kiến xuất bản, phát hành: ....**

**9. Các thông tin khác (nếu có):.....**

....., ngày..... tháng..... năm .....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

## **15. Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Cơ quan, tổ chức chuẩn bị hồ sơ theo quy định của Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP gửi đến Cục Xuất bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Xuất bản, In và Phát hành phải cấp Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (Mẫu số 17 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT);

(2) Bản sao một trong các loại giấy: chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập cơ sở in còn hiệu lực tính đến thời điểm nộp đơn;

(3) Tài liệu chứng minh về người đứng đầu cơ sở in, có mặt bằng sản xuất và thiết bị để thực hiện một trong các công đoạn chế bản in, in và gia công sau in xuất bản phẩm:

+ Đối với người đứng đầu cơ sở in xuất bản phẩm: Là người đại diện theo pháp luật được ghi tại một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư, quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền;

+ Đối với tài liệu chứng minh về mặt bằng sản xuất: Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng hay các loại giấy tờ khác chứng minh về việc giao đất, thuê đất, thuê mặt bằng, nhà xưởng để sản xuất;

+ Đối với tài liệu chứng minh về thiết bị: Phải là bản sao giấy tờ sở hữu hoặc thuê mua thiết bị; trường hợp chưa có thiết bị, trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải kèm theo danh mục thiết bị dự kiến đầu tư.

Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, cơ sở in phải hoàn thành việc mua hoặc thuê mua đủ thiết bị theo danh mục dự kiến đầu tư, gửi bản sao chứng từ mua, thuê mua thiết bị cho cơ quan cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.

(4) Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in (Mẫu số 06 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT);

(5) Bản sao văn bằng do cơ sở đào tạo chuyên ngành in cấp hoặc bản sao giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in xuất bản phẩm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

(6) Bản sao giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh - trật tự do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**e) Đối tượng thực hiện TTHC:** Cơ sở in của cơ quan, tổ chức trung ương

**g) Cơ quan thực hiện TTHC:** Cục Xuất bản, In và Phát hành

**h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép hoạt động in

**i) Phí, lệ phí:** Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in (Mẫu số 17); Sơ yếu lý lịch (Mẫu số 06); (Các mẫu trên ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện:**

Cơ sở in được cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (bao gồm các công đoạn chế bản, in, gia công sau in) khi có đủ các điều kiện sau đây:

(1) Chủ sở hữu là tổ chức, cá nhân Việt Nam;

(2) Người đứng đầu cơ sở in phải là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có nghiệp vụ quản lý hoạt động in xuất bản phẩm và đáp ứng các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật;

(3) Có mặt bằng sản xuất, thiết bị để thực hiện một hoặc các công đoạn chế bản, in và gia công sau in xuất bản phẩm;

(4) Bảo đảm các điều kiện về an ninh, trật tự;

(5) Phù hợp với quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản và quy hoạch khác có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

**m) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;

- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11



năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;

- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

**TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../..... (nếu có)

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp giấy phép hoạt động in**Kính gửi: .....<sup>(1)</sup>

1. Tên đơn vị đề nghị cấp giấy phép:.....<sup>(2)</sup>
  2. Địa chỉ: .....
  3. Số điện thoại:..... Email: .....
  4. Mã số doanh nghiệp/hộ kinh doanh: .....
  5. Quyết định thành cơ sở in là đơn vị sự nghiệp công lập số .... ngày .... tháng ..... năm....., nơi cấp.....
- Đề nghị quý cơ quan xem xét cấp giấy phép hoạt động in với các thông tin sau:
- Tên cơ sở in: .....
  - Địa chỉ trụ sở chính: .....<sup>(3)</sup>
  - Điện thoại: .....Email:.....
  - Địa chỉ chi nhánh và xưởng sản xuất (nếu có): .....<sup>(4)</sup>
  - Điện thoại: .....Email:.....
  - Họ tên người đứng đầu cơ sở in.....
  - Căn cước công dân số....., cấp ngày... tháng ... năm ..., nơi cấp.....
  - Chức vụ: .....
  - Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in:.....<sup>(5)</sup>

<sup>(1)</sup> Ghi tên cơ quan cấp giấy phép.<sup>(2)</sup> Ghi tên cơ sở in đề nghị cấp phép. Trường hợp cơ sở in là đơn vị sự nghiệp công lập không có pháp nhân thì ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp.<sup>(3)</sup> Ghi theo địa chỉ trụ sở chính trên giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp công lập.<sup>(4)</sup> Ghi theo địa chỉ chi nhánh/xưởng sản xuất trên giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp để thực hiện chế bản, in, gia công sau in. Trường hợp có nhiều địa chỉ sản xuất (chi nhánh) thì ghi lần lượt, đầy đủ từng địa chỉ.<sup>(5)</sup> Ghi đầy đủ họ và tên, quốc tịch của toàn bộ cá nhân và tổ chức là đồng chủ sở hữu tính đến thời điểm nộp đơn (có thể lập thành danh mục kèm theo).<sup>(6)</sup> Ghi từng công đoạn chế bản, in, gia công sau in phù hợp với tính năng thiết bị in của cơ sở in.<sup>(7)</sup> Ghi rõ là kinh doanh hoặc không kinh doanh (phục vụ nội bộ).

6. Nội dung đề nghị cấp phép hoạt động: Chế bản/in/gia công sau in xuất bản phẩm<sup>(6)</sup>.

- Mục đích hoạt động .....<sup>(7)</sup>

7. Danh mục thiết bị in (*Chế bản, in, gia công sau in*)

Số TT	Tên thiết bị ( <i>Ghi tiếng Việt và theo công nghệ</i> )	Hãng sản xuất	Model	Số định danh thiết bị (Số máy)	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng (chiếc)	Chất lượng (Mới 100% hoặc đã qua sử dụng tại thời điểm đầu tư)	Tính năng sử dụng (chế bản, in, gia công sau in)	Số, ngày, tháng, năm của Hóa đơn mua thiết bị <sup>(8)</sup>

8. Tài liệu chứng minh về việc có mặt bằng sản xuất gồm: Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng hoặc các loại giấy tờ khác chứng minh về việc được giao đất, thuê đất, thuê mặt bằng, nhà xưởng số... ngày ... tháng ... năm ... nơi cấp.....

9. Kèm theo đơn này gồm các giấy tờ sau đây:

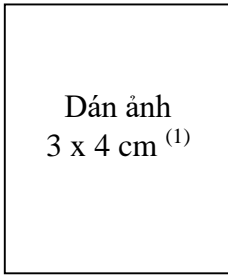
- Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in (bản chính);
- Bản sao một trong các loại giấy: chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập cơ sở in còn hiệu lực tính đến thời điểm nộp đơn;
- Bản sao văn bằng do cơ sở đào tạo chuyên ngành in cấp hoặc bản sao giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in xuất bản phẩm do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp;
- Bản sao giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh - trật tự.

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị cấp phép và cam kết chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hoạt động in xuất bản phẩm./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(*Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
chữ ký số của cơ quan, tổ chức*)

<sup>(6)</sup> Trường hợp thiết bị in nhập khẩu trong giai đoạn mà pháp luật không quy định phải có giấy phép khi nhập khẩu thì ghi năm nhập khẩu theo chứng từ hải quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khai năm nhập khẩu đó.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SƠ YẾU LÝ LỊCH (\*)**

*(Dùng cho người được dự kiến bổ nhiệm lãnh đạo nhà xuất bản/Người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề biên tập/Người đứng đầu cơ sở in/Người đứng đầu cơ sở kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm)*

1. Họ và tên:.....
2. Tên thường gọi.....
3. Căn cước công dân số ..., cấp ngày...tháng...năm..., nơi cấp.....
4. Địa chỉ liên hệ: ..... Điện thoại:.....
5. Ngày kết nạp vào Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh:...../...../.....
6. Ngày kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam:...../...../.....Ngày chính thức:...../...../.....
7. Tình trạng sức khỏe hiện nay: .....
8. Trình độ văn hóa: ..... Trình độ ngoại ngữ:.....
9. Trình độ chuyên môn (đại học, trên đại học): .....<sup>(2)</sup>
10. Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật xuất bản, nghiệp vụ biên tập/nghiệp vụ quản lý hoạt động in/nghiệp vụ phát hành xuất bản phẩm: Số.....ngày cấp:...../...../.....Nơi cấp:.....<sup>(3)</sup>
11. Chứng chỉ hành nghề biên tập số:.....ngày cấp:...../...../.....<sup>(4)</sup>
12. Nơi công tác:..... Chức vụ:.....<sup>(5)</sup>

**13. QUAN HỆ GIA ĐÌNH**

*(Gồm: Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột)*

Số TT	Họ và tên	Quan hệ	Năm sinh		Số căn cước công dân	Nghề nghiệp, làm gì, ở đâu?
			Nam	Nữ		
1						
2						
3						
...						

#### 14. QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN THÂN <sup>(6)</sup>

Từ tháng năm đến tháng năm	Làm công tác gì?	Ở đâu?	Ghi chú

#### 15. KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Khen thưởng: .....

.....

Kỷ luật: .....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước những lời khai trên.

**Xác nhận của địa phương hoặc  
cơ quan, đơn vị công tác**  
(Chữ ký của người có thẩm quyền,  
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

....., ngày ..... tháng ... năm .....  
**Người khai**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người khai Sơ yếu lý lịch có trách nhiệm khai đầy đủ vào nội dung các mục trong Sơ yếu lý lịch và chịu trách nhiệm về những lời khai của mình;

<sup>(\*)</sup> Đối với Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in, cơ sở kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm không bắt buộc phải khai các mục 5, 6, 11.

- (1) Dán ảnh (3cm x 4cm) và có đóng dấu giáp lai của cơ quan xác nhận;
- (2) Ghi chính xác trình độ chuyên môn: cử nhân, thạc sỹ, tiến sỹ và chuyên ngành đào tạo;
- (3) Tùy người khai thuộc đối tượng nào thì ghi chính xác một trong ba loại giấy chứng nhận quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 20, Điểm đ Khoản 2 Điều 32, Điểm b Khoản 3 Điều 38 Luật Xuất bản;
- (4) Đối với trường hợp bổ nhiệm tổng biên tập nhà xuất bản và cấp chứng chỉ hành nghề biên tập;
- (5) Khai chính xác lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ và chức danh tại cơ quan, tổ chức;
- (6) Khai đầy đủ quá trình hoạt động của bản thân từ khi học đại học.

## **16. Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm**

### ***a) Trình tự thực hiện:***

- Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm bị mất hoặc bị hư hỏng, cơ sở in phải có hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép gửi đến Cục Xuất bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Xuất bản, In và Phát hành phải cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm; trường hợp không cấp lại giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm theo Mẫu số 18 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT;

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

***d) Thời hạn giải quyết:*** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

***e) Đối tượng thực hiện TTHC:*** Cơ sở in của cơ quan, tổ chức ở trung ương

***g) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Cục Xuất bản, In và Phát hành

***h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:*** Giấy phép hoạt động in

***i) Phí, lệ phí:*** Không có

***k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Đơn đề nghị cấp đổi/cấp lại giấy phép hoạt động in (Mẫu số 18, Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

***l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không có

### ***m) Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;

- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản

TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../..... (nếu có)

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp đổi/cấp lại giấy phép hoạt động in**Kính gửi: .....<sup>(1)</sup>

1. Tên đơn vị đề nghị:.....<sup>(2)</sup>
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại:..... Email:.....
4. Mã số doanh nghiệp/hộ kinh doanh:.....
5. Quyết định thành lập đối với cơ sở in là đơn vị sự nghiệp công lập số .....ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....
6. Cơ sở in đã được cấp giấy phép hoạt động in số:.....ngày ...tháng ...năm .....do.....

Hiện nay, do đơn vị có sự thay đổi thông tin/làm mất/hỏng giấy phép hoạt động in. Lý do (thay đổi thông tin/mất/hỏng).....

Để đảm bảo cơ sở in hoạt động đúng quy định của pháp luật, đề nghị quý cơ quan xem xét cấp đổi/cấp lại giấy phép hoạt động in cho cơ sở in theo các thông tin thay đổi sau:

- Tên cơ sở in: .....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....<sup>(3)</sup>
- Điện thoại: ..... Email:.....
- Địa chỉ chi nhánh và xưởng sản xuất:.....<sup>(4)</sup>

<sup>(1)</sup>Ghi tên cơ quan cấp giấy phép.

<sup>(2)</sup>Ghi tên cơ sở in đề nghị cấp phép. Trường hợp cơ sở in là đơn vị sự nghiệp công lập không có pháp nhân thì ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp.

<sup>(3)</sup>Ghi theo địa chỉ trụ sở chính trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp.

<sup>(4)</sup>Ghi theo địa chỉ chi nhánh/xưởng sản xuất trên giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp để thực hiện chế bản, in, gia công sau in. Trường hợp có nhiều địa chỉ sản xuất (chi nhánh) thì ghi lần lượt, đầy đủ từng địa chỉ.

<sup>(5)</sup>Ghi đầy đủ họ và tên, quốc tịch của toàn bộ cá nhân và tổ chức là đồng chủ sở hữu tính đến thời điểm nộp đơn (có thể lập thành danh mục kèm theo).

- Điện thoại: ..... Email:.....
- Họ tên người đứng đầu cơ sở in: .....
- Căn cước công dân số:..... cấp ngày ..... tháng.....năm.... nơi cấp.....
- Chức vụ: .....
- Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in:..... (5)
- Nội dung hoạt động chế bản/in/gia công sau in đề nghị được cấp phép:.(6)
- Mục đích hoạt động .....(7)
- 7. Thay đổi về thiết bị in (nếu có)..... (8)
- 8. Thay đổi về địa điểm, mặt bằng sản xuất (nếu có)..... (9)

Đơn vị gửi kèm theo đơn này các tài liệu liên quan đến thay đổi thông tin/mất/ hỏng giấy phép hoạt động in theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị cấp phép và cam kết chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hoạt động in xuất bản phẩm./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(*Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
chữ ký số của cơ quan, tổ chức*)

---

<sup>(6)</sup> Ghi từng công đoạn chế bản, in, gia công sau in phù hợp với tính năng thiết bị in của cơ sở in.

<sup>(7)</sup> Ghi rõ là kinh doanh hoặc không kinh doanh (phục vụ nội bộ).

<sup>(8)</sup> Nếu có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) về thiết bị so với lần cấp phép trước đó thì kê khai đầy đủ thông tin của thiết bị thay đổi: Tên, hãng sản xuất, model, số máy, nước sản xuất, năm sản xuất, chất lượng, tính năng sử dụng; số, ngày, tháng, năm hóa đơn mua, bán hàng và giấy phép nhập khẩu (nếu thiết bị nhập khẩu trong thời gian quy định phải có giấy phép. Trường hợp thiết bị in nhập khẩu trong giai đoạn mà pháp luật không quy định phải có giấy phép khi nhập khẩu thì ghi năm nhập khẩu theo chứng từ hải quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khai năm nhập khẩu đó.).

<sup>(9)</sup> Nếu có sự thay đổi về địa điểm, mặt bằng sản xuất so với lần cấp phép trước đó thì kê khai lại theo địa chỉ đăng ký thay đổi trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp công lập.



## **17. Thủ tục cấp đổi Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày cơ sở in có một trong các thay đổi về tên gọi, địa chỉ, thành lập chi nhánh, chia tách hoặc sáp nhập thì cơ sở in phải làm thủ tục đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, gửi hồ sơ đến Cục Xuất bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Khi có sự thay đổi về người đứng đầu, cơ sở in xuất bản phẩm phải thực hiện theo quy định tại Khoản 7 Điều 32 Luật Xuất bản; trong trường hợp cơ sở in xuất bản phẩm có văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, Cục Xuất bản, In và Phát hành có trách nhiệm cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Xuất bản, In và Phát hành phải cấp đổi giấy phép; trường hợp không cấp đổi giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm theo Mẫu số 18 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT;

(2) Trường hợp thay đổi địa chỉ của mặt bằng sản xuất, cơ sở in xuất bản phẩm gửi kèm bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng hoặc các loại giấy tờ khác chứng minh về việc giao đất, thuê đất, thuê mặt bằng.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**e) Đối tượng thực hiện TTHC:** Cơ sở in của cơ quan, tổ chức trung ương

**g) Cơ quan thực hiện TTHC:** Cục Xuất bản, In và Phát hành

**h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép hoạt động in

**i) Phí, lệ phí:** Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp đổi/cấp lại giấy phép hoạt động in (Mẫu số 18, Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

**l) Yêu cầu, điều kiện:** Không có

**m) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;

- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản

TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../..... (nếu có)

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp đổi/cấp lại giấy phép hoạt động in**

Kính gửi: .....<sup>(1)</sup>

1. Tên đơn vị đề nghị:.....<sup>(2)</sup>
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại:..... Email:.....
4. Mã số doanh nghiệp/hộ kinh doanh:.....
5. Quyết định thành lập đối với cơ sở in là đơn vị sự nghiệp công lập số .....ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....
6. Cơ sở in đã được cấp giấy phép hoạt động in số:.....ngày ... tháng ... năm .....do.....

Hiện nay, do đơn vị có sự thay đổi thông tin/làm mất/hỏng giấy phép hoạt động in. Lý do (thay đổi thông tin/mất/hỏng).....

Để đảm bảo cơ sở in hoạt động đúng quy định của pháp luật, đề nghị quý cơ quan xem xét cấp đổi/cấp lại giấy phép hoạt động in cho cơ sở in theo các thông tin thay đổi sau:

- Tên cơ sở in: .....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....<sup>(3)</sup>
- Điện thoại:..... Email:.....
- Địa chỉ chi nhánh và xưởng sản xuất:.....<sup>(4)</sup>

<sup>(1)</sup>Ghi tên cơ quan cấp giấy phép.

<sup>(2)</sup>Ghi tên cơ sở in đề nghị cấp phép. Trường hợp cơ sở in là đơn vị sự nghiệp công lập không có pháp nhân thì ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp.

<sup>(3)</sup>Ghi theo địa chỉ trụ sở chính trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp.

<sup>(4)</sup>Ghi theo địa chỉ chi nhánh/xưởng sản xuất trên giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp để thực hiện chế bản, in, gia công sau in. Trường hợp có nhiều địa chỉ sản xuất (chi nhánh) thì ghi lần lượt, đầy đủ từng địa chỉ.

<sup>(5)</sup>Ghi đầy đủ họ và tên, quốc tịch của toàn bộ cá nhân và tổ chức là đồng chủ sở hữu tính đến thời điểm nộp đơn (có thể lập thành danh mục kèm theo).

- Điện thoại: ..... Email:.....
- Họ tên người đứng đầu cơ sở in: .....
- Căn cước công dân số:..... cấp ngày ..... tháng.....năm.... nơi cấp.....
- Chức vụ: .....
- Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in:..... (5)
- Nội dung hoạt động chế bản/in/gia công sau in đề nghị được cấp phép:.(6)
- Mục đích hoạt động .....(7)
- 7. Thay đổi về thiết bị in (nếu có)..... (8)
- 8. Thay đổi về địa điểm, mặt bằng sản xuất (nếu có)..... (9)

Đơn vị gửi kèm theo đơn này các tài liệu liên quan đến thay đổi thông tin/mất/ hỏng giấy phép hoạt động in theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị cấp phép và cam kết chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hoạt động in xuất bản phẩm./.

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

<sup>(6)</sup> Ghi từng công đoạn chế bản, in, gia công sau in phù hợp với tính năng thiết bị in của cơ sở in.

<sup>(7)</sup> Ghi rõ là kinh doanh hoặc không kinh doanh (phục vụ nội bộ).

<sup>(8)</sup> Nếu có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) về thiết bị so với lần cấp phép trước đó thì kê khai đầy đủ thông tin của thiết bị thay đổi: Tên, hãng sản xuất, model, số máy, nước sản xuất, năm sản xuất, chất lượng, tính năng sử dụng; số, ngày, tháng, năm hóa đơn mua, bán hàng và giấy phép nhập khẩu (nếu thiết bị nhập khẩu trong thời gian quy định phải có giấy phép. Trường hợp thiết bị in nhập khẩu trong giai đoạn mà pháp luật không quy định phải có giấy phép khi nhập khẩu thì ghi năm nhập khẩu theo chứng từ hải quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khai năm nhập khẩu đó.).

<sup>(9)</sup> Nếu có sự thay đổi về địa điểm, mặt bằng sản xuất so với lần cấp phép trước đó thì kê khai lại theo địa chỉ đăng ký thay đổi trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp công lập.

## **18. Thủ tục cấp Giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Cơ sở in có giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm được in gia công xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài (trừ cơ sở in sự nghiệp in phục vụ nội bộ, không in kinh doanh).

- Trước khi thực hiện, cơ sở in phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài gửi Cục Xuất bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch);

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Xuất bản, In và Phát hành phải cấp giấy phép, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (Mẫu số 20, Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT);

(2) Hai bản mẫu xuất bản phẩm đặt in;

(3) Bản sao có chứng thực giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm;

(4) Bản sao có chứng thực hợp đồng in gia công xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài; trường hợp hợp đồng bằng tiếng nước ngoài thì phải kèm theo bản dịch tiếng Việt;

(5) Bản sao hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người đặt in hoặc giấy ủy quyền, giấy chứng minh nhân dân/căn cước công dân của người được ủy quyền đặt in.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**e) Đối tượng thực hiện TTHC:** Cơ sở in

**g) Cơ quan thực hiện TTHC:** Cục Xuất bản, In và Phát hành

**h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài

**i) Phí, lệ phí:** Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (Mẫu số 20, Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

**l) Yêu cầu, điều kiện:** Không có

**m) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;

- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

**TÊN CƠ SỞ IN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: ...../..... (nếu có)

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài**

Kính gửi: .....<sup>(1)</sup>

1. Tên cơ sở

in: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Giấy phép hoạt động in số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... do ..... cấp.

Đề nghị được cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài với các thông tin sau:

STT	Tên xuất bản phẩm	Khuôn khổ (mm)	Số trang/bản thành phẩm	Số lượng thành phẩm (bản)	Tóm tắt nội dung
1.					
2.					
...					

2. Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài có sản phẩm đặt in: .....

Địa chỉ: .....

Do ông (bà): ..... làm đại diện.

Số hộ chiếu: ..... cấp ngày... tháng... năm... tại.....

3. Cửa khẩu xuất khẩu: .....

4. Hồ sơ kèm theo đơn gồm:.....<sup>(2)</sup>

Đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành/Sở xem xét cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm trên cho chúng tôi. Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện các quy định của pháp luật về in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

<sup>(1)</sup> Ghi tên cơ quan cấp giấy phép.

<sup>(2)</sup> Liệt kê hồ sơ kèm theo đơn quy định tại Khoản 3 Điều 34 Luật Xuất bản 2012.

## 19. Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động in

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Trước khi hoạt động, cơ sở in thuộc các bộ, cơ quan, tổ chức ở Trung ương và cơ sở in thuộc các tổ chức doanh nghiệp do Nhà nước là chủ sở hữu thực hiện chế bản, in, gia công sau in các sản phẩm quy định tại điểm a và điểm c khoản 4 Điều 2 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP (gồm: Báo, tạp chí và các ấn phẩm báo chí khác theo quy định của pháp luật về báo chí; tem chống hàng giả) phải có hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động in gửi đến Cục Xuất bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Xuất bản, In và Phát hành phải cấp giấy phép trong đó ghi rõ nội dung hoạt động in phù hợp với thiết bị của cơ sở in và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động in; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in (Mẫu số 01, Phụ lục kèm theo Nghị định số 72/2022/NĐ-CP);

(2) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký thuế, quyết định thành lập cơ sở in đối với cơ sở in sự nghiệp công lập.

(3) Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in theo mẫu quy định (Mẫu số 03, Phụ lục kèm theo Nghị định số 72/2022/NĐ-CP);

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**e) Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức

**g) Cơ quan thực hiện TTHC:** Cục Xuất bản, In và Phát hành

**h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép hoạt động in

**i) Phí, lệ phí:** Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in (Mẫu số 01); Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in (Mẫu số 03); (Các mẫu trên ban hành tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ).

### **l) Yêu cầu, điều kiện:**

Điều kiện hoạt động của cơ sở in:



(1) Có thiết bị phù hợp để thực hiện một hoặc nhiều công đoạn chế bản, in, gia công sau in theo nhu cầu, khả năng hoạt động của cơ sở in và đúng với nội dung đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in;

(2) Có mặt bằng hợp pháp để thực hiện chế bản, in, gia công sau in;

(3) Có chủ sở hữu là tổ chức (cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có chủ sở hữu là công dân Việt Nam) hoặc cá nhân là công dân Việt Nam; có người đứng đầu là công dân Việt Nam, thường trú hợp pháp tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

***m) Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/2/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

**TÊN ĐƠN VỊ  
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../ ..... (nếu có)

....., ngày ... tháng ... năm ....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
Cấp giấy phép hoạt động in**

Kính gửi: .....<sup>1</sup>

1. Tên đơn vị đề nghị cấp phép: .....<sup>2</sup>
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại: ..... Email: .....
4. Mã số doanh nghiệp: .....
5. Quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp công lập số .....  
ngày ..... tháng .... năm ..... , nơi cấp .....<sup>3</sup>
6. Thông tin cơ sở in đề nghị cấp phép  
Để đảm bảo cơ sở in hoạt động đúng pháp luật, đơn vị làm đơn này đề nghị  
quý cơ quan xem xét cấp giấy phép hoạt động in với các thông tin sau:
  - Tên cơ sở in/chi nhánh: .....
  - Địa chỉ trụ sở chính: .....
  - Điện thoại: ..... Email: .....
  - Địa chỉ chi nhánh (nếu có): .....
  - Điện thoại:..... Email: .....
  - Họ tên người đứng đầu cơ sở in/chi nhánh: ..... Căn cước công dân:  
Số ... ngày..... tháng ... năm ... nơi cấp ..... hoặc số định danh cá nhân:.....
  - Chức vụ: .....
  - Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in (nếu có): .....
  - Nội dung đề nghị được cấp phép hoạt động chế bản/in/gia công sau  
in: .....<sup>4</sup>

- Mục đích hoạt động:.....<sup>5</sup>

7. Danh mục thiết bị in (*Chế bản, in, gia công sau in*)

STT	Tên thiết bị ( <i>Ghi tiếng Việt và theo công nghệ</i> )	Hãng sản xuất	Model	Số định danh thiết bị ( <i>Số máy</i> )	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng ( <i>chiếc</i> )	Chất lượng ( <i>Mới 100% hoặc đã qua sử dụng tại thời điểm đầu tư</i> )	Tính năng sử dụng ( <i>chế bản, in, gia công sau in</i> )	Số, ngày, tháng, năm của Hóa đơn mua thiết bị

8. Số, ngày, tháng, năm, nơi cấp giấy tờ về địa điểm, mặt bằng sản xuất:

.....<sup>6</sup>

Cơ sở in xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị cấp phép và cam kết chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hoạt động in./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan cấp giấy phép.

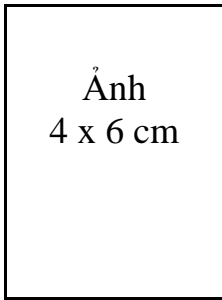
<sup>2</sup> Ghi tên cơ sở in đề nghị cấp phép. Trường hợp cơ sở in không có pháp nhân thì ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp.

<sup>3</sup> Chỉ ghi số, ngày, tháng, năm, nơi cấp của quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp công lập.

<sup>4</sup> Ghi tên từng loại sản phẩm in đề nghị cấp giấy phép (Ví dụ: Báo, tạp chí và các ấn phẩm báo chí khác; tem chống giả...).

<sup>5</sup> Ghi rõ là kinh doanh hoặc không kinh doanh (phục vụ nội bộ).

<sup>6</sup> Ghi số, ngày, tháng, năm, nơi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng hoặc các loại giấy tờ khác chứng minh về việc được giao đất, thuê đất, thuê mặt bằng, nhà xưởng ...



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**  
**(của người đứng đầu cơ sở in)**

1. Họ và tên ..... Bí danh: .....
  2. Ngày, tháng, năm sinh: ..... Nam, nữ: .....
  3. Quê quán: .....
  4. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....
  5. Nơi đăng ký tạm trú hiện nay (nếu có): .....
  6. Căn cước công dân: Số ..... ngày..... tháng ..... năm ... nơi cấp hoặc số định danh cá nhân: .....
  7. Dân tộc: ..... Tôn giáo: ..... Quốc tịch: .....
  8. Tình trạng sức khỏe hiện nay: .....
  9. Trình độ văn hóa: ..... Trình độ chuyên môn: .....
  10. Trình độ chính trị: .....
  11. Chức vụ trong cơ sở in: .....
  12. Tên cơ sở in/chi nhánh: .....
  13. Ngành, nghề kinh doanh về in: .....
- QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN THÂN**

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Làm công tác gì, cơ quan nào, chức vụ?	Địa chỉ ở đâu?

Tôi cam đoan những nội dung khai trong bản lý lịch này là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN/ĐƠN VỊ**

<sup>1</sup>

....., ngày .... tháng ..... năm ...

**Người khai ký tên**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

<sup>1</sup> Dành cho cơ sở in sự nghiệp công lập.

## **20. Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động in**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Cơ sở in phải có hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động in trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày giấy phép hoạt động in bị mất, bị hư hỏng gửi tới Cục Xuất bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Trường hợp có một trong các thay đổi về: Tên gọi của cơ sở in; địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh của cơ sở in; loại hình tổ chức hoạt động của cơ sở in; thành lập hoặc giải thể chi nhánh của cơ sở in và người đứng đầu cơ sở in mà cơ sở in đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động in.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép theo quy định, Cục Xuất bản, In và Phát hành phải cấp lại giấy phép; trường hợp không cấp lại giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động in (Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Nghị định số 72/2022/NĐ-CP);

(2) Các giấy tờ chứng minh sự thay đổi trong các trường hợp thay đổi về: Tên gọi của cơ sở in; địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh của cơ sở in; loại hình tổ chức hoạt động của cơ sở in; thành lập hoặc giải thể chi nhánh của cơ sở in và người đứng đầu cơ sở in;

(3) Giấy phép hoạt động in (trường hợp giấy phép bị hư hỏng).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**e) Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức

### **g) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Xuất bản, In và Phát hành

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý In và Phát hành xuất bản phẩm, Cục Xuất bản, In và Phát hành.

**h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép hoạt động in

**i) Phí, lệ phí:** Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động in (Mẫu số 02 ban hành tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ).

**l) Yêu cầu, điều kiện:** Không có

**m) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/2/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

**TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ  
CẤP LẠI GIẤY PHÉP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../ ..... (nếu có)

....., ngày ... tháng ... năm ....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
Cấp lại giấy phép hoạt động in**Kính gửi: .....<sup>1</sup>

1. Tên đơn vị đề nghị: .....<sup>2</sup>
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại: ..... Email: .....
4. Mã số doanh nghiệp: .....
5. Quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp công lập số ..... ngày ..... tháng ..... năm ....., nơi cấp .....<sup>3</sup>
6. Cơ sở in đã được cấp giấy phép hoạt động in số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....

Hiện nay, do đơn vị có sự thay đổi thông tin (làm mất, hỏng...) giấy phép hoạt động in, để đảm bảo cơ sở in hoạt động đúng quy định của pháp luật, đơn vị làm đơn này đề nghị quý cơ quan xem xét cấp lại giấy phép hoạt động in cho cơ sở in theo các thông tin sau:

- Tên cơ sở in/chi nhánh: .....
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Điện thoại: ..... Email: .....
- Địa chỉ chi nhánh (nếu có): .....
- Điện thoại:..... Email: .....
- Họ tên người đứng đầu cơ sở in/chi nhánh: ..... Căn cước công dân: Số ... ngày..... tháng ... năm ..... nơi cấp hoặc số định danh cá nhân: .....
- Chức vụ: .....
- Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in (nếu có): .....
- Nội dung đề nghị được cấp phép hoạt động chế bản/in/gia công sau in: .....<sup>4</sup>
- Mục đích hoạt động:.....<sup>5</sup>

Đơn vị gửi kèm theo đơn này các tài liệu liên quan đến thay đổi thông tin giấy phép hoạt động in theo quy định của pháp luật./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan cấp giấy phép.

<sup>2</sup> Ghi tên cơ sở in đề nghị cấp phép. Trường hợp cơ sở in không có pháp nhân thì ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp.

<sup>3</sup> Chỉ ghi số, ngày, tháng, năm, nơi cấp của quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp công lập.

<sup>4</sup> Ghi tên từng loại sản phẩm in đề nghị cấp giấy phép (Ví dụ: Báo, tạp chí và các ấn phẩm báo chí khác; tem chống giả...).

<sup>5</sup> Ghi rõ là kinh doanh hoặc không kinh doanh (phục vụ nội bộ).

## **21. Thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động in**

### ***a) Trình tự thực hiện:***

- Trước khi hoạt động, Cơ sở in thuộc các bộ, tổ chức trung ương và cơ sở in thuộc các tổ chức doanh nghiệp do Nhà nước là chủ sở hữu thực hiện chế bản, in, gia công sau in sản phẩm không thuộc đối tượng phải có giấy phép hoạt động in thì phải gửi hồ sơ đăng ký hoạt động in tới Cục Xuất bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hoạt động của cơ sở in, Cục Xuất bản, In và Phát hành có trách nhiệm xác nhận đăng ký và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động in; trường hợp không xác nhận đăng ký phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in (Mẫu số 08 Phụ lục kèm theo Nghị định số 72/2022/NĐ-CP).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

***d) Thời hạn giải quyết:*** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

***e) Đối tượng thực hiện TTHC:*** Tổ chức

***g) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Cục Xuất bản, In và Phát hành

***h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:*** Giấy xác nhận đăng ký hoạt động in.

***i) Phí, lệ phí:*** Không có

***k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in (Mẫu số 08 ban hành tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ).

### ***l) Yêu cầu, điều kiện:***

Đối với cơ sở in thực hiện chế bản, in, gia công sau in các sản phẩm gồm: Mẫu, biểu mẫu giấy tờ do cơ quan nhà nước ban hành; hóa đơn tài chính, các loại thẻ, giấy tờ có sẵn mệnh giá hoặc dùng để ghi mệnh giá (không bao gồm tiền) phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

(1) Có thiết bị phù hợp để thực hiện một hoặc nhiều công đoạn chế bản, in, gia công sau in theo nhu cầu, khả năng hoạt động của cơ sở in và đúng với tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in;

(2) Có mặt bằng hợp pháp để thực hiện chế bản, in, gia công sau in;

(3) Có chủ sở hữu là tổ chức (cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề



nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có chủ sở hữu là công dân Việt Nam) hoặc cá nhân là công dân Việt Nam; có người đứng đầu là công dân Việt Nam, thường trú hợp pháp tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

***m) Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/2/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;



- Số, ngày, tháng, năm, nơi cấp giấy tờ về địa điểm, mặt bằng sản xuất:

.....<sup>4</sup>

Chúng tôi cam kết tính chính xác nội dung đăng ký trên đây và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hoạt động in./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

---

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan xác nhận đăng ký.

<sup>2</sup> Ghi tên từng loại sản phẩm in đăng ký (Ví dụ: Bao bì, nhãn hàng hóa...).

<sup>3</sup> Ghi rõ là kinh doanh hoặc không kinh doanh (phục vụ nội bộ).

<sup>4</sup> Ghi số, ngày, tháng, năm, nơi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng hoặc các loại giấy tờ khác chứng minh về việc được giao đất, thuê đất, thuê mặt bằng, nhà xưởng.

## **22. Thủ tục xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in**

### ***a) Trình tự thực hiện:***

- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày có một trong các thay đổi về thông tin đã được xác nhận, cơ sở in phải gửi hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in theo quy định đến Cục Xuất bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) để cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động in.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký hoạt động của cơ sở in, Cục Xuất bản, In và Phát hành có trách nhiệm xác nhận đăng ký và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động in để quản lý; trường hợp không xác nhận đăng ký phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ khai thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in (Mẫu số 09 Phụ lục kèm theo Nghị định số 72/2022/NĐ-CP).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

***d) Thời hạn giải quyết:*** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

***e) Đối tượng thực hiện TTHC:*** Tổ chức

***g) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Cục Xuất bản, In và Phát hành

***h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:*** Giấy xác nhận đăng ký hoạt động in.

***i) Phí, lệ phí:*** Không có

***k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Tờ khai thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (Mẫu số 09 ban hành tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ).

***l) Yêu cầu, điều kiện:*** Không có

### ***m) Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/2/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.



## II. NỘI DUNG THÔNG TIN THAY ĐỔI (KHAI BÁO LẠI)<sup>3</sup>

- Tên cơ sở in/chi nhánh: .....
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Điện thoại:..... Email: .....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc mã số doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp số ..... ngày .... tháng ..... nơi cấp .....
- .....
- Địa chỉ chi nhánh (nếu có): .....
- Điện thoại: .....
- Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số ..... ngày .... tháng ... năm ..... nơi cấp ..... hoặc số định danh cá nhân: .....
- Chức vụ: .....
- Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in (nếu có): .....
- Nội dung đăng ký hoạt động chế bản/in/gia công sau in: .....
- Mục đích hoạt động: .....
- Danh mục thiết bị in (Chế bản, in, gia công sau in)

STT	Tên thiết bị (Ghi tiếng Việt và theo công nghệ)	Hãng sản xuất	Model	Số định danh thiết bị (Số máy)	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng (chiếc)	Chất lượng (Mới 100% hoặc đã qua sử dụng tại thời điểm đầu tư)	Tính năng sử dụng (chế bản, in, gia công sau in)	Số, ngày, tháng, năm của Hóa đơn mua thiết bị

Cơ sở in cam kết tính chính xác nội dung đăng ký trên đây và chấp hành đúng quy định của pháp luật về hoạt động in./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan xác nhận đăng ký.

<sup>2</sup> Ghi theo nội dung đã đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

<sup>3</sup> Ghi nội dung thông tin thay đổi so với lần đăng ký trước.

## **23. Thủ tục khai báo nhập khẩu thiết bị in**

### ***a) Trình tự thực hiện:***

- Trước khi nhập khẩu thiết bị in (trừ máy in phun, máy in laser đơn màu hoặc đa màu có tốc độ in từ 60 tờ/phút (khổ A4) trở xuống hoặc có khổ in từ A3 trở xuống và máy in kim), tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ khai báo nhập khẩu thiết bị in đến Cục Xuất bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Xuất bản, In và Phát hành phải cấp giấy xác nhận khai báo nhập khẩu thiết bị in; trường hợp không cấp giấy xác nhận khai báo nhập khẩu thiết bị in phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Nộp trực tuyến qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ khai nhập khẩu thiết bị in (Mẫu số 04 Phụ lục kèm theo Nghị định số 72/2022/NĐ-CP);

(2) Tài liệu thể hiện thông số kỹ thuật và công nghệ chế bản, in và gia công sau in của từng loại thiết bị.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

***d) Thời hạn giải quyết:*** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

***e) Đối tượng thực hiện TTHC:*** Tổ chức, cá nhân.

***g) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Cục Xuất bản, In và Phát hành

***h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:*** Giấy xác nhận khai báo nhập khẩu thiết bị in.

***i) Phí, lệ phí:*** Không có

***k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Tờ khai đăng ký nhập khẩu thiết bị in (Mẫu số 04 ban hành tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ).

### ***l) Yêu cầu, điều kiện:***

Thiết bị in khi nhập khẩu phải đáp ứng tiêu chí sau:

(1) Đối với máy chế bản ghi phim, ghi kẽm, tạo khuôn in trong hoạt động in (thuộc mã HS 84.42), tuổi thiết bị in quy định không vượt quá 10 năm.

(2) Đối với máy in sử dụng một trong các công nghệ: Kỹ thuật số, ốp-xét (offset), flexo, ống đồng, letterpress, máy in lưới (lụa) (thuộc mã HS 84.43); Máy

gia công sau in (hoạt động bằng điện, thuộc mã HS 84.40, mã HS 84.41), tuổi thiết bị in quy định không vượt quá 20 năm.

(3) Đối với máy photocopy đa màu; máy in có chức năng photocopy đa màu đơn chức năng hoặc đa chức năng (thuộc mã HS 84.43), tuổi thiết bị in quy định không vượt quá 03 năm.

***m) Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/2/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

- Thông tư số 11/2024/TT-BTTTT ngày 23/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều, khoản của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, Thông tư số 05/2016/TT-BTTTT ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng mã số sách tiêu chuẩn quốc tế, Thông tư số 22/2018/TT-BTTTT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu trong lĩnh vực in, phát hành xuất bản phẩm và Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục sản phẩm phần mềm và phần cứng, điện tử (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2021/TT-BTTTT ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).



**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**KHAI BÁO NHẬP KHẨU** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../ ..... (nếu có)

....., ngày ... tháng ... năm ....

**TỜ KHAI**  
**Nhập khẩu thiết bị in <sup>1</sup>**

Kính gửi:..... <sup>2</sup>

1. Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu: .....
- Địa chỉ: .....
- Số điện thoại:..... Email: .....
- Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số ... ngày..... tháng ... năm ..... nơi cấp ..... hoặc số định danh cá nhân: ..... <sup>3</sup>
2. Thông tin thiết bị nhập khẩu:
- Tên máy (Tiếng Việt): ..... Tiếng Anh (nếu có): .....
- Tên hãng: .....
- Model: .....
- Số định danh máy (số máy): ..... <sup>4</sup>
- Nước sản xuất: ..... Năm sản xuất: .....
- Số lượng: .....
- Chất lượng: ..... <sup>5</sup>
- Đặc tính kỹ thuật, công nghệ sử dụng: ..... <sup>6</sup>
- Khuôn khổ bản in hoặc bản photo lớn nhất: .....
- Tốc độ in hoặc photo lớn nhất: .....
- Giá trị thiết bị (đơn vị tính: đồng Việt Nam): .....
3. Mục đích nhập khẩu:..... <sup>7</sup>
4. Địa chỉ đặt máy lần đầu: ..... <sup>8</sup>

Đơn vị (tôi) cam kết khai báo thông tin thiết bị in nhập khẩu trên đây là đúng sự thật, nếu sai xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên nếu là tổ chức  
 hoặc ký, ghi rõ họ tên nếu là cá nhân)*

**Ghi chú:** Mẫu Tờ khai này dùng để xây dựng trên Cổng Thông tin một cửa quốc gia và được dùng để khai bằng bản giấy khi hệ thống Cổng Thông tin một cửa quốc gia có sự cố.

<sup>1</sup> Bao gồm cả máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu (đa chức năng).

<sup>2</sup> Ghi tên cơ quan nhận tờ khai.

<sup>3</sup> Nội dung này chỉ ghi khi đối tượng nhập khẩu là cá nhân.

<sup>4</sup> Ghi từng số định danh của mỗi máy (mỗi máy có một số riêng, không trùng nhau).

<sup>5</sup> Mới 100% hoặc đã qua sử dụng.

<sup>6</sup> Ghi công nghệ chế bản/in/gia công sau in (Ví dụ: ghi kẽm, in offset, flexo, ống đồng, laser, phun...).

<sup>7</sup> Ghi phục vụ sản xuất của công ty hoặc kinh doanh (để bán) hoặc phục vụ công việc nội bộ của tổ chức hoặc phục vụ học tập, nghiên cứu của cá nhân.

<sup>8</sup> Ghi rõ: tên và địa chỉ công ty, chi nhánh, kho hàng... nơi đặt thiết bị.

## **24. Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh**

### ***a) Trình tự thực hiện:***

- Cơ quan, tổ chức trung ương; tổ chức nước ngoài có trụ sở tại thành phố Hà Nội gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh đến Cục Xuất bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Xuất bản, In và Phát hành phải cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng Thông tin một cửa Quốc gia (Trong trường hợp hệ thống trên gặp sự cố, nộp qua Công dịch vụ công quốc gia hoặc Công dịch vụ công Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hoặc qua đường bưu điện đến Cục Xuất bản, In và Phát hành.

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh (Mẫu số 29 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT);

(2) Danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh (Mẫu số 30 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

***d) Thời hạn giải quyết:*** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

***e) Đối tượng thực hiện TTHC:*** Cơ quan/Tổ chức ở Trung ương/Tổ chức nước ngoài

***g) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Cục Xuất bản, In và Phát hành

***h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:*** Giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh

***i) Phí, lệ phí:*** 50.000 đồng/hồ sơ (Theo quy định tại Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

***k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh (Mẫu số 29); Danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh (Mẫu số 30). (Các mẫu trên ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

***l) Yêu cầu, điều kiện:*** Không có

### ***m) Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh và lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh;

- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;

- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)  
TÊN TC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Số:...../..... (nếu có)

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh**

Kính gửi: .....<sup>(1)</sup>

- Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép: .....
- Trụ sở (địa chỉ): ..... Số điện thoại: .....
- Căn cứ vào nhu cầu sử dụng xuất bản phẩm nước ngoài, .....

(ghi tên tổ chức, cá nhân) đề nghị được cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm, gồm:

1. Tổng số tên xuất bản phẩm: .....
2. Tổng số bản: .....
3. Tổng số băng, đĩa, cassette: .....
4. Từ nước (xuất xứ): .....
5. Tên nhà cung cấp/Nhà xuất bản: .....

6. Cửa khẩu nhập: .....

Kèm theo đơn này là 03 bản danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu (Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến thủ tục này trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì gửi kèm theo file danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu trên Cổng thông tin một cửa quốc gia).

Tổ chức/cá nhân...xin cam kết thực hiện đúng các quy định của Luật Xuất bản, Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành, Sở .....xem xét, cấp giấy phép./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

(1) Ghi tên cơ quan tiếp nhận đơn như sau:

- Đối với cơ quan, tổ chức ở Trung ương, tổ chức nước ngoài có trụ sở tại thành phố Hà Nội đứng tên trên đơn đề nghị thì ghi Cục Xuất bản, In và Phát hành hoặc Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội;
- Đối với cơ quan, tổ chức khác và cá nhân Việt Nam, cá nhân nước ngoài đứng tên trên đơn đề nghị thì ghi Sở nơi đặt trụ sở hoặc nơi có cửa khẩu mà xuất bản phẩm được nhập khẩu.

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)  
TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm .....

**DANH MỤC XUẤT BẢN PHẨM NHẬP KHẨU KHÔNG KINH DOANH**

(Kèm theo Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh, ngày..... tháng..... năm.....)

**I- PHÂN GHI CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU**

STT	Mã ISBN	Tên gốc của XBP	Tên xuất bản phẩm bằng tiếng Việt	Tác giả	Nhà xuất bản	Thể loại	Số bản	Tóm tắt nội dung	Có kèm theo			Phạm vi sử dụng	Hình thức khác của xuất bản phẩm	
									Đĩa	Băng, cassette	Hình thức khác			
<b>Nhà cung cấp:.....</b>														
1														
...														
<b>Nhà cung cấp:.....</b>														
1														
...														
			<b>Tổng cộng:</b>											

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  
TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

**II-PHÂN GHI CỦA CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU<sup>(1)</sup>**

Danh mục xuất bản phẩm trên đây được Cục Xuất bản, In và Phát hành/ Sở... cấp Giấy phép nhập khẩu số.../ ngày...tháng...năm...

---

*(1) Danh mục phải được Cục Xuất bản, In và Phát hành/Sở đóng dấu giáp lai với Giấy phép nhập khẩu. Nếu cơ sở nhập khẩu đăng ký Danh mục trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì không cần đóng dấu giáp lai của Cục Xuất bản, In và Phát hành/ Sở.*

## **25. Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Việc tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm tại Việt Nam của cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài phải được cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản cấp giấy phép.

- Cơ quan, tổ chức ở trung ương; cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm đến Cục Xuất bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Xuất bản, In và Phát hành phải cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức triển lãm/ hội chợ xuất bản phẩm (trong đó ghi rõ mục đích, thời gian, địa điểm và tên các đơn vị tham gia triển lãm, hội chợ) (Mẫu số 32 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT);

(2) Danh mục xuất bản phẩm để triển lãm, hội chợ theo mẫu quy định (Mẫu số 33 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT);

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**e) Đối tượng thực hiện TTHC:** Cơ quan/Tổ chức ở Trung ương; Cơ quan/tổ chức/Cá nhân nước ngoài.

**g) Cơ quan thực hiện TTHC:** Cục Xuất bản, In và Phát hành

**h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép tổ chức triển lãm/ hội chợ xuất bản phẩm

**i) Phí, lệ phí:** Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức triển lãm/hội chợ xuất bản phẩm (Mẫu số 32); Danh mục xuất bản phẩm để triển lãm/hội chợ (Mẫu số 33) (Các mẫu trên ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

**l) Yêu cầu, điều kiện:** Không có

**m) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;

- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.



TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)...  
TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../ ..... (nếu có)

....., ngày..... tháng..... năm.....

### **ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

#### **Cấp giấy phép tổ chức triển lãm/hội chợ xuất bản phẩm**

Kính gửi: .....<sup>(1)</sup>

Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:.....

Trụ sở (địa chỉ): ..... Số điện thoại: .....

Căn cứ quy định pháp luật hiện hành về tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm, đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành/ Sở xem xét, cấp giấy phép tổ chức triển lãm/hội chợ xuất bản phẩm với các thông tin sau đây:

- Mục đích triển lãm/hội chợ .....

.....

- Thời gian từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

- Tại địa điểm:.....

Kèm theo đơn này:

- Danh mục xuất bản phẩm để triển lãm/hội chợ;

- Danh sách các đơn vị tham gia.

*(Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến thủ tục này trên Cổng Dịch vụ công quốc gia thì gửi kèm file danh mục xuất bản phẩm để triển lãm, hội chợ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia).*

Tên tổ chức/cá nhân đề nghị .....cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật về triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm và các quy định pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
 CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**

*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ  
 ký số của cơ quan, tổ chức)*

<sup>(1)</sup> Ghi tên cơ quan tiếp nhận đơn như sau:

- Cơ quan, tổ chức ở Trung ương; cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi hồ sơ đến Cục Xuất bản, In và Phát hành - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc cư trú tại địa phương và chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức ở Trung ương đặt tại địa phương gửi hồ sơ đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao (nơi tổ chức triển lãm, hội chợ).

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)...  
 TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**DANH MỤC XUẤT BẢN PHẨM ĐỂ TRIỂN LÃM/HỘI CHỢ**

(Kèm theo Đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm, ngày.... tháng.... năm.....)

**I- PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

STT	Tên xuất bản phẩm	Tác giả	Nhà xuất bản	Số lượng (bản)	Thể loại	Tóm tắt nội dung	Có kèm theo			Hình thức khác của xuất bản phẩm
							Đĩa (CD, VCD)	Băng video	Băng cassette	
1										
2										
...										
	<b>Tổng cộng:</b>									

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  
 TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

**II - PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP**

Xuất bản phẩm trên đây được sử dụng để triển lãm, hội chợ theo Giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm số:...../.....ngày.....tháng..... năm..... Cục Xuất bản, In và Phát hành/Sở.....

## **26. Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Cơ sở hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm chuẩn bị hồ sơ theo quy định gửi đến Cục Xuất bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch);

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Xuất bản, In và Phát hành cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm (Mẫu số 22 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT);

(2) Bản sao có chứng thực một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật;

(3) Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm kèm theo bản sao có chứng thực văn bằng do cơ sở đào tạo chuyên ngành cấp hoặc giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ phát hành xuất bản phẩm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

(4) Danh sách nhân viên thẩm định nội dung sách đối với trường hợp kinh doanh nhập khẩu sách.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**e) Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức/Doanh nghiệp (doanh nghiệp Việt Nam)

**g) Cơ quan thực hiện TTHC:** Cục Xuất bản, In và Phát hành

**h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm

**i) Phí, lệ phí:** Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp/cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm (Mẫu số 22); Sơ yếu lý lịch (Mẫu số 06). (Các mẫu trên ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

### **l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Điều kiện cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm bao gồm:

(1) Có một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

(2) Người đứng đầu cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm phải thường trú tại Việt Nam, có văn bằng do cơ sở đào tạo chuyên ngành cấp hoặc giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ phát hành xuất bản phẩm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

(3) Có đội ngũ nhân viên đủ năng lực thẩm định nội dung sách trong trường hợp kinh doanh nhập khẩu sách.

(4) Văn bằng do cơ sở đào tạo chuyên ngành cấp cho người đứng đầu cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm phải là bằng tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành phát hành xuất bản phẩm.

Trường hợp người đứng đầu cơ sở hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành khác, phải có giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ phát hành xuất bản phẩm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

(5) Trường hợp kinh doanh nhập khẩu sách, cần phải có ít nhất năm nhân viên đủ năng lực thẩm định nội dung sách, cụ thể: Phải có thâm niên công tác trong hoạt động xuất bản ở Việt Nam từ 5 năm trở lên, có bằng tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành ngoại ngữ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành khác nhưng có trình độ ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu thẩm định nội dung sách nhập khẩu và có giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ phát hành xuất bản phẩm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

***m) Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;
- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;
- Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;
- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;
- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản

TÊN CƠ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÊN CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

### **ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

#### **Cấp/cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm**

Kính gửi: Cục Xuất bản, In và Phát hành

Tên cơ sở (doanh nghiệp) đề nghị cấp giấy phép: .....

Trụ sở: .....

Điện thoại:.....

E-mail:.....

Website(nếu có): .....

Mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan về hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm, doanh nghiệp chúng tôi đề nghị được cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm trực tiếp của nước ngoài.

Doanh nghiệp chúng tôi cam kết đảm bảo đầy đủ các điều kiện và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm sau khi được cấp giấy phép.

Kèm theo đơn này các tài liệu theo quy định.....<sup>(1)</sup>

Đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành xem xét, cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
 chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

<sup>(1)</sup> Căn cứ vào đề nghị cấp lần đầu hoặc cấp lại để gửi kèm theo các giấy tờ tương ứng cho phù hợp với quy định của Khoản 4 Điều 38 Luật Xuất bản, Điều 14 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP.

Dán ảnh  
3 x 4 cm <sup>(1)</sup>

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SƠ YẾU LÝ LỊCH <sup>(\*)</sup>**

*(Dùng cho người được dự kiến bổ nhiệm lãnh đạo nhà xuất bản/Người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề biên tập/Người đứng đầu cơ sở in/Người đứng đầu cơ sở kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm)*

1. Họ và tên:.....
2. Tên thường gọi.....
3. Căn cước công dân số ... ,cấp ngày...tháng...năm...,nơi cấp.....
4. Địa chỉ liên hệ:..... Điện thoại:.....
5. Ngày kết nạp vào Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh:...../...../.....
6. Ngày kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam:...../...../.....Ngày chính thức:...../...../.....
7. Tình trạng sức khỏe hiện nay: .....
8. Trình độ văn hóa:..... Trình độ ngoại ngữ:.....
9. Trình độ chuyên môn (đại học, trên đại học): .....
10. Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật xuất bản, nghiệp vụ biên tập/nghiệp vụ quản lý hoạt động in/nghiệp vụ phát hành xuất bản phẩm: Số.....ngày cấp:...../...../.....Nơi cấp:.....<sup>(3)</sup>
11. Chứng chỉ hành nghề biên tập số:.....ngày cấp:...../...../.....<sup>(4)</sup>
12. Nơi công tác:..... Chức vụ:.....<sup>(5)</sup>

**13. QUAN HỆ GIA ĐÌNH**

*(Gồm: Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột)*

Số TT	Họ và tên	Quan hệ	Năm sinh		Số căn cước công dân	Nghề nghiệp, làm gì, ở đâu?
			Nam	Nữ		
1						
2						
3						
...						
...						

### 14. QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN THÂN <sup>(6)</sup>

Từ tháng năm đến tháng năm	Làm công tác gì?	Ở đâu?	Ghi chú

### 15. KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Khen thưởng: .....

.....

Kỷ luật: .....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước những lời khai trên.

**Xác nhận của địa phương hoặc  
cơ quan, đơn vị công tác**  
(Chữ ký của người có thẩm quyền,  
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

....., ngày ..... tháng ... năm .....

**Người khai**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người khai Sơ yếu lý lịch có trách nhiệm khai đầy đủ vào nội dung các mục trong Sơ yếu lý lịch và chịu trách nhiệm về những lời khai của mình;

<sup>(\*)</sup>Đối với Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in, cơ sở kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm không bắt buộc phải khai các mục 5, 6, 11.

(1) Dán ảnh (3cm x 4cm) và có đóng dấu giáp lai của cơ quan xác nhận;

(2) Ghi chính xác trình độ chuyên môn: cử nhân, thạc sỹ, tiến sỹ và chuyên ngành đào tạo;

(3) Tùy người khai thuộc đối tượng nào thì ghi chính xác một trong ba loại giấy chứng nhận quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 20, Điểm đ Khoản 2 Điều 32, Điểm b Khoản 3 Điều 38 Luật Xuất bản;

(4) Đối với trường hợp bổ nhiệm tổng biên tập nhà xuất bản và cấp chứng chỉ hành nghề biên tập;

(5) Khai chính xác lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ và chức danh tại cơ quan, tổ chức;

(6) Khai đầy đủ quá trình hoạt động của bản thân từ khi học đại học.

## **27. Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Cơ sở hoạt động kinh doanh nhập khẩu chuẩn bị hồ sơ cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm gửi đến Cục Xuất bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) trong trường hợp giấy phép bị mất hoặc hư hỏng;

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Xuất bản, In và Phát hành cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; trường hợp không cấp lại giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm (Mẫu số 22 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT);

(2) Bản sao giấy phép đã được cấp (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**e) Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức/Doanh nghiệp (doanh nghiệp Việt Nam)

**g) Cơ quan thực hiện TTHC:** Cục Xuất bản, In và Phát hành

**h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm

**i) Phí, lệ phí:** Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp/cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm (Mẫu số 22, Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

**l) Yêu cầu, điều kiện:** Không có

### **m) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;

- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;



- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÊN CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

### **ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

#### **Cấp/cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm**

Kính gửi: Cục Xuất bản, In và Phát hành

Tên cơ sở (doanh nghiệp) đề nghị cấp giấy phép: .....

Trụ sở: .....

Điện thoại:.....

E-mail:.....

Website(nếu có): .....

Mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan về hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm, doanh nghiệp chúng tôi đề nghị được cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm trực tiếp của nước ngoài.

Doanh nghiệp chúng tôi cam kết đảm bảo đầy đủ các điều kiện và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm sau khi được cấp giấy phép.

Kèm theo đơn này các tài liệu theo quy định.....<sup>(1)</sup>

Đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành xem xét, cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
 chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

<sup>(1)</sup> Căn cứ vào đề nghị cấp lần đầu hoặc cấp lại để gửi kèm theo các giấy tờ tương ứng cho phù hợp với quy định của Khoản 4 Điều 38 Luật Xuất bản, Điều 14 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP.

## **28. Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh**

### ***a) Trình tự thực hiện:***

- Việc nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh phải do cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm thực hiện.

- Trước khi nhập khẩu, cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm phải lập hồ sơ đăng ký nhập khẩu gửi Cục Xuất bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) và nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm, Cục Xuất bản, In và Phát hành xác nhận đăng ký bằng văn bản; trường hợp không xác nhận đăng ký phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng Thông tin một cửa Quốc gia (Trong trường hợp hệ thống trên gặp sự cố, nộp qua Công dịch vụ công quốc gia hoặc Công dịch vụ công Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hoặc qua đường bưu điện đến Cục Xuất bản, In và Phát hành.

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh theo (Mẫu số 26 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT);

(2) Ba (03) bản danh mục xuất bản phẩm đăng ký nhập khẩu trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính; một (01) bản (tệp) danh mục xuất bản phẩm đăng ký nhập khẩu trong trường hợp nộp trực tuyến trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

***d) Thời hạn giải quyết:*** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

***e) Đối tượng thực hiện TTHC:*** Tổ chức/Doanh nghiệp (Doanh nghiệp Việt Nam có Giấy phép hoạt động kinh doanh xuất bản phẩm nhập khẩu)

***g) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Cục Xuất bản, In và Phát hành

***h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:*** Giấy xác nhận đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh

***i) Phí, lệ phí:*** 50.000 đồng/hồ sơ (theo quy định tại Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

***k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Đơn đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh (Mẫu số 26); Danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu để kinh doanh (Mẫu số 27). (Các mẫu trên ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

***l) Yêu cầu, điều kiện:*** Không có

***m) Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;
- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;
- Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh và lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh.
- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;
- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)  
TÊN CƠ SỞ NHẬP KHẨU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../..... (nếu có)

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ**  
**Nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh**

Kính gửi: Cục Xuất bản, In và Phát hành

Tên cơ sở nhập khẩu: .....đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh với các thông tin sau đây:

- Tổng số tên xuất bản phẩm: .....
- Tổng số bản: .....
- Tổng số băng, đĩa hoặc các hình thức khác.....
- Từ nước (xuất xứ):.....
- Tên nhà cung cấp/Nhà xuất bản: .....
- Cửa khẩu nhập: .....

Chúng tôi cam kết thực hiện kiểm tra nội dung xuất bản phẩm trước khi phát hành, đồng thời chịu trách nhiệm về mọi hoạt động liên quan đến việc nhập khẩu xuất bản phẩm theo đúng các quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm.

Kèm theo đơn này gồm:

*Ba (03) bản danh mục xuất bản phẩm đăng ký nhập khẩu trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính đến Cục Xuất bản, In và Phát hành;*

*Một (01) bản (tệp) danh mục xuất bản phẩm đăng ký nhập khẩu trong trường hợp nộp trực tuyến trên Cổng thông tin một cửa quốc gia đến Cục Xuất bản, In và Phát hành.*

Đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành xem xét và xác nhận đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh cho chúng tôi./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)  
**TÊN CƠ SỞ NHẬP KHẨU XUẤT BẢN PHẨM**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng ..... năm .....

**DANH MỤC XUẤT BẢN PHẨM NHẬP KHẨU ĐỂ KINH DOANH**

(Kèm theo Đơn đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh số:...../..... ngày..... tháng..... năm.....)

**I- PHẦN GHI CỦA CƠ SỞ NHẬP KHẨU**

STT	Mã ISBN	Tên gốc của xuất bản phẩm	Tên xuất bản phẩm bằng tiếng Việt	Tác giả	Nhà xuất bản	Thể loại	Số bản	Tóm tắt nội dung	Có kèm theo			Phạm vi sử dụng	Hình thức khác của xuất bản phẩm
									Đĩa	Băng, Cassette	Hình thức khác		
<b>Nhà cung cấp:.....</b>													
1													
...													
<b>Nhà cung cấp:.....</b>													
1													
...													
<b>Tổng cộng:</b>													

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
 chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

**II- PHẦN GHI CỦA CỤC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH <sup>(1)</sup>**

Danh mục xuất bản phẩm trên đây được Cục Xuất bản, In và Phát hành cấp Giấy xác nhận đăng ký nhập khẩu số.../...ngày...tháng....năm...

---

<sup>(1)</sup> Danh mục phải được Cục Xuất bản, In và Phát hành đóng dấu giáp lai với Giấy xác nhận đăng ký nhập khẩu. Nếu Cơ sở nhập khẩu đăng ký Danh mục trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì không cần đóng dấu giáp lai của Cục Xuất bản, In và Phát hành.

## **29. Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Trước khi hoạt động 15 ngày, cơ sở phát hành xuất bản phẩm là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là cơ sở phát hành) có trụ sở chính và chi nhánh tại hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên phải đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm với Cục Xuất bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Xuất bản, In và Phát hành phải cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm; trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động xuất bản phẩm phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị đăng ký/đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm theo Mẫu số 35 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023;

(2) Bản sao giấy tờ sở hữu trụ sở hoặc hợp đồng thuê, mượn trụ sở để làm địa điểm kinh doanh;

(3) Bản sao giấy tờ chứng minh được phép thường trú tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho người đứng đầu cơ sở phát hành có quốc tịch nước ngoài;

(4) Bản sao văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ về phát hành xuất bản phẩm của người đứng đầu cơ sở phát hành do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành phát hành xuất bản phẩm cấp.

Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến, thành phần hồ sơ quy định tại mục (2),(3),(4) là bản sao chứng thực điện tử.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) (trừ trường hợp khi đã hoàn thành việc liên thông cơ sở dữ liệu chuyên ngành giữa các bộ, ngành, địa phương, cơ sở phát hành xuất bản phẩm không phải nộp thành phần hồ sơ quy định tại mục (2),(3),(4)).

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**e) Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức/Doanh nghiệp (cơ sở phát hành có trụ sở chính và chi nhánh tại hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên)

**g) Cơ quan thực hiện TTHC:** Cục Xuất bản, In và Phát hành

**h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm

**i) Phí, lệ phí:** Không có



**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (Mẫu số 35, Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

**l) Yêu cầu, điều kiện:**

Điều kiện hoạt động phát hành xuất bản phẩm đối với cơ sở phát hành là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập:

(1) Người đứng đầu cơ sở phát hành phải thường trú tại Việt Nam; có văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ về phát hành xuất bản phẩm do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành phát hành xuất bản phẩm cấp;

(2) Có một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật;

(3) Có địa điểm kinh doanh xuất bản phẩm.

**m) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;
- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;
- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;
- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÊN CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ**                      **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....(nếu có)                      ....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Đăng ký/Đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm**

Kính gửi: ..... (1)

Tên cơ sở phát hành: .....

Tên người đứng đầu:.....Quốc tịch:.....

Căn cước công dân/ hộ chiếu số....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cấp.....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại:.....

E-mail:.....

Website (nếu có): .....

Mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế.....

Chi nhánh:

- Số lượng chi nhánh:.....

- Địa chỉ, số điện thoại từng chi nhánh: .....

Địa điểm kinh doanh:

- Số lượng địa điểm:.....

- Địa chỉ, số điện thoại từng địa điểm: .....

Căn cứ Luật Xuất bản năm 2012 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, đơn vị chúng tôi gửi đến quý cơ quan hồ sơ đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (lần đầu /đăng ký lại). Kèm theo đơn này là các giấy tờ theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi cam kết đảm bảo đầy đủ các điều kiện và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về hoạt động phát hành xuất bản phẩm. Đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành/ Sở xem xét xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm./

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

(1) - Cơ sở phát hành có trụ sở chính và chi nhánh tại hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên gửi hồ sơ đến Cục Xuất bản, In và Phát hành;

- Cơ sở phát hành có trụ sở chính và chi nhánh tại cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi hồ sơ đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao sở tại.

### **30. Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm**

#### ***a) Trình tự thực hiện:***

- Chậm nhất 10 ngày, kể từ ngày có một trong các thay đổi: Di chuyển trụ sở chính hoặc chi nhánh sang tỉnh, thành phố khác trực thuộc Trung ương; Thành lập hoặc giải thể chi nhánh trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chính; Thành lập hoặc giải thể chi nhánh tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi không đặt trụ sở chính; Giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm bị mất, bị hư hỏng, cơ sở phát hành xuất bản phẩm là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là cơ sở phát hành) có trụ sở chính và chi nhánh tại hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên phải đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm với Cục Xuất bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Khi có một hoặc nhiều thay đổi quy định như trên, cơ sở phát hành xuất bản phẩm phải gửi văn bản thông báo đến Cục Xuất bản, In và Phát hành; trường hợp cơ sở phát hành xuất bản phẩm có văn bản đề nghị cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm, Cục Xuất bản, In và Phát hành tiếp nhận hồ sơ và giải quyết theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 17 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Xuất bản, In và Phát hành phải cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm; trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động xuất bản phẩm phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

#### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị đăng ký/đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm theo Mẫu số 35 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023);

(2) Bản sao giấy tờ sở hữu trụ sở hoặc hợp đồng thuê, mượn trụ sở để làm địa điểm kinh doanh;

(3) Bản sao giấy tờ chứng minh được phép thường trú tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho người đứng đầu cơ sở phát hành có quốc tịch nước ngoài;

(4) Bản sao văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ về phát hành xuất bản phẩm của người đứng đầu cơ sở phát hành do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành phát hành xuất bản phẩm cấp.

Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến, thành phần hồ sơ quy định tại mục (2),(3),(4) là bản sao chứng thực điện tử.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) (trừ trường hợp khi đã hoàn thành việc liên thông cơ sở dữ liệu chuyên ngành giữa các bộ, ngành, địa phương, cơ sở phát hành xuất bản phẩm không phải nộp thành phần hồ sơ quy định tại mục (2),(3),(4).

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**e) Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức/Doanh nghiệp (cơ sở phát hành có trụ sở chính và chi nhánh tại hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên)

**g) Cơ quan thực hiện TTHC:** Cục Xuất bản, In và Phát hành

**h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy xác nhận đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm

**i) Phí, lệ phí:** Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (Mẫu số 35, Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

**m) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;

- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)  
TÊN CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....(nếu có)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

### ĐƠN ĐỀ NGHỊ

#### Đăng ký/Đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm

Kính gửi: ..... (1)

Tên cơ sở phát hành: .....

Tên người đứng đầu:.....Quốc tịch:.....

Căn cước công dân/ hộ chiếu số....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cấp.....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: .....

E-mail: .....

Website (nếu có): .....

Mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế.....

Chi nhánh:

- Số lượng chi nhánh: .....

- Địa chỉ, số điện thoại từng chi nhánh: .....

Địa điểm kinh doanh:

- Số lượng địa điểm: .....

- Địa chỉ, số điện thoại từng địa điểm: .....

Căn cứ Luật Xuất bản năm 2012 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, đơn vị chúng tôi gửi đến quý cơ quan hồ sơ đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (lần đầu /đăng ký lại). Kèm theo đơn này là các giấy tờ theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi cam kết đảm bảo đầy đủ các điều kiện và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về hoạt động phát hành xuất bản phẩm. Đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành/ Sở xem xét xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

(1) - Cơ sở phát hành có trụ sở chính và chi nhánh tại hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên gửi hồ sơ đến Cục Xuất bản, In và Phát hành;

- Cơ sở phát hành có trụ sở chính và chi nhánh tại cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi hồ sơ đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao sở tại.

## II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

### 1. Thủ tục cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh

#### a) *Trình tự thực hiện:*

- Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh thuộc danh mục tài liệu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 12 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP lập hồ sơ gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản (gọi tắt là Sở) và nộp phí thẩm định nội dung tài liệu để cấp giấy phép.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở phải cấp giấy phép xuất bản, đóng dấu vào bản thảo tài liệu và lưu lại một bản; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

#### c) *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh (Mẫu số 14, Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT);

(2) Hai (02) bản thảo tài liệu in trên giấy có đóng dấu của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản tại trang đầu và giáp lai giữa các trang bản thảo hoặc 01 bản thảo lưu trong thiết bị lưu trữ điện tử với định dạng không cho phép can thiệp, sửa đổi; Trường hợp tài liệu không kinh doanh xuất bản dạng điện tử thì nộp một (01) bản thảo điện tử có chữ ký số của thủ trưởng cơ quan, tổ chức đề nghị cấp phép xuất bản;

(3) Đối với tài liệu bằng tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam phải kèm theo bản dịch tiếng Việt có đóng dấu của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản;

(4) Ý kiến xác nhận bằng văn bản:

+ Đối với tài liệu của các đơn vị quân đội nhân dân, công an nhân dân phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc cơ quan được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền.

+ Đối với tài liệu lịch sử Đảng, chính quyền địa phương; tài liệu phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương phải có ý kiến của tổ chức đảng, cơ quan cấp trên.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**e) Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, doanh nghiệp tại địa phương.

**g) Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao.

**h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh

***i) Phí, lệ phí:***

Phí thẩm định nội dung tài liệu để cấp giấy phép:

+ Tài liệu in trên giấy: 15.000 đồng/trang quy chuẩn;

+ Tài liệu điện tử dưới dạng đọc: 6.000 đồng/phút;

+ Tài liệu điện tử dưới dạng nghe, nhìn: 27.000 đồng/phút.

(Theo quy định tại Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

***k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Đơn đề nghị cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh (Mẫu số 14, Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

***l) Yêu cầu, điều kiện:*** Không có

***m) Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh và lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh;

- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;

- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC ... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....(nếu có) ..... ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh**

Kính gửi: .....<sup>(1)</sup>

1. Tên cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản:.....
2. Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp); Số quyết định thành lập (đối với đơn vị sự nghiệp công lập); Số giấy phép hoạt động (đối với cơ quan, tổ chức nước ngoài)<sup>(2)</sup>  
 Cơ quan cấp..... ngày .....tháng....năm .....
3. Địa chỉ:.....  
 Số điện thoại: .....  
 Email: .....
4. Tên tài liệu: .....
5. Xuất xứ (nếu là tài liệu dịch từ tiếng nước ngoài):.....  
 Người dịch (cá nhân hoặc tập thể):.....
6. Hình thức tài liệu: .....
7. Số trang (hoặc dung lượng - byte):.....Phụ bản (nếu có):.....
8. Khuôn khổ (định dạng):..... cm. Số lượng in:..... bản
9. Ngôn ngữ xuất bản:.....
10. Tên, địa chỉ cơ sở in:.....
11. Mục đích xuất bản:.....
12. Nội dung tóm tắt của tài liệu:.....
13. Kèm theo đơn này gồm :.....<sup>(3)</sup>

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng nội dung giấy phép xuất bản, thực hiện việc in/đăng tải đúng nội dung tài liệu tại cơ sở in có giấy phép in xuất bản phẩm và tuân thủ các quy định pháp luật về xuất bản, sở hữu trí tuệ./.

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
 HOẶC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ  
 THẨM QUYỀN<sup>(4)</sup>**

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
 chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN/  
 TỔ CHỨC**

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
 chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

<sup>(1)</sup>Cơ quan, tổ chức ở trung ương và tổ chức nước ngoài gửi hồ sơ đến Cục Xuất bản, In và Phát hành -Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; cơ quan, tổ chức tại địa phương gửi hồ sơ đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao sở tại;

<sup>(2)</sup>Trường hợp cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép là cơ quan Đảng, Nhà nước không bắt buộc phải ghi các thông tin quy định tại mục này.

<sup>(3)</sup>Ghi rõ trong đơn các tài liệu đính kèm quy định tại Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT.

<sup>(4)</sup>Phần này áp dụng đối với tài liệu không kinh doanh là kỹ yếu hội thảo, hội nghị, ngành nghề (trừ trường hợp cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép là cơ quan Đảng, Nhà nước).



## 2. Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm

### a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định gửi đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản (gọi tắt là Sở);

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở phải cấp Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm theo mẫu số 17 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT;

(2) Bản sao một trong các loại giấy: chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập cơ sở in còn hiệu lực tính đến thời điểm nộp đơn;

(3) Tài liệu chứng minh về người đứng đầu cơ sở in, có mặt bằng sản xuất và thiết bị để thực hiện một trong các công đoạn chế bản in, in và gia công sau in xuất bản phẩm:

+ Đối với người đứng đầu cơ sở in xuất bản phẩm: Là người đại diện theo pháp luật được ghi tại một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư, quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền;

+ Đối với tài liệu chứng minh về mặt bằng sản xuất: Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng hay các loại giấy tờ khác chứng minh về việc giao đất, thuê đất, thuê mặt bằng, nhà xưởng để sản xuất;

+ Đối với tài liệu chứng minh về thiết bị: Phải là bản sao giấy tờ sở hữu hoặc thuê mua thiết bị; trường hợp chưa có thiết bị, trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải kèm theo danh mục thiết bị dự kiến đầu tư.

Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, cơ sở in phải hoàn thành việc mua hoặc thuê mua đủ thiết bị theo danh mục dự kiến đầu tư, gửi bản sao chứng từ mua, thuê mua thiết bị cho cơ quan cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.

(4) Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in theo mẫu số 06 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT;

(5) Bản sao văn bằng do cơ sở đào tạo chuyên ngành in cấp hoặc bản sao giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in xuất bản phẩm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

(6) Bản sao giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh - trật tự do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**e) Đối tượng thực hiện TTHC:** Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), đơn vị sự nghiệp, cá nhân (hộ kinh doanh)

**g) Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao.

**h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép hoạt động in

**i) Phí, lệ phí:** Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in (Mẫu số 17); Sơ yếu lý lịch (Mẫu số 06); (Các mẫu trên ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

**l) Yêu cầu, điều kiện:**

Cơ sở in được cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (bao gồm các công đoạn chế bản, in, gia công sau in) khi có đủ các điều kiện sau đây:

(1) Chủ sở hữu là tổ chức, cá nhân Việt Nam;

(2) Người đứng đầu cơ sở in phải là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có nghiệp vụ quản lý hoạt động in xuất bản phẩm và đáp ứng các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật;

(3) Có mặt bằng sản xuất, thiết bị để thực hiện một hoặc các công đoạn chế bản, in và gia công sau in xuất bản phẩm;

(4) Bảo đảm các điều kiện về an ninh, trật tự;

(5) Phù hợp với quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản và quy hoạch khác có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

**m) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;

- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

**TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../..... (nếu có) ..... ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
Cấp giấy phép hoạt động in**

Kính gửi: ..... (1)

1. Tên đơn vị đề nghị cấp giấy phép:..... (2)
  2. Địa chỉ: .....
  3. Số điện thoại: ..... Email: .....
  4. Mã số doanh nghiệp/hộ kinh doanh: .....
  5. Quyết định thành cơ sở in là đơn vị sự nghiệp công lập số .... ngày .... tháng ..... năm....., nơi cấp.....
- Đề nghị quý cơ quan xem xét cấp giấy phép hoạt động in với các thông tin sau:
- Tên cơ sở in: .....
  - Địa chỉ trụ sở chính: ..... (3)
  - Điện thoại: ..... Email: .....
  - Địa chỉ chi nhánh và xưởng sản xuất (nếu có): ..... (4)
  - Điện thoại: ..... Email: .....
  - Họ tên người đứng đầu cơ sở in.....
  - Căn cước công dân số....., cấp ngày... tháng ... năm ..., nơi cấp.....
  - Chức vụ: .....
  - Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in: ..... (5)
6. Nội dung đề nghị cấp phép hoạt động: Chế bản/in/gia công sau in xuất bản phẩm<sup>(6)</sup>.

<sup>(1)</sup> Ghi tên cơ quan cấp giấy phép.<sup>(2)</sup> Ghi tên cơ sở in đề nghị cấp phép. Trường hợp cơ sở in là đơn vị sự nghiệp công lập không có pháp nhân thì ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp.<sup>(3)</sup> Ghi theo địa chỉ trụ sở chính trên giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp công lập.<sup>(4)</sup> Ghi theo địa chỉ chi nhánh/xưởng sản xuất trên giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp để thực hiện chế bản, in, gia công sau in. Trường hợp có nhiều địa chỉ sản xuất (chi nhánh) thì ghi lần lượt, đầy đủ từng địa chỉ.<sup>(5)</sup> Ghi đầy đủ họ và tên, quốc tịch của toàn bộ cá nhân và tổ chức là đồng chủ sở hữu tính đến thời điểm nộp đơn (có thể lập thành danh mục kèm theo).<sup>(6)</sup> Ghi từng công đoạn chế bản, in, gia công sau in phù hợp với tính năng thiết bị in của cơ sở in.<sup>(7)</sup> Ghi rõ là kinh doanh hoặc không kinh doanh (phục vụ nội bộ).

- Mục đích hoạt động ..... (7)

7. Danh mục thiết bị in (*Chế bản, in, gia công sau in*)

Số T T	Tên thiết bị ( <i>Ghi tiếng Việt và theo công nghệ</i> )	Hãng sản xuất	Model	Số định danh thiết bị (Số máy)	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng ( <i>chiếc</i> )	Chất lượng ( <i>Mới 100% hoặc đã qua sử dụng tại thời điểm đầu tư</i> )	Tính năng sử dụng ( <i>chế bản, in, gia công sau in</i> )	Số, ngày, tháng, năm của Hóa đơn mua thiết bị <sup>(8)</sup>

8. Tài liệu chứng minh về việc có mặt bằng sản xuất gồm: Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng hoặc các loại giấy tờ khác chứng minh về việc được giao đất, thuê đất, thuê mặt bằng, nhà xưởng số... ngày ... tháng ... năm ... nơi cấp.....

9. Kèm theo đơn này gồm các giấy tờ sau đây:

- Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in (bản chính);
- Bản sao một trong các loại giấy: chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập cơ sở in còn hiệu lực tính đến thời điểm nộp đơn;
- Bản sao văn bằng do cơ sở đào tạo chuyên ngành in cấp hoặc bản sao giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in xuất bản phẩm do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp;
- Bản sao giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh - trật tự.

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị cấp phép và cam kết chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hoạt động in xuất bản phẩm./.

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(*Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
chữ ký số của cơ quan, tổ chức*)

<sup>(8)</sup> Trường hợp thiết bị in nhập khẩu trong giai đoạn mà pháp luật không quy định phải có giấy phép khi nhập khẩu thì ghi năm nhập khẩu theo chứng từ hải quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khai năm nhập khẩu đó.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SƠ YẾU LÝ LỊCH (\*)**

*(Dùng cho người được dự kiến bổ nhiệm lãnh đạo nhà xuất bản/Người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề biên tập/Người đứng đầu cơ sở in/Người đứng đầu cơ sở kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm)*

1. Họ và tên:.....
2. Tên thường gọi.....
3. Căn cước công dân số ... , cấp ngày...tháng...năm...,nơi cấp.....
4. Địa chỉ liên hệ: ..... Điện thoại: .....
5. Ngày kết nạp vào Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh:..../...../.....
6. Ngày kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam:..../...../.....Ngày chính thức:..../...../.....
7. Tình trạng sức khỏe hiện nay: .....
8. Trình độ văn hóa: ..... Trình độ ngoại ngữ:.....
9. Trình độ chuyên môn (đại học, trên đại học):.....<sup>(2)</sup>
10. Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật xuất bản, nghiệp vụ biên tập/nghiệp vụ quản lý hoạt động in/nghiệp vụ phát hành xuất bản phẩm: Số.....ngày cấp:...../...../.....Nơi cấp:.....<sup>(3)</sup>
11. Chứng chỉ hành nghề biên tập số:.....ngày cấp:...../...../.....<sup>(4)</sup>
12. Nơi công tác: ..... Chức vụ:.....<sup>(5)</sup>

**13. QUAN HỆ GIA ĐÌNH**

*(Gồm: Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột)*

Số TT	Họ và tên	Quan hệ	Năm sinh		Số căn cước công dân	Nghề nghiệp, làm gì, ở đâu?
			Nam	Nữ		
1						
2						
3						
...						
...						

**14. QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN THÂN <sup>(6)</sup>**

Từ tháng năm đến tháng năm	Làm công tác gì?	Ở đâu?	Ghi chú

### 15. KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Khen thưởng:.....

.....

Kỷ luật:.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước những lời khai trên.

**Xác nhận của địa phương hoặc cơ quan,  
đơn vị công tác**  
(*Chữ ký của người có thẩm quyền,  
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức*)

....., ngày ..... tháng ... năm .....

**Người khai**  
(*Ký và ghi rõ họ tên*)

Người khai Sơ yếu lý lịch có trách nhiệm khai đầy đủ vào nội dung các mục trong Sơ yếu lý lịch và chịu trách nhiệm về những lời khai của mình;

(\*)Đối với Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in, cơ sở kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm không bắt buộc phải khai các mục 5, 6, 11.

(1) Dán ảnh (3cm x 4cm) và có đóng dấu giáp lai của cơ quan xác nhận;

(2) Ghi chính xác trình độ chuyên môn: cử nhân, thạc sỹ, tiến sỹ và chuyên ngành đào tạo;

(3) Tùy người khai thuộc đối tượng nào thì ghi chính xác một trong ba loại giấy chứng nhận quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 20, Điểm đ Khoản 2 Điều 32, Điểm b Khoản 3 Điều 38 Luật Xuất bản;

(4) Đối với trường hợp bổ nhiệm tổng biên tập nhà xuất bản và cấp chứng chỉ hành nghề biên tập;

(5) Khai chính xác lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ và chức danh tại cơ quan, tổ chức;

(6) Khai đầy đủ quá trình hoạt động của bản thân từ khi học đại học.

### **3. Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm bị mất hoặc bị hư hỏng, cơ sở in lập hồ sơ gửi đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản (gọi tắt là Sở) đề nghị cấp lại giấy phép.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở phải cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm; trường hợp không cấp lại giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm theo Mẫu số 18 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**e) Đối tượng thực hiện TTHC:** Cơ sở in tại địa phương

**g) Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao.

**h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép hoạt động in

**i) Phí, lệ phí:** Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp đổi/cấp lại giấy phép hoạt động in (Mẫu số 18 ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

**l) Yêu cầu, điều kiện:** Không có

#### **m) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.



**TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../..... (nếu có)

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
Cấp đổi/cấp lại giấy phép hoạt động in**Kính gửi: .....<sup>(1)</sup>

1. Tên đơn vị đề nghị:.....<sup>(2)</sup>
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại:..... Email:.....
4. Mã số doanh nghiệp/hộ kinh doanh:.....
5. Quyết định thành lập đối với cơ sở in là đơn vị sự nghiệp công lập số .....ngày.....tháng.....năm.....,nơi cấp.....
6. Cơ sở in đã được cấp giấy phép hoạt động in số:.....ngày ...tháng ...năm .....do.....

Hiện nay, do đơn vị có sự thay đổi thông tin/làm mất/hỏng giấy phép hoạt động in. Lý do (thay đổi thông tin/mất/hỏng).....

Để đảm bảo cơ sở in hoạt động đúng quy định của pháp luật, đề nghị quý cơ quan xem xét cấp đổi/cấp lại giấy phép hoạt động in cho cơ sở in theo các thông tin thay đổi sau:

- Tên cơ sở in: .....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....<sup>(3)</sup>

<sup>(1)</sup>Ghi tên cơ quan cấp giấy phép.

<sup>(2)</sup>Ghi tên cơ sở in đề nghị cấp phép. Trường hợp cơ sở in là đơn vị sự nghiệp công lập không có pháp nhân thì ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp.

<sup>(3)</sup>Ghi theo địa chỉ trụ sở chính trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp.

<sup>(4)</sup>Ghi theo địa chỉ chi nhánh/xưởng sản xuất trên giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp để thực hiện chế bản, in, gia công sau in. Trường hợp có nhiều địa chỉ sản xuất (chi nhánh) thì ghi lần lượt, đầy đủ từng địa chỉ.

<sup>(5)</sup>Ghi đầy đủ họ và tên, quốc tịch của toàn bộ cá nhân và tổ chức là đồng chủ sở hữu tính đến thời điểm nộp đơn (có thể lập thành danh mục kèm theo).

- Điện thoại: ..... Email:.....
- Địa chỉ chi nhánh và xưởng sản xuất:.....<sup>(4)</sup>
- Điện thoại: ..... Email:.....
- Họ tên người đứng đầu cơ sở in: .....
- Căn cước công dân số:..... cấp ngày ..... tháng.....năm.... nơi cấp.....
- Chức vụ: .....
- Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in:.....<sup>(5)</sup>
- Nội dung hoạt động chế bản/in/gia công sau in đề nghị được cấp phép:..<sup>(6)</sup>
- Mục đích hoạt động .....<sup>(7)</sup>
- 7. Thay đổi về thiết bị in (nếu có).....<sup>(8)</sup>
- 8. Thay đổi về địa điểm, mặt bằng sản xuất (nếu có).....<sup>(9)</sup>

Đơn vị gửi kèm theo đơn này các tài liệu liên quan đến thay đổi thông tin/mất/hỏng giấy phép hoạt động in theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị cấp phép và cam kết chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hoạt động in xuất bản phẩm./.

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

<sup>(6)</sup> Ghi từng công đoạn chế bản, in, gia công sau in phù hợp với tính năng thiết bị in của cơ sở in.

<sup>(7)</sup> Ghi rõ là kinh doanh hoặc không kinh doanh (phục vụ nội bộ).

<sup>(8)</sup> Nếu có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) về thiết bị so với lần cấp phép trước đó thì kê khai đầy đủ thông tin của thiết bị thay đổi: Tên, hãng sản xuất, model, số máy, nước sản xuất, năm sản xuất, chất lượng, tính năng sử dụng; số, ngày, tháng, năm hóa đơn mua, bán hàng và giấy phép nhập khẩu (nếu thiết bị nhập khẩu trong thời gian quy định phải có giấy phép. Trường hợp thiết bị in nhập khẩu trong giai đoạn mà pháp luật không quy định phải có giấy phép khi nhập khẩu thì ghi năm nhập khẩu theo chứng từ hải quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khai năm nhập khẩu đó.).

<sup>(9)</sup> Nếu có sự thay đổi về địa điểm, mặt bằng sản xuất so với lần cấp phép trước đó thì kê khai lại theo địa chỉ đăng ký thay đổi trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp công lập.

#### **4. Thủ tục cấp đổi Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm**

##### ***a) Trình tự thực hiện:***

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày cơ sở in có một trong các thay đổi về tên gọi, địa chỉ, thành lập chi nhánh, chia tách hoặc sáp nhập thì cơ sở in phải gửi hồ sơ đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản (gọi tắt là Sở) để làm thủ tục đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm;

- Khi có sự thay đổi về người đứng đầu, cơ sở in xuất bản phẩm phải thực hiện theo quy định tại Khoản 7 Điều 32 Luật Xuất bản; trong trường hợp cơ sở in xuất bản phẩm có văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, Sở có trách nhiệm cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở phải cấp đổi giấy phép; trường hợp không cấp đổi giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

##### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm theo Mẫu số 18 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT.

(2) Trường hợp thay đổi địa chỉ của mặt bằng sản xuất, cơ sở in xuất bản phẩm gửi kèm bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng hoặc các loại giấy tờ khác chứng minh về việc giao đất, thuê đất, thuê mặt bằng.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

***d) Thời hạn giải quyết:*** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

***e) Đối tượng thực hiện TTHC:*** Cơ sở in tại địa phương

***g) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao.

***h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:*** Giấy phép hoạt động in

***i) Phí, lệ phí:*** Không có

***k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Đơn đề nghị cấp đổi/cấp lại giấy phép hoạt động in (Mẫu số 18 ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

***l) Yêu cầu, điều kiện:*** Không có

***m) Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../..... (nếu có)

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp đổi/cấp lại giấy phép hoạt động in**

Kính gửi: .....<sup>(1)</sup>

1. Tên đơn vị đề nghị:.....<sup>(2)</sup>
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại:..... Email: .....
4. Mã số doanh nghiệp/hộ kinh doanh:.....
5. Quyết định thành lập đối với cơ sở in là đơn vị sự nghiệp công lập số .....ngày.....tháng.....năm.....,nơi cấp.....
6. Cơ sở in đã được cấp giấy phép hoạt động in số:.....ngày ...tháng ...năm .....do.....

Hiện nay, do đơn vị có sự thay đổi thông tin/làm mất/hỏng giấy phép hoạt động in. Lý do (thay đổi thông tin/mất/hỏng).....

Để đảm bảo cơ sở in hoạt động đúng quy định của pháp luật, đề nghị quý cơ quan xem xét cấp đổi/cấp lại giấy phép hoạt động in cho cơ sở in theo các thông tin thay đổi sau:

- Tên cơ sở in: .....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....<sup>(3)</sup>

<sup>(1)</sup>Ghi tên cơ quan cấp giấy phép.

<sup>(2)</sup>Ghi tên cơ sở in đề nghị cấp phép. Trường hợp cơ sở in là đơn vị sự nghiệp công lập không có pháp nhân thì ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp.

<sup>(3)</sup>Ghi theo địa chỉ trụ sở chính trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp.

<sup>(4)</sup>Ghi theo địa chỉ chi nhánh/xưởng sản xuất trên giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp để thực hiện chế bản, in, gia công sau in. Trường hợp có nhiều địa chỉ sản xuất (chi nhánh) thì ghi lần lượt, đầy đủ từng địa chỉ.

<sup>(5)</sup>Ghi đầy đủ họ và tên, quốc tịch của toàn bộ cá nhân và tổ chức là đồng chủ sở hữu tính đến thời điểm nộp đơn (có thể lập thành danh mục kèm theo).

- Điện thoại: ..... Email:.....
- Địa chỉ chi nhánh và xưởng sản xuất:..... (4)
- Điện thoại: ..... Email:.....
- Họ tên người đứng đầu cơ sở in: .....
- Căn cước công dân số:..... cấp ngày ..... tháng.....năm.... nơi cấp.....
- Chức vụ: .....
- Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in:..... (5)
- Nội dung hoạt động chế bản/in/gia công sau in đề nghị được cấp phép:.. (6)
- Mục đích hoạt động ..... (7)
- 7. Thay đổi về thiết bị in (nếu có)..... (8)
- 8. Thay đổi về địa điểm, mặt bằng sản xuất (nếu có)..... (9)

Đơn vị gửi kèm theo đơn này các tài liệu liên quan đến thay đổi thông tin/mất/hỏng giấy phép hoạt động in theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị cấp phép và cam kết chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hoạt động in xuất bản phẩm./.

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

<sup>(6)</sup> Ghi từng công đoạn chế bản, in, gia công sau in phù hợp với tính năng thiết bị in của cơ sở in.

<sup>(7)</sup> Ghi rõ là kinh doanh hoặc không kinh doanh (phục vụ nội bộ).

<sup>(8)</sup> Nếu có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) về thiết bị so với lần cấp phép trước đó thì kê khai đầy đủ thông tin của thiết bị thay đổi: Tên, hãng sản xuất, model, số máy, nước sản xuất, năm sản xuất, chất lượng, tính năng sử dụng; số, ngày, tháng, năm hóa đơn mua, bán hàng và giấy phép nhập khẩu (nếu thiết bị nhập khẩu trong thời gian quy định phải có giấy phép. Trường hợp thiết bị in nhập khẩu trong giai đoạn mà pháp luật không quy định phải có giấy phép khi nhập khẩu thì ghi năm nhập khẩu theo chứng từ hải quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khai năm nhập khẩu đó.).

<sup>(9)</sup> Nếu có sự thay đổi về địa điểm, mặt bằng sản xuất so với lần cấp phép trước đó thì kê khai lại theo địa chỉ đăng ký thay đổi trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp công lập.

## **5. Thủ tục cấp Giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Cơ sở in có giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm được in gia công xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài (trừ cơ sở in sự nghiệp in phục vụ nội bộ, không in kinh doanh).

- Trước khi thực hiện, cơ sở in phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản (gọi tắt là Sở).

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở phải cấp giấy phép, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (Mẫu số 20 ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT);

(2) Hai bản mẫu xuất bản phẩm đặt in;

(3) Bản sao có chứng thực giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm;

(4) Bản sao có chứng thực hợp đồng in gia công xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài; trường hợp hợp đồng bằng tiếng nước ngoài thì phải kèm theo bản dịch tiếng Việt;

(5) Bản sao hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người đặt in hoặc giấy ủy quyền, giấy chứng minh nhân dân/căn cước công dân của người được ủy quyền đặt in.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**e) Đối tượng thực hiện TTHC:** Cơ sở in

**g) Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao.

**h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài

**i) Phí, lệ phí:** Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (Mẫu số 20 ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

**l) Yêu cầu, điều kiện:** Không có

***m) Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;
- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;
- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.
- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.



**TÊN CƠ SỞ IN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: ...../..... (nếu có)

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài**

Kính gửi: .....<sup>(1)</sup>

1. Tên cơ sở in:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Giấy phép hoạt động in số ..... ngày..... tháng.....năm ..... do..... cấp.

Đề nghị được cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài với các thông tin sau:

STT	Tên xuất bản phẩm	Khuôn khổ (mm)	Số trang/bản thành phẩm	Số lượng thành phẩm (bản)	Tóm tắt nội dung
1.					
2.					
...					

2. Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài có sản phẩm đặt in:.....

Địa chỉ:.....

Do ông (bà): ..... làm đại diện.

Số hộ chiếu:..... cấp ngày... tháng...năm... tại.....

3. Cửa khẩu xuất khẩu:.....

4. Hồ sơ kèm theo đơn gồm:.....<sup>(2)</sup>

Đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành/Sở xem xét cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm trên cho chúng tôi. Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện các quy định của pháp luật về in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

<sup>(1)</sup> Ghi tên cơ quan cấp giấy phép.

<sup>(2)</sup> Liệt kê hồ sơ kèm theo đơn quy định tại Khoản 3 Điều 34 Luật Xuất bản 2012.

## **6. Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động in**

### ***a) Trình tự thực hiện:***

Trước khi hoạt động, cơ sở in thuộc cơ quan, tổ chức thuộc địa phương thực hiện chế bản, in, gia công sau in các sản phẩm quy định tại điểm a và điểm c khoản 4 Điều 2 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP (gồm: Báo, tạp chí và các ấn phẩm báo chí khác theo quy định của pháp luật về báo chí; tem chống hàng giả) phải có hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động in gửi đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa, Thể thao.

- Đối với cơ sở in là chi nhánh có thực hiện chế bản, in, gia công sau in đặt ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác ngoài tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính thì Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao nơi đặt chi nhánh thực hiện cấp giấy phép hoạt động in.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in phải cấp giấy phép trong đó ghi rõ nội dung hoạt động phù hợp với thiết bị của cơ sở in và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động in; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 72/2022/NĐ-CP);

(2) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký thuế, quyết định thành lập cơ sở in đối với cơ sở in sự nghiệp công lập.

(3) Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in (Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 72/2022/NĐ-CP).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

***d) Thời hạn giải quyết:*** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

***e) Đối tượng thực hiện TTHC:*** Tổ chức

***g) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao.

***h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:*** Giấy phép hoạt động in

***i) Phí, lệ phí:*** Không có

***k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in (Mẫu số 01); Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in (Mẫu số 03); (Các mẫu trên ban hành tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ).

***l) Yêu cầu, điều kiện:***

Điều kiện hoạt động của cơ sở in:

(1) Có thiết bị phù hợp để thực hiện một hoặc nhiều công đoạn chế bản, in, gia công sau in theo nhu cầu, khả năng hoạt động của cơ sở in đúng với nội dung đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in;

(2) Có mặt bằng hợp pháp để thực hiện chế bản, in, gia công sau in;

(3) Có chủ sở hữu là tổ chức (cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có chủ sở hữu là công dân Việt Nam) hoặc cá nhân là công dân Việt Nam; có người đứng đầu là công dân Việt Nam, thường trú hợp pháp tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ

***m) Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/2/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

**TÊN ĐƠN VỊ  
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../ ..... (nếu có)

....., ngày ... tháng ... năm ....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
Cấp giấy phép hoạt động in**

Kính gửi: .....<sup>1</sup>

1. Tên đơn vị đề nghị cấp phép: .....<sup>2</sup>
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại: ..... Email: .....
4. Mã số doanh nghiệp: .....
5. Quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp công lập số ..... ngày ..... tháng ..... năm ....., nơi cấp .....<sup>3</sup>

6. Thông tin cơ sở in đề nghị cấp phép

Để đảm bảo cơ sở in hoạt động đúng pháp luật, đơn vị làm đơn này đề nghị quý cơ quan xem xét cấp giấy phép hoạt động in với các thông tin sau:

- Tên cơ sở in/chi nhánh: .....
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Điện thoại: ..... Email: .....
- Địa chỉ chi nhánh (nếu có): .....
- Điện thoại:..... Email: .....
- Họ tên người đứng đầu cơ sở in/chi nhánh: ..... Căn cước công dân: Số ... ngày ..... tháng ... năm ... nơi cấp ..... hoặc số định danh cá nhân:.....
- Chức vụ: .....
- Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in (nếu có): .....
- Nội dung đề nghị được cấp phép hoạt động chế bản/in/gia công sau in: .....<sup>4</sup>

- Mục đích hoạt động:.....<sup>5</sup>

7. Danh mục thiết bị in (*Chế bản, in, gia công sau in*)

STT	Tên thiết bị ( <i>Ghi tiếng Việt và theo công nghệ</i> )	Hãng sản xuất	Model	Số định danh thiết bị ( <i>Số máy</i> )	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng ( <i>chiếc</i> )	Chất lượng ( <i>Mới 100% hoặc đã qua sử dụng tại thời điểm đầu tư</i> )	Tính năng sử dụng ( <i>chế bản, in, gia công sau in</i> )	Số, ngày, tháng, năm của Hóa đơn mua thiết bị

8. Số, ngày, tháng, năm, nơi cấp giấy tờ về địa điểm, mặt bằng sản xuất:

.....<sup>6</sup>

Cơ sở in xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị cấp phép và cam kết chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hoạt động in./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan cấp giấy phép.

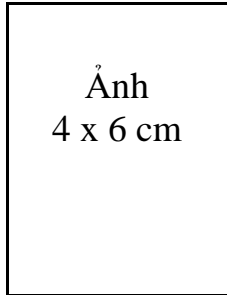
<sup>2</sup> Ghi tên cơ sở in đề nghị cấp phép. Trường hợp cơ sở in không có pháp nhân thì ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp.

<sup>3</sup> Chỉ ghi số, ngày, tháng, năm, nơi cấp của quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp công lập.

<sup>4</sup> Ghi tên từng loại sản phẩm in đề nghị cấp giấy phép (Ví dụ: Báo, tạp chí và các ấn phẩm báo chí khác; tem chống giả...).

<sup>5</sup> Ghi rõ là kinh doanh hoặc không kinh doanh (phục vụ nội bộ).

<sup>6</sup> Ghi số, ngày, tháng, năm, nơi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng hoặc các loại giấy tờ khác chứng minh về việc được giao đất, thuê đất, thuê mặt bằng, nhà xưởng ...



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**  
**(của người đứng đầu cơ sở in)**

1. Họ và tên ..... Bí danh: .....
  2. Ngày, tháng, năm sinh: ..... Nam, nữ: .....
  3. Quê quán: .....
  4. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....
  5. Nơi đăng ký tạm trú hiện nay (nếu có): .....
  6. Căn cước công dân: Số ..... ngày ..... tháng ..... năm ... nơi cấp hoặc số định danh cá nhân: .....
  7. Dân tộc: ..... Tôn giáo: ..... Quốc tịch: .....
  8. Tình trạng sức khỏe hiện nay: .....
  9. Trình độ văn hóa: ..... Trình độ chuyên môn: .....
  10. Trình độ chính trị: .....
  11. Chức vụ trong cơ sở in: .....
  12. Tên cơ sở in/chi nhánh: .....
  13. Ngành, nghề kinh doanh về in: .....
- QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN THÂN**

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Làm công tác gì, cơ quan nào, chức vụ?	Địa chỉ ở đâu?

Tôi cam đoan những nội dung khai trong bản lý lịch này là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN/ĐƠN VỊ<sup>1</sup>**

....., ngày .... tháng ..... năm .....

**Người khai ký tên**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

<sup>1</sup> Dành cho cơ sở in sự nghiệp công lập.

## **7. Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động in**

### ***a) Trình tự thực hiện:***

- Cơ sở in phải gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động in trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày giấy phép hoạt động in bị mất, bị hư hỏng tới cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in ở địa phương (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao).

- Trường hợp có một trong các thay đổi về: Tên gọi của cơ sở in; địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh của cơ sở in; loại hình tổ chức hoạt động của cơ sở in; thành lập hoặc giải thể chi nhánh của cơ sở in và người đứng đầu cơ sở in mà cơ sở in đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động in.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép theo quy định, cơ quan quản lý về hoạt động in ở địa phương phải cấp lại giấy phép; trường hợp không cấp lại giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động in (Mẫu số 02 ban hành tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 72/2022/NĐ-CP);

(2) Các giấy tờ chứng minh sự thay đổi trong các trường hợp cụ thể như: Tên gọi của cơ sở in; địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh của cơ sở in; loại hình tổ chức hoạt động của cơ sở in; thành lập hoặc giải thể chi nhánh của cơ sở in và người đứng đầu cơ sở in.

(3) Giấy phép hoạt động in (đối với trường hợp giấy phép bị hư hỏng);

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

***d) Thời hạn giải quyết:*** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

***e) Đối tượng thực hiện TTHC:*** Tổ chức

***g) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao.

***h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:*** Giấy phép hoạt động in

***i) Phí, lệ phí:*** Không có

***k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động in (Mẫu số 02 ban hành tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ).

***l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không có

***m) Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/2/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;



**TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ  
CẤP LẠI GIẤY PHÉP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../ ..... (nếu có)

....., ngày ... tháng ... năm ....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
Cấp lại giấy phép hoạt động in**Kính gửi: .....<sup>1</sup>

1. Tên đơn vị đề nghị: .....<sup>2</sup>
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại: ..... Email: .....
4. Mã số doanh nghiệp: .....
5. Quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp công lập số ..... ngày ..... tháng ..... năm ....., nơi cấp .....<sup>3</sup>
6. Cơ sở in đã được cấp giấy phép hoạt động in số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....

Hiện nay, do đơn vị có sự thay đổi thông tin (làm mất, hỏng...) giấy phép hoạt động in, để đảm bảo cơ sở in hoạt động đúng quy định của pháp luật, đơn vị làm đơn này đề nghị quý cơ quan xem xét cấp lại giấy phép hoạt động in cho cơ sở in theo các thông tin sau:

- Tên cơ sở in/chi nhánh: .....
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Điện thoại: ..... Email: .....
- Địa chỉ chi nhánh (nếu có): .....
- Điện thoại:..... Email: .....
- Họ tên người đứng đầu cơ sở in/chi nhánh: ..... Căn cước công dân: Số ... ngày..... tháng ... năm ..... nơi cấp hoặc số định danh cá nhân: .....
- Chức vụ: .....
- Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in (nếu có): .....
- Nội dung đề nghị được cấp phép hoạt động chế bản/in/gia công sau in: .....<sup>4</sup>
- Mục đích hoạt động:.....<sup>5</sup>

Đơn vị gửi kèm theo đơn này các tài liệu liên quan đến thay đổi thông tin giấy phép hoạt động in theo quy định của pháp luật./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan cấp giấy phép.

<sup>2</sup> Ghi tên cơ sở in đề nghị cấp phép. Trường hợp cơ sở in không có pháp nhân thì ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp.

<sup>3</sup> Chỉ ghi số, ngày, tháng, năm, nơi cấp của quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp công lập.

<sup>4</sup> Ghi tên từng loại sản phẩm in đề nghị cấp giấy phép (Ví dụ: Báo, tạp chí và các ấn phẩm báo chí khác; tem chống giả...).

<sup>5</sup> Ghi rõ là kinh doanh hoặc không kinh doanh (phục vụ nội bộ).

## **8. Thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động in**

### ***a) Trình tự thực hiện:***

- Trước khi hoạt động, cơ sở in thực hiện chế bản, in, gia công sau in sản phẩm không thuộc đối tượng phải có giấy phép hoạt động in thì phải nộp hồ sơ đăng ký hoạt động in đến cơ quan quản lý về hoạt động in ở địa phương (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký của cơ sở in, cơ quan quản lý về hoạt động in ở địa phương có trách nhiệm xác nhận đăng ký; trường hợp không xác nhận đăng ký phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ: Tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in (Mẫu số 08 ban hành tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 72/2022/NĐ-CP).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

***d) Thời hạn giải quyết:*** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

***e) Đối tượng thực hiện TTHC:*** Tổ chức

***g) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao.

***h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:*** Giấy xác nhận đăng ký hoạt động in

***i) Phí, lệ phí:*** Không có

***k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Tờ khai đăng ký hoạt động in (Mẫu số 08 ban hành tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ).

### ***l) Yêu cầu, điều kiện:***

Đối với cơ sở in thực hiện chế bản, in, gia công sau in các sản phẩm gồm: Mẫu, biểu mẫu giấy tờ do cơ quan nhà nước ban hành; hóa đơn tài chính, các loại thẻ, giấy tờ có sẵn mệnh giá hoặc dùng để ghi mệnh giá (không bao gồm tiền) phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Có thiết bị phù hợp để thực hiện một hoặc nhiều công đoạn chế bản, in, gia công sau in theo nhu cầu, khả năng hoạt động của cơ sở in và đúng với tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in;

- Có mặt bằng hợp pháp để thực hiện chế bản, in, gia công sau in;

- Có chủ sở hữu là tổ chức (cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có chủ sở hữu là công dân Việt Nam) hoặc cá nhân là công dân Việt Nam; có người đứng đầu là công dân Việt Nam, thường trú hợp pháp tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

***m) Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/2/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;



--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

- Số, ngày, tháng, năm, nơi cấp giấy tờ về địa điểm, mặt bằng sản xuất:

.....<sup>4</sup>

Chúng tôi cam kết tính chính xác nội dung đăng ký trên đây và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hoạt động in./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

---

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan xác nhận đăng ký.

<sup>2</sup> Ghi tên từng loại sản phẩm in đăng ký (Ví dụ: Bao bì, nhãn hàng hóa...).

<sup>3</sup> Ghi rõ là kinh doanh hoặc không kinh doanh (phục vụ nội bộ).

<sup>4</sup> Ghi số, ngày, tháng, năm, nơi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng hoặc các loại giấy tờ khác chứng minh về việc được giao đất, thuê đất, thuê mặt bằng, nhà xưởng.

## **9. Thủ tục xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in**

### ***a) Trình tự thực hiện:***

- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày có một trong các thay đổi về thông tin đã được xác nhận, cơ sở in phải gửi hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in theo quy định đến cơ quan quản lý về hoạt động in ở địa phương (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao) để cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động in.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký hoạt động của cơ sở in, cơ quan quản lý về hoạt động in ở địa phương có trách nhiệm xác nhận đăng ký và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia để quản lý; trường hợp không xác nhận đăng ký phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ khai thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in (Mẫu số 09 ban hành tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 72/2022/NĐ-CP)

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

***d) Thời hạn giải quyết:*** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

***e) Đối tượng thực hiện TTHC:*** Tổ chức

***g) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao.

***h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:*** Giấy xác nhận đăng ký hoạt động in

***i) Phí, lệ phí:*** Không có

***k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Tờ khai thay đổi thông tin đăng ký đăng ký hoạt động cơ sở in (Mẫu số 09 ban hành tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ).

***l) Yêu cầu, điều kiện:*** Không có

### ***m) Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

- Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/2/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;



--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

## II. NỘI DUNG THÔNG TIN THAY ĐỔI (KHAI BÁO LẠI)<sup>3</sup>

- Tên cơ sở in/chi nhánh: .....
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Điện thoại:..... Email: .....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc mã số doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp số ..... ngày .... tháng ..... nơi cấp .....
- Địa chỉ chi nhánh (nếu có): .....
- Điện thoại: ..... Email: .....
- Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số ..... ngày .... tháng ... năm ..... nơi cấp ..... hoặc số định danh cá nhân: .....
- Chức vụ: .....
- Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in (nếu có): .....
- Nội dung đăng ký hoạt động chế bản/in/gia công sau in: .....
- Mục đích hoạt động: .....
- Danh mục thiết bị in (Chế bản, in, gia công sau in)

STT	Tên thiết bị (Ghi tiếng Việt và theo công nghệ)	Hãng sản xuất	Model	Số định danh thiết bị (Số máy)	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng (chiếc)	Chất lượng (Mới 100% hoặc đã qua sử dụng tại thời điểm đầu tư)	Tính năng sử dụng (chế bản, in, gia công sau in)	Số, ngày, tháng, năm của Hóa đơn mua thiết bị

Cơ sở in cam kết tính chính xác nội dung đăng ký trên đây và chấp hành đúng quy định của pháp luật về hoạt động in./.

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

<sup>1</sup> Ghi tên cơ quan xác nhận đăng ký.

<sup>2</sup> Ghi theo nội dung đã đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

<sup>3</sup> Ghi nội dung thông tin thay đổi so với lần đăng ký trước.



## **10. Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh**

### ***a) Trình tự thực hiện:***

- Cơ quan, tổ chức và cá nhân Việt Nam, cá nhân nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản (gọi tắt là Sở) nơi đặt trụ sở hoặc nơi có cửa khẩu mà xuất bản phẩm được nhập khẩu.

- Cơ quan, tổ chức ở trung ương, tổ chức nước ngoài có trụ sở tại thành phố Hà Nội gửi hồ sơ đến Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở phải cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh (Mẫu số 29 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT);

(2) Danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh (Mẫu số 30 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

***d) Thời hạn giải quyết:*** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

***e) Đối tượng thực hiện TTHC:*** Cơ quan/Tổ chức/Cá nhân

***g) Cơ quan thực hiện TTHC:*** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao.

***h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:*** Giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh

***i) Phí, lệ phí:*** 50.000 đồng/hồ sơ (Theo quy định tại Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

***k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh (Mẫu số 29); Danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh (Mẫu số 30). (Các mẫu trên ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

***l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không có

### ***m) Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh và lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh;

- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;

- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)  
TÊN TC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Số:...../..... (nếu có)

....., ngày..... tháng..... năm.....

### ĐƠN ĐỀ NGHỊ

#### Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh

Kính gửi: .....<sup>(1)</sup>

- Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép:.....

- Trụ sở (địa chỉ): .....Số điện thoại: .....

- Căn cứ vào nhu cầu sử dụng xuất bản phẩm nước ngoài, .....

(ghi tên tổ chức, cá nhân) đề nghị được cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm, gồm:

1. Tổng số tên xuất bản phẩm: .....

2. Tổng số bản: .....

3. Tổng số băng, đĩa, cassette: .....

4. Từ nước (xuất xứ): .....

5. Tên nhà cung cấp/Nhà xuất bản: .....

6. Cửa khẩu nhập: .....

Kèm theo đơn này là 03 bản danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu (Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến thủ tục này trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì gửi kèm theo file danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu trên Cổng thông tin một cửa quốc gia).

Tổ chức/cá nhân...xin cam kết thực hiện đúng các quy định của Luật Xuất bản, Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành, Sở .....xem xét, cấp giấy phép./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP  
LUẬT**

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

(1) Ghi tên cơ quan tiếp nhận đơn như sau:

- Đối với cơ quan, tổ chức ở Trung ương, tổ chức nước ngoài có trụ sở tại thành phố Hà Nội đứng tên trên đơn đề nghị thì ghi Cục Xuất bản, In và Phát hành hoặc Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội;

- Đối với cơ quan, tổ chức khác và cá nhân Việt Nam, cá nhân nước ngoài đứng tên trên đơn đề nghị thì ghi Sở nơi đặt trụ sở hoặc nơi có cửa khẩu mà xuất bản phẩm được nhập khẩu.

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)  
TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm .....

**DANH MỤC XUẤT BẢN PHẨM NHẬP KHẨU KHÔNG KINH DOANH**

(Kèm theo Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh, ngày..... tháng..... năm.....)

**I- PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU**

STT	Mã ISBN	Tên gốc của XBP	Tên xuất bản phẩm bằng tiếng Việt	Tác giả	Nhà xuất bản	Thể loại	Số bản	Tóm tắt nội dung	Có kèm theo			Phạm vi sử dụng	Hình thức khác của xuất bản phẩm
									Đĩa	Băng, cassette	Hình thức khác		
<b>Nhà cung cấp:.....</b>													
1													
...													
<b>Nhà cung cấp:.....</b>													
1													
...													
	<b>Tổng cộng:</b>												

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  
TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

**II- PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU<sup>(1)</sup>**

Danh mục xuất bản phẩm trên đây được Cục Xuất bản, In và Phát hành/ Sở... cấp Giấy phép nhập khẩu số...../ ngày.....tháng.....năm.....

(1) Danh mục phải được Cục Xuất bản, In và Phát hành/Sở đóng dấu giáp lai với Giấy phép nhập khẩu. Nếu cơ sở nhập khẩu đăng ký Danh mục trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì không cần đóng dấu giáp lai của Cục Xuất bản, In và Phát hành/ Sở.

## **11. Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Việc tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm tại Việt Nam của cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài phải được cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản cấp giấy phép.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc cư trú tại địa phương; chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức ở trung ương đặt tại địa phương gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản (gọi tắt là Sở).

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở phải cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức triển lãm/hội chợ xuất bản phẩm (trong đó ghi rõ mục đích, thời gian, địa điểm và tên các đơn vị tham gia triển lãm, hội chợ) (Mẫu số 32 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT);

(2) Danh mục xuất bản phẩm để triển lãm, hội chợ theo mẫu quy định (Mẫu số 33 Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**e) Đối tượng thực hiện TTHC:** Cơ quan/Tổ chức/Cá nhân

**g) Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao.

**h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép tổ chức triển lãm/ hội chợ xuất bản phẩm

**i) Phí, lệ phí:** Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức triển lãm/hội chợ xuất bản phẩm (Mẫu số 32); Danh mục xuất bản phẩm để triển lãm/hội chợ (Mẫu số 33). (Các mẫu trên ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

***m) Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;
- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;
- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;
- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)...  
 TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../ ..... (nếu có)

....., ngày..... tháng..... năm.....

### **ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

#### **Cấp giấy phép tổ chức triển lãm/hội chợ xuất bản phẩm**

Kính gửi: ..... (1)

Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:.....

Trụ sở (địa chỉ):..... Số điện thoại: .....

Căn cứ quy định pháp luật hiện hành về tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm, đề nghị Sở xem xét, cấp giấy phép tổ chức triển lãm/hội chợ xuất bản phẩm với các thông tin sau đây:

- Mục đích triển lãm/hội chợ.....

.....

- Thời gian từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

- Tại địa điểm: .....

Kèm theo đơn này:

- Danh mục xuất bản phẩm để triển lãm/hội chợ;

- Danh sách các đơn vị tham gia.

*(Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến thủ tục này trên Cổng Dịch vụ công quốc gia thì gửi kèm file danh mục xuất bản phẩm để triển lãm, hội chợ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia).*

Tên tổ chức/cá nhân đề nghị ..... cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật về triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm và các quy định pháp luật có liên quan.

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**

*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số  
 của cơ quan, tổ chức)*

<sup>(1)</sup> Ghi tên cơ quan tiếp nhận đơn như sau:

- Cơ quan, tổ chức ở Trung ương; cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi hồ sơ đến Cục Xuất bản, In và Phát hành - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc cư trú tại địa phương và chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức ở Trung ương đặt tại địa phương gửi hồ sơ đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao (nơi tổ chức triển lãm, hội chợ).

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)...  
**TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ...**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**DANH MỤC XUẤT BẢN PHẨM ĐỂ TRIỂN LÃM/HỘI CHỢ**

(Kèm theo Đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm, ngày.... tháng.... năm.....)

**I- PHÂN GHI CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

STT	Tên xuất bản phẩm	Tác giả	Nhà xuất bản	Số lượng (bản)	Thể loại	Tóm tắt nội dung	Có kèm theo			Hình thức khác của xuất bản phẩm
							Đĩa (CD, VCD)	Băng video	Băng cassette	
1										
2										
...										
	<b>Tổng cộng:</b>									

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  
 TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

**II- PHÂN GHI CỦA CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP**

Xuất bản phẩm trên đây được sử dụng để triển lãm, hội chợ theo Giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm số:...../.....ngày.....tháng..... năm..... Cục Xuất bản, In và Phát hành/Sở



## **12. Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Trước khi hoạt động 15 ngày, cơ sở phát hành xuất bản phẩm là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là cơ sở phát hành) có trụ sở chính và chi nhánh tại cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản (gọi tắt là Sở).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở phải cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm; trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động xuất bản phẩm phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị đăng ký/đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm (Mẫu số 35 ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT);

(2) Bản sao giấy tờ sở hữu trụ sở hoặc hợp đồng thuê, mượn trụ sở để làm địa điểm kinh doanh;

(3) Bản sao giấy tờ chứng minh được phép thường trú tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho người đứng đầu cơ sở phát hành có quốc tịch nước ngoài;

(4) Bản sao văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ về phát hành xuất bản phẩm của người đứng đầu cơ sở phát hành do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành phát hành xuất bản phẩm cấp.

Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến, thành phần hồ sơ quy định tại mục (2), (3), (4) là bản sao chứng thực điện tử.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ), (trừ trường hợp khi đã hoàn thành việc liên thông cơ sở dữ liệu chuyên ngành giữa các bộ, ngành, địa phương, cơ sở phát hành xuất bản phẩm không phải nộp thành phần hồ sơ quy định tại mục (2), (3), (4)).

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**e) Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức/Doanh nghiệp (cơ sở phát hành có trụ sở chính và chi nhánh tại cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

**g) Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao.

**h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm

**i) Phí, lệ phí:** Không có.

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị đăng ký/đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm (Mẫu số 35 ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

**l) Yêu cầu, điều kiện:**

Điều kiện hoạt động phát hành xuất bản phẩm đối với cơ sở phát hành là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập:

(1) Người đứng đầu cơ sở phát hành phải thường trú tại Việt Nam; có văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ về phát hành xuất bản phẩm do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành phát hành xuất bản phẩm cấp;

(2) Có một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật;

(3) Có địa điểm kinh doanh xuất bản phẩm.

**m) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;

- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÊN CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....(nếu có) ..... , ngày ..... tháng ..... năm .....

### **ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

#### **Đăng ký/Đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm**

Kính gửi: ..... (1)

Tên cơ sở phát hành: .....

Tên người đứng đầu:.....Quốc tịch:.....

Căn cước công dân/ hộ chiếu số....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cấp:.....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: .....

E-mail: .....

Website (nếu có):.....

Mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế.....

Chi nhánh:

- Số lượng chi nhánh: .....

- Địa chỉ, số điện thoại từng chi nhánh: .....

Địa điểm kinh doanh:

- Số lượng địa điểm: .....

- Địa chỉ, số điện thoại từng địa điểm: .....

Căn cứ Luật Xuất bản năm 2012 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, đơn vị chúng tôi gửi đến quý cơ quan hồ sơ đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (lần đầu /đăng ký lại). Kèm theo đơn này là các giấy tờ theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi cam kết đảm bảo đầy đủ các điều kiện và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về hoạt động phát hành xuất bản phẩm. Đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành/ Sở xem xét xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm./.

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/

chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

(1) - Cơ sở phát hành có trụ sở chính và chi nhánh tại hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên gửi hồ sơ đến Cục Xuất bản, In và Phát hành;

- Cơ sở phát hành có trụ sở chính và chi nhánh tại cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi hồ sơ đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao sở tại.

### **13. Thủ tục Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm**

#### ***a) Trình tự thực hiện:***

- Chậm nhất 10 ngày, kể từ ngày có một trong các thay đổi: Di chuyển trụ sở chính hoặc chi nhánh sang tỉnh, thành phố khác trực thuộc Trung ương; Thành lập hoặc giải thể chi nhánh trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chính; Thành lập hoặc giải thể chi nhánh tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi không đặt trụ sở chính; Giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm bị mất, bị hư hỏng, cơ sở phát hành xuất bản phẩm là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là cơ sở phát hành) có trụ sở chính và chi nhánh tại cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản (gọi tắt là Sở).

- Khi có một hoặc nhiều thay đổi quy định như trên, cơ sở phát hành xuất bản phẩm phải gửi văn bản thông báo đến Sở; trường hợp cơ sở phát hành xuất bản phẩm có văn bản đề nghị cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm, Sở tiếp nhận hồ sơ và giải quyết theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 17 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở phải cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm; trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động xuất bản phẩm phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

***b) Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

#### ***c) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị đăng ký/đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm (Mẫu số 35 ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT);

(2) Bản sao giấy tờ sở hữu trụ sở hoặc hợp đồng thuê, mượn trụ sở để làm địa điểm kinh doanh;

(3) Bản sao giấy tờ chứng minh được phép thường trú tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho người đứng đầu cơ sở phát hành có quốc tịch nước ngoài;

(4) Bản sao văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ về phát hành xuất bản phẩm của người đứng đầu cơ sở phát hành do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành phát hành xuất bản phẩm cấp.

Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến, thành phần hồ sơ quy định tại mục (2), (3), (4) là bản sao chứng thực điện tử.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ), (trừ trường hợp khi đã hoàn thành việc liên thông cơ sở dữ liệu chuyên ngành giữa các bộ, ngành, địa phương, cơ sở phát hành xuất bản phẩm không phải nộp thành phần hồ sơ quy định tại mục (2), (3), (4)).

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**e) Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức/ Doanh nghiệp (cơ sở phát hành có trụ sở chính và chi nhánh tại cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

**g) Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao.

**h) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy xác nhận đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm

**i) Phí, lệ phí:** Không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị đăng ký/đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm (Mẫu số 35 ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

**l) Yêu cầu, điều kiện:** Không có

**m) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;

- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**TÊN CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....(nếu có) ..... , ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Đăng ký/Đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm**

Kính gửi: ..... (1)

Tên cơ sở phát hành: .....

Tên người đứng đầu:.....Quốc tịch:.....

Căn cước công dân/ hộ chiếu số....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cấp:.....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: .....

E-mail: .....

Website (nếu có):.....

Mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế.....

Chi nhánh:

- Số lượng chi nhánh: .....

- Địa chỉ, số điện thoại từng chi nhánh: .....

Địa điểm kinh doanh:

- Số lượng địa điểm: .....

- Địa chỉ, số điện thoại từng địa điểm: .....

Căn cứ Luật Xuất bản năm 2012 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, đơn vị chúng tôi gửi đến quý cơ quan hồ sơ đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (lần đầu /đăng ký lại). Kèm theo đơn này là các giấy tờ theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi cam kết đảm bảo đầy đủ các điều kiện và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về hoạt động phát hành xuất bản phẩm. Đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành/ Sở xem xét xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/  
 chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

(1) - Cơ sở phát hành có trụ sở chính và chi nhánh tại hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên gửi hồ sơ đến Cục Xuất bản, In và Phát hành;

- Cơ sở phát hành có trụ sở chính và chi nhánh tại cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi hồ sơ đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao sở tại.

**Phụ lục 4**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVHTTDL ngày tháng 3 năm 2025  
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

<b>STT</b>	<b>Mã số TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
<b>I</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG</b>		
1.	1.002779	Trung bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài	Cục TTCS và TTĐN

<b>STT</b>	<b>Mã số TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
<b>II</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>		
1.	1.003888	Trung bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương)	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

## PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

### I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

#### 1. Thủ tục trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài

##### a) *Trình tự thực hiện*

- Cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam có nhu cầu trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác tại bên ngoài trụ sở của cơ quan, tổ chức mình tại Hà Nội gửi 01 bộ hồ sơ đến Cục Thông tin cơ sở và Thông tin đối ngoại, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Đối với cơ quan đại diện nước ngoài, đơn đề nghị gửi Bộ Ngoại giao để thông báo.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, cơ quan tiếp nhận có ý kiến trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận bằng văn bản.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

##### c) *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị theo mẫu số 06/BTTTT ban hành kèm Thông tư số 04/2014/TT-BTTTT ngày 19/3/2014.

(2) Nội dung thông tin, tranh, ảnh dự kiến trưng bày.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VH TTDL (Cục Thông tin cơ sở và Thông tin đối ngoại).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (theo mẫu 06/BTTTT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BTTTT).

**h) Kết quả thực hiện:** Văn bản chấp thuận.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

##### l) *Căn cứ pháp lý:*

- Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 04/2014/TT-BTTTT ngày 19/3/2014 Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 của Chính phủ về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.



TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

-----

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRƯNG BÀY TRANH, ẢNH VÀ  
CÁC HÌNH THỨC THÔNG TIN KHÁC BÊN NGOÀI TRỤ SỞ  
CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC NGOÀI, TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: .....

**1. Tên cơ quan, tổ chức đề nghị trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác:**

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Website:

Email:

**Đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo:**

Giấy phép/Quyết định thành lập số:

Cấp ngày:

Cơ quan cấp giấy phép:

Số đăng ký kinh doanh (nếu có):

**2. Người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức là người chịu trách nhiệm trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác:**

Họ và tên:

Quốc tịch:

Chức danh:

Số CMND (hoặc hộ chiếu):

Nơi cấp:

**3. Nội dung tin, tranh, ảnh trưng bày (ghi cụ thể kích thước):**

**4. Hình thức trưng bày:**

**5. Mục đích trưng bày:**

**6. Địa điểm trưng bày:**

Chúng tôi cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam.

**Người đại diện theo pháp luật  
của cơ quan, tổ chức  
(Ký tên, đóng dấu)**

## II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

### 1. Thủ tục trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương)

#### a) *Trình tự thực hiện*

- Cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam có nhu cầu trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở của cơ quan, tổ chức mình gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Đối với cơ quan đại diện nước ngoài, đơn đề nghị gửi Bộ Ngoại giao để thông báo.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

#### c) *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị theo mẫu số 06/BTTTT ban hành kèm Thông tư số 04/2014/TT-BTTTT ngày 19/3/2014.

(2) Nội dung thông tin, tranh, ảnh dự kiến trưng bày.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (theo mẫu 06/BTTTT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BTTTT).

**h) Kết quả thực hiện:** Văn bản chấp thuận.

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

#### l) *Căn cứ pháp lý:*

- Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 04/2014/TT-BTTTT ngày 19/3/2014 Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 của Chính phủ về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

-----

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRUNG BÀY TRANH, ẢNH VÀ  
CÁC HÌNH THỨC THÔNG TIN KHÁC BÊN NGOÀI TRỤ SỞ  
CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC NGOÀI, TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: .....

**1. Tên cơ quan, tổ chức đề nghị trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác:**

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Website:

Email:

**Đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo:**

Giấy phép/Quyết định thành lập số:

Cấp ngày:

Cơ quan cấp giấy phép:

Số đăng ký kinh doanh (nếu có):

**2. Người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức là người chịu trách nhiệm trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác:**

Họ và tên:

Quốc tịch:

Chức danh:

Số CMND (hoặc hộ chiếu):

Nơi cấp:

**3. Nội dung tin, tranh, ảnh trưng bày (ghi cụ thể kích thước):**

**4. Hình thức trưng bày:**

**5. Mục đích trưng bày:**

**6. Địa điểm trưng bày:**

Chúng tôi cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam.

**Người đại diện theo pháp luật  
của cơ quan, tổ chức  
(Ký tên, đóng dấu)**

**Phụ lục 5**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC XUẤT KHẨU HÀNG HÓA**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVHTTDL ngày tháng 3 năm 2025  
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
<b>I</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG</b>		
1.	1.008883	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu trong lĩnh vực báo chí, xuất bản	Cục Báo chí, Cục Xuất bản, In và Phát hành
2.	1.008884	Sửa đổi, bổ sung/cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu trong lĩnh vực báo chí, xuất bản	Cục Báo chí, Cục Xuất bản, In và Phát hành

## PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

### I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

#### 1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu trong lĩnh vực báo chí, xuất bản

##### a) *Trình tự thực hiện*

- Thương nhân lập hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu trong các lĩnh vực báo chí, xuất bản gửi đến cơ quan giải quyết hồ sơ cấp CFS thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL), cụ thể như sau:

+ Đối với sản phẩm báo chí, gửi Cục Báo chí.

+ Đối với sản phẩm xuất bản phẩm, gửi Cục Xuất bản, In và Phát hành.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan giải quyết hồ sơ cấp CFS thông báo để thương nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Thời hạn cấp CFS không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày thương nhân nộp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. Trường hợp không cấp CFS, Bộ VHTTDL có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Bộ VHTTDL có thể tiến hành kiểm tra tại nơi sản xuất trường hợp nhận thấy việc kiểm tra trên hồ sơ là chưa đủ căn cứ để cấp CFS hoặc phát hiện có dấu hiệu vi phạm quy định đối với CFS đã cấp trước đó.

- Số lượng CFS được cấp cho hàng hóa theo yêu cầu của thương nhân.

**b) *Cách thức thực hiện:*** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

##### c) *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu theo Phụ lục I Thông tư số 21/2020/TT-BTTTT).

(2) Bản sao giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

(3) Danh mục các cơ sở sản xuất (nếu có), bao gồm tên, địa chỉ của cơ sở, các mặt hàng sản xuất để xuất khẩu.

(4) Bản sao bản tiêu chuẩn công bố áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa kèm theo cách thể hiện (trên nhãn hàng hóa hoặc trên bao bì hàng hóa hoặc tài liệu kèm theo sản phẩm, hàng hóa).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) *Thời hạn giải quyết:*** 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ.

**đ) *Đối tượng thực hiện:*** Thương nhân

**e) *Cơ quan thực hiện TTHC:*** Bộ VHTTDL (Cục Báo chí; Cục Xuất bản, In và Phát hành).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu theo Phụ lục I Thông tư số 21/2020/TT-BTTTT ngày 07/9/2020).

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS).

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Hàng hóa có tiêu chuẩn công bố áp dụng phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Thông tư số 21/2020/TT-BTTTT ngày 07/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với hàng hóa trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

## MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH TỰ DO

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**  
**MINISTRY OF CULTURE, SPORTS AND TOURISM**

Địa chỉ: 51 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
 Address: 51 Ngo Quyen str., Hoan Kiem dist., Hanoi  
 Website: <http://www.bvhttdl.gov.vn>

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH TỰ DO**  
**APPLICATION FOR CERTIFICATE OF FREE SALE (CFS)**

**Phần 1** Thông tin thương nhân**Section 1** Firm/company/manufacturer's Information

Tên thương nhân <i>Name of the firm/company/manufacturer</i>	Mã số thương nhân <i>Firm/company/manufacturer code</i>
Địa chỉ <i>Street Address</i>	Điện thoại/fax <i>Contact Number</i> (      )
	Thư điện tử (bắt buộc) <i>Email address (required)</i>

**Phần 2** Thông tin hàng hóa xuất khẩu đề nghị cấp CFS**Section 2** Product Information

STT N <sup>o</sup>	Tên, mô tả hàng hóa ( <i>Name, description of products</i> )	Số chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm hoặc Số đăng ký (Product standard certificate number or registration number)	Số hiệu tiêu chuẩn ( <i>Standard number</i> )	Thành phần, hàm lượng hoạt chất ( <i>Ingredients, active ingredient content</i> )	Số giấy tiếp nhận công bố hợp quy ( <i>conformity number</i> )	Mã số HS hàng hóa (HS code)
1						
2						
3						

**Phần 3** Cam kết của thương nhân**Section 3** Firm/company/manufacturer's declaration

Tôi xin cam kết những sản phẩm này tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn, chất lượng của Việt Nam.

*I declare that the kinds of products in this application comply with the standards and quality of Vietnam.*

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các thông tin nêu trên.

*I further declare that all information contained in this application form is true and correct as at the date of signing.*

Ngày ....., tháng ..... năm 20.....  
*[Date], [Month], 20.....*

Chữ ký của người được  
đại diện theo pháp luật  
*Signature of legal  
representative*

---

Họ và tên  
*Full name*

---

Chức danh, vị trí việc làm  
*Your Position/title/office*



## **2. Thủ tục sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu trong lĩnh vực báo chí, xuất bản**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Trường hợp CFS có sai sót/mất, thất lạc hoặc bị hỏng, thương nhân lập hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung/cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu trong các lĩnh vực báo chí, xuất bản gửi đến cơ quan giải quyết hồ sơ cấp CFS thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL), cụ thể như sau:

+ Đối với sản phẩm báo chí, gửi Cục Báo chí.

+ Đối với sản phẩm xuất bản phẩm, gửi Cục Xuất bản, In và Phát hành.

- Thời hạn thực hiện sửa đổi, bổ sung/cấp lại CFS không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày thương nhân gửi hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung/cấp lại CFS đối với hàng hóa trong lĩnh vực báo chí, xuất bản đầy đủ, đúng quy định.

- Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung/cấp lại CFS, Bộ VHTTDL có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (Phụ lục II, ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BTTTT ngày 07/9/2020)

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ.

**đ) Đối tượng thực hiện:** Thương nhân

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Bộ VHTTDL (Cục Báo chí; Cục Xuất bản, In và Phát hành).

**g) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (Phụ lục II, ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BTTTT ngày 07/9/2020).

**h) Kết quả thực hiện:** Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS).

**i) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

### **l) Căn cứ pháp lý:**

- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Thông tư số 21/2020/TT-BTTTT ngày 07/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với hàng hóa trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

## MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH TỰ DO

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**  
**MINISTRY OF CULTURE, SPORTS AND TOURISM**

Địa chỉ: 51 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
 Address: 51 Ngo Quyen str., Hoan Kiem dist., Hanoi  
 Website: <http://www.bvhttdl.gov.vn>

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG / CẤP LẠI**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH TỰ DO**  
**REQUEST TO REISSUE CERTIFICATE OF FREE SALE (CFS)**

**Phần 1** Thông tin thương nhân

**Section 1** Firm/company/matrix manufacturer's Information

Tên thương nhân <i>Name of the firm/company/matrix manufacturer</i>	Mã số thương nhân <i>Firm/company/matrix manufacturer code</i>
Địa chỉ <i>Street Address</i>	Điện thoại/fax <i>Contact Number</i> (     )
	Thư điện tử (bắt buộc) <i>Email address (required)</i>

Để đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu, [Tên thương nhân] đề nghị sửa đổi, bổ sung / cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với các hàng hóa như sau:

*To meet the requirements of the importing country, [firm/company/matrix manufacturer] requests to reissue CFS for the following products:*

**Phần 2** Thông tin hàng hóa xuất khẩu đề nghị sửa đổi, bổ sung / cấp lại CFS

**Section 2** Product Information

STT <i>Nº</i>	Tên, mô tả hàng hóa <i>(Name, description of products)</i>	Mã số HS hàng hóa ( <i>HS code</i> )	Số và ngày cấp của CFS gốc <i>(CFS number and date issued)</i>
1			
2			
3			

Lý do: (Đánh dấu × vào ô tương ứng)

Reason: (Mark × in the corresponding box)

Mất, thất lạc (*lost*)       Hỏng (*damaged*)       Có sai sót (*errors*)

**Phần 3**      Cam kết của thương nhân

**Section 3**      *Firm/company/manufacturer's declaration*

Tôi xin cam kết những sản phẩm này tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn, chất lượng của Việt Nam.

*I declare that the kinds of products in this application comply with the standards and quality of Vietnam.*

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các thông tin nêu trên.

*I further declare that all information contained in this application form is true and correct as at the date of signing.*

Ngày ....., tháng ..... năm 20.....  
*[Date], [Month], 20.....*

Chữ ký của người đại  
diện theo pháp luật  
*Signature of legal  
representative*

---

Họ và tên  
*Full name*

---

Chức danh, vị trí việc làm  
*Your Position/title/office*